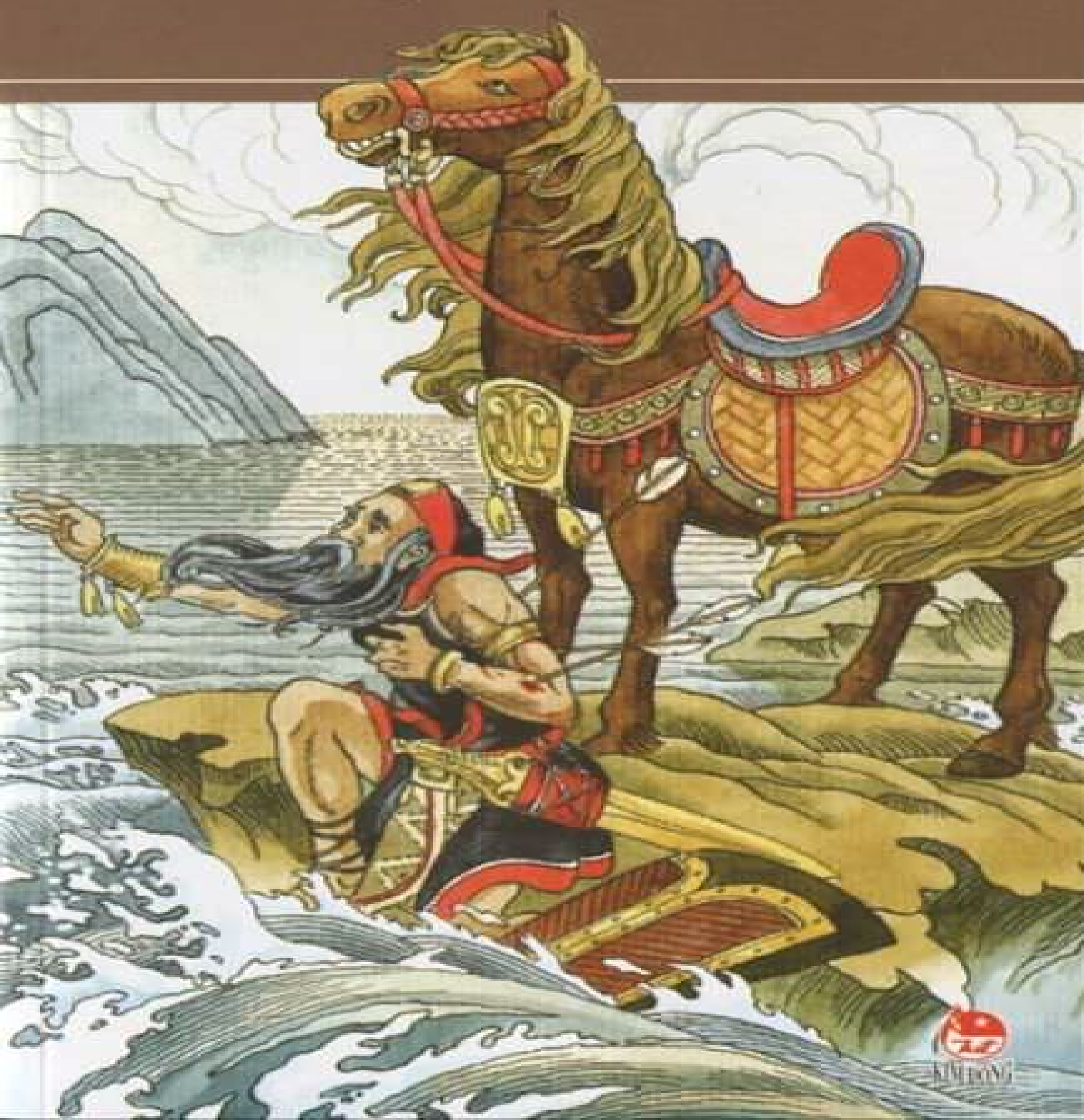


Tô Hoài

CHUYỆN NỎ THẦN



TÔ HOÀI

CHUYỆN NỎ THẦN

Tiểu thuyết lịch sử

Nguồn: www.doitynan.com

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

I

Vương họ Lý, tên Ông Trọng, người Từ Liêm. Thân dài hai trượng ba thước. Khí chất thẳng thắn, dũng mãnh khác thường. Lý Tế Xuyên (Việt Điện U Linh) Cuối đời Hùng Vương có người xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, đất Giao Chỉ, họ Lý tên Thân. Sinh ra rất to lớn, cao hai trượng ba thước. Tần Thủy Hoàng muốn cất quân đánh ta. Vua Hùng bèn đem Lý Thân tiến nhà Tần. Thủy Hoàng mừng lắm, phong làm chức Tư lệnh hiệu Úy. Đến khi Thủy Hoàng thôn tính thiên hạ, Lý Thân có công, được Thủy Hoàng sai giữ Lâm Thao ở Trường Thành, uy danh vang dội đến Hung Nô. Sau, tuổi già, Lý Thân về nước, Hung Nô lại sang xâm phạm cửa ải. Thủy Hoàng nhớ Lý Thân, sai người sang triệu. Lý Thân không chịu đi, trốn vào rừng núi. Bấy giờ, An Dương Vương nói dối vua Tần là Lý đã chết. Thủy Hoàng đúc tượng đồng Lý Thân, đặt hiệu là Ông Trọng, dựng ở cửa Tư Mã, kinh đô Hàm Dương. Trong bụng tượng chứa được mấy chục người. Mỗi khi có sứ giả bốn phương đến, vua Tần ngăm sai người chui vào bụng tượng, lay cho tượng cử động. Người Hung Nô trông thấy, sợ lắm, tưởng quan Tư lệnh hiệu Úy Lý Ông Trọng còn sống, không dám động tới cửa ải.

Vũ Quỳnh và Kiều Phú (Lĩnh Nam Chích quái)

* * *

Hai con voi thành linh nhô lên giữa làn nước đỏ xuộm trước lưỡi cát mỏng đầu bến. Nước nhỉnh nhoáng như trát bùn đen nhánh lên mình voi. Không trông rõ được hai người cỡi trần trùng trục, đen trũi, ngồi vắt vẻo trên lưng voi. Những ống chân voi đã nhấp nhô ngang mặt nước. Sóng sông ào ào xô vào theo. Đô Lỗ và Đô Nôi cưỡi voi qua sông chơi thăm cố Ông Trọng. Mới ít lâu không sang mà chỗ bến vào xóm nhà cố Ông Trọng, trông đã phong quang hẳn. Vừa như hôm nào, đưa Cao Lỗ ra bến, Ông Trọng

bảo:

“Rác rưởi quá! Rác rưởi quá! Chỗ người ở thì phải cơ ngơi ra hồn, không được hôi hám bề bộn hang cày cáo thế này”. Quả nhiên, hôm nay đã thấy đổi khác như lời Ông Trọng. Cả một vùng bãi khủyu sông Cái trước mặt, những cây gỗ mục mùa lũ trên ngược trôi về, năm này năm khác, đọng cao như gò. Bây giờ không còn vết tích đâu nữa. Phía trên mớ nước, chỉ thấy sum suê những bụi chuối lá, chuối mần -tàu dày như chiếc mo cau, xanh ngắt, kéo ngang thân xuống, che những buồng chuối lá gân guốc, những buồng chuối mần tròn mẫm. Quá vào trong, những bãi ngô, bãi dâu xanh rợn. Liên tiếp xa đến hút mắt vẫn chỉ một màu xanh xanh lẫn lộn những bãi khoai lang dây bò bề bộn như cỏ rối. Những dây lang nổi chằng chịt, lá khoai tốt như lá ráy. Phảng phất, phía bãi nào cũng nghe tiếng hát, tiếng kèn lá chuối trẻ con quần thối chơi

- Mà không trông thấy người.

Cả Đô Lỗ, Đô Nồi cùng tấm tắc trong bụng: “Cố già ngoài trăm tuổi rồi mà vẫn nói gì làm nấy được!” Đô Lỗ chỉ tay ra vùng bãi khoai lang trước mặt, bảo Đô Nồi:

- Cố già tài thật, mới hôm nào chỉ thấy quạ với điều hâu đậu từng đám trên đồng gỗ mục, bây giờ đã xanh rờn thế kia.

Cố Ông Trọng thọ ngoài trăm tuổi rồi. Mỗi năm, Ông Trọng lại cầm cái mũi lao đồng gạch một vạch đánh dấu tuổi vào chiếc mai rùa ở góc nhà. Thật ra, cả Đô Nồi, Đô Lỗ cũng chưa thể đứng hàng bạn vong niên của ông cố. Mà mới chỉ vào hàng cháu chắt chút Ông Trọng. Từ lúc còn bé, hai đô đã nghe người già kể ngày xưa vùng ta có một tay võ một mình đấu ngã hàng trăm người, đi đường gặp sông thì nhảy qua sông, gặp gò đồng nhảy qua gò đồng. Hai tay xách hai cái cối đá, lẳng một cái, vỡ đầu cả hai con hổ về làng rình bắt lợn. Năm Đô Lỗ ngoài hai mươi tuổi, nghe tin Ông Trọng ở xa về, Đô Lỗ thường đến thăm mừng. Có khi rủ Đô Nồi cùng đi. Ông Trọng hay cùng hai chàng trai trẻ ấy bàn bạc, thật hợp chuyện. Đôi khi lại thử sức võ, tập vật, đánh roi. Trong câu chuyện, trong mọi cách ăn ở, xử sự và tài

nghe, Ông Trọng hợp tính và quý hai người lắm. Ông Trọng thường khoe với khách đến chơi:

“Người được như Đô Nôi, Đô Lỗ không phải thiên hạ sẵn có đâu”.

Lần đầu tiên ấy, Đô Lỗ đến lạy mừng Ông Trọng. Đô Lỗ cũng như bao người các cỗi, cũng như mọi người làng, cả cháu chắt cũng không ai biết mặt Ông Trọng. Nhưng tiếng tài Ông Trọng thì cồn như sóng cả bể Đông. Đâu đâu cũng thành câu chuyện kể đất nước ta có ông tướng đi trấn giữ Trường Thành nước Tần. Ông tướng trấn Trường Thành nước Tần nay đã về quê. Các vùng đồng bãi hai bên sông Cái đồn dậy lên, người người nô nức đến. Rồi tận các cỗi Lục Hải, Ninh Hải, Chu Diên, Cửu Chân cũng trảy hội về... Đô Lỗ ở Vũ Ninh về đến bên kia sông, rồi ngồi nan sang. Từ bến lên, tấp nập đến lạ lùng. Người đánh trâu. Người khiêng lợn. Người gánh rượu. Có người vác ngược cả buồng chuối mấn chín vàng rộm. Vào đến trong xóm, càng rậm rịch. Người các nơi đến mừng Ông Trọng phải làm rạp trú ra tận ngoài bãi. Tiếng cồng sôi như nước vỡ. Ai cũng mừng được vào lạy Cỗ Ông Trọng. Đô Lỗ bước vào, trông lên thấy một cụ già quắc thước. Tóc râu và lông mày bạc trắng. Cổ cao lớn khác hẳn mọi người, đến độ trông như không phải người thật. Cổ cời trần, da môi đỏ hắt. Hai hàm răng đen rúc, vẫn chưa rụng chiếc nào. Con mắt cổ sáng ngời, hầu như ai nhìn, gặp ánh mắt cổ, tự nhiên đã phải vòng tay, ý tứ vào khuôn phép. Đô Lỗ quỳ xuống, lắp bắp:

- Cháu là Cao Lỗ.

Ông Trọng cười ha hả:

- A, cháu là Đô Lỗ bên Vũ Ninh đấy à?

Đô Lỗ giật mình, kính phục đến chỉ biết đứng nép bên đầu gối Ông Trọng. Không còn nhớ mấy may nào về cái tiếng Đô Lỗ đã mấy năm nay một mình giữ giải vật đất Vũ Ninh. Nhặng đi, quên cả mình đương là tay đô đầu giải. Chỉ thấy ra như chú bé bi bô chơi bò quanh chân cụ cổ. Đô Lỗ ở lại với Ông Trọng mấy ngày, cứ quanh quẩn bên cụ như ông cháu. Ông

Trọng vui chuyện với Đô Lỗ, có khi nằm chuyện rỉ rả đến khuya. Nghe tiếng vạc đi ăn đêm đã về trong bờ tre, mới chột nhớ đã tảng sáng. Rồi Ông Trọng chỉ bảo cho Đô Lỗ những miếng vật nòi, và phép đánh roi, bắn nỏ. Đô Lỗ cảm thấy một nỗi sung sướng không biết đâu nào đong cho xiết nữa. Quả thực, Đô Lỗ đã nổi tiếng giỏi vật. Đô Lỗ đã nức danh đất Vũ Ninh, như Đô Nồi ở Hương Canh. Đô Lỗ thạo những miếng roi hiểm, Đô Lỗ lại biết cách bắt nỏ một máng ra một lúc năm mũi tên. Nhưng trước Ông Trọng, Đô Lỗ lại tưởng mình chỉ là đứa trẻ ngẩn ngơ. Chẳng phải chỉ là nghĩ thế, mà có điều thật như thế. Những miếng vật Ông Trọng dạy cho, thoát tưởng dễ, mà cực hóc hiểm. Người vật non chưa từng ngờ ra như thế bao giờ. Ông Trọng đã già lụ khụ. Thế mà khi Đô Lỗ vòng thử cho Ông Trọng ra miếng, tay Đô Lỗ đụng vào vóc mình cổ già, cứ như xiết vào cây gỗ lim, gỗ chò. Ghê thật. Một hôm, Đô Lỗ thưa với Ông Trọng:

- Cố ơi! Cháu xin rước cố sang Vũ Ninh chơi.

- Ủ , thế nào tao cũng phải đi chơi đối già. Nhưng mà từ đây sang Vũ Ninh...

Đô Lỗ lại nói:

- Xin cố đừng bận lo lắng đến chuyện đường xá. Cháu sẽ bắt một con voi về rước cố đi chơi.

Ông Trọng lại cả cười:

- Hay đấy! Hay! Ngày còn trẻ, còn ở nhà, tao đi bắt voi, chỉ mới sang cửa rừng bên kia sông đã gặp voi rồi. Bây giờ nghe nói voi ít ra ăn ven sông nữa, phải không?

- Trong chân núi vẫn còn nhiều.

- Ủ , bắt cho tao con voi. Đã bao năm nay chưa được ngồi lên bành voi. Bắt cho tao con voi.

Đầu mùa nắng, đâu đâu cũng nhộn nhịp mùa săn, vào tận trong rừng. Bấy giờ chưa có mấy mưa rào. Suối còn cạn mà trời đã oi. Voi ở rừng sâu

hay ra tụ uống nước ven suối. Từng đàn gấu, đàn nai kéo về quanh làng, ven sông, tìm ăn quả trám rụng. Suốt đêm, tiếng hươu giác gọi nhau, nghe phía nào cũng văng vẳng. Mấy hôm trước, có nắng, trên các đầu sàn nhà, đã thấy phơi từng đồng lù lù những cổ lưới. Rồi sáng sớm, nghe tiếng chó sủa những nhặng chạy theo người vác lưới đi rừng. Cả làng đeo ống cơm đi suốt ngày theo lưới vây bắt hươu, bắt gấu. Ngày nào cũng nghe lệnh chiêng và tiếng tù và đuổi thú vang động khắp các rừng. Những người hôm trước vác lưới vào rừng nhả về nói trông thấy có vết chân voi ra. Vết chân mới - trận mưa nhỏ đêm trước, nước đọng vũng trong những vòng gót to như những trôn dấu ấn xuống mặt đất. Đô Lỗ về Hương Canh, lại rủ Đô Nồi cùng đi săn voi. Mùa săn voi cũng là mùa hội săn. Cả đêm, người các xóm thui lợn, nướng cá vui chơi tiền phường săn. Nhiều người đến xin hợp phường cùng đi. Nhưng Đô Nồi bảo thôi. Chuyến này -không nói trước, sợ sai -trong ý định hai người chỉ định bắt một con voi rồi về. Hai người chỉ đem đôi voi nhà làm voi môi đi theo. Lần khác phường sẽ đi đông hơn. Mùa săn còn dài. Mọi thứ đã sắp sẵn. Đô Nồi và Đô Lỗ cười chung một con voi. Chú voi nhỡ lon ton theo sau, lưng chất các thứ vòng song, vòng mây hun, những cuộn da trâu bện thành thùng, những sào dài đầu buộc thông lọng, những bì cối gạo ngô cùng những ống bương chứa nước mưa, mấy bó tên, cánh nỏ, những chiếc giáo nhọn, móc câu...

Các đồ nghề và thức ăn cho người phường săn ở được dài ngày trong rừng thẳm. Nửa đêm ấy, voi và người âm thầm vào rừng Báng ngay đầu Hương Canh. Rồi liền mấy hôm, đi qua rừng Dừng, rừng Dó, đến tận rừng Búi Nhùi sát chân núi mới quay lại. Vẫn chưa gặp được dấu vết có voi về. Trời mưa từ chập tối. Những trận mưa rào đầu mùa. Tiếng mưa tiếng sấm vang như tiếng trống, tiếng cồng khua loạn từ lưng trời xuống bốn phía bóng tối quanh mình. Tiếng sét kéo theo ánh chớp xanh lẹt suốt mặt sông Cái. Những con nước bỗng ngút lên như bốc lửa. Tiếng sấm đuổi nhau từ vòng trời xuống đầu rừng rồi lại chạy xa đi tận đâu. Tiếng mưa sầm sập, rồi lác đác, sau chỉ còn thánh thót. Nước trên tàu chuối, tàu cọ rích xuống. Hai con voi với Đô Lỗ và Đô Nồi vẫn lặng lẽ đi trong mưa. Voi lù lù như bóng

đất nổi lên. Voi cứ đi, voi chưa đến đấy bao giờ mà như đã thuộc đường, lùi lui mãi vào trong. Voi dừng lại trước một tảng đá lớn. Đô Lỗ và Đô Nồi nhảy trên lưng voi xuống, trèo lên hốc đá. Bóng tối và bóng rừng phủ kín. Đây cũng là hai người phường sẵn đi ngủ. Tờ mờ sáng, tiếng vượn hú rín rít khắp vách đá giục nhau xuống rừng kiếm ăn sớm, Đô Lỗ và Đô Nồi đã khoác nỏ, đeo ống tên, lại cặp theo một bó lao. Hai người từ trong hốc tối lần ra ngoài. Để lại sau lưng hai con voi đứng im như tạc vào vách đá.

Hai người trèo lên cây giâu gia cao, bóng trùm cả một vùng xung quanh. Mặt đất mờ mờ. Rồi đến lúc sáng rõ hẳn. Trận mưa đêm qua đã quét dọn quang đãng cả. Vừa sáng, mặt trời lên. Các khe lá rậm rạp nhấp nháy như những vệt nắng mới. Đã trông rõ vết voi đi lẩn lối dưới gốc cây giâu gia. Lốt chân vẫn nguyên thành bàn cao cao như những cái thúng nhồi chồng lên nhau. Voi ăn đàn qua, thấy còn dấu vòi quăng nhổ cây, cây lộn xộn hai bên nghiêng ngả rạp xuống. Voi đi hay tìm kết đàn, cứ mỗi lúc đàn một to hơn. Đến rừng này mới vài con đi với nhau, vài hôm sau tới cánh rừng khác đã thêm hàng chục con, có khi hàng trăm, nghênh ngang khắp một vùng. Đàn voi rừng ăn ngoài kia đã đánh hơi được có voi lạ tới -hai con voi nhà đứng trong rừng sâu, thế nào cũng lần theo vết chân vào.

Sắp tới nơi, lốt chân voi nhà lẫn lốt chân voi rừng. Những con voi ngửi hơi đi tìm đàn. Đến trưa, con voi đầu đã đứng đỉnh đến giữa quãng rừng ấy. Con voi to mốc như tảng đá, những tảng đá biết thũng thính lặng lẽ bước êm như không. Thỉnh thoảng mới nghe mặt đất, tiếng càn, lá khô, tiếng bùn lép nhép, lắc rắc. Những con voi đã rõ ràng thấy vết chân voi lạ. Một con thả dài vòi xuống mặt bùn, rồi chun lên, như ngửi, như đánh hơi, dò xét. Rồi cả đàn lại thông thả bước theo những lốt chân vào quãng rừng sâu. Một con voi đi lên trước. Những voi đực đầu đàn lực lưỡng. Cả đàn theo, lần lượt dọc dài. Voi nào cũng khoan thai, bốn chân khuỳnh chụm vào, bước đều tăm tắp. Đô Lỗ và Đô Nồi vẫn ngồi yên trên cành giâu gia. Đàn voi đi dưới. Những tấm lưng voi theo nhau rừng rừng nhấp nhô như cả trăm con trăn cùng quăng mình, cuộn cuộn luồn qua. Giống voi ăn cỏ, ăn quả, ăn lá, không hơi hám nặng mùi. Nhưng cả đàn theo liền, hơi nóng bốc lên rừng

rực như suối lửa. Hai người ngồi trên cây mà mồ hôi lưng vã ra. Đàn voi ấy dài quá. Đi một lúc mà trông xuống vẫn thấy lực lưỡng những con voi đực kèn càng. Lại có những con voi con tự đứng quay ngang đợi voi mẹ tới. Rồi những con voi con lại bước theo voi mẹ.

Voi con lùn chũn, đầu đụng vào bụng mẹ, chạy loăng quăng, nhấp nhô. Đô Lỗ ngắm một voi con. Con voi nhỏ ấy ước độ ba bốn tuổi, mà đã phổng pháp gồ ghề bằng con trâu mộng. Bước từ tốn, nèn nã, lừ đừ. Không như những con voi nhỏ hơn, mới chỉ một hai tuổi, đương chạy lúu rúu đằng kia. Con voi này trông vừa mắt quá. Voi này về, đương độ tuổi vục được nhanh, chóng biết sai bảo. Đô Nồi đã chuyển cành cây sang đứng cạnh Đô Lỗ từ lúc nào. Vừa lúc voi nhỏ kia đi tới, Đô Lỗ vung tay giơ sào, tung làn dây da trâu xuống. Vòng dây xòe tròn, chụp vào đầu voi. Một chân voi cất lên, thòng lọng tròng luôn cả vào. Thoắt cái, vòng song ném xuống với chiếc thòng lọng da trâu đã siết chặt, treo từ cổ xuống chân trước voi. Trong khi Đô Lỗ cong người ra sức co từng lên, Đô Nồi thoăn thoắt nắm cả cuộn da trâu lẫn dây song buộc quanh mấy vòng vào thân cây giâu gia. Con voi đương đi bị đứng lại. Voi cuốn vòi, rút cái thòng lọng. Nhưng không được. Voi nhảy hai chân trước, rít lên, quật mình dùng dùng vào gốc cây. Cũng vẫn thế. Đàn voi đi trên, thấy động, tán loạn chạy ra cả khu rừng. Đến khi biết rõ quăng loạn trong đoàn, tất cả đổ xô lại. Những voi mẹ quăng vòi húc xả vào con voi bị vướng thòng lọng. Những tảng lưng voi đẩy vào nhau, rung chuyển. Nhưng cây giâu gia cổ thụ, rễ cái ăn sâu lắm, không đổ được. Con voi con bị buộc vào cây, vùng lên. Chốc chốc, cái cây lại rung mình, chao đi. Hai người vẫn đứng yên nhìn xuống đàn voi lộn lộn. Cánh nỏ đã căng sẵn, đặt trên vai. Đô Lỗ giơ tay rút một ngọn giáo phóng xuống. Ngọn giáo phập vào sau tai con voi đực vừa xô vào. Voi hốt hoảng nhào ra, cái giáo vẫn cắm chong chông. Những con voi khác chen vào. Đàn voi đã trông thấy hai người phường sẵn trên cây. Voi nhổ đám cây con, voi quơ đá, quăng rào vào. Những ngọn lao mũi đồng, những cánh nỏ từ tay Đô Lỗ, Đô Nồi căng vun vút trổ xuống. Những con voi bị trúng lao, trúng tên chồm lên, khua vòi quật vòi lung tung. Hai người phường sẵn chĩa nỏ bắn ra tận

những con voi còn đương loanh quanh luống cuống đằng xa.

Lũ voi phía ấy bị những mũi nhọn thành linh cắm vào mình nhảy loạn xạ. Một lát, cả đàn nhốn nháo chạy dồn sang cánh rừng khác. Không con nào dám xông vào gốc cây giâu gia như lúc nãy nữa. Đô Lỗ nhảy xuống, tay cầm thừng dắt con voi chạy, lôi cả thòng lọng lẳng nhẳng về hang đá. Đàn voi đằng kia thấy voi chạy, cả lũ lại rầm rập ùa theo. Nhưng, Đô Nồi vẫn còn ngồi thu mình trên cành giâu gia, đưa nghiêng cánh nỏ nhằm xuống. Lúc này, mới đến việc đánh chặn của Đô Nồi. Những con voi đi đầu bị trúng nỏ. Có phát tên hiểm xuyên vào con mắt ti hí. Voi quăng vòi lên, đau quá, xô ngược trở lại. Thế là cả đàn nhốn nháo, lại cuống cuống chạy trở lại. Không voi đàn nào dám đuổi nữa. Hai con voi nhà trông thấy Đô Lỗ dắt con voi bị thòng lọng chạy lại. Đã quen hiệu quen việc rồi, hai voi nọ cung cức chạy trước. Voi con đeo thòng lọng ở cổ và trên bắp chân trước, trông thấy có voi chạy trước mặt, chẳng biết voi nào, ngỡ voi đàn, càng bồn theo nhanh. Lúc này, Đô Lỗ đã nhảy phắt lên ngồi trên cổ voi. Đường như con voi không biết, vẫn hùng hục chạy. Chẳng mấy lúc đã ra tới quãng bãi trống. Con voi rừng theo hai voi nhà, chạy nhông nhông đến tận lùm tre đầu xóm. Đến đấy, Đô Lỗ nhảy thoát xuống, dắt voi buộc vào gốc cây đa. Đô Lỗ lại lấy ở đâu ra những vòng thòng lọng song đã vắt sẵn, quàng nốt vào hai chân sau voi. Voi ngã kênh ra, chưa kịp khua vòi chống cự lại. Voi giãy giụa, lăn lộn. Cả bốn chân đã bị trói chổng vó. Vòi quật, miệng há hốc, rít in in. Nhưng xung quanh vắng lặng. Hai con voi nhà đã đi vào phía rừng chuối, đứng cong vòi bẻ ăn mấy nải chuối cuối buồng. Con chim bồ câu ở đâu toan về đậu trên ngọn đa như mọi khi, thấy tiếng động lạ dưới gốc, lại bay vồng lên. Đô Lỗ quay lại nhìn cẩn thận một lần nữa con voi bị trói vào gốc đa rồi về nhà. Hai voi nhà trông thấy Đô Lỗ, vội vã chạy trong bụi chuối ra, lững thững bước sau chủ. Đến trưa, Đô Nồi cũng đã về tới đầu xóm, tay cầm cánh nỏ không. Đô Lỗ đứng đợi dưới lùm tre, dáng boăn khoăn. Thấy Đô Nồi, Đô Lỗ hớn hờ chạy ra. Đô Nồi giơ chiếc ống tên rồng, nói:

- Voi con này chạy, cả đàn nó đuổi theo. Phải bắn xả một loạt. Mấy con

đi đầu thùng mặt, thùng tai. Có thể chúng nó mới chịu tan đàn.

May quá, vừa lúc hết cả ống tên. Con voi rừng bị trói bên gốc đa. Có đến nửa tháng, không một ai ngó ngàng đến. Những hôm mưa suốt chiều suốt đêm, như trút nước. Hạt mưa quật như roi vụt xuống, voi vẫn phải nằm bốn vó cong queo lên. Ngày nắng rát, chiều đến, nắng xiên khoai. Lưng voi cong lại, giờ ra chịu nắng, không cửa quây tránh đi được. Voi đói, voi vật vã vùi. Hai bên mép sùi bọt trắng nhả, quánh như bột. Voi khát quá. Con mắt ti hí nhắm nghiền, lử lả. Rồi con voi con chỉ còn thoi thóp đợi chết. Những tiếng rừng xa xôi cứ mơ hồ dần, không nghe được nữa. Nhưng mà voi không thể chết được. Đây là phép dạy voi của phường săn. Những ngày mới bắt voi ở rừng về, phải hành hạ thế, đến lúc dạy bảo, nó mới chóng biết ăn lời. Rồi một hôm Đô Lỗ ra gốc đa. Cõng theo một bó ngô cả cẳng cả bắp. Đô Lỗ cầm cây ngô quét vào mắt voi. Voi từ từ mở mắt. Voi ngửi thấy mùi thơm lá ngô, râu ngô, chột tỉnh. Đô Lỗ đưa cả cây ngô vào miệng voi. Con voi nuốt trửng ngay. Rồi Đô Lỗ đặt bó ngô xuống đấy, dỡ ra. Voi nằm nghiêng, giờ vùi, vơ vào miệng từng cây ngô cả bắp, cả lá. Một thoáng, hết veo. Hôm sau, Đô Lỗ lại vác bó cây ngô đến cho voi ăn. Một hôm, voi được cởi trói hai chân trước. Voi đứng hẳn lên. Rồi thông lọng ở cổ, ở chân cũng được phường săn tháo ra. Con voi rúc vùi hùng hục cuốn cả cây ngô. Hai voi nhà đến bên cạnh, cũng thùng thỉnh ăn như nhau. Cả tháng được chén như thế.

Rồi Đô Lỗ dạy voi quỳ, voi đi, voi quay đầu. Voi đã biết cong mũi vùi lại cho người đứng vào, rồi nhấc người lên ngồi trên lưng mình. Lúc Đô Lỗ quất roi mây vào lưng, lúc quát, lúc cười, lúc cho ăn từng buồng chuối, từng gông cỏ. Voi đã biết nghe lời người chỉ cho đi quanh quanh. Rồi voi biết ra bờ sông uống nước. Lại quơ vùi lên ngắt quả bưởi. Voi thích nhất được ăn chuối. Voi đi tìm bụi chuối, vạy xuống, đưa vào mồm một lúc hết cả buồng hàng chục nải. Nghe hiệu hú gọi của Đô Lỗ, voi quay lại, đứng đỉnh về đứng dưới gốc đa. Đô Lỗ cười voi sang nhà Ông Trọng. Con voi đã thuần rồi đem biếu Ông Trọng, bước theo sau. Hai con voi lội qua sông Cái. Trẻ con trông thấy, chạy vào bảo. Ông Trọng ra đón Đô Lỗ tận ngoài bãi. Đô Lỗ

giơ tay làm hiệu. Con voi nhún hai chân trước ra điệu mời. Rồi voi chúi cong vòi lại. Ông Trọng cười, vuốt râu, bước đứng vào giữa vòi voi. Voi nhắc bổng Ông Trọng đưa lên ngồi chễm chệ trên lưng voi. Ông Trọng hể hả nói to:

- Ha! Ha! Mấy chục năm nay mới lại biết cái mùi hôi lưng voi.

Ông Trọng và Đô Lỗ cười voi đi rong dọc sông Cái, mãi đến sẩm tối mới trở về. Con voi lại vươn vòi lên, cung kính, nhẹ nhàng đỡ Ông Trọng xuống. ở chơi mấy hôm, rồi Đô Lỗ về, để con voi ở lại với Ông Trọng. Đã lâu, từ độ ấy, hôm nay Đô Lỗ mới lại rủ Đô Nồi đi thăm Ông Trọng. Xuống xin cụ chỉ bảo phép đánh roi. Lại có ý mời cụ đi Vũ Ninh chơi. Hai con voi lên khênh đưa Đô Lỗ và Đô Nồi vào xóm. Những nếp nhà sàn lừng, nửa cái cột trốn ghé vào gò đất, bóng mái lá gồi thấp thoáng. Lác đác, cây trám, quả xanh chi chít lẫn trong vòm lá xanh đen. Những cây cau đứng thành hàng rào, thân mốc trắng, thẳng như che màn trước xóm. Hai người vừa đi mà lại phân vân, chưa biết Ông Trọng có nhà không. Thường khi cả tháng cố không ở nhà. Lão ông cao tuổi nhất thiên hạ, đầu cũng trọng vọng, đầu cũng tranh nhau được đón cụ đến chơi, hơi hướng cụ để cái phúc cho con cháu mọi nhà. Vào đến gốc đa, hai con voi bỗng đứng dừng lại. Có cái gì khác, voi vừa đánh hơi thấy. Hai người ngẩn nhìn vào. Quả có chuyện lạ. Con voi con đương bị thông lọng tròng vào cổ. Ông Trọng giơ cái roi song, nhứ nhứ vào đầu voi. Con voi im thít, không biết đương thản nhiên hay đương sợ. Nhưng mẩu đuôi con con vẫn phất đi phất lại. Ông Trọng quát hỏi:

- Mà chưa chưa? Chưa chưa?

Con voi vẫn thông thả vẩy cái đuôi hủn hoãn. Đô Lỗ và Đô Nồi nhảy xuống, chạy vào.

- Nó có tội gì mà cổ chửi nó thế? Sao thế?

Ông Trọng quay ra:

- À , các cháu đã sang...

Rồi chỉ cái roi song vào đầu con voi, kể với hai người:

- Hư lắm. Dám ra ngoài bờ sông, bẻ nát cả bãi ngô. Ông trời lại hỏi tội đấy.

Đô Lỗ bước đến, vuốt tay lên trán, lên tai voi:

- Thằng này còn như trẻ con, hay thêm ăn vặt, cố ạ. Nó lại thích nhá ngô non, chuối xanh. Cố mắng thế, nó nghe biết tội rồi. Cháu xin cố tha cho nó. Có hai con voi kia đến nữa. Chúng nó sẽ bảo nhau nện nện, từ nay không được ăn vụng, phải chừa ăn vụng.

Ông Trọng cười:

- Cũng ne net thôi mà.

- Lại quắc mắt:

- Không có Đô Lỗ hôm nay xin cho, tao gông mày lại một tháng.

Rồi cố Ông Trọng buông tay roi xuống. Đô Lỗ bước tới, cúi xuống, ghé răng cời chiếc thừng da trâu buộc quấn hai đầu những đốt song vận thành chiếc gông đóng cổ voi. Khúc song doãi ra, vừa lúc hai con voi kia bước đến. Ba con voi giơ vòi hít nhau, như mừng chào hỏi. Ông Trọng và hai tay đô lừng thừng vào xóm. Trên khoảng đất phẳng trước nhà, leo tràn lan vào đồng cành giông tre, những dây bầu lá xanh tròn xoe, hoa vàng phấn. Quả bầu dài nằm ườn, quả bầu lọ ngòi lổm ngổm. Những quả gấc đỏ ối, lủng lẳng ngay đầu mái lá cọ. Có hai đứa bé cời trần đóng khố ngồi bậu cửa, châu hấu nhìn ra. Thấy người đi vào, hai đứa đứng phắt dậy. Đô Nồi kêu lên:

- Kia Đổng! Kia Vực! ạ hay! Các con đi bắt cá kia mà.

Ông Trọng nói:

- Đừng mắng các cháu, phải tội. Lúc nãy vừa đến, các cháu đã thưa với ông là nghe được bố với chú Đô Nỏ sắp sang đây đánh roi, thích quá, xin sang xem một lúc thôi.

Nhưng Đô Nồi vẫn trợn mắt:

- Bọn quái này, sang đường nào?

Vực tinh nghịch, làm hiệu quào quào hai tay. Còn Đồng chấp hai tay lên bụng, cúi đầu.

- Chúng con bơi.

Mặt Đô Nồi vẫn còn vẻ bức. Nhưng trong bụng thì nghĩ vừa vui vừa lạ. Từ nhà ở Chiêm Thạch ra tới bãi, cách một đôi đường, rồi lại bơi qua sông. Thế mà tưởng như vừa lúc này chúng nó còn ở ngoài nhà, hai đứa đương hí hoáy nức thêm mấy nan tre cột vào miệng gió để đi bắt cá. Đô Nồi nghĩ mừng về hai đứa con mới năm nao còn loắt choắt, giờ đã thành những quân không vừa. Thằng anh, thằng em như nhau, chạy như ngựa, bơi như con giải cá rồi. Ông Trọng quát:

- Đã nấu nước, giã chè chưa?

Hai anh em cùng thưa:

- Nấu rồi ạ.

- Xách vào đây, pha nước đi.

Đồng ra ngoài bờ cỏ. Bếp lửa vừa tàn. Ba cọc cây dựng lên làm vua bếp, một đồng than, trên đặt tàu lá cọ tươi buộc túm, vỏ bùn đã khô, ám khói đen kịt. Túm lá cọ trát bùn đun nước vừa sôi, bếp cũng vừa tắt. Vực vào trong nhà, bê ra một cái liễn đại da lươn, đặt giữa cửa. Lúc này, khi Ông Trọng ra gốc đa quở mắng chú voi, hai anh em đã trèo lên cây hái chè, rồi cầm hòn cuội làm chày đá giã chè ngay trong liễn. Ông Trọng đã bảo:

“Chốc nữa, bố chúng cháu với chú Đô Nồi sang tập roi. Có nước chè vò uống cho gân tay càng khỏe”. Đồng xách hai túm lá gồi vào, mở lạt ra đổ nước sôi đầy liễn. Khói bốc um, mùi chè xanh thơm ngát khắp nhà. Đô Nồi và Đô Lỗ vào sau vách, vác ra hai cây roi. Đôi cây tre đực đã ngâm bùn ao rồi hun khói bếp róc nhẵn từng vấu. Đẳng ngọn, buộc sẵn túm bùi nhùi bồ hóng. Vào đầu, ngọn roi quệt ra bồ hóng. Ai không đỡ được, bị chịu nhiều

vết nhỏ, người ấy thua. Ông Trọng đứng cầm trịch, tay xoè ra, giơ lên. Tầm roi dài quềnh quàng cả một cây tre nguyên. Người đánh roi, hai tay cầm giữa, vừa vững đuôi vừa khoẻ tay đâm đỡ trước mặt. Hai tay đấu roi đã ra giữa bãi cỏ. Người nào cũng đóng khố một, trần trùng trục, lẫn mình trắng. Cây tre đực cầm ngang, hai đầu bụi nhúi bồ hóng chụm hờ vào nhau. Hai người cùng móp bụng lại, giạng chân, đợi cổ Ông Trọng lên hiệu cho đấu. Hai cây roi vào trận. Ngọn roi, lưng roi va nhau chan chát. Mỗi tiếng chát đập vào, ngọn roi lại nghiêng ra ngoài. Người không vững tay, loạng quạng theo roi. Nhưng không, ngọn roi cứ vun vút. Hai cây roi trong tay hai lực sĩ cứ xoắn lại, cứ phấp phới -như hai con trăn quần thảo. Đống và Vực chăm chú xem đến há hốc miệng. Những miếng roi đâm, đỡ, gạt hay quá. Lâu lắm mà chưa ai bị một chấm bồ hóng. Hai ngọn roi dè vào nhau, không roi nào chịu nhau. Lật sấp lật ngửa, vẫn ngang tầm cây tre thẳng đuột, đứng im. Rồi hai ngọn roi tựa vào nhau, như hai con gà trống chọi dựa cổ, cổ thờ. Nhưng đây là hai lực sĩ để hai lưng roi tựa nhau, sửa soạn miếng mới. Hai lưng roi im lặng, im phăng phắc.

Mà trông hai người thì biết trong im lặng như thế, trận đấu vẫn gay go thật sự. Bắp tay, bắp vai, bắp chân chạy rần rật, cuộn cuộn lên xuống. Những miếng roi đương trong thế đứng im, im mà tung hoành. Hai khuôn mặt đỏ rần rần. Mồ hôi chảy ròng, rồi lã chã xuống. Chỉ còn trông thấy những giọt mồ hôi lăn ra và trên chốc bụng đều đều phập phồng như con ếch ngậm hơi. Bỗng dưng, ngọn roi Đô Lỗ chùng lại, như rùng mình. Rồi, chưa ai kịp trông theo, giữa rốn Đô Nồi đã bị khuyên hằn một vết nhỏ đen sì, trên xấp mồ hôi nhể nhại. Đống và Vực nhảy lên, reo:

- Bố thua rồi! Bố thua chú Nỏ rồi!

Ông Trọng xua tay cười:

- Thôi thôi, mời hai ông đô hãy nghỉ tay.

Vào uống bát nước chè. Uống nước đã, rồi hăng làm miếng nữa. Hai người buông roi xuống cỏ. Đống và Vực bưng đến một chõng bát đàn, rồi nghiêng liễn, đổ từng bát nước chè xanh ngắt, bốc khói nghi ngút. Mọi

người bưng bát nước ngồi xuống. Ông Trọng nói:

- Chú Đô Nỏ nhanh lắm. Giỏi lắm, giỏi lắm. Lúc ráo riết nhất mà chuyển thể vô vậy thì không ai kịp nghĩ. Chú Đô Nồi thua vào lúc tưởng mình đương vững, đương rình mò tìm miếng. Không phải ta đổi miếng mà chùng lại, kẻ kia đương căng hoá hăng, người nhanh đến thế nào cũng không đoán nổi được ngọn roi ấy sắp đổ hay ngọn roi chuyển miếng. Cả đến trong bụng cũng bối rối. Thế là tâm không định được. Chỉ chưa dứt một cái chớp mắt đâu. Búi nhúi bồ hóng chú Đô Nỏ cứ việc chắm vào giữa bụng chú Đô Nồi thôi. Chuyển mềm đánh cứng trong lúc hai bên đương ngang như tường thành là như thế đấy. Nào, uống bát chè ngon cho lại sức nào...

Giữa bãi, Đống và Vực đã vác roi lên, khua khoắng loạn xạ. Hai cậu bé vừa vờn roi vừa hét. Đám trẻ trong các xóm quanh đấy đã chạy đến từ lúc nào, xúm lại, reo hò rầm rĩ. Ông Trọng cũng phải buông bát nước, nhìn xem đường roi đã khá gọn của hai chú bé con nhà nòi. Cũng chưa chú nào chắm được vào nhau một vết nhỏ. Lại đương đứng gằm ghè, roi đề roi, ngang sức như bố Nồi với chú Đô Nỏ lúc nãy. Đất nước thượng võ, con trẻ cũng biết háo hức ngọn roi, miếng vật. Đến trưa, khói thui lợn đã ngun ngút quanh nhà. Các tay đấu roi dẹp đám, đợi bữa chén. Nhìn mọi người chạy đi chạy lại trong nhà, ra bãi, nhộn nhịp bếp núc, Ông Trọng cứ vuốt râu cười khà khà:

- Lúc già lại được trở về nơi chôn rau cắt rốn, lại thấy cháu chắt đông đàn bao nhiêu lần hơn xưa. Một đời người được cái may cái vui đến thế là đủ.

Rồi Ông Trọng lại vui chuyện. Người xúm đến quanh. Ông Trọng kể chuyện người mọi nơi đều biết đánh đá ra lửa, biết nuôi dê, lợn lấy thịt, nuôi chó cho phường săn, biết bắt ngựa bắt voi về giúp việc mang vác. Vót lao ném rồi làm ngọn mác, cái cung, cánh nỏ, cái lưới câu, cái đinh ba, cái dó, cái rìu. Bắn con hươu chờ phải đuổi. Tìm con cá khỏi mất công chần tay be bờ tát nước... ở Tần cũng như ở Hồ, hết các đời vua chủ ta, thiên hạ đâu cũng sinh sống thế, nhân nghĩa thế. Ai có nhớ câu chuyện Thành Vương

nhà Chu trò chuyện với sứ giả vua Hùng. Thành Vương hỏi:

“Giao Chỉ vấn tóc, vẽ mình, để đầu trần, đi chân đất, nhuộm răng đen là có làm sao?”. Người của vua Hùng đáp:

“Vấn tóc ngắn để tiện đi lại trong rừng. Vẽ mình cho giống hình long quân, khi bơi lội dưới sông, loài giao long không dám phạm tới. Đi chân đất để tiện trèo cây. Cày bằng dao, trồng bằng lửa. Trời nắng để đầu trần cho đỡ nóng bức. Ăn trầu cau, răng đen trừ được ô uế” Đấy đấy, hồi quốc sơ, ta đã biết lấy vỏ cây làm áo, dệt cỏ làm chiếu, nướng chim công, lấy cá, ba ba làm mắm, lấy rễ gừng làm muối. Đất cấy được gạo nếp, bỏ ống tre lam cơm. Bức gỗ làm nhà cao tránh hổ báo... Ông Trọng lại nói:

- Năm trước, ta còn ở ngoài Trường thành ngoài kia Hàm Dương, bây giờ được trở lại nơi cha mẹ cho mình thành người. Nào thấy đâu khác nhau, không phải như vua quan Tần bỉ bàng rợ Hồ, man Việt. Không, người Thương, người Miên, người Ngô cũng thế thôi. Mỗi người ở nơi đã được sinh ra là cái sướng nhất. Ta đi cả đời đến đâu bạc trở lại mới thấy ra niềm sung sướng ấy. Tra lúa, trồng kê, thấy con cháu đức được cày đồng hơn cày mũi đá mà mừng. Con cháu biểu cho miếng bánh trưng, bánh dày, bánh mật, bánh ngói, cơm nếp, cơm lam, xôi nếp... được nhắm rượu thịt trầu thui, gỏi cá... Răng chưa rụng, nhưng phải làm cối nghiền mới nhai được miếng trầu thơm ẩm. Lại nhớ mùi trầu cau nồng nàn từ thuở còn rúc vú mẹ. ại thôi, ăn một bữa gỏi cá anh vũ chấm nước bỗng gừng rồi ngủ một giấc, là được rồi...

Ông Trọng cười khớ khớ một lúc. Cười đến ứa nước mắt, cuối đuôi con mắt nhăn nheo. Đến Đô Lỗ, Đô Nồi chắc cũng chưa thấu hết được ý tứ tâm tư một đời tha hương của ông già trên trăm tuổi ấy, kể chi đám chú Đống, chú Vực. Ngoài bãi cỏ trước nhà, mùi cá anh vũ nướng đã thơm điếc mũi. Ông Trọng trông ra, thấy ngoài phía cây đa, một con ngựa phóng tới. Trời tạnh ráo mà cả người cười và chiếc ngựa đen tuyền cùng ướt lướt thướt. Nước nhỏ thành vệt trên lối đi. Hẳn người ngựa vừa bơi sông Cái sang. Vào đến giữa ngõ, người cười ngựa nhảy xuống. Mình để trần, lưng vắt vèo

chiếc khố đuôi lươn. Người ấy đỡ cái bọc to đội trên đầu xuống. Thì ra, quần áo, nón, thắt lưng đã được túm cả lên đầu lúc người ngựa qua sông. Trông biết đấy là ông quan lạc ở trên ngược về. Quan lạc đến trước mặt Ông Trọng, quỳ xuống.

- Lạy cố! Lạy cố!

Ông Trọng nói:

- Việc gì cũng để đấy. Hăng uống ngụm nước. Rồi đợi bụng cá nướng vào, nhắm cái đã.

- Việc vội lắm.

- Việc gì?

- Tôi không được biết. Hình như có người bên Tần đến. Vua chủ sai đi mời cố về.

Ông Trọng xốc ống quần, xoa bàn tay trên đầu gối, đuôi mắt chau lại, dăm dăm ngẫm nghĩ. Bấy lâu, vua Tần đã dẹp xong nước Yên, nước Hàn, nước Tề, nước Ngụy, nước Kinh, nước Đại, cả các tộc Việt phía nam đã vào một mối quận huyện. Doanh Chính đã xưng đế, định đô ở Hàm Dương rồi. Ngoài ải, dân phu đã đắp Trường thành ra đến cửa quan Sơn Hải giáp bể. Thiên hạ, vua Tần đã vỗ yên từ lâu rồi mà... Hay là... Hay là... Bao nhiêu năm ở Tần, Ông Trọng không lạ tâm tính bất nhất của Doanh Chính. Từ khi lên ngôi, Thủy Hoàng lại càng ngông cuồng... Không biết chuyện gì thế này. Thế rồi ông quan lạc đưa tin đã chạy ngựa về trước. Ăn uống xong, mọi người cùng đưa Ông Trọng sang sông. Con voi con phá bãi ngô đã được Ông Trọng tha tội rồi. Ông Trọng vừa bước tới, voi nghiêng vòi đỡ Ông Trọng lên ngồi vào bành trên lưng. Ông Trọng đỉnh đạc, chêm chệ trên lưng voi chẳng khác các chàng trai Đô Nôi, Đô Lỗ. Sông Cái bao la trước mặt. Nắng toả xuống, mặt nước sáng rực đến chân trời. Không trông thấy lùm tre, bến bãi bờ bên kia. Đống và Vực cùng ngồi trên lưng voi nhà với bố. Ba con voi cuốn cong vòi, lội ào ào. Càng ra ngoài nước càng xiết, càng menh mang. Ba con voi khoan thai, ung dung như đi trên bộ. Người ngồi

giữa mồm lưng voi mấp mé các làn sóng xoáy nước quẩn quanh. Không biết voi đang đi hay voi bơi. Trông vào bờ đã xa tắp, vẫn thấy ba con voi lù lù lênh khênh như lúc vừa ra khỏi bến. Chỉ khác, Đồng và Vực ngựa ngáy chân tay, không chịu ngồi yên trên lưng voi. Hai anh em sà xuống mặt nước, lúc bơi trước, lúc bơi sau, lượn quanh đàn voi. Đồng và Vực chẳng cần cười voi cười trâu mới qua được sông. Hằng năm, đến mùa cá trên nguồn về đẻ, bố Đô Nồi thường sai hai con lội lên tận ngã ba sông Cái bắt cá anh vũ. Chẳng phải rìu, phải đơm đó, anh em lặn xuống nước, quơ tay đuổi cá, nửa buổi đã bắt được đầy thời đem về. Đã trông rõ mép cát vàng mịn thia lia trước những bụi tre xanh xanh kéo dài. Đôi chỗ, nổi lên một cây gạo, hoa nở đỏ rực rỡ một vùng. Ba con voi lần lượt lên đứng đợi nhau trên bãi cát. Đô Nồi hét hai con:

- Về đi bắt cá, đi ngay. Có khi chiều nay cố với chú Đô Nỏ về nhà ta...

Đồng và Vực hét to hơn bố:

- Rồi bố với chú ấy đấu roi nốt. Sáng ngày chưa xong mà.

Đô Nồi xua tay:

- Về ngay, về đi ngay...

Đồng và Vực cùng chấp tay quỳ vái cổ Ông Trọng rồi chạy biến vào bãi ngô, khiến những con cuốc ấp trứng trong bụi cây đương khắc khoải kêu "cuốc cuốc" gọi nhau, bỗng bay lè xè tán loạn sang cánh bãi bên cạnh. Ba người cười voi men bờ sông, ngược lên. Dần dần, qua những lùm tre dầy dật, xanh ngắt, lả xuống ngang đầu. Có khi phải cúi xuống luồn đi. Con voi còn cố đứng lại, quơ vòi lên, vít xuống, tổng cả cành lá vào miệng. Người cười voi phải rút dao ghềnh đầu ra phạt cây tre ngã ngang, con voi tha cả cây tre đi. Bên kia bờ tre đã nhấp nhô những trái đồi đất. Trên đồi, cây cọ xòe quanh từng tàu lá tròn xanh tơ.

Những trận mưa to đầu mùa vẫn còn để lại vết trên mồm cao xối xuống, rạch thành từng luống đất đỏ xuộm quanh chân đồi -làng xóm quây quần ở đấy, những nếp nhà tường đá ong xù xì, mái lá cọ, lá nứa, lẫn lộn tựa vào

nhau. Đến đây, lối đi tràn lan qua những bãi đất bãi cỏ tranh, cả ba con voi cứ thong dong chạy chồm lên. Từng lùm bụi đỏ bốc đằng sau. Ông Trọng vẫn ngồi thẳng trên lưng con voi bồn, ung dung như từ lúc trèo lên. Ông Trọng chưa nhấp một ngụm rượu, mà mặt đỏ phừng giữa vùng râu, tóc, lông mày bạc phơ cứ bay thốc từng nạm trước làn gió ngược. Mọi người ngẩng lên, bỗng thấy đằng kia một đám bụi bốc mù mịt. Đám bụi cuồn cuộn dịch gần lại trước đàn voi. Lát sau, ba con voi đã gặp một đàn hàng chục con ngựa lồng nhổ dàn trước mặt. Ngựa các quan lạc đi trước. Rồi đến ngựa vua Thục tiến ra. Vua Thục cỡi trần, lực lưỡng, tay cầm cương ngựa, cái giậm xúc cá vác trên bả vai. Trên lưng những con ngựa khác, người nào cũng vác đó, vác giậm. Có người vác cổ lưới, lửa tỏa chân đồng chân cuội va xuống lưng. Ba con voi vừa dừng lại đã cất vòi lên đỡ Ông Trọng và Đô Lỗ, Đô Nồi xuống. Cả ba người cùng cúi đầu trước vua Thục, lúc ấy đã xuống ngựa. Vua Thục chạy lại, cầm tay cổ Ông Trọng. Rồi vua Thục nhìn quanh. Bốn bề, bãi ngô bát ngát cao ngập đầu. Vua Thục bảo đám quân gia:

- Bay ra bắt cá ở vực cuối bãi kia. Ta vào nghỉ trong bãi ngô.

Túp lều đi bãi người ta dựng từ độ tra ngô. Nhưng mái cọ và cột chôn vẫn còn đứng được suốt mùa mưa. Quan lạc và mấy người lính dắt ngựa vào trước, ném xuống những cặng ngô khô rồi trải lên mấy chiếc chiếu đậu mới, trắng ngà. Ba con voi đã vào trước lều. Bãi gió lao xào, xanh rờn. Những bắp ngô mới nhú, to bằng bắp tay, râu nõn phơ phất. Nhưng con voi của Ông Trọng đứng yên. Ngọn ngô cọ cả vào bắp chân, vào cổ voi. Vòi voi vẫn thông xuống, loăng quăng đập ve. Nghiêm quá. Như không biết thức ăn ngon ngay cạnh miệng. Voi hãy còn nhớ trận đòn. Vua Thục nói:

- Có người vua Tần đến. Tôi không muốn ông vào trong thành. Nhờ chúng họ trông thấy, mà tôi chưa gặp ông, chưa biết thế nào.

- Có việc gì hệ trọng...

- Sứ Tần nói người Hồ lại phạm vào Trường thành. Vua Tần nghĩ bao nhiêu năm ông trấn ngoài ấy, người Hồ không dám động tĩnh. Nay chỉ có ông, người Hồ mới lui được.

Ông Trọng nói:

- Tôi đội ơn vua chủ khéo ý tứ không muốn để người của vua Tần giáp mặt tôi. Một đời tôi lưu lạc, tuổi già rồi mới được về quê. Tôi không đi nữa, vua chủ ạ.

Vua Thục nói:

- Tôi cũng đã nghĩ ông sẽ bảo tôi thế. Nhưng biết trả lời người kia thế nào?

Ông Trọng giơ tay vuốt làn tóc trắng:

- Nói là tôi chết rồi. Năm nay tôi đã trên một trăm tuổi. Một đời tôi dài gấp mấy đời người ta rồi. Có khi nào bên nước Tần lại ngỡ tôi còn sống. Vua Tần cho người tìm cũng là tìm cầu may đấy thôi. Nói tôi đã chết, tin ấy cũng nghe lọt tai được.

Đương cao hứng, Ông Trọng lại xắn quần, xoa hai tay vào đầu gối.

- Chỉ bởi tôi về được đất quê, được ngồi bãi ngô, được ăn con cá, con tôm, con lươn, con chạch bắt ở vực, ở đầm. Chỉ bởi cội ta từ thời ông An Tiêm biệt ra đảo mà rồi cũng lần mò về được, thói tục ta đã quen đoàn tụ quây quần... Bởi vậy... vì thế, vì thế mà tôi vẫn sống đến hôm nay.

Ông Trọng lại cười to. Lây cả cái vui đến Đô Nồi và Đô Lỗ vẫn ngồi nghiêm hai bên gối Ông Trọng. Hai người như nghe ra điều mới lạ, cứ "vâng ạ, vâng ạ" luôn miệng. Vua Thục đặt tay lên lưng Ông Trọng.

- Tức thật, giá hôm nay không có sứ vua Tần ở trong thành, các người cùng tôi về chén bữa cá gỏi. Chỗ vực này cũng nhiều cá anh vũ lắm.

Ông Trọng nói:

- Để khi khác. Bây giờ tôi có điều muốn bàn. Vua Thục kính cẩn, lặng yên, ngược nhìn Ông Trọng.

Ông Trọng thông thả nói:

- Cội ta không thiếu người tài. Người như các chú Nồi, chú Nỏ này tuy

hiểm mà vẫn có. Cứ trông đến những cháu Đống, cháu Vực con cái các chú ấy còn bé bỏng mà cũng đã chớm nảy nòi thì khắc biết. Nòi nào giống ấy, tôi mừng lắm. Nhưng tôi còn lo ta chưa có thành vững. Đất Văn Lang chỉ mới được cái hiểm đồi núi, không phải là nơi dụng võ, không ở thế trung tâm nghìn đời. Ta cần phải xây thành. Tôi ở Tần, tôi biết vua Tần vốn nông cuồng, lại thâm hiểm. Biết đâu, chỉ người sứ này về nói tôi chết rồi, vua Tần có thể muối mặt phát quân ngay đấy. Tôi chết rồi mà, ta hết người giỏi rồi mà.

Ông Trọng im lặng, ngẫm nghĩ một lúc.

- Và cứ xem việc ta giao hảo, đi lại bấy lâu, cũng đủ rõ tính nết nó.

Voi đen đưa mừng chưa như ý, lại đòi bạch tượng. Cả mấy cỡi phải lòng bắt cho được tê giác trắng, cực nhọc chừng nào. Ta lấy tình xóm giềng đối đãi, người lại bĩ mặt nghĩ đây là thân phận phen giậu... Từ khi vua Tần nghe mưu sĩ đưa quân đánh xuống phía Nam, bắt họ Việt các nước ấy lập ra quận huyện Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận, đặt chức Úy cai trị, tôi càng thấy mối lo đến trước mắt. Vua chủ phải sớm định liệu mới được. Vua Thục dăm dăm nhìn Ông Trọng rồi nói:

- Ủ , ta phải xây thành... phải xây thành...

Ông Trọng lại nói:

- Tôi vẫn ngày đêm nghĩ thế. Tôi đã đi tìm được một vùng đất phong thủy có cơ lâu dài. Vùng ấy đất tổ ong, phơi nắng thì rắn chắc hóa đá. Một dải đồi tổ ong tựa bờ sông Thiếp, sông Thiếp nối sông Lý sang các ngọn lên Vũ Ninh, lại ra sông Cái, xung quanh hiểm hóc, bao bọc nhiều đầm hồ, nhiều vực. Đánh bộ, đánh thủy, tiến lui đều thuận. Thế dữ như rừng đại ngàn, dẫu cho kẻ địch có lọt vào cũng khó còn mang xác ra được.

Vua Thục hỏi:

- Có phải sông Thiếp gần đây không?

- Phải, đất ấy giữa vùng Kẻ Nhồi, Kẻ Vang... Gần đây, ngay đây thôi. Từ

chỗ này, chỉ dạo quá một quãng, đã tới địa đầu đất quý của ta. Ta hãy đi xem nào.

Đàn voi ngựa ra khỏi bãi ngô, tới bờ sông Thiếp. Lùm tre rủ trên bóng nước lặng mát. Vua Thục cùng với Ông Trọng, Đô Nôi, Đô Lỗ và các quan lạc vượt qua mấy quả đồi thấp, trọc lóc. Đồi đá ong cắn cỏi, cả đến cỏ gà, cỏ ấu cũng không len lỏi trôi lên được. Nhìn hút mắt đến tận đằng xa, vẫn trông toàn một màu đất đá vàng khè đỏ xuộm như thế,

- N hư bức tường thành xây sẵn ven hào nước. Mọi người dừng lại trên đồi. Vua Thục ngước mắt ra bốn phía. Bên kia sông Cái, dãy núi Ba Vì nổi xanh ngắt trên nền trời sáng trong. Lại như cả một dải tường thành trấn giữ vòng ngoài nối liền với sau lưng, triền núi phía tây sừng sững tay ngai hùng tráng. Sông núi dựng lên những chiếc lá chắn bày trận liên tiếp, trập trùng không một khe hở. ại thôi, đúng là đất hiểm nghìn năm dụng võ đây rồi.

Vua Thục gật đầu nói:

- Đất này có thể vạn đại thật. ạ hay, tôi đã qua Kẻ Nhồi, Kẻ Vang biết bao nhiêu lần mà không thấy như hôm nay.

Vua Thục cúi xuống, vái Ông Trọng:

- Khi tôi còn trẻ ở bên kia chân núi Ngũ Lĩnh đã nghe tiếng ông một mình sang Tần, nay mới được thấy rõ ràng con mắt và cái tài ông.

Ông Trọng vuốt râu, chỉ tay ra trước mặt:

- Một tòa thành đá ong mọc lên suốt dọc bờ sông này. Vua chủ trông kìa, quân thủy ta từ Vũ Ninh vào sông Thiếp xuống qua cửa thành ra sông Cái, chỉ áng một buổi. Lại bao nhiêu đầm vực án giữ với một khuỷu sông Cái ngăn lại. Ta giấu mình từ các bờ lau sậy bên kia tiến ra thành lĩnh, cắt quân nó quãng nào cũng bằng cầm con dao lóc miếng thịt.

- Phải, ông nói phải...

- Còn việc xây thành, giữ thành đã có các chú này giúp vua chủ.

Ông Trọng vươn tay đập xuống lưng Đô Nôi và Đô Lỗ. Vua Thục nói

nhỏ, thành kính, thiết tha:

- Ông yên tâm. Ông yên tâm.

Ông Trọng cùng Đô Nồi, Đô Lỗ từ biệt vua Thục ở quãng bờ sông Thiếp ấy. Nhưng vua Thục còn ruỗi ngựa theo voi tiền Ông Trọng một quãng. Vua Thục dặn với:

- Hôm nào mát trời, người vua Tần về rồi tôi cho đón ông sang chơi.

Ông Trọng nói:

- Được, ta còn tháng rộng ngày dài. Tôi nói xong với vua chủ việc ấy, có chết tôi cũng nhắm mắt được rồi.

- Không, phải sang đánh chén cái đã.

- Được, được.

Cả hai ngả đường, bụi cuốn ngùn ngụt mỗi lúc một xa. Buổi chiều, Ông Trọng đã trở về đến Chiêm Trạch. Đô Nồi khẩn khoản:

- Cố với chú Nỏ vào ngời chân đã.

Ông Trọng nói:

- Tao cũng muốn ghé chơi với hai cháu bé. Nhưng thôi, nghỉ một đêm chẳng bỏ. Để hôm nào lên vua chủ ở chơi lâu một thế.

Tính Ông Trọng vốn vậy, định làm gì, không ai cản nổi. Thế là Đô Nồi lại đưa tiền ra tận bờ sông. Đống và Vực ở nhà trông thấy bụi bốc ngoài bãi, đoán voi bố về, chạy ra đón. Tiếc ngần ngại không được Ông Trọng vào chơi. Cứ khoe lúc nãy tát được một thời cá anh vũ, cá béo bụng dày một gang mỡ vàng. Làm gỏi cá béo thế, ngon không gì bằng... Thế mà cụ chả nghỉ lại. Hai con voi Ông Trọng và Đô Lỗ đã lội qua sông, lên bến. Ông Trọng vào nhà, bảo Đô Lỗ:

- Chú đun cho ta nồi nước. Đừng đun nồi đất. Ta chỉ thèm uống nước nồi lá cọ trát bùn. Nước sôi có mùi lá tươi, chè ngấm càng đậm.

Đô Lỗ nghiền xong cối chè vò, nước cũng vừa sủi sùng sục trong bọc lá.

Đô Lỗ đổ ra liễn, ủ lại vào rơm một chốc, lấy chiếc bát đàn, múc, bưng đến đầu giường Ông Trọng. Bát đàn nước còn nóng, xanh ngắt, khói toả trắng mờ.

Ông Trọng uống cạn một ngụm, ngẩng lên, chẹp chẹp miệng, nói:

- Ngon quá! Ngon quá! Không đâu có được giống chè vò ra uống, nước đun bọc lá cọ ngon đến như thế này.

Ông Trọng nhìn ra trước cửa. Đã nhá nhem tối, nhưng vẫn trông thấy những dây bầu lọ, dây bí leo trên cành rong. Quả bầu, quả bí lốm ngốm cạnh những quả gấc buông thông, đỏ chói. Bốn bên làng xóm êm đềm trong hoàng hôn. Ông Trọng thông thả nói với Đô Lỗ:

- Ta mừng đã bàn được việc xây thành với vua chủ. Nhưng việc kíp lắm. Các chú phải thúc bách vua chủ hăng ngày mới được.

Ông Trọng bảo Đô Lỗ ra múc bát chè tươi nữa. Rồi Ông Trọng từ từ ngã người xuống giường. Đô Lỗ lại trước cột, châm cái bùi nhùi đầu trám. ánh sáng tỏa khắp nhà. Ngoài kia, tiếng ve cất ra rả trong bóng tối nhọ nhem. Đô Lỗ bưng bát nước vào. Ông Trọng nằm quay mặt vào vách, đầu gối chiếc gối gỗ mít như người đương giấc ngủ trưa. Đô Lỗ đặt bát nước, mời Ông Trọng. Nhưng không thấy Ông Trọng ừ hử gì. Đô Lỗ khẽ lay vai. Ông Trọng vẫn nằm yên như thế. Đô Lỗ bước ra, nước mắt giàn giụa. Đô Lỗ vỗ hai tay vào trán con voi đứng ngoài giọt gianh. "Cổ mất rồi! Cổ mất rồi!". Đô Lỗ xách chiếc chày tay lên, đánh liên hồi vào thành cối gỗ. Tiếng chày va, kêu lên công công. Thế là bốn phía biết hiệu báo nhà nào có người ốm, có người chết, nhà nào làm sao đây. Người tất tả chạy đến. Con voi đứng đỉnh bước lên, chui hẳn đầu vào dưới mái nhà. Voi quỳ phủ phục cả bốn chân, châu vào giường Ông Trọng.

II

(Năm 214, trước công nguyên)

Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đem quân sang đánh Bách Việt và Âu Lạc. Lúc bấy giờ, ở phía bắc thì nhà Tần mắc họa với người Hồ, ở phía nam thì mắc họa với người Việt. Vào Việt, Tần đóng quân ở đất vô dụng, tiến không được, thoái cũng không xong. Trải hơn mười năm, đàn ông phải mặc áo giáp, đàn bà phải chuyên chở. Khổ không sống nổi, người thắt cổ tự tử trên cây dọc đường, người chết trông nhau.

Tư Mã Thiên (Sử ký)

Người Việt chạy vào rừng, đặt người tuần kiết lên làm tướng. Ban đêm ra đánh quân Tần. Đại phá Tần, giết được tướng Tần là Đồ Thư. Đến khi Tần Thủy Hoàng chết, Tần Nhị Thế bãi binh. (Hoài Nam Tử) Ông Nỗ, tên là Cao Lỗ, quê ở Vũ Ninh. Còn gọi là Đô Lỗ hay Đô Nỗ. Cao Lỗ cùng em là Cao Tứ đều là tướng tài của An Dương Vương... Xã Hương Canh có một nhà nghèo, làm nghề nặn nôi niêu. Hai ông bà hiếm hoi, sinh được một con trai, đặt tên là Nôi. Nôi giỏi vật, cả vùng gọi là Đô Nôi. An Dương Vương mở hội thi võ chọn người tài giỏi. Nôi được vua cử làm lạc tướng. Vợ ông Đô Nôi người làng Chiêm Trạch, sinh được hai trai, đặt tên là Đống và Vực. Hai anh em Đống, Vực đều giỏi võ. Ba bố con cùng làm quan triều An Dương Vương.

(Truyện thuyết Hùng Vương

Hội Văn nghệ tỉnh Vĩnh Phú 1981)

* * *

Tần Thủy Hoàng gọi tướng Đồ Thư về Hàm Dương, truyền:

“Nước Âu Lạc nhỏ như cái đấu, ta cho ông sang đấy, chỉ đóng vài đấu đã hết người...”. Nhưng ngoài mười năm rồi, hàng vạn quân Tần vẫn lặn lội ở phương nam. Nghe nói có người Đồng, người Linh, người Cật sinh sống trên các ngọn nước, người Bàn Hồ ở bên kia núi Ngũ Lĩnh cũng về giúp Thục. Tình thế quân Tần lại càng khó nữa.

Đương giữa trưa. Nắng dữ như táp lửa, thổi lên ngàn ngụt. Những cây ngô lá cháy đỏ áy. Mỗi cơn gió nóng chồm qua, cánh bãi sóng nắng lửa lên ngàn ngụt. Trên các nẻo đường hai bên bờ sông, đất nứt toác từng quãng. Con trâu đi vô ý lọt chân xuống, không thể rút lên được, đành chết đứng giữa nắng. Cả vùng trời tức thờ. Chỉ nghe có tiếng con ve kim kêu ong ong như tiếng nắng ran ra. Nắng cháy thui chết hết. Còn có mỗi giống ve sống sót. Tiếng kêu oi ả rúc ráy từ đâu rầu rĩ, rền rĩ ra, không biết. Phía chân trời bên kia, một đám mây dùn lên, đen kịt như bồ hóng. Đương nắng cháy, trời đã lại dọa mưa bão. Nắng càng gắt khủng khiếp. Vực nước to đã cạn, chỉ còn một hũm sâu cạnh bãi ngô. Giữa chỗ lòng chảo sâu nhất, những đồng bùn khô trắng đương khoanh thắt lại, một đám thâm sịt se se chon von giữa chũm đất nhão. Đồng và Vực bì bõm lội bắt chạch trong vũng bùn xộp khô ấy. Mỗi lúc, hai anh em đứng im, không ai trông thấy nữa, lẩn vào mô bùn. Cả Đồng và Vực cứ mãi mê rút chân từ trong bùn lún, như đuổi theo đàn chạch vô hình đương chạy trốn dưới hốc sâu rồi lại cúi xuống thọc tay vào bùn, ngấp lên tận nách. Trên sườn vắt vèo chiếc giỏ buộc dây chuối quàng xuống bụng. Nước cạn, cá trắm, cá đến cá quả cũng chỉ còn lại bộ xương trắng nhorr trên mặt bùn khô. Con ếch, con lươn đã bỏ lỏ tránh đi đâu. Chỉ một giống chạch chịu được cơn nóng còn rúc xuống ẩn dưới đáy bùn. Bỗng trong tịch tịch, nghe lác đác, rồi rạc những tiếng gõ khô khốc, nặng trĩch, uể oải. Con trâu con bò ở chỗ nào đương lếu đều đi trong nắng trên cao. Ngoảnh mặt lên, thấy đầu bờ đằng kia, trên đường nắng chói rung rung lên có người đương đi tới. Người ấy cười trâu, một tay lại kéo theo con trâu nữa bằng cái chảo buộc vào cây giáo tròng vào cổ trâu. Bao năm đã quen mắt thế, chỉ thoạt trông cũng biết đấy là bọn quân quan Tần đi đốc lương. Mỗi bước, con trâu như sắp rời chân rời móng ra. Mồm trâu vều lên. Từng đám

bọt mép phồng trắng nhả. Tưởng như chỉ còn sức cố được vài bước. Người khật khưỡng trên lưng con trâu đi trước, vẻ còn thảm hơn trâu. Người cũng há mồm như trâu. Dãi rớt và nước mắt ứa rờn rột xuống bụng.

Người ấy chỉ bện quanh hông một vòng khố bằng bẹ bàng. Mình trần, bắp chân, mặt vốn nhợt nhạt đã xám nắng, thành màu mốc xám. Đầu đen kịt, không phải chỉ vì tóc rũ rượi, mà nắng dữ quá, cả cái tai, cái gáy tóc che cũng đen cháy bồ hóng. Chỉ còn hàm răng vầu nhe ra, vẫn trắng nhợt. Người và trâu lẻo đẻo, như trong cái vạc đồng hầm hập úp trên đầu. Mồ hôi vã xuống, lóa mắt. Người lính Tần cũng đã trông thấy Đống và Vực. Người lính chống ngọn giáo xuống mặt đường nắng chang chang. Con trâu đứng lại, người ấy gọi to xuống:

- Lên đây, lên...

Đống và Vực rút tay khỏi vũng lầy, lật đật chạy lên, chúi tay bùn vào bẹn. Người lính Tần nói:

- Tìm cho quan... ngụm nước, ngụm nước.

Đống nhanh nhẹn nói:

- Có, có nước tôi để đằng kia, ông quan Tần ạ.

Rồi lại lễ phép:

- Quan cùng đi với chúng tôi, quan cho anh em tôi cưỡi con trâu đi không này đến chỗ gốc cây. Chúng tôi để nước ở đấy.

- Nhanh lên!

Người lính Tần nghiêng cái giáo, sợi thừng buột khỏi đầu trâu. Đống đập tay đập vào mang tai trâu, rún chân, nói: “Mau nào! Mau nào!” Có tiếng người quen quen giục, những con trâu chột bước gượng lên. Móng trâu lộc cộc trong nắng vàng khè. Đến một cây chết nắng trơ trụi, sém hết lá, không nhận ra cây đa hay cây đề. Nhưng thân cây to, đã ngã thành vệt rợp che bóng mặt trời xế trưa. Đống nói:

- Quan đứng vào bóng cây cho mát.

Người lính Tần tụt từ lưng trâu xuống, không dẫn đo, không hò hét, há miệng bước lùi thúi như mê, chưa tỉnh. Khát nước quá, sắp quy xuống, hay say nắng cũng nên. Hai con trâu và hai anh em chơ vơ giữa nắng nhường bóng mát thân cây cho người lính. Người ấy cũng chẳng nghe rõ Đống nói. Đống phải dặt tay vào. Người ấy phờ phạc ngồi huých xuống. Rồi ngẩng mặt lên, nói giọng khao khao:

- Nước đâu... Nước!

Đống đã trèo lên cây, moi trong hốc ổ quạ làm tổ ra hai tàu lá cọ buộc túm rồi nhảy xuống. Đống bưng cả hai túm lá đến trước mặt người lính Tần, đặt một bông xuống đất rồi cởi cái dây cò gà buộc đầu túm. Nước trong lá rỉ ra rơi lã chã xuống đất thấm biến mất. Người lính trố mắt, giơ tay với lấy. Đống bưng túm lá cọ đẩy nước lên.

- Để tôi cầm hầu quan uống. Quan cầm thì đổ hết mất. Quan cứ uống thả sức. Rồi tôi lại biểu quan đem bó nước này đi.

Người lính ngửa cổ uống ồng ọc như tiếng nấc, tiếng sôi bụng. Đến lúc người ấy nhuôi hai tay ra, mặt toát đầm mồ hôi hột, mắt đờ đẫn, lả đầu vào gốc cây. Đống nói:

- Tôi cho quan mang túm nước này đi.

Người lính Tần khẽ gật đầu. Tự nhiên, nhếch mép, chìa nhô cả hàm răng trên trắng nhả. Đống lại hỏi:

- Quan muốn ăn cá không?

Người ấy gật đầu. Đống trông ra trước mặt, làm hiệu:

- Đằng kia có cá.

Người ấy hếch hàm nham nhở, như mới hoàn hồn. Hồn mới ngơ ngác ở đâu về, miệng nói chưa bắt vào chuyện. Người ấy nói:

- Rồi tao cuời trâu... Chúng mày dắt con trâu này... một thằng đi trước, một thằng đi sau... Đi chệch chỗ, tao xia giáo, có thằng chết. Tao đi lưng mấy ngày mới được đây. Mất thì tao giết thịt chúng mày thay thịt trâu.

Nói rồi mân mê cán giáo. Lúc này sắp chết, tay nắm cây giáo làm gậy chống. Bây giờ khỏe, lại nhớ đến đâm chém. Đồng nói:

- Có cá quả.

Người ấy như ngớ ra:

- Cá quả à? Cá quả thế nào?

- Đẳng kia có cá quả.

Đồng lại nói:

- Để tôi cưỡi trâu đi cho nhanh.

Nói rồi lại phất lên lưng trâu, vỗ vào vai trâu. Hai anh em cưỡi hai con trâu, khật khưỡng bước. Rồi trâu bỗng cất vó chạy. Như biết mình đương sắp được về chỗ sống, trâu lồng lên, bồng lên. Người lính Tần chỉ cố nói được mấy câu lúc này rồi lại lử đử, đờ đẫn, doạng hai tay hai chân. Khát nước quá, lại no nước quá, bây giờ bải hoải không nhắc nổi mình, không đứng lên được. Cứ ngồi tựa gốc cây, rũ ra như con gà sắp chết giãy. Chốc lại cong cổ, nấc một cái. Đến đổi anh em Đồng nói rồi không đợi trả lời, cưỡi trâu đi luôn, người lính Tần cũng chỉ nhớ: Cá quả! Cá quả! Rồi đờ mắt nhìn theo, không rõ việc gì nữa. Mãi sau người ấy mới dần dần nhớ ra ta là quan đốc lương. Càng ngày, kiếm được ra lương ăn càng khó. Cả hàng quân thành ra quân đi đốc lương mà cũng không xong. Đi mấy ngày không gặp người. Người chạy đâu mất cả. Đốt hết các nhà trong làng, cũng không thấy cái gì chui ra. Cả nghìn người vác giáo khắp vùng, gặt gì chặt nấy. Bắp ngô, quả mít, bầu bí, nhổ cả bãi đỗ, bãi lạc... Rồi may mắn thế nào, gặp được đàn trâu đứng đầu bãi. Chắc vẫn có người ở đây, cứ giấu trâu quanh quần, mới có trâu ra sớm vậy... Thôi, thôi, hơi đâu mà tìm đuổi thêm. Cũng đi xa bọn quá rồi. Bắt được hai con, mấy đứa hám ăn, lao đuổi nữa, không thấy trở lại. Phải quay về thôi. Mấy lần, có đứa sa đà nhờ chân đã mất tích. Những thằng này hẳn chết rồi. Đánh dấu chỗ này lại. Còn có hai người cưỡi hai con trâu về. Một người cảm nắng chết lả trên lưng trâu xuống. Bây giờ một mình ta, con cưỡi con dắt về đến đây. Người lính Tần ấy cứ nhớ ra đến

đâu lại càng dâm sợ. Từ lúc còn một mình đã hốt. Đến giờ, trông quanh quất không thấy hai con trâu đâu, bỗng rú lên. Hai đứa trẻ cười trâu lơ lửng trước mặt kia kìa. Người ấy giật thót mình. Nếu chúng nó cứ thế đi, cũng chịu không cách đuổi theo. Đầu gối nhúc, không cất nổi vài bước. Chết rồi, chết rồi... Có phải một đứa giơ tay, rõ ràng tay nó xách con cá. Thằng bé cười trâu bên cạnh, vẫy vẫy. Hình như chúng nó gọi lên lấy cá. Nhưng mà buốt chân quá không nhích lên được. Chúng mày đem cá lại đây, trả trâu lại đây. Chúng mày đem cá lại đây, chúng mày...

Nước bọt đặc sệt trong cuống họng. Chỉ học được ra mấy tiếng, như con hươu giác, cổ tắc lại. Người ấy vung tay lên lao cái giáo. Ngọn giáo bỗng lên được vài sải chân, mũi đồng loang loáng, rồi rơi xuống trong nắng, ngay trước mặt. Lại luống cuống giơ tay như muốn quào chúng nó lại. Như nghe tiếng gọi lên đấy lấy cá... lấy cá... Đồng và Vực vẫn sóng đôi trên lưng trâu. Một lát, hai con trâu bõn nhanh. Bụi đỏ mù mịt cuốn. Bụi tan, không thấy trâu đâu nữa. Chỉ có nắng hằm hập vàng ử dột đến tận cánh rừng xa xa. Giữa đồng không trơ trọi, nắng lửa vẫn đổ xuống ngùn ngụt. Đám mây đen bên kia sông nổi lừng lững như càng dòn cho bầu trời ử nắng, rực nắng, sắp thiêu đốt cả mặt đất, bãi ngô, cả những bụi tre xao xác, vàng cháy, đã khô cong. Người lính Tần thất thểu lạch đi. Mũi giáo chống xuống, không còn sức lay rút lên được. Mặc đấy, phải đi. Một tay xách túm lá đựng nước còn lại. Tàu lá cọ che đầu đã rơi lúc nào. Cả mặt, cả người trần trụi, đen củ gừng, nhể nhại mồ hôi. Được một quãng, người ấy ngã chúi đầu, vấp mặt xuống đất. Nửa mặt cắm vào khe đất nẻ, không nhúc nhích được nữa. Nắng vẫn đổ lửa trên lưng người lính Tần chết đường.

Anh em Đồng đã về tới cửa rừng. Người và trâu đã lẫn vào bóng lá bàng, lá móc điều mọc thành bụi. Cái nắng ngùn ngụt đốt đỏ đuôi tóc đã đọng lại ngoài kia rồi. Đồng và Vực nhảy xuống, ngồi xếp giữa bóng mát. Miệng há hoác, thở khè khè. Hai con trâu cũng lử lả khuyu chân, mõm quệt xuống mặt đất ẩm, phòi ra từng mảng bọt trắng. Đàn chuồn chuồn ớt đỏ rực trong nắng bốc run rẩy, chúi ủa vào bóng cây. Ngõ như còn chập chờn ngoài nắng chỉ một thoáng nữa, đến phải cháy rơi rụi xuống đất. Bóng rừng râm mát

làm cho cả người và trâu hồi lại, hết cơn say nắng. Vực nói cọt:

- Chắc ông quan Tần đốc lương chết nắng rồi.

Đồng gật đầu:

- Ủ , mà cứ còn cười trâu thế, chẳng gặp ai đánh, ai giết, thì cả trâu cả người rồi cũng đến chết nắng. Đã gặp vô khối quân Tần chết nắng nằm như con tôm phơi đấy thôi.

Rồi Đồng nói:

- Ta về mau, chả có bố ở nhà sốt ruột.

- Bố đã bảo lúc nào chúng mình về, bố mới đi mà...

- Ủ , nhưng ngộ thế nào...

- Cũng chả biết sao. Mới hôm trước nghe nói quân Tần còn đâu bên kia mãi tràn lên ngược mà chột cái, đã kéo xuống dọc sông Cái, đông như kiến ấy rồi.

Đồng ngẫm nghĩ, rồi nói:

- Cả vùng đồi bãi ngoài kia quân Tần ở khắp, cắm lá cọ che nắng. Người lúc nhúc núp trong tàu lá, nắng ghê quá. Ta về gọi cả làng, đêm nay ra cho một mối lửa. Nắng thế này, lửa bén chúng nó chết không kịp chạy đâu.

Vực reo lên:

- Ủ , mà đưa nào sống sót chạy vào rừng, lại được ăn phát nỏ. Phải đấy, phải đấy.

Đồng và Vực đến vỗ lưng trâu. Hai con trâu uể oải, nặng nề đứng lên. Rồi cũng đủng đỉnh đi. Hai anh em lúi húi bước theo trâu. Bóng lá càng dần mát. Những con trâu đã lại sức. Người và trâu đã đi sâu vào rừng. Tầng tầng tán lá cây to và dây leo quấn quýt rậm rịt. Ngược trông lên chỉ thấy từng đợt sáng xanh, càng xuống thấp càng xanh thẫm. Mặt đất không một tia nắng lọt vào. Chỗ nào cũng tối ẩm ướt, bước chân mát rờn rợn. Ngoài rừng, nắng vẫn rực lửa. Cuối trời, một bọng mây đen kịt lừng lững trôi lên. Vào sâu,

vùng rừng lại thoang thoáng những cây báng, thân chông chất mấy lần bấp bệ cao quanh gốc to xù, nham nhở, như lúc nào cũng có lũ gấu ngồi xúm xít. Nhưng đây là những xác người chết đã rửa. Điều hâu, quạ, chim lợn đã rĩa sạch từ lâu, chỉ còn trên mặt đá, bộ xương với cái đầu lâu trắng hếu. Đôi chỗ, mảnh áo quần xám còn sót lại, bệt dưới cỏ. Rồi nhận ra chỗ tảng đá gốc cây nào cũng có những đám xương rũ ra như thế. Có cái nằm dài như bộ xương cá, giơ lũa tua hai mạng xương sườn. Có cái rụm thành một đúm lù lù. Có chỗ cao chất đồng -chắc cả bọn cùng chết một chỗ. Nhưng mùi hôi thối tan đã lâu, từ năm trước.

Quen mắt, Đống và Vực không chú ý. Cứ rảo bước nhanh hơn. Có lúc đứng lại, đợi hai con trâu quơ vôi ít cỏ. Rồi lại đi, giữa những bộ xương trắng nhợt. Rừng sâu càng râm mát. Bao lần, quân Tần trải đi ngoài rừng, có khi ào ào như nước lũ. Nhưng rồi không dám vào đây nữa. Bọn đi tổng lương khỏe rà rầm đã biến thành những đồng xác đầu rừng, mỗi ngày một nhiều. Bọn khác mò vào. Lại chết. Một đám nữa. Ngày ấy, có bọn chỉ mới tới cửa rừng đã nhào ra. Nhan nhản những bộ xương trắng nhả. Khiếp quá, níu nhau chạy. Nhưng không kịp. Người trong rừng nấp gò đá giương nỏ bắn theo. Những đứa chậm chân chết ngã lăn. Lại thêm những đồng xác, những đồng xương. Mấy năm nay, nghe có quân Tần đi men cửa rừng, cũng chẳng ai vác nỏ ra bắn. Vẳng tiếng hô hoán xa xa. Biết cũng không đứa nào dám trèo qua những đồng xác. Rồi quả nhiên tiếng hò hét im dần. Đã tới một dãy hang đá.

Đống và Vực về tới mái đá nhà mình. Từ năm chạy vào núi, vẫn ở chỗ mái đá này. Trong rừng, đủ cái nuôi sống người quanh năm. Quả chuối dại chát, nhưng hoa chuối thái ngâm nước, ngọt như rau ngót. Rừng bứa, giâu gia, ổi, mít, bưởi, chim thả hạt rơi mọc bạt ngàn cây. Dưới đất, củ mài, củ gấm, măng tre, trúc. Rau dớn, gỗ mục thành nấm, thành mộc nhĩ. Bất kỳ đà, bẫy dím, lập phường săn hươu nai... mùa nào thức ấy. Chẳng khác ở ngoài làng... ánh sáng xanh rờn trên cao tỏa xuống những kẽ lá móc diều trên đầu hang. Không thấy cánh nỏ của bố gác trên tai đá. Bố đi rồi. Mấy người các hang quanh đây chạy lại. Ai nấy đã biết anh em Đống về. Chỉ mới vào cửa

rừng, trong này nghe động lá, trông chim bay, đã biết. Người xóm giềng không lạ. Nhưng người ta kéo đến xem anh em Đồng vừa đánh về được hai con trâu. Bọn quân quan Tần đã ăn hết trâu trong vùng. Đã lâu ở đây không ai trông thấy trâu.

Đi bắt trâu rừng về vực cày phải ngược nước xa, không ai muốn đi. Bởi chừng, kiếm cái ăn khác được. Đành không có trâu bò cày, bỏ bãi. Chỉ còn thuổng làm ngô, vun khoai cho khi ra bờ sông khỏi thấy trơ trụi quá. Thế mà quân Tần kéo qua cũng đào hết cả. Người đến đông trước cửa hang. Những đứa trẻ nhà ai tới đã vắt vẻo tót lên ngòi lưng trâu từ lúc nào, đương giấu mỏ lên, hóng chuyện. Một cụ già lưng rám đỏ bờ quân, hỏi:

- Các cháu bắt được trâu ở đâu đấy?
- Của bọn quân Tần, ông ạ.
- Ồ giỏi!

Người xúm quanh hai con trâu rồi lại ghé nghiêng mặt, sờ tay lên bập chân, lên mông từng con một. Như lạ lưng con vật lâu lắm mới thấy.

- Trâu này có khi quân Tần lừa được từ trên ngược về. Móng còn dày, lông rậm. Trâu rừng mới nuôi chưa vực được mùa cày nào. Chưa có u vai mà.

Một người chép miệng:

- Chẳng trâu đây cũng trâu nơi khác. Vùng ta đã lâu chẳng còn bóng con nào.

Đồng thấy hình như chưa ai biết có quân Tần ngoài bờ sông, liền nói:

- Quân Tần đã kéo về khắp các bãi rồi đấy. Đẵn bao nhiêu lá cọ làm lều.

Cụ già nói:

- Biết rồi, đương định cách ra đốt nó đây.

Vực hỏi:

- Bố cháu đâu?

Ông cụ hỏi lại:

- Thế ra các cháu đi từ tối hôm qua à?
- Chúng cháu đi bắt chạch từ trưa hôm kia.

Ông cụ nói:

- Bố Nồi ngược đêm qua rồi. Bấy giờ cứ tưởng réo mưa. Nghe kỳ hóa ra không phải.

Quân Tần rào rào chạy ngược ngoài cánh bãi, đi như lũ về, nửa đêm cũng chưa dứt. Không ai ngủ được. Bố Nồi đoán chúng nó lại lên đánh vua chủ. Bao nhiêu lần tràn lên, mà chưa biết được vua chủ ta ở đâu. Chúng nó lại lên. Rồi bố Nồi vác nỏ đi. Nóng bụng quá. Đống và Vực đã quen những lần bố đi như thế. Lát sau, mọi người tản về. Anh em Đống lúi húi nướng chạch. Đêm nay còn bận. Ai cũng nhớ câu ông lão dặn:

- Người nào cũng phải xách nòm ra. Nhà nhà sửa soạn cái bụi nhùi rơm. Ai cũng đã đi đốt quân Tần nhiều lần rồi. Vào mùa ra bãi trồng khoai, tra ngô, gặp chúng nó đến, phải đuổi chúng nó đi. Cả nghìn mái lều chỉ cho mỗi nòm lửa, cháy vèo trong nháy mắt. Bọn đến sau không biết ở đấy đã cháy lều chết người, lại đóng quân lại. Thế là dầu cho chưa có gió nồm, chưa ra trồng khoai, cũng lại phải đốt cho chúng nó chạy đi nơi khác.

Khắp nơi đâu cũng vẩn bụi nhùi, đợi đêm. Đống và Vực đã buộc được hai mối rơm to. Lại bó tên, cánh nỏ. Đốt rồi bắn vào đám lửa cho không dám chạy ra. Chúng nó phải chết thiêu trong lều. Nhưng bỗng trời tối sầm. Những tảng mây đen bên kia sông không ai để ý, đã lừng lững kéo lên kín trời. Trong rừng, bóng tối nhờ nhờ, thảng thốt, người như bị bịt mắt. Đương bức bối bỗng lạnh ngắt. Giữa vùng cây kín bưng, không nhìn rõ ra trước mặt. Mấy người chạy ra, ngửa mặt, kêu:

- Bão to, bão to đến nơi rồi.

Hai con trâu đột nhiên chân trước chân sau như múa lên, móng va lộc cộc vào đá. Khi trời đất đương giập cơn sắp mưa to, những con trâu đã đánh

hơi biết trước, cứ chạy cuống, rống hộc hộc. Anh em Đổng phải quăng dây song vào cổ buộc hai con trâu đứng gốc cây. Đằng kia có tiếng quát:

- Gió to, cây đổ chết bây giờ. Cây đổ, cây đổ.

Thế là trâu và người tụt cả vào mái đá. Trên nóc rừng mênh mông, tiếng gió cuồn cuộn xô lên như sóng đánh. Cơn dông đương cuốn mưa tới. Rừng chuyển động, vắn mình rặng rắc. Rồi mưa trút xuống trong tiếng cây đổ ầm ầm. Cơn nước, cơn dông ào ạt tới. Cây đổ, nước đổ, chốc lát đã vùi cánh rừng vào ngọn nước và bóng tối náo động. Suốt đêm, mưa bão gầm thét. Trong rừng tối thui, rét run. Không biết trời đã tối hay tối trời mưa. Không biết còn đương đêm hay mưa bão đã mấy ngày đêm rồi. Chẳng ai đoán được.

Nhưng điều ngạc nhiên, trong các hốc đá, ngọn lửa cứ rừng rực liên miên, tới bởi giữa những cơn gió giạt trút nước ngoài cửa hang. Người đốt lửa làm cái ăn, cái sưởi. Đốt lửa lên như thế cho những con gấu, con hổ, con rắn, con hươu chạy loạn rừng biết đây có người. Chúng mày hãy đi khe khác, hốc khác mà tránh bão. Đến sáng ấy tạnh quang. Không ai biết mấy ngày mấy đêm đã qua. Nhưng vẫn chưa ai ra khỏi hang. Sưởi lâu, đâm ra bện lửa. Vả lại, hơi mưa trong rừng còn lạnh tê. Quanh lửa, trong đồng than, từng hạt ngô nổ, nhảy ra trắng bông. Trẻ con tranh nhau nhặt ngô nổ. Mùi thịt hươu, thịt dím khô nướng thơm phức. Đô Nồi từ ngoài cửa rừng vào. Những vùng cây đổ ngổn ngang, người đi phải luồn rạp xuống mới chui qua được. Đô Nồi trèo qua tảng đá, hú lên. Tiếng vang vào âm u. Trong các hang có người ở đều vội hú theo. Cho biết tiếng đi rừng gọi nhau. Thế là Đô Nồi đã rõ trong cánh rừng đổ bẽ bộn, mọi người vẫn ở hang. Đô Nồi lên tiếng cốt để chòm xóm biết mình đã về, lại nghe xem chòm xóm thế nào. Mọi người đến hang nhà Đô Nồi. Mưa đã tạnh hẳn.

Đổng và Vực thấy bố xách một con dím lông lửa tủa nhóng nhánh. Mưa bão thế mà bố đã bắt được dím, về sớm vậy. Ông lão đầu bạc vẫn trần lưng khoác cái vỏ cây sui, đứng trước mái đá, hỏi vào:

- Bố Đô có gặp vua chủ ta không?

- Chẳng thấy đâu cả.
- Hay là vua chủ sa vào tay quân Tần rồi.
- Nhô ra đâu cũng chỉ gặp nó. Nó như mưa như bão, chỗ nào cũng thấy.

Nhiều người nhón nhác:

- Vua chủ, vua chủ... Chư ông bảo thế nào?

Đô Nồi nói:

- Chẳng cơn có gì đâu. Vua chủ ta tránh đi nơi nào chưa gặp được đây thôi. Cụ đô có nhớ đã bao nhiêu lần quân Tần trèo qua cả dãy núi Nghĩa Lĩnh. Nhiều đến không ai nhớ mấy phen mà đếm được. Vua chủ ta vẫn mạnh khỏe, bình yên. Sau cơn loạn, gặp lại, chưa khi nào người đổi sắc mặt. Đừng lo, đừng lo, cố ọ.

Ông già nói:

- Thôi đã tạnh trời, đợi nắng lên ta lo việc ra đốt quân Tần. Bố Nồi này, các con đã làm bụi nhùi cho rồi kia.

Đô Nồi hỏi:

- Đốt quân Tần ở đâu?
- Ngoài bãi ngô ấy.

Đô Nồi cười to:

- Tôi vừa đi qua bãi ngô. Có gặp đứa nào đâu.
- Cháu Đống cháu Vực về còn bảo nó ở ngoài bãi. Nhiều người hôm trước đã trông thấy nó đi chặt lá cọ mà.

Đô Nồi lại cười:

- Mưa bão cuốn chết cả rồi, còn đứa nào nữa! Vừa bão, vừa lũ, đến cả cánh rừng này gặp ngọn nước cũng đến phải trôi phăng nữa là quân Tần.

Mọi người hấp tấp kéo ra ngoài rừng, lên gò cao nhìn. Quả là không còn

một tàu lá cọ, một bóng người dưới bãi. Trước mặt, chỉ thấy những mảnh ruộng rộc bỏ hoang, những vũng bùn đen lờ lờ nằm kẹp giữa hai dãy núi đất. Cả vùng lồi lõm cỏ xước nhàu nát. Dọc bãi trơ trụi, lỏng chổng, như luồng bão nước ống vừa băng qua, lôi đi hết cả người, cả cây cối. Đất vạc đỏ ối thành vệt. Không ai có thể tưởng trên những sườn đồi ấy hôm trước còn kín người, với những con trâu, con dê còn sống sót mà quân Tần tầm nã ở đâu về được, đem đóng gióng tre ngăn đứng từng chuồng, cạnh những con lợn bị trói, suốt ngày đêm kêu văng trong nắng lửa.

Các cánh rừng xung quanh, chỗ nào cũng lở nhổ người trong các hang núi ra đứng trên đồi nhìn xuống. Rồi lại như mọi khi bình thường, thấy người xuống vực, bắt cá rô, bắt ếch. Được mưa mới, đám ếch nhái kéo về bãi hạn tràn nước sớm nhất. Lại những bọn người ra tìm họa may còn sót cây ngô nào không. Chẳng còn đâu. Bối kỹ, chỉ được vài củ khoai đứt dây trong đất, quân Tần chưa kịp móc lên. Nắng lại rực rỡ như mấy hôm trước. Nhưng chưa gay gắt. Bởi hơi nước mưa còn lại đương phủ trên những cây móc điều lá xanh già. Những bụi tre rập rờn, vân vân. Chập tối, trăng đã vằng vặc lọt xuống khe lá.

Người ngồi cửa hang nhìn lên thấy thấp thoáng những bóng đen bay ra, sà xuống cả trong cây. Thoạt đầu, tưởng động rừng, những con dơi ông, dơi bà to bằng tàu cau, ra ăn sớm. Nhưng không phải. Tiếng kêu rên rĩ như tiếng rên suốt từ trong rừng ra ngoài đồi. Bóng bay mỗi lúc càng nhiều. Tiếng thê thảm cứ kéo loạn bốn phía. Đây là tiếng chim lợn. Ai nghe rõ rồi cũng nháo nhác lên. Những con chim lợn dang cánh lỏa tủa như cành lá móc điều, đêm đến đi tìm ăn xác chết. Tiếng chim lợn kêu, nghe được ở đâu là đấy có diêm người sắp chết, người chết, có điều tàn hại sắp xảy ra. Chim lợn bay rợp từng quãng trời sáng trắng. Bao nhiêu con chim lợn cùng rên lên một lúc. Người ở rừng sâu lạnh rợn gáy. Sắp chết hết giống người hay sao mà chim lợn tìm ăn thịt người chết bay ra nhiều đến thế kia. Người ta cứ chong mắt lên cả đêm. Cũng không dám đốt lửa. Tưởng như con chim lợn ấy mà trông thấy đâu sáng, sà xuống, khoằm mỏ xé người ra mà ăn tươi cả đến những người sống ngồi đây. Chim lợn ra đông quá.

- Sao? Sao thế này?

- Tuyệt hết giống người đến nơi rồi, đến nơi rồi...

Một cụ già

- V ẫn ông lão đô hôm trước ấy, đã lọ mọ từ ngoài cửa rừng vào. Ông lão vừa ra ngoài ấy nghe ngóng về. Ông lão trở về, gặp các bà lão, cả đám đương tụ lại trước tảng đá khoảng rừng lưa thưa ánh trăng. Những người đứng đây cũng đã trông rõ ông lão bước chệnh choạng giữa vệt sáng trăng và những đống xương người.

Người càng nhao nhao.

- Sao ở ngoài ấy, cụ đô ơi! Sao, sao...

Ông lão giơ tay, hỏi lại:

- Khoan khoan. Có ai ngửi thấy mùi gì đấy không?

Nhiều người lắc đầu.

- Chẳng thấy gì cả.

Trong rừng, mùi lá mục ẩm hôi hám. Bóng tối thoảng một mảng thơm hoa dại. Cũng không để ý bao giờ. Một bà lão chép miệng:

- Mùi mẽ nào đâu!

Ông lão cười hê hê:

- Mũi chúng bay điếc cả rồi. Vào đến đây mà tao vẫn thấy nồng nặc lắm. Ngoài kia còn ghê bằng mấy.

- Mùi gì thế?

- Mùi người chết chứ mùi gì, đấy đấy.

- Người chết ở đâu?

- Rõ bọn này ở rừng lâu, cũng động đại đâm lú lấp ruột gan rồi. Mưa bão đêm qua đêm kia kéo lũ về vùi quân Tần chết đuối cả. Đấy, sáng nay ra có

thấy mống nào đâu. Xác nó trôi giắt vào khe đá, vào hố, vào bụi cây, giờ mới trương thối lên, chim lợn ra tìm ăn...

-Ồ ồ ồ...

-À thế. Mũi cái giống chim ma tha quỷ bắt này thính hơn mũi người ta.

-Quạ nữa, con quạ cũng nhạy mùi người chết lắm.

Lúc ấy, tiếng quạ rền rĩ qua. Thối nặng mùi quá, quạ ngờ sáng trắng là ban ngày, cũng bay ra tìm. Những tiếng quạ thê thảm như lọt lẩn vào tiếng rền rĩ chim lợn vang khắp xung quanh rừng. Một người nói:

-Thế thì không phải điềm xấu, mà điềm lành. Chim lợn ra tìm xác quân Tần, chứ tìm ta đâu mà lo. Thôi về ngủ, mai còn phải làm bột báng lấy cái ăn. Mấy hôm mưa bão, không giã được bột báng.

Có đám trai vừa tới, nói:

-Ai đi soi cá thì đi với chúng tớ. Nước mới về, cá lên nhiều lắm.

Đô Nôi với cả Đống và Vực cũng nhập bọn với đám đi soi cá đêm. Mỗi người, tay cầm bó đuốc nửa, tay xách dao. Như đám rước đuốc ra ngoài bờ sông. Có chỗ vũng nước cá lên nhiều quá, chém không xuể. Rồi cứ hai tay quơ túm vây, túm gáy từng con nhấc lên. Những thời, những gió đầy lên. Lại lấy dây rợ xâu mang cá, từng chuỗi. Mải mê bắt cá đến tận sáng bạch. Mỗi người trở về, vai khoác chông đồng những xâu cá dài lê thê. Bước lên bãi, thấy từ đằng ấy đi lại một đám người. Những người soi cá dừng lại nhìn. Hẳn đám đấy là bọn vạ chài quăng sông dưới lên. Những người ấy đương đi qua vùng bãi khoai đã bị quân Tần bới tan hoang, hãy còn rõ hình từng làn dây bò vòng cung phía trên mép cát. Những người chài lưới quanh năm ở sông nước, khác hẳn người quanh quần bãi đồi. Phường chài ai cũng lực lưỡng, vai nở múi thịt. Vác theo nào bộ lưới, nào chân giậm, chân đó, bê chèo, chân sào, lửa tủa xúng xoảng quanh mình. Nhưng lúc những người nhà chài ấy tới gần, Đống và Vực bỗng nhảy lên, reo:

-Chú Đô Nỏ! Chú Đô Nỏ!

Đô Nồi chạy tới, nhìn ra đúng trong bọn có Đô Nỏ. Cao Lỗ cười trần, vác cỗ lưới lù lù trên vai. Trông thấy Đô Nồi, Cao Lỗ cũng kêu:

- A, bác Đô Nồi đây rồi.

Rồi Cao Lỗ quay lại, nói với người vác đó đi liền sau lưng:

- Có bố con Đô Nồi...

Vua Thục bước lên, Đô Nồi mới nhận ra vua Thục đi ngay đằng sau Cao Lỗ. Rồi, lố nhố các quan lạc hậu lạc tướng

Cả vua chủ, cả các quan, ai cũng như Đô Nỏ, mọi người đóng khố đơn, cởi trần trùng trục. Quân Tần mà gặp tình cờ giữa đường, ắt cũng chỉ biết họ là người đồng đất sông nước vùng này. Người đơm đó dưới sông, người nhặt rau lang trên bãi. Đi đâu cũng chỉ thấy mọi người thế, bọn này cũng thế. Cả bọn hạ lưới, dựng đó, gác giậm, đứng lại. Vua Thục hỏi Đô Nồi:

- Đứa nào là Đống, là Vực? Lâu không gặp, đã nhờn khác hẳn, không nhận ra được.

Rồi vua Thục nắm vai Đống và Vực, lúc ấy đã cởi thời cá đặt xuống cỏ, bước đến trước mặt vua chủ. Người làng trong rừng ra đông, xúm quanh lại. Ông lão lưng trần rám nắng đỏ hắt như bồ quân, cười to:

- Đã bảo đừng lo mà. Nó biết thế nào được vua chủ ta ở đâu!

Vua Thục quay ra trò chuyện với mọi người. Đô Nồi hỏi Cao Lỗ:

- Chú xuống từ bao giờ?

Cao Lỗ nói:

- Nghe quân Tần lại phạm vào đất vua chủ, tôi xuống ngay.

Đô Nồi nói:

- Đêm trước tôi tìm khắp, lại phải về không. Tôi đoán vua chủ ta tránh lên ngược. Không ngờ lại xuống xuôi.

Cao Lỗ nói:

- Chúng tôi xuống đường nước từ lúc quân Tần vây tới chân núi.
- Ra đường nào mà tránh được?

Vua Thục nói:

- Lại xuống chỗ ngã ba sông Cái như mọi khi. Chỗ ấy, quân Tần không thể đánh thúc lưng được. Mà ta chỉ có mấy cái chài, cái nan, nấp vào đâu cũng dễ, chèo qua mặt giặc cũng không ngờ đâu.

Đô Nôi hỏi:

- Bây giờ đi đâu?

Vua Thục nói:

- Xuống tìm ông có việc bàn. Ta vào rừng hay ra bãi?

Đô Nôi nói:

- Quân Tần về đây, mưa bão cuốn trôi chết đuối hết. Ban đêm chim lợn ra, suốt ngày quạ kêu đi tìm xác đấy. Ra ngoài bãi quang sạch hơn. Trong rừng cũng còn ngổn ngang.

Cao Lỗ nói:

- Thế thì xuống thuyền hơn cả. Lúc này ngoài kia còn có chỗ nặng mùi lắm. Đám chài của ta cắm dưới sông sau bờ tre khuất gió. Xin vua chủ cho xuống thuyền.

Đổng và Vực theo mọi người về rừng. Đô Nôi cùng quân quan đi ngược trở lại đường bãi ra bờ sông. Con sông Cái đến mùa nước đỏ lừ, quắn quại, vật vờ. Đêm ngày dòng lũ nổi cơn không lúc nào nguôi. Quãng sông ấy đương lở, ngoáy vào, sắp lôi cả bờ tre xuống. Một doi cát trắng mọc mờ mờ như con hến mở miệng giữa những ngọn sóng cuộn cuộn hung hăng truôi xuôi truôi ngược. Chốc chốc, một tảng đất lở ra, ngã oà vào mặt nước sủi sùng sục, kéo theo một cây trám cổ thụ đương quay quả rách tơi rễ gốc ra. Cây còn vướng một nửa thân trên bờ. Những chòm rễ đã nghiêng xuống mặt sóng, như cổ giãy giụa níu nhau lại. Chỉ trong chớp mắt, những

xoáy nước chồm lên, nuốt cả rừng cây, cả bụi tre mất hút vào vực nước đương nổi bọt. Nhưng chỉ quá vào rặng tre phía trong, sau một làn cát mỏng, ở đáy yên tĩnh, không mấy may biết đến sóng nước lồng lộn ngoài kia.

Một dãy mảng nửa ngô, mấy cái nan, chiếc độc mộc chen khít nhau, đỡ kín đáo trong bóng tre. Mỗi làn sóng to ngoài kia đưa vào, mép mảng nửa chỉ nhúc nhích nghển lên. Người trong bãi phải ra sát mép nước mới trông thấy dưới rặng tre âm u, lại có đám thuyền bè bình yên đến như thế. Vua Thục bước xuống chiếc bè giữa. Trên bè, chiếu mộc trải kín bên những tấm vách phen tre cột nhãn bóng như nếp nhà xinh xẻo mọc trên mặt nước. Vua Thục nói:

- Các ông còn nhớ cổ Ông Trọng đã bảo ban ta, thế mà ta cũng không đối phó kịp được với cái bất nhất của Tần Thủy Hoàng. Ông Trọng mới dặn buông lời, ta chưa ra sông Thiếp xem xét địa thế lại lần nữa, giặc đã tràn đến rồi. Lòng người thật không biết đâu mà lường. Nó muốn nuốt chửng ta, nhưng miệng nó há chưa ngoác được quá vành đầu. Mười năm không làm gì được ta thì không bao giờ vật nổi ta đâu. Nhưng mà ta vẫn nhớ lời cổ Ông Trọng. Bao giờ xây được thành trên sông Thiếp, bấy giờ mới nên cơ nghiệp vạn đại.

Vua Thục lim him mắt, hai tay chấp lại. Như đương nhớ lúc cùng cổ Ông Trọng đứng trên đồi đá ong vàng rực nhìn bao quát ra sông Thiếp. Cao Lỗ nói:

- Mới nghe tin báo tướng Đồ Thư đuổi lương ăn đã phải xua quân trở về Núi Trâu. Bọn đi đốc lương chỉ sớm đi chiều về tay không. Bao lần lên phá ta rồi lại đã phải trở về như thế. Phen này, ta hăng tìm cách...

Đô Nồi reo lên:

- Phải nghĩ kế vào Núi Trâu.

Cao Lỗ nói:

- Thành Núi Trâu tôi thuộc như tem miếng trầu bỏ túi. Tôi cũng đương

nghe làm thế nào. Hay là tôi vác rổ gạo vào thành nhử nó. Quân Tần lúc này như chó đói...

Vua Thục mở to mắt, gật đầu:

- Các người bàn xem.

Đô Nôi thủng thẳng nói, chắc từng tiếng:

- Có cách rồi! Có cách rồi! Quân Tần háu ăn thịt trâu thui. Ta đem thịt trâu đến nhử mõm nó.

Cao Lỗ nói:

- Chúng nó ăn tiết trâu rồi. Tìm được con trâu bây giờ...

Đô Nôi cười:

- Hai cháu Đống, cháu Vực vừa bắt lại được hai con trâu của lính Tần đi đốc lương.

- Thế thì được quá.

Ba người mãi bàn luận quên cả trời đã tối. Ngoài cửa bè, các bếp nướng cá đã được bê vào. Than bắt lửa, lửa khói thơm ngậy vào trong khoang. Lát sau, trăng lên tròn vành vạnh trên ngấn nước đầu bè. Nghe tiếng sóng ì oàm xa xa mới biết con lũ vẫn đương lên. Thình thoảng, một bóng chim lợn đen sì bay qua. Nhưng không nghe tiếng kêu. Không ai tưởng vừa mới đêm trước rùng rợn đến thế. Chỉ thấy bóng trăng trắng ngần. Đô Nôi nói:

- Phen này, giặc có ba đầu sáu tay cũng không thoát được.

Vua Thục cười khà khà:

- Nhưng làm nên việc mà mất hai trâu cũng tiếc. Giặc Tần nuốt hết trâu cỡi ta rồi.

Cao Lỗ nói:

- Không, chỉ tốn một con thôi. Còn một con mang về, vua chủ mở tiệc cho tôi được thui. Tôi thui trâu, mỗi mảnh thịt, mỗi mé da chín một khác.

Ông ngoại tôi dạy cho nghề thui trâu từ thuở bé mà.

Vua Thục gật đầu:

- Được rồi.

Đô Nồi nghĩ, rồi nói:

- Không ai dám tranh chân chú đi Núi Trâu chuyến này. Nhưng ta vẫn cứ phải cẩn trọng đến điều. Tôi cho cháu Đống đi với chú. Cháu Đống vốn kỹ tính và gan liên, chú Đô biết cháu rồi.

Cao Lỗ reo to:

- Hay đấy! Cháu Đống...

Vua Thục nói:

- Ông Đô tính thế phải.

Vừa lúc, các quan hầu bưng vào trong bè nguyên cả những vỉ than hồng rực. Vua Thục hỏi Cao Lỗ:

- Biết thui trâu, có biết nướng cá không?

- Nghề nướng cá, trước phải biết lóc cá.

- Giỏi, giỏi...

Tình mơ hôm sau, sương còn lan mù mịt khắp bến bãi, đã nghe tiếng móng trâu lóc cóc, huỳnh huých trong rừng ra.

Cụ già dậy sớm ngồi cửa hang nhớ những năm còn bình yên, trâu bò đứng quanh nhà, sớm sớm, con chơi nhớn, con đợi đi với người xuống bãi. Có người nhìn thấy ở trong rừng ra, Đô Nồi cười con trâu đi trước, Đống dắt một trâu theo sau. Bỏ con đi đâu sớm thế. Tan sương, trên bờ sông lại thấy Cao Lỗ và Đống cười trâu đi. Đô Nồi còn lơ đãng theo đến lúc mặt trời lên ngang ngọn tre mới dừng lại. Hai chú cháu sang Vũ Ninh. Cứ đi đến giữa trưa, trời nắng to, lại nghỉ, vào rừng kiếm cỏ tốt trâu ăn. Đống tắm sạch sẽ cho trâu. Mông trâu nổi bóng tròn khoáy. Người và trâu thông thả vừa đi vừa nghỉ ngơi, chẳng vội.

Hôm sau lại đi sớm. Tối lúc nắng gắt, tìm bóng mát, dừng chân như hôm trước. Thành thơi, cốt cho con trâu kịp mỡ màng lại sức, trước khi về đến Vũ Ninh. Mải tính, mải làm, không để ý cả nổi hiu hắt dọc đường. Lắm hôm suốt ngày chỉ đi qua những dãy đồi trơ trọi. Cả vùng làng xóm bị đốt từ lâu. Dây bìm nở hoa xanh dại, ngấn ngơ bò trên cột nhà cháy đen. Không một bóng người. Nhìn ra, Cao Lỗ nói:

- Người già thường ví rậm người hơn rậm cỏ. Chỉ vì giặc Tần mà nên nông nổi này.

Đồng trông quanh mình, thấy chơ vơ thế, chợt cũng rầu rầu nghĩ. Cao Lỗ vốn người quê ở Vũ Ninh. Mọi đường ngang ngõ tắt ở Núi Trâu, Cao Lỗ thuộc lòng.

Đã mấy năm, quân Tần đóng trong thành, Cao Lỗ vẫn biết nơi ăn ở, mọi ý nhẽ đi lại của quân quan nó. Đã về tới chân thành Núi Trâu. Cao Lỗ tìm vào một cánh rừng trúc cho trâu nghỉ mấy hôm. Cao Lỗ bảo Đồng đi chặt măng để trâu ăn thêm. Lại dắt trâu xuống tắm suối. Rồi kéo trâu vào nằm mát dưới bóng cây. Không để lộ một vết móng chân. Ngày ngày, Cao Lỗ mò vào thành nghe ngóng. Lệ bọn nhà bếp các trại quân thường ra bờ sông vác nước chiều chiều. Cao Lỗ đã biết đích chỗ bến bếp dinh tướng Đồ Thư.

Chiều hôm ấy, Cao Lỗ buộc một con trâu đứng lại một mình trong rừng trúc. Đề phòng chưa được, còn tính việc sau. Cao Lỗ ung dung cười một con trâu đi. Con trâu quý, cổ quấn vòng thòng lọng dây mây, có Đồng thông thả đi trước dắt. Cao Lỗ cỡi trần, một bên sườn gài chiếc ống bương to, mặt đã lên nước bóng nhoáng, -ống uống nước, ăn cơm hay để đựng mắm muối gì cũng được. Lại đeo thêm cái kẹp mo gói cơm, như người đi việc quan ở xa về. Trâu được tắm tấp nghỉ ngơi mấy hôm, trông phồng phao hẳn ra. Mình trâu đen nhánh, bụng mông tròn nẩy, đã ra dáng bước khệ nệ của con trâu nặng thịt.

Mấy năm nay họa hoằn mới gặp được con trâu ngoài đường cái. Thế mà có con trâu béo tốt như vậy cứ thủng thỉnh dọc bờ sông, thật là một của lạ. Ai tinh mắt cũng đoán được trâu ấy không phải trâu cày, mà trâu thịt. Trời

đất này, rước trâu thịt đi cho hổ xơi chẳng. Không phải, đây chắc lại bọn trộm trâu hay phường thui đem bán. Hay là quân quan vừa bắt được trâu trong làng. Nhưng trông bọn người lớn bé này không phải lính kẻ Tần. Chẳng hiểu ra sao, thật khó đoán. Thành Núi Trâu trước mặt. Thế nào mà người cưỡi trâu, người dắt trâu cứ lúi lúi đi vào phía mất của thế kia. Trong thành, thấp thoáng người đi vội vã. Mười năm nay, chẳng còn mấy nhà ở lại các phường. Người đã bị đóng gông chết cả. Hay trốn tránh đi đâu. Bọn quân Tần lũ lượt kéo xuống sông lấy nước. Kẻ xách thùng gỗ. Kẻ vác ống vầu cao lêu đêu, như người trong làng. Một bọn đứng tụ lại, ngậy nhìn con trâu và người cưỡi vắt vẻo. Lại có chú bé dắt đi bước một, như rước trâu. Có người kêu:

- Con trâu béo ngon quá.

Một người đuổi theo, quát to:

- Bắt lấy! Bắt lấy!

Cao Lỗ quay mặt lại, hét:

- Càn rỡ gì nào! Trâu này quan Đô Úy đem biếu tướng quân. Đứa nào thử đụng vào cái mõng trâu xem, toi mạng ngay. Không nói giỡn đâu.

Bọn nhà bếp đứng trôn trôn nhìn theo. Có người mới nghe nói thế, đã sợ lòi thối, xách thùng lảng xuống bờ sông. Đổng dắt trâu, bước càng nhẹ nhàng. Tin lan khắp nơi về con trâu của quan Đô Úy đem biếu nên mới có người cưỡi người dắt oai thế. Ai nhìn cũng tấm tắc khen trâu béo. Chỉ đứng trông theo, không dám lòi thối. Cao Lỗ lên mặt thành thạo, vừa bảo Đổng, lại như nói với người ven đường:

- Đường này, đường này vào bếp. Đi tắt cho chóng. Đứa nào người nhà bếp, vào bẩm tướng quân ra xem con trâu béo rồi tao mới thui. Được con trâu sừng mắt thế này không phải dễ đâu. Phải lùng vào giữa rừng mới tìm ra chỗ các làng giấu trâu đấy.

- Được nhiều không?

- Mấy chục con mà.

- Sướng quá!

Bọn đứng quanh bồng vui quá, thèm quá, kêu lên. Rồi xúm xít đi quanh con trâu vào dinh. Quả thật, giá có ngả được con trâu, không ăn nổi miếng thịt miếng gân, chỉ gặm được mẩu xương quân quan cũng hả. ở Vũ Ninh, gần đường quân lương Nam Hải tải sang mà còn đói vêu vao thế, huống chi quân đóng tận những đâu xa. Thèm cái ăn cái uống quá. Người các làng trốn đi hết, không đào đâu nổi một miếng. Lại mùa nắng đổ lửa xuống, người ta có để sót lại vùng lúa chăm, lúa ma nào, lúa cũng chết queo khô hết. Chẳng bắt nổi con cá ở đâu, đừng nói. Cả đến con rắn ráo, con giải, con thường luồng sợ nắng cũng chạy hết lên nguồn. Đói quá, đã có người lên ngọn nước tìm bắt. Nhưng không thấy đám nào lên đấy còn trở về. Trên ngọn nước, cá sấu và con hổ, con báo ngồi một lũ như tảng đá, rình mồi. Khốn nỗi cả đến cá sấu và con trăn trên ấy lúc nào cũng đói. Không ai dám đi nữa. Lâu lắm mới lại có người dẫn con trâu đến bếp. Quân Tần mới biết mùi, mà ai cũng thích thịt trâu thui chấm bồng gừng. Khi nào được trâu cũng phải tìm phường thui đến. Tướng Đồ Thư thấy người nhốn nháo ngoài cổng, bèn từ trong dinh bước ra. Cao Lỗ không biết mặt Đồ Thư, mà cũng đoán biết ngay. Hai hàng lính dựng ngược giáo, từ trong thềm tiến theo Đồ Thư. Mặt quân mặt quan khác nhau, dễ nhận được. Ông quan da dẻ đỏ lựng, có bộ râu ria đen nhánh, mặc tấm áo lụa phanh cả hai vạt. Cao Lỗ sụp xuống, cúi đầu, nói to:

- Quan Đô Úy có con trâu đem biểu tướng quân, sai phường thui tôi...

Đồ Thư vuốt râu, cười khành khách. Cao Lỗ lại nói:

- Quan Đô Úy dạy tôi thưa tướng quân rõ trâu thịt để cách đêm bị ngót, xin cho phường tôi thui ngay. Rồi chúng tôi lại phải về ngoài thành trong đêm để thui trâu khao quân ngoài ấy cho được ngon thịt.

Một ông quan bước ra:

- Tướng quân lệnh cho phường may thui trâu.

Mỗi khi Đồ Thư cùng bọn thủ túc nhớ lại lời vua Tần truyền năm trước ở Hàm Dương: “Nước Âu Lạc nhỏ như cái đấu, ta đóng vài đấu hết người”, cả bọn lại cười ngất. Đã ngoài mười năm rồi, mà chưa biết còn phải bao nhiêu năm nữa mới đóng được hết người Âu Lạc. Nhưng quả là tướng ngồi trong thành khác quân đi trận mạc, quân đi thúc lương lam sơn chướng khí rừng sâu núi thẳm năng nôi chết đường. Cũng đôi lúc nóng lòng, thở dài, nhất khi oi bức thường này. Nhưng rồi ngày ngày quân quan đi đốc về được các thứ lạ mắt, lạ miệng. Những của ngon vật hiếm chưa bao giờ thấy. Lúa làm kẹo mạch nha. Mía kéo mật. Gạo cấm nấu rượu. Những quả ngon có ở phương nam, nào chuối mần, chuối lá, nào nhãn lồng, nào dứa. Các thức nhấm, trâu thui, cá anh vũ, chim dẽ, sâm cầm, vịt trời, một đời chỉ khi đến đây mới được thưởng thức. Cứ thế, lần nữa...

Một hồi trống lệnh nổi lên. Cả vùng sân nhà bếp, hai hàng lính cầm dựng ngọn giáo, đứng dàn rộng ra xung quanh. Tướng Đồ Thư đích thân ra xem thui trâu. Tướng ngồi ghế tựa, cời trầu, bên chiếc bàn độc đặt tước rượu cấm. Cao Lỗ cầm con dao mổ của quân nhà bếp vừa đem ra. Đống ôm rơm, chạy đi chạy lại, thoăn thoắt. Trong nháy mắt, đã chộc tiết trâu xong. Một mình Cao Lỗ cõng con trâu từ dưới bờ sông lên đặt giữa bãi cỏ. Quân Tần tíu tít khiêng rơm đến. Đống nhanh nhẹn gậy rắc rơm quanh trâu, chỗ dày, chỗ mỏng, rõ thạo tay thui. Phường cả Cao Lỗ vào ngồi ghế đầu. Trước khi châm lửa, người phường thui thường ngồi nghỉ thong thả thế. Chỗ ấy đã được bày ra một cơi trầu cạnh một đĩa đèn. Cao Lỗ cời ống bương ở lưng, cầm cả liễn nước chè tươi đổ vào ống. Thì ra ống ấy là cái bát. Cao Lỗ uống một hơi. Mồ hôi trán vã đầm đìa. Lúc vào thui, thỉnh thoảng Cao Lỗ lại nghỉ tay vào uống nước ăn trầu, để Đống dọn dẹp rồi lại ra hơ. Cao Lỗ nhặt miếng trầu đưa lên miệng, mắt đảo nhanh sang chỗ Đồ Thư ngồi giữa sân. Một hàng quân như bờ rào dàn ngang trước mặt. Lại có thêm mấy viên quan đương xúng xính ra. Nghe có phường thui giỏi, ai cũng ra xem. Quân quan bắc ghế ngồi vây quanh chiếc bàn độc xế tay phải Đồ Thư. Chủ tướng Đồ Thư đương nâng chén. Từ chỗ Cao Lỗ đứng đến chiếc bàn độc có tầm ngoài mười sải chân. Cao Lỗ lại ngẩng mặt nhìn vòm trời tối đen. Chốc

nữa, lửa nổi lên, oi bức thêm, nhờ nó lùi vào nữa, chưa biết thế nào. Cao Lỗ khấp khởi lo. Dù sao, Cao Lỗ vẫn đứng dậy, nhẹ nhàng bước ra bãi. Đồng ngồi lại cạnh cối trầu, tay uốn éo vặn con cúi rơm để chốc nữa hơ lần cuối. Cao Lỗ thối lùi rồi chồm vào đồng rơm đã được phủ lên khắp mình trâu.

Lửa nổi bùng bùng. Trời đêm nóng rực chẳng khác ban ngày. Vòm không đen kịt. Những ngôi sao nhấp nháy, cũng như những đốm lửa. Bọn quân túc vệ đứng gần sợ rất mặt, đã lùi xa cả vào mái trong. Những người khiêng rơm đến, vừa ló ra, quăng rơm, lại nhào vào ngay. Nhưng vẫn nhiều lính ra đứng xem. Người phường cả thui trâu khéo như múa gươm, ai cũng phải trở mắt nhìn. Cao Lỗ nhanh như vượn, thoăn thoắt nhảy quanh bốn góc, luôn tay gảy rơm, tay quạt. Lúc nào rơm cũng cháy đượm đều từng mảng lửa. Rồi Cao Lỗ và Đồng lại giơ tay lật mình trâu ngả hai phía. Bốn vó trâu cong lên. ấy là lúc người phường thui khó nhọc nhất, mà phải khéo tay. Cao Lỗ cầm chiếc que cời dài bằng cả chiếc đòn càn. Cao Lỗ cời nạm rơm đương cháy rừng rực áp vào khoeo trâu, vào nách, vào cổ, mọi chỗ lồi lõm. Xong đâu đấy, đốt con cúi cầm tay, cúi xuống, dán mắt vào từng chỗ, hơ lại lần nữa cho khoảng thịt ở miếng khúc khuỷu nào cũng được tái đều. Trên mình Cao Lỗ rườn rượt mồ hôi ướt như đi giữa trận mưa rào. ánh lửa nhấp nháy, nhể nhại. Cao Lỗ vẫn vờn quanh con trâu, áp lùi nhủi lửa vào từng mảng. Lát sau, Cao Lỗ vớt đuôi con cúi rơm xuống đất rồi ném chiếc que cời lên những nạm than rơm rực đỏ trên sườn trâu thui.

Cao Lỗ quay lại, chấp tay vái vào chỗ Đồ Thư. Đồ Thư vẫn ngồi nguyên như lúc nãy. Cao Lỗ kính cẩn không dám đi ngang phía ngoài nơi quan ngồi, mà cứ bước giật lùi vào chỗ khay trầu cau. Thui trâu đã xong. Chỉ còn giới nước cạo sạch rồi khiêng đi đổ. Cao Lỗ ngồi xuống cánh phản, nhắc cái đuôi khố vắt lên bẹn. Đồng đã thuộc hiệu vậy. Đồng bưng chậu chạy ra chỗ những ống nước dựng khuất ngoài cổng. Lúc đợi trâu chín ngấm, Đồng hăng lấy chậu nước vào cho bác phường cả lau mặt. Đồng khiêng ống nước xuống. Nước ồng ộc chảy ra. Nước chảy tràn xuống cỏ mà Đồng không để ý. Đồng vẫn đứng nán lại ngoài ấy, khuất trong bóng tối, nhón nhác nhìn

vào... Trong kia, Cao Lỗ lại thông thả cời cái ống bương, nhắc liền đổ đầy nước chè tươi, đưa lên miệng. Cao Lỗ uống nước, nghiêng ống, chớp mắt nhìn. Giữa sân, tướng Đồ Thư, mặt rạng rỡ vẻ thích thú vừa được xem thui trâu. Tướng Đồ Thư buông cái quạt lông trĩ, nâng tước rượu cầm, nhấp giọng. Bọn quân quan đứng lố nhố quanh bàn. Cái ống bương Cao Lỗ uống nước đã đưa lên ngang mặt, tì vào má. Sắp hết nước, không thể để mãi cái ống bương thế mà nhìn trộm quan. May quá, các quan đã bưng rượu giãn ra, lui về chỗ cũ, ngồi uống chén rượu thưởng của chủ tướng. Một cơn gió mát dịu thổi tới. Đám lửa than trên mình trâu bỗng rực lên. Cao Lỗ đưa tay, ấn cái tròn ống bương. Hai cánh nỏ uốn ôm quanh đầu ống bật ra. Phát tên bay biến vào sáng đèn lẩn sáng lửa rơm và bóng tối. Tướng Đồ Thư ngã lăn trên kỷ xuống giữa sân. Quan quân nhốn nháo, tán loạn. Máu cổ Đồ Thư phun ồng ọc như con trâu bị chọc tiết lúc nãy. Người la hét, chạy tứ tung. Thuận tay dao mổ trâu, Cao Lỗ chém xả mấy người chạy qua trước mặt, không biết quân hay quan. Có người toạc rời vai ra, còn kêu rống. Lại càng loạn xạ. Đống đã chạy trước xuống đợi Cao Lỗ dưới bờ sông. Ngay đêm ấy ra rừng trúc, dắt con trâu còn lại, hai người đi cả đêm về Chiêm Trạch. ít lâu sau, tin bãi binh từ Hàm Dương đã sang tới Âu Lạc. Quân quan Tần nhảy cuồng lên. Chẳng biết sướng quá hay sợ quá. Không ai bảo được ai nữa. Trong thành ngoài nội khắp nơi hốt hoảng, hấp tấp, hỗn độn, lung tung. Rồi tranh nhau chạy thực mạng. Không biết đâu có cầu, có bè mảng, có phao, có thuyền. Cứ trèo lên nhau rồi lại vúi nhau lại. Gặp đầm vực, gặp sông, không dám ngoảnh đầu, thế là đùn nhau lao cả xuống. Mùa nước đương theo các ngọn lũ về, khắp nơi lụt lội. Quang cảnh sông lũ cực kỳ rùng rợn.

Trên các triền nước phù sa đỏ như máu, từng đàn điều hâu, đàn quạ và chim lợn lại ra ăn ban ngày trái lệ thường. Tất cả quần lại, bay là là thành những đám mây đen ngòm thấp ngang mặt nước. Đàn chim đuổi theo những xác chết. Trên sóng nước xoáy ào đi, xác người ngổn ngang chen bên những cây gỗ mục trôi băng băng. Quạ, chim lợn, điều hâu ăn nhau đổ xuống những xác chết trôi, rửa rúc mãi mê đến lúc xác người bị móc rửa chỉ còn lại bộ xương đương chìm dần. Chợt thấy nước ngập tới lưng bụng,

chim mới hồi hả cất cánh. Từng đám lại bay tìm trên xoáy nước, hăm hở, cuống quít đuổi theo, sà xuống những cái xác khác. Dòng sông cứ sẫm đỏ, sẫm đen như thế ra mãi cửa bể ngoài Ninh Hải.

III

Tướng quân họ Cao tên Lỗ, người Vũ Ninh. Thời An Dương Vương, tướng quân được vuốt thần Kim Quy, chế ra nỏ linh quang thần cơ. Dem nỏ bắn vào quân giặc, chúng không dám đến gần. Tướng quân đã nhiều lần đánh lui được giặc, lập công lớn. Sau bị lạc hầu dèm pha rồi An Dương Vương trừ bỏ .

Vũ Quỳnh và Kiều Phú (Lĩnh Nam Chích quái)

Cao Lỗ có công giúp vua Thục đắp thành Cổ Loa rồi làm lấy nỏ thần. Thành đắp đã cao mà chỉ một đêm, bị sập xuống như đất bằng. An Dương Vương ra xem nơi thành đổ, ngẩng mặt cầu trời phù hộ. Một ông lão râu tóc bạc phơ, từ xa đến, mà rằng:

“Sáng mai nhà vua ra bờ sông đợi, sẽ gặp giang sứ”. Sớm hôm sau, An Dương Vương ra bờ sông. Thấy một con rùa nổi lên, từ phía đông bơi vào. Tự xưng là thần Kim Quy. Vua hỏi kế đắp thành. Thần Kim Quy làm bùa yểm ma xong rồi rút ra chiếc móng trao cho An Dương Vương, dặn: Móng này làm lấy nỏ giữ thành. Một phát chết nghìn giặc.

(Ngọc phả Thục An Dương Vương đền Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội)

* * *

Ngã ba sông Cái mệnh môn suốt cửa sông Thiếp, sông Lú

Cả đến những bãi cát lẫn dòng nước cũng đỏ ối tới chân trời. Mấy con chim bói cá vẫy cánh đứng trên xoáy nước xoay tròn, chốc lại nhào xuống. Những con rùa đương bơi, thỉnh thoảng vươn cổ lên. Con chim bói cá vừa bổ ngang tầm, hốt hoảng hất bay. Như ai ném xuống rồi lại đón khỏi mặt nước chiếc hoa móng rồng nở cong cánh. Bói cá lại ra khoảng nước chỗ khác,

chấp chới nghiêng nhòm xuống rình bắt mồi. Đàn rùa bơi lướt qua. Những bàn chân rùa đập nước khoan thai như những chiếc bê chèo. Người các cõi về đắp thành, đi giữa trời nước ấy -như những đám trảy hội. Trong ánh nước, tiếng hát rập rờn thoang thoảng khắp các vùng đồi bãi hai bên bờ. *Khăn vuông ai đội Khăn điều ai vắt vai Ai đi nhớ Về thương Khăn điều ai vắt vai ai* Chưa bao giờ các nơi sông hồ, các đồi đá ong vùng Kẻ Vang, Kẻ Nhồi đông vui đến thế. Suốt dọc sông, tấp nập người đắp tường thành. Không phải chỉ người đi, mà người đến ở. Như mỗi khi mùa gặt tới, các làng dọn ra ở đồng, dựng lều lán lên. Xung quanh quây nứa, thả con lợn, con trâu ngoài bãi. Khói thổi cơm nghi ngút. Tiếng trẻ con buổi chiều hòn ời ời. ở đây cũng thế. Nhưng không phải thời mùa màng, mà các lều cứ dựng san sát. Trời vừa dựng sáng, người đã tấp nập ra. Những gò đất được đắp lên, đứng tròn như cây rơm. Dưới những ao chuôm vừa đào sâu hùm, người lũ lượt xuống đội đất. Những khoảng bãi trống phơi đất luyện được nắng, đã khô trắng. Đàng xa, không biết người ta đốt lò hay cháy rừng, hay thui lợn, khói cuồn cuộn bốc. Trước mặt, từng bọn trai tráng cởi trần khố bao, tóc dài ngang lưng. Lắm đám đứng lẫn lộn cả với các chị áo ngắn váy cao khăn vuông trùm chỉ hở hai con mắt

N hững người đội đất. Một lũ gánh gồng cỏ cho ngựa. Một toán cụ già đứng bện chảo. Mấy cụ ngồi lẫn trong đám, bưng bát uống nước chè xanh. Khói thơm ngọt như mật mới. Người bước trong lều ra, te tái đến chỗ này, sang chỗ kia, mỗi nơi mỗi việc. Chẳng mấy lúc, các chạ đã khiêng ra những thúng cơm tẻ, những nia cơm nếp bốc khói. Lại vác ngổ ngang đến những xâu thịt nai, thịt hươu cùng với những ống tre đã róc vỏ, cháy sém những ống cơm lam vừa chín, còn nóng hằm hập. Đám các làng chạ đàng kia đã dọn cơm rượu. Những nơi khác còn mê mải làm. Những đồng đất cao bằng gò. Chiếc cung căng dây xắn đất đem phơi. Mỗi tảng đất tròn thu lu như cái thúng đại, thuận lỗ xâu giữa. Một chiếc chảo dài thông vào. Hàng dãy người gò lưng đứng một lượt kéo từng tảng đã khô xác lên đỉnh gò, rồi dòng xuống bên kia, xếp lên từng khúc tường thành cứ vòng tròn cao dần.

Xa xa, không biết phía nào, tiếng hát cất cao lên. Những gò ụ tường

thành mỗi hôm trông lại thấy cao hơn đầu người hôm qua. Rồi đến khi phải đội nhau trèo lên mới đắp được. Người càng đông xúm xít quanh các bờ tường, các bậc đá, các dốc cỏ mỗi lúc một khác. Thế mà người các nơi vẫn kéo về đông. Những túp lều xúm xít nối nhau ra tận ngoài cửa sông Thiếp. Những cô phường đấu người Chu Diên đội từng tảng đất nạc vừa vác dưới chuôm lên. Các cô đi một lượt, vắt vẻo hai tay, khăn vuông đen, áo cánh, váy xắn quai cồng. Người mảnh dẻ như chiếc măng trúc, mà sao đội vác được nặng thế. Ấy cũng bởi vốn người vùng bãi, năm nào cũng phải nạn nước lụt. Nhà ở phải đào vực lấy đất đắp thành gò san nền. Sau mùa nước, lại đào đắp lại, năm nào cũng thế. Vậy nên phường đấu giỏi đội, không đâu cổ cứng bằng người đất bãi ở Chu Diên, ở Mi Linh. Tiếng hát chập chờn đưa các cô đội đất lại gần. Không biết tiếng hát các cô đội đất toán ấy hay toán nào đằng kia. Phía nào cũng nghe văng vẳng tới. Một cô phường đấu người mảnh khảnh. Tảng đất to hơn chiếc thúng cái ngất ngểu trên đầu. Cô đi lên trước. Đến khi cả bọn tới, trông cô ấy cũng lẫn vào với các cô khác. Váy áo giống nhau, chiếc khăn vuông trùm hụp, kín mít. Đi qua chỉ thấy lấp loáng một ánh mắt và nụ cười hệt nhau. Bọn các cô phường đấu đương rờn rần đi tới. Bên kia, đứng đầu chảo chuyển đất tảng vào chân thành, những người trai làng ngẩng đầu nhìn sang toán các cô phường đấu. Tiếng "dô huầy dô huầy" lại rầm lên. Cái chảo căng thẳng, thả đất từ trên mỏm gò xuống vực móng vừa khéo, tảng sau khít tảng trước, như khớp quánh lại. Mồ hôi ròng ròng trên mình những người kéo chảo. Khố vắt đuôi lươn, ngực trần, lưng vai bắp căng múi. Tảng đất theo chảo buông theo tiếng "dô huầy" lại rộ lên rồi thềm thì cho đến lúc tất cả rời tay, cùng reo à một tiếng giật mình. Tảng đất đã lại khớp vào hố móng. Những cô vừa đội đất đến cũng lao xao nói sang: "Khéo quá! Khéo quá!" Một người trai trẻ đưa cùi tay gạt mồ hôi trán, nhìn ra. Những người con gái đã đi qua trước mặt mà tiếng hát vẫn rập rờn đâu đây, xa xa gần gần. Có phải tiếng hát của những người đội đất vừa lướt qua. Không chắc. Hình như phía nào cũng đương xông xáo, phảng phất tiếng hát. ánh mắt những cô gái đội đất lúng liếng sang. Các cô đi qua, đưa mắt nhìn trộm các chàng trai lại đương căng tay kéo chảo, buông từng tảng đất, từng tảng đá ong xuống lòng móng tường.

Lúc ngẩng lên, càng náo nức. Bao nhiêu đôi mắt thiết tha, những nụ cười lại tíu tít khúc khích trong làn khăn. Biết ai vào ai. Rồi tiếng hát lại cất cao. Tiếng hát, tiếng cười và những dòng người đội đất đã đi khuất vào những gò đá ong tận đằng kia. Người đắp thành vẫn về thêm nhiều. Đông đến độ không ai chỉ vẽ ra đâu đám người làng hay đâu là quân quan vua chủ. Bởi việc quân cơ bấy lâu đã được sắp đặt đâu ra đấy. Các cỗi nuôi quân tuần phòng, cấp gạo, mắm muối. Kho vua chủ phát áo giáp da trâu, mũ da trâu phết sơn điều cho quân lo trận mạc quanh năm. Các chợ đều có quân đốc binh ngồi lấy da trâu về thuộc làm giáp trụ việc quân. Cỗi nào cũng sắp sẵn các kho binh khí đã quy rõ số mục từng nghìn nỏ cánh hóp đá, bồ tên trúc chẻ, rồi câu liêm, cán giáo dài đánh bộ, đánh ngựa, đánh thủy, đủ lệ. Cả đình ba mũi đồng, mộc gỗ mít, khiên ken năm tầng dây mây, ba lớp song uốn. Mọi cái đủ bộ rồi mỗi năm hai kỳ mở cuộc tập luyện, làng chạ nào cũng như vào hội. Lại cứ đầu mùa nắng, con voi, con ngựa ở hoang trong rừng đương kỳ sinh nở, các phường săn đi lùnh bắt voi, ngựa con về vực cho thuần thành voi chiến, ngựa chiến.

Khắp các cỗi rầm rập một phép vua. Một trăm mũi tên trong máng nỏ bắn ra cùng lúc. Bao năm, đâu đấy một lệnh. Ngoài bãi, trong làng, trên ngọn nước, trong thành đều sẵn sàng mà thuận hòa. Đâu cũng nức tiếng đồn có được bọn ông Đô Lỗ, bố con ông Đô Nồi với nhiều người tài ở xa về giúp dập vua chủ, đất nước được vỗ yên từ ấy. Lạ thay, không ngạch quân, không cơ ngũ, mà có cả. Cứ đến kỳ tập giáo, tập khiên, đánh roi, đánh ngựa, trai tráng các vùng tụ hội đủ mặt. Xong đâu lại về đấy. Năm nay, khí thế khác hẳn mọi năm. Người về xây thành vua chủ, lại người được gọi, như mọi khi hội quân các cỗi. Đâu đâu cũng tấp nập. Trai tráng cả nước đóng khố ba bảy, cỡi trần đi đông nghịt về đắp thành. Đông hơn hội quân! Các lão bà, các ả ngoài nội trong thành kéo ra. Chiều đến, người phường nào, chạ nào tụ tập lại. Dọc sông sáng rực đuốc đóm. Chỗ hát xoan, hát thương hát nhớ, chỗ đấu roi, đấu vật, rộn rã đến khuya. Hôm sau, quanh thành lại như mọi hôm, hàng hàng người đội đất, người nằm chèo kéo đá ong quanh co lên các mép lũy. Có đến trăm nghìn đám kéo chèo, biết đám

nào là đám chàng trai hôm qua gặp các cô phường đấu đội đất? Cụ già râu bạc phơ đứng trong nắng, trần lưng, vắn những thanh giang đánh chảo. Trong mọi đám làm nhà, dựng lều, việc bện thừng chảo, đấu cũng các lão ông làm. Tay cầm mảnh giang, mảnh nứa, vỏ sui, sợi móc điều, đây là công cả năm đi tìm chặt về, nào ngâm, nào phơi, nào chẻ, cứ chất đồng lại. Chỉ có người già mới biết nhặt nhanh kiên tâm, kỹ tính đến thế. Trên bãi dưới sông, bốn phía lại tấp nập ngổn ngang những người là người.

Một bọn các cô gái vừa trở lại, đi qua đám con trai đương cầm cúi luôn chảo xâu những tảng đất đá ong. Các cô về vắt vẻo đi tay không. Trên khăn vuông đội đầu chỉ còn lại mảnh lá cọ lót. Người trai buông chảo, ngẩng mặt nhìn ra, cười hỏi:

- Này ai ời! Người đâu mà hát hay thế?

Một cô gái đáp:

- Chúng em người chạ nhà thôi.

- Mi Linh hay Chu Diên đấy?

- Liền anh ở đâu ta hăng cho chúng em biết trước đã.

- Cũng người Chu Diên, Mi Linh mà.

- Này liền anh ời, thế thì làng trên chạ dưới rồi. Đám trai cười vang. Bên kia, những tiếng khúc khích, và cả những miệng cười nụ không ai nhìn thấy. Vẫn chỉ thoáng những ánh mắt. Bấy nhiêu cô, cũng giống một cô như thế.

Nhưng một người trai đã đứng lên, nói to:

- Không, không phải. Nói dối rồi. Xưng là người ở đây mà không tường mặt tướng quân Cao Lỗ à? Gái côi nào mà khéo đưa đẩy mồm miệng thế?

- Tướng quân Cao Lỗ...

Người con gái từ nãy đối đáp với chàng trai vừa nói dở câu ấy rồi dường như ngạc nhiên, im lặng, ngượng nghịu, lúng túng, quơ tay lên đầu, kéo mảnh lá cọ xuống. Nhưng mảnh lá cọ đã bay lúc nào. Cô luống cuống, sợ

hải. Tướng quân Cao Lỗ đây ư? Người đứng đầu chảo kéo đất hay người nói như tự xưng ấy. Không, ai thì ai, cũng chắc là phải có tướng quân Cao Lỗ trong đám kéo chảo bên ấy, người ta mới nói thế. Làm sao mà từ nãy vô ý dấm chột nhả xác xược đến thế. Chết rồi. Cô gái cúi nhặt tàu lá cọ cầm trên tay, nhìn sang. Nhưng trong làn khăn vuông, trông lại cũng vẫn chỉ thấy một ánh mắt. Không ai biết cô gái ấy đương hốt hoảng run rẩy. Người trai trẻ vừa nói, lại buông chảo xuống, cười mím.

- Phải, tôi là Cao Lỗ. Cao Lỗ tôi được vua chủ sai ra đắp thành.

Nghe câu nói nhẹ nhàng vậy mà cả đám các cô gái lập tức ngồi xếp chân xuống, xếp bằng, xòe hai bàn tay trên mặt cỏ, đầu cúi rạp.

- Chúng tôi không được biết để lạy chào. Xin đức ông tha tội chết cho.

Một bọn xe trâu tải đá ong trong đồn đường lũ lượt ra. Từ đây vào vùng quanh rìa chân núi chông chắt, trập trùng toàn đồi đất đá. Người ở các vùng ven rừng đắp tường nhà đã thạo đường vào đào đá ong. Mấy nhát thuổng, bẩy lên được tảng đất thó vàng lỗ chỗ. Chỉ vài nắng đã rắn thành đá. Tường thành đương xây, trong đất luyện, ngoài đá ong. Suốt ngày, những đàn trâu kéo chiếc xe quệt Cả cây gỗ rồng lết sau lưng trâu, trên chất đồng đá ong đưa ra, xếp cao thành gò quanh thành. Những chiếc xe quệt trâu kéo đương hùng hục tới, không biết có bọn người lỗ nhổ trước mặt. Cao Lỗ quát to:

- Thôi thôi, đứng lên. Đất đương đợi người đội kia mà lại ngồi đấy cho trâu xéo chết a!

Cả bọn khép nép đứng dậy rồi đến lúc lùi được ra tận đằng xa mới dám quay mặt đi thẳng về phía đồng đất. Cao Lỗ tần ngần nhìn theo.

- Quái, sao trông các cô này quen quen.

Một quan lạc nói:

- Tướng quân cũng không nhận ra những người nào đấy à? Thế thì bắt lỗi người ta không phải rồi.

Cao Lỗ cười:

- Ai cũng trùm hụp khăn vuông kín mặt mũi tóc tai thế, biết ai với ai được!

Ông quan cầm chầu đứng cạnh Cao Lỗ nói:

- Các cô nàng hầu công chúa đây.

- À , các cô nàng hầu ra làm phường đấu. Phải rồi. Thảo nào mà trông quen.

Mấy người bàn tán:

- Có hôm, công chúa cũng cùng ra đội đất với các cô nàng.

Cao Lỗ chau mày nghĩ, rồi hỏi:

- Có phải trong bọn các cô nàng vừa rồi có cái nhà cô Tầm thuở bé chạy giặc Tần phải vào ở với vườn trong rừng, học được giọng vườn, hát hay, rồi vua chủ kén vào cung phải không?

- Đấy, đấy.

Phảng phất đâu đây tiếng hát cất lên trong veo như nước ngọn suối. Không lẫn với tiếng ai được. Phải như đã bao nhiêu năm ở rừng, rồi tiếng gió, tiếng ngọn nước, tiếng chim, tiếng vườn đã dọn giọng, luyện giọng cho cô Tầm được giọng hay từ khi chưa biết cất tiếng hát. Các cô nàng ra làm phường đấu đã vắt vẻo đi một dãy trở lại. Tảng đất mới xăn dưới chuôm lên đặt trên khăn vuông lót tàu lá cọ. Đẳng ấy, từ lúc nãy đến giờ, đám các cô cũng vẫn chưa dứt câu chuyện gặp nửa sợ, nửa bàng khuâng.

- Lần này mới thật được giáp mặt đức ông.

- Mọi khi em đã trông thấy đức ông vào trong thành. Thế mà hôm nay các quan trần lừng ra kéo đất đã lẫn lộn với trai các côi, em đâm quáng mắt không nhận ra.

- Sao đức ông còn trẻ mà đã tài giỏi thế?

- Nghe hồi đức ông theo vua chủ đi dẹp quân Tần, người chưa được hai mươi tuổi.

- Giỏi quá.

- Hai mươi tuổi!

Ai thương ai nhớ Khăn điều ai vắt vai ai Các cô đội đất đã trở lại qua trước mặt đám người đương kéo đá ong vào chân thành. Nhưng lần này các cô rón rén bước nhanh vùn vụt. Cao Lỗ buông tay chảo, gọi với:

- Cô Tầm, cô Tầm ơi!

Một cô nàng đứng lại, rụt rè bước ra, nhắc tảng đất trên lá cọ xuống rồi ngồi xụp, chấp tay, cúi mặt sát ngọn cỏ. Trong làn khăn vuông chàm vừa nghiêng, đôi mắt ánh ra như ánh mảnh sao vút sa xuống. Cao Lỗ cười:

- Gọi đùa cho biết ai là cô Tầm đấy thôi. Cô Tầm hát cho làng chạ nghe nào.

Biết tướng quân Cao Lỗ vui giỡn, các cô ré chạy. Tầm lại đội tảng đất đứng lên, đuổi theo kịp được bọn. Tiếng hát vờn xa gần, vắng vắng. Vừa lúc, đám kéo chảo đặt tảng đá ong đằng kia ngồi nghỉ tay. Có những người còn đứng nhìn các cô thoăn thoắt chạy qua. Một anh chàng cúi xuống, cầm bát nước lên uống. Con mắt vẫn ngược theo:

- Người trong thành kể chuyện cái cô Tầm này vào làm nàng hầu từ khi công chúa còn ẵm ngửa.

- Chuyện đời cô Tầm người ta đồn lạ lắm, phải không?

- Ờ , thuở bé, cả nhà gặp nạn giặc Tần, cô ấy phải vào rừng ở với vượn.

Một người chép miệng:

- Rồi đến tuổi con gái, lại đi làm nàng hầu cấm cung. Thì cũng lạnh lẽo âm thầm chẳng khác ở rừng.

- Không được ví von xàm thế! Im lặng.

Một người hỏi:

- Bao nhiêu năm làm nàng hầu rồi?

- Lâu lắm. Không biết. Nhưng đời cô Tầm, ai cũng biết và mỗi người lại kể thành những câu chuyện lâm ly, buồn thảm, lạ lùng khác nhau.

Một người thở dài:

- Phải là người đẹp thế nào thì mới có giọng hát bền đến thế được, hát hay đến chẳng biết tuổi nào nữa.

Rồi mặt trời lại chói lói gác xuống dãy núi Ba Vì xanh thẫm lơ lửng bên kia sông. Trên từng quãng bãi phía này, trong những túp lều dựng mỗi chòm thành một làng chạ nhỏ nhỏ, khói bếp chiều tỏa là là lẫn với sương mù trắng mờ dăng ngang vào tận chân núi. Vẫn còn thấy người đi vợ vẫn nhặt một đồng cuội về làm hòn dọi xe sợi, làm mũi thuổng. Suốt ngày, các lão bà ở lều đan thúng mủng, nong nia, rổ rá...

Có chạ đi kiếm quặng đồng trên sườn núi về đúc rìu làm dao, lưỡi cày, lưỡi câu. Lại nhóm lò làm cả khuôn âu, những bình, thạp, lồng ấp. ít lâu nữa, xong việc xây thành vua chủ, quảy cả những thứ ấy về. Ngoài cửa sông, đất sét tốt, người ta đeo bàn xoay, nặn nôi, vại. Hạt na, hạt trám vớt ra đã mọc thành cây. Những dây rợ cho quả ăn sớm, đã có giàn gấc đỏ gay. Đi kiếm cá về lấy lá cọ trát bùn túm lại, ninh trám. Chập tối, trẻ con hay khóc đêm đã hờn vôi bú. Tiếng người gọi lợn. Tiếng bê ghé í ọ. Tiếng dê láu táu be be. Tiếng chó sủa những nhặng. Xung quanh chân thành, người các nơi về làm đã ở ra chòm xóm, mỗi ngày một đông hơn, khắp các bãi, dọc sông. Các cụ già thường bàn nhau: đồng bãi quãng ngã ba sông này, chỉ ném hạt xuống cũng được ăn quả. Có khi rồi về đưa cả làng đến ở bờ thành đây cũng nên... Hôm sau, ngoài bờ sông vào chân thành, từ tờ mờ sáng, mỗi chốc một tấp nập. Những lão ông bện chảo. Cái chảo vóc to bằng cánh tay, xâu tảng đá ong đưa lên rồi thả xuống, giữa những tiếng reo sôi nổi. Những ụ đất cao dần. Đám các cô gái thông dong đội đất, vừa đi vừa hát. Khói tỏa trên đồng rơm đốt giữa bãi. K hói trẻ con hun chuột đồng, thui con cuốc, con rắn. Bao nhiêu nhộn nhịp, rộn ràng soi bóng bên dòng sông, những hôm quang trời, làn nước đỏ nguồn lên. Con chim bói cá vẫn kiên nhẫn vẫy cánh đứng yên trên khoảng không, bất chợt bổ xuống giữa xoáy nước. Đàn rùa

đương bơi bồng dưng cất cổ, như muốn đớp con chim bói cá vừa sà xuống. Tiếng trống đồng thúc xa xa. Trên sông nhô ra những chiếc thuyền dài, mũi cao, đuôi cong vênh. Đầu thuyền, đứng bệ vệ một quan lạc thắt lưng điều. Đằng sau, một người cầm khúc gỗ tay lái đưa đẩy. Hai bên mạn, hơn mười đôi tay chèo. Giữa khoang, cao gần chạm mũi, bắc bốn gióng, trên đặt ngang cây mõ. Một quan lạc áo giáp da trâu, đoạn chân, gõ nhịp cho hai bên hàng chèo. Thuyền bắt qua phải, bắt qua trái, người đứng chân giậm ván, "dô huầy huầy dô" rầm rập theo làn mõ. Mười hai thuyền quân nối nhau rẽ nước tiến ra. Đoàn thuyền qua rồi tiếng trống đồng lại xa gần. Đến lúc tiếng trống dồn dập đưa dài như nổi sóng trên mặt nước, mới trông thấy mười mấy chiếc độc mộc mũi vuông điểm đôi tròn mắt đen hai bên mạn nhô lên, đoàn thuyền vua chủ đã ra tới. Những chiếc thuyền độc mộc trường khoát bằng cả cây gỗ đại, quân quan ngồi dàn hai bên. Người nào cũng vai trần, cánh tay đeo nỏ. Giữa mỗi khoang đặt chiếc trống đồng cao. Các quan lạc đứng thay phiên nhau gióng trống, từng tiếng trống hiệu trôi trên sông. Vua Thục cao lớn, cầm bành râu quai nón rậm kín nửa mặt. Vua mặc tấm áo chàm không dải, phanh ngực, hai ống tay xắn lên tận khuỷu. Lăn khăn chàm mới còn sạm màu óng ánh xanh lơ chút lẫn với mớ tóc dài. Vua Thục đứng đầu thuyền tựa vào một ngọn giáo đồng dựng ngược. Rồi đến thuyền sau, đủ mặt các quan hầu lạc tướng. Ông Nồi hầu ngồi một thuyền với các tướng Đinh Toán, Đinh Công Tuấn, hai ông quê trên rừng núi ngọn nước. Lại ba anh em Phạm Chung, Phạm Túc, Phạm Hòa người các cỗi ngoài ngã ba sông Cái mới trúng hội võ, được chức quan lạc, cũng theo vua chủ ra xem thành. Rồi những thuyền kiệu nhất, siêu nhất chở vợ con vua nối theo. Hàng trăm tay chèo, mõ lệnh nghiêm một loạt. Sau cùng, thuyền quân thủy, thuyền nội, thuyền tuyền, mỗi thuyền lại một quan lạc đứng giữa đánh sênh giữ hiệu nhịp chèo. Suốt dải nước dọc dài đoàn thuyền vua. Tiếng mõ, tiếng sênh, tiếng trống đồng nhộn nhịp vui mà cực uy nghiêm. Vua Thục vẫn trầm ngâm nhìn lên bờ sông. Dây tường thành lấp lánh ánh nắng nổi màu xanh lục in lên nền trời cùng với những nét lỗ nhố đoàn người kéo đất lởm nhòe cao dần -dường như từng lúc trông đã khác. Vòng thành quanh co. Có chỗ gãy khúc rồi quặt lại, nhòe xuống hào nước luồn quanh đương tới

tấp bơi một dãy dài đoàn thuyền chiến độc mộc vừa vút ra như mũi tên.

Tiếng hò la, tiếng hát, tiếng trống... Tiếng cái, tiếng con bắt nhịp. *Xá rộng thuyền ra Chèo về bến Lú Là hời non xanh Là hời nước biếc Nước biếc chàm pha Là ta ra thuyền* Tiếng con đã cất lạnh lạnh: *Nước biếc chàm pha Là ta ra thuyền Huầy dô huầy dô Huầy dô huầy dô Là huầy dô huầy...* Vua Thục vẫn chăm chú nhìn ra. Hai tay ôm hàm râu. ánh mắt rục rỡ, sáng khoái. Đoàn thuyền ghé vào bến mấp mé đầu bãi. Quân quan nhắc cánh nỏ, xách giáo, bước lên. Những chiếc thuyền hiệu càng lún lên lún xuống trên mặt sóng, theo nhịp trống thúc. Tất cả các thuyền đã ghé hẳn vào bến. Tiếng trống im.

Vua Thục bước tới đám quân quan đương cùng Cao Lỗ hò hét kéo dất vào chân thành. Cả bọn dừng lại, quay ra, phủ phục xuống. Vua Thục nâng tay Cao Lỗ đứng lên.

- Tôi ra đây mừng cho ông, mừng cho ông. Có đứng dưới nước trông lên mới thấy được thành ta thật kỳ vĩ.

Những đoàn người xung quanh vẫn kéo dất, đội dất. Từng bóng người đi như cắt lên mặt thành. Vua Thục nói:

- Mời ông xuống thuyền rồi ta cùng các ông Đô ngắm lên thành cho thật thỏa mắt, cho thấy hết được tài trí của ông.

Cao Lỗ nói:

- Vua chủ quá khen, làm tôi nghĩ mà thẹn. Chỉ bởi cố Ông Trọng đã dạy, mới nên thành này. Rồi nhờ được người tám cõng một bụng với oai vua, lại có quân quan không phân biệt ngôi thứ, giường chiếu, quan đầu triều cũng như quân dắt ngựa, đã cùng đổ mồ hôi. Thế thì việc khó đến đâu mà chả xong.

- Mời ông, ta xuống thuyền.

Cao Lỗ xin được thay xống áo đã lấm dãi.

Cao Lỗ lên khúc sông trên nhảy ùm xuống tắm. Rồi vào lều lấy đồ mặc

mới. Một chốc, Cao Lỗ bước ra, mình cao chín thước, búi tóc ngược, diện mạo cương nghị. Tấm áo chồi điều buộc dải gió bay lồng lộng. Đám các cô nàng hầu lúc ấy đã nghỉ tay, đương tắm ngoài bãi cát phía cuối mom. Các cô nàng trầm mình xuống nước, váy quăn mở trên đỉnh đầu. Ai cũng làm như mãi tắm tấp, nhưng dường như ai cũng chao mắt nhìn tướng quân Cao Lỗ đương oai nghiêm bước xuống thuyền ngự. Cô nàng đã tắm xong, thông thả lội vào bờ. Nước ngập rút xuống vai, váy trên đầu rũ xuống vai, rồi người lội nhô lên ngang ngực, váy tỏa xuống ngang ngực. Thông thả, Tầm đưa mắt về phía thuyền vua chủ, Tầm thần thờ, trầm ngâm. Tất cả các thuyền đương làm cổ linh đình ngay trên sông. Thuyền quân, thuyền quan chia thứ bậc, những tảng thịt lợn thịt trâu thui được vác xuống từng thuyền một. ở thuyền giữa, một mình Cao Lỗ được ngồi với vua chủ. Ông Đô Nồi và các quan đậu thuyền sát cạnh cũng đương rậm rịch ngả ván, ngả phen xả thịt quây quanh. Vua Thục lại ngẩng lên tường thành. Không biết đã bao nhiêu lần. Rồi vượt hàm râu, cười ha hả.

- Có được thành vững rồi, từ nay mới có giấc ngủ ngon.

Cao Lỗ lặng lẽ nói:

- Tôi trộm nghĩ chưa hết lo được.

- Ông bảo còn phải lo gì?

Cao Lỗ nói:

- Tôi nghe người qua lại đất Triệu nói Úy Đà đã lấy được Tượng Quận, Quế Lâm rồi, có khi còn đồ mắt thêm bờ cõi ta.

Vua Thục cả cười:

- Voi ta sẽ xông ra xéo chết chúng nó. Ông cứ trông lại thành của ta kia làm sao mà không vững tâm như bàn thạch. Vua Tần có sống lại, Đồ Thư có sống lại, cũng đến phải chết lần nữa thôi. Kể chi bọn giun dế Úy Đà phải đợi lúc nhà Tần tiêu vong mới dám mon men cướp vài vùng biên cảnh, thì đáng gờm gì! Kia kìa, voi chiến ngựa chiến ta tiến ra cửa tây. Kia kìa, quân thủy ta xếp nỏ xuống thuyền chở từ sông Thiếp, sông Lú ra dàn trận ngoài

sông Cái. Ta đương cho gọi người Cửu Chân ở đường bến lên đóng thuyền chiến chịu được sóng to... Giặc mà táo gan chỉ còn cách bỏ xác lại. Ông nghĩ thế nào?

Cao Lỗ nói nhỏ nhỏ:

- Thành ta vững chắc. Quân ta dũng liệt. Nhưng còn có kẻ ngoài phen giậu nhằm nhe, ta nằm chưa thể đẩy giặc.

Vua ghé tai Cao Lỗ:

- Ông thật là người cao kiến. Những lời ông nói hết mọi việc trời đã an bài. Ta ra với ông cũng vì việc này. Ông nghe đây.

Vua Thục kể:

- Đêm trước, ta lại nằm mơ thấy ông già ngoài thành phía tây gọi bảo sáng mai ra gặp thần Rùa. Sớm ra thì thấy thần Rùa đang bơi từ phía đông sông Cái vào. Thần Rùa hỏi: xây được thành rồi, vua chủ có bao nhiêu voi, bao nhiêu nỏ để giữ thành? Ta đáp: Có một nghìn voi, có một vạn nỏ. Thần Rùa nói: Triệu Đà ở Phiên Ngung có triệu quân, triệu cánh cung, vậy thì vạn nỏ, vạn tên đồng của vua chủ bắn ra chỉ đủ để rơi lột đường. Ta lại hỏi: Thế thì làm thế nào? Thần Rùa nói: Ta cho vua chủ chiếc móng rùa này làm lẫy nỏ. Một phát nỏ lẫy thần bắn một lúc mười mũi tên tan mười vạn giặc. Ta lại hỏi: Làm thế nào để chế được móng rùa thành lẫy nỏ? Thần Rùa bước ra khỏi mặt nước, dặn ta: Cao Lỗ biết xây thành Loa, Cao Lỗ sẽ biết làm lẫy nỏ. Cứ hỏi Cao Lỗ. Ta tỉnh giấc. Vẫn thấy mình nằm trên giường. Nhưng trong tay cầm chiếc móng rùa. Ngắm nghía, quả nhiên thấy đúng chiếc móng thần Rùa vừa cho.

Cao Lỗ cầm chiếc móng rùa vua Thục mới lấy ra từ trên ngực áo. Cao Lỗ nhìn ra mặt sông. Cao Lỗ lại giơ móng rùa ngắm nghía, lẩm bẩm như nói một mình.

- Móng rùa thần làm lẫy nỏ. Lẫy nỏ, lẫy nỏ thần, muôn người không địch nổi. Lẫy nỏ, lẫy nỏ... Muôn người không địch nổi...

Các quan lạc ở thuyền bếp bên cạnh đã dọn sang mọi thức nhắm thịnh soạn. Thịt lợn bột thui, thịt trâu, cá anh vũ nướng. Trong hoàng hôn đầu bến, đoàn thuyền ngự như một đám rước dập dềnh bên mép nước. Những chiếc thuyền quân oai nghiêm chĩa nỏ bơi tuần quanh ngoài dòng. Trống đồng đánh hiệu thông thả buông vang mặt sóng. Vua Thục và Cao Lỗ ngồi trước mâm cỗ ngoài sạp đầu thuyền. Cao Lỗ nói:

- Rõ thật được dịp. Hiện có phường đồng phường đá ở Hàm Hoan theo lệ hằng năm vừa tới, còn đương trú ở ngoài thành đợi lệnh vua chủ cho vào đúc trống. Người đất Hàm Hoan làm đá, đúc trống, chế nỏ xưa nay đã lừng tiếng các cõi.

Vua Thục hỏi to:

- Phường Hàm Hoan? Hay lắm.

Sớm hôm sau, vua Thục và Cao Lỗ cưỡi ngựa ra xem lại nơi đặt đắp lò đúc. Nơi ấy, một bãi khuất dưới những vòm tre lẫn rừng trúc chân thành. Kín đáo đến cả những làng ở ven nội cũng không biết chỗ ấy có gì lạ hơn mọi khi. Lệ cũ đã thành từ đời trước, vua Hùng có lần đi dẹp giặc quấy nhiễu phía nam. Quân qua núi Khả Lao. Thần núi lên báo mộng, đưa cho vua cái trống cái dùi. Đến khi vào trận, quân địch cứ nghe văng vẳng tiếng trống đồng thúc sau lưng. Địch hốt hoảng, tan chạy. Quân ta thắng to. Vua về lập đền Đồng Cổ tạ ơn thần núi Khả Lao. Nước ta thành tục đúc trống đồng từ đấy. Các đời vua về sau, cứ vào năm được mùa lại gọi phường đồng Hàm Hoan về đúc trống. Người ta chỉ biết thế. Bởi mỗi khi các bể đã bắt đầu nhả khói, bàn dân cả vùng quanh đấy không ai được vãng lai nơi đặt bể đặt lò phường đúc thiêng liêng. Đứng trong bãi trông ra hay ở dưới thuyền nhìn lên, chỉ thấy ở đấy những rặng cây lụi mọc ven chân tre, vào mùa này, trổ những tàu lá đỏ hắt, lá lụi non cứ tía như lá bàng lúc sắp rụng. Trên bãi khuất ấy, lặng lẽ mà tập nập.

Những cây gỗ bổ ngang, khoét ruột hình chiếc thúng. Nhiều cây gỗ kê liền nhau thành tấm phản. Bác phường cả đã già, hai gối quắp chặt mảnh ván. Tay cầm nạo sắt, tay gõ chày. Ông lão chăm chú sửa mặt bộ thân tên

đồng. Nét đẽo lên vạc tròn, vạc dài. Cây tên dựng đứng to cao hơn hai đầu người sừng sững như những chiếc cột đình. Trước mặt mỗi ông lão, đằng kia, một dãy ụ. Nóc lò, khói tỏa vùn vùn. Lò đúc tên thần vẫn còn mấy mẻ nữa. Giữa bãi cỏ, từng bọn người phường đá phường đồng mặt sạm đen ám mảy đồng đương chăm chú mọi công việc giữa đồng đá tảng cao như mỏm núi. Người nào cũng búi ngược tóc, lực lưỡng cời trần, xăm chàm đầy vế tay, đầy ngực. Tay cầm rìu đồng rìu đá, ghè đá tạc bệ nỏ. Những tảng đá kẹp mảnh tre kín quanh, dỡ ra, mặt đá lên nước bóng như tấm gương đồng. Một ông lão kính cẩn cầm chiếc móng rùa vàng thắm như ngà con voi trăm tuổi, soi nghiêng lên gương mặt đá, thông thả mài. Một đồng trầm, những bó hương đen khói thơm nghi ngút lên suốt ngày đêm. Tiếng đẽo đá chí chát. Tiếng mài rì rầm như nước chảy. Nhưng tất cả chìm lắng dưới bờ tre xanh mướt, lác đác viền những nhánh lá lụi đỏ hắt. Ngày đêm, Cao Lỗ ở luôn đấy với phường. Cùng làm mọi việc lò đúc, đẽo bệ, tủa mũi tên, mài lẫy. Không biết có đến mấy năm mới ngơi, cho phường thợ được dịp về côi. Rồi nửa đêm kia, bộ nỏ thần được rước kín đáo âm thầm lên mặt thành. Năm tháng qua. Ngoài sông, trong thành vẫn lặng lẽ như mọi khi. Trên mặt làn nước xoáy, con bói cá lượn tìm mồi trong bóng chiều vàng rực. Trong làng, quanh những bờ khuôn giếng đá, người lão nhổ ra kéo nước về sửa soạn cơm tối. Mới hôm nào vào quăng này, mặt trời còn le lói, bây giờ ngày đã ngắn. Phía tây, chỉ còn ráng vàng sau lưng dãy núi Ba Vì lưng lửng xanh rì.

IV

Các làng đã vào mùa hội săn. Những chân bãi ngập nước từ đầu làng trải ra, mới hôm nào còn loáng như mặt đầm, bây giờ đuôi lúa đã rạp rờn thành làn rì rào gió thổi. Những đàn chim chích, chim bạc má bay về, sà xuống ríu rít bắt sâu cắn lúa. Quanh nhà, sức nức mùi hoa chanh, hoa bưởi. Con chim nhẹ nhàng lặn vào bóng hoa. Hạt mưa đầu mùa đêm qua còn đọng lại trên lá, bây giờ rơi lả xuống những cánh hoa chanh như vẩy trấu tím tím. Chim tu hú cất tiếng gióng giả. Vào đầu mùa còn râm mát, đâu cũng nhàn rồi đợi gặt hái. Sáng sớm, các làng đổ đi săn. Tối lại về thui hươu nai, ăn uống rồi vui tập roi, tập vật. Đâu cũng một quang cảnh ấy. Đạo ấy, chỉ có hai anh em Đống và Vực mới về với mẹ ở nhà. Bố bận việc quân trong thành trên Kẻ Chủ. Đống đã xốc vác chẳng khác bố ngày trước. Vực thấp bé nhưng lặn mình trắm. Ngày nào cũng đi sông nước như chạy nhảy trên bộ. Tỉnh mơ, Đống ra trước ngõ, tay cầm tù và. Đống giơ nghiêng ốc, đưa lên miệng, thổi một hơi dài. Tiếng ốc rền xa. Lác đác, tiếng đáp lại. ấy là các nơi đã biết hiệu cùng nhau sắm sửa ngày săn. Rồi anh em Đống vắt lên vai bộ lưới săn chất cao hơn đầu. Tay xách lao, khoác nỏ, lưng giắt lưng lẳng đầy khít ống tên. Mẹ ngồi dệt trước cửa. Cuốn cửi sợi tơ chuốt quăn vào lưng đã dày một ôm. Mẹ đứng dậy, ngừng tay ném thoi, cởi cuốn đặt xuống, bước ra xe thêm chỉ. Quả dọi đã kéo sợi tơ càng quay tít tròn. Mẹ nhìn Đống và Vực xăm xăm đi, nói theo:

- Nghe hươu về kêu ở rừng trắm đêm qua nhiều đấy.

Các đầu ngõ đã lở nhố người ra, tay lăm lăm ngọn giáo. Hai người khiêng bộ lưới săn hồ săn gấu to như chảo. Mỗi lúc càng đông. Cả nhà cả xóm đi phường săn. Người tụ lại một đám, ngóng về phía rừng báng bờ sông Lú đợi hiệu công. Ngoài bãi cửa rừng, một đám trẻ lơ lảo nhìn theo người chạy đi chẳng lưới bắt hươu. Đống bước qua, nói to:

- Không đi chia phần thịt hươu với phường săn a? ở nhà làm gì?

Tiếng lao xao nói:

- Đêm qua có sấm mới, cuốc ra nhiều lắm.

Đống và Vực nhớ đương mùa bầy cuốc. Mới năm trước, mùa này, hai anh em với các bạn lứa tuổi còn mê mải làm bầy cuốc. Cành lá mọc điều sum suê cắm đầu bãi cỏ. Sáng sớm, chập tối, khói bếp trong xóm lan ra, bay là là như sương. Mỗi tàu lá một đứa ngồi núp dưới, bắt chước tiếng cuốc gọi nhau: quắc... quắc... Những con cuốc đen đốm trắng béo mướt mà chui vào chỗ cành mọc điều có tiếng "quắc quắc". Người núp sau tàu lá chỉ việc giơ tay nắm từng con vừa bay nhào tới. Bây giờ Đống và Vực chê bắt cuốc là trò chơi trẻ con rồi. Đến lúc phường săn đã vào hết trong rừng. Làng vắng ngắt. Chỉ còn mấy em bé gái tha thân ra bờ bãi nhặt cua, bắt nhái. Trong nhà, các bà già dẹt cửi đánh chỉ. Những con dọi đá quay ra tận đầu ngõ, chỗ đám trẻ đương xúm xít vật lông, thui cuốc. Khói um lên cây bưởi. Đàn chim bạc má vừa bay vào, lại hốt hoảng nhún chân lao đi. Hoa bưởi rụng lổm đổm trắng mặt cỏ. Đám trẻ ăn thịt cuốc rồi hết cách chơi. Thế là cùng nhau ùa vào rừng theo phường săn. Những đàn chó săn con đen, con vận, cung cúc chạy, rúc đánh hơi từng bụi tìm vết hươu. Tiếng chó sủa lẫn rắc, nhúc nhắc. Phía nào cũng nghe, mỗi lúc càng xa. Rồi bỗng nhiên các góc rừng nổi tiếng cồng. Tiếng cồng như âm u từ trong lòng đất. Thoạt nghe tiếng đục lờ tận đâu rồi cứ vang dần. Đến lúc đầu rừng nào cũng nổi cồng, giục giã, dồn thúc. Mọi người vác lưới à à chạy tỏa ra. Người cầm giáo xĩa tới tấp vào các lùm cỏ. Mỗi cánh lưới chẳng dài căng qua một phía. Mấy chục người, cách quãng lại kéo một mảng quây tròn vây một vùng rừng.

Tiếng cồng đuổi các con thú trong rừng hoảng chạy. Những mảnh lưới, những ngọn giáo, những tay nỏ chỗ nào cũng nhấp nhô, lủa tủa. Tiếng chó sủa dẫn người vào mãi trong rừng rậm. Rừng bóng, rừng trám xanh cuộn cuộn, đương loạn tiếng tù và, tiếng người hú, tiếng cồng, tiếng chó sủa. Như cả một dải bờ sông bên này các làng đã vào phường săn. Những tiếng khua khoảng hò la cứ dồn dần ra bờ sông. Người lưới, người xách giáo bủa

thành vòng vây áp ra tới mép nước. Chốc lại thấy một con nai hoảng hốt, lồm bồm bơi qua sông. Một con hươu đã thoát sang được bờ cát bên kia. Hươu đứng ngơ ngác nhìn lại. Rồi bỗng chạy bay biến vào bãi ngô lúa tua cao ngập đầu người. Các đám phường săn lăm như vùi từ các cánh rừng đã trở về. Người nào cũng mồ hôi ròng ròng thấm ướt khố như lội dưới sông lên. Đòn ống trữu trên vai người trước, người sau. Những con nai bị trói chống bốn vó. Có con to, phải bốn cái đòn lồng vào khiêng mới xuể. Những con chó săn lúc này hăng hái nhảy xuống nước. Con vện, con đen ướt lướt thướt. Từ sáng, đã mệt, mồm lê xuống đất, đụng cả vào chân người. Xúm xít người xuống chộc tiết nai dưới bờ sông. Trước cửa nhà Đống, mấy con nai được khiêng lên, lẳng xuống đấy, đợi thui. Đến tối, càng nhộn nhịp. Đám các cô già gạo đứng chày đôi. Những cối giã gạo đêm cốt lấy nhịp chơi. Chày khua vào vách gỗ, vang tiếng cung kên, cung kên rộn rã. Tiếng chày vóng lên như tiếng *chiêng đúm* đánh đôi. Tiếng chày lóng đôi vui tai. Bọn trai làng đương gội nước làm lông nốt con hươu, cũng phải cất lời "hầy dô", như đám nhà chài đương đẩy mảng trên sông Cái. Các lão bà nhai trầu phóm phém vào bắc bếp đồ xôi. Cuối bãi, đám thui nai đã lên lửa. Các cụ phường thui vốn khéo có tiếng thui trâu đánh giặc từ hồi chạy Tần. Các lão ông vẫn răn rỏi quắc thước lăm. Ông lão cầm chiếc mo nang, phảy vào nạm than rơm hồng rực.

- Nhẹ tay thôi, không thì cháy hết da. Cái giống nai, bì mềm như da gà. Quá lửa, khét ngay.

Lúc này, nghe xa có tiếng sấm rền, mấy ông lão ngược nhìn trời:

- Thông thả, cứ thông thả.

Sấm mới như người ta sôi bụng. Tối nay rằm, có thịt nai chén, hội võ hội hát suốt đêm cũng được. Mọi việc cũng cứ sắp sẵn xong cả trước lúc trời tối. Mấy chiếc hũ đại đã được khiêng đến. Cái chĩnh, những cần trúc, chiếc sừng trâu dong nước được bày ra. Vò nếp để các lão bà nhấm nháp ngồi xem vật, xem hát cũng đã được xách tới. Hôm nay có trăng sớm. Những con voi đã vác vào một đồng củi. Rồi voi lăm lũi, hì hục vượn vùi khiêng

nữa về. Xong việc, cả mấy con nằm phủ phục cạnh đồng củi. Như đương xem đám người bộn rộn. Hay voi ngủ, không biết. Lũ trẻ cứ chạy rối lên. Chẳng mãi ăn bao nhiêu, mà thích dọn dẹp. Để chúng được xem đấu roi, võ vật. Một lũ vừa ôm rơm đến cho đám thui. Bọn kia đã nhanh nhẩu vác những cây roi vắn gác dựng lên đằng đầu nhà. Mỗi roi, cả một cây tre đực dài, hun từng đốt, thẳng đuồn. Vừa khuân vừa nghịch. Hai đứa gác chéo ngọn roi, chặn nhau, vào đấu. Tay nọ gạt tay kia, ngã cười chơ chơ. Vầng trăng đã nhô trên bãi ngô bên kia sông. Thoạt trông trăng, nhột nhạt lướt thướt như vừa từ mặt nước chui lên. Rồi cứ trong óng dần. Đến lúc đã vằng vặc sáng vàng như chiếc chiêng đồng nhà trời. Đám ăn uống. Đám thi rượu cần. Đám gõ lóng cật tiếng hát. Đám sấm sửa ra đấu roi. Chỗ nào cũng bóng trăng in ngần. Đồng củi không phải lên lửa nữa. Giữa bãi, hai tay Đồng nắm cây roi, từ nãy đã gạt ngã được mấy người. Trong bóng trăng, bấp vai Đồng nổi lên. Có người hạ ngang roi giữ thế. Cũng không chịu được lúc hai roi áp vào nhau, đành buông tay, kêu:

- Thôi! Thôi! Đúng con ông Đô Nồi!

Xung quanh cười ầm. Lúc ấy, có mấy thớt voi lạ tiến vào lù lù như những cây rơm đội ánh trăng đi. Tiếng reo dậy lên từ ngoài.

- Ông Đô đã về! Ông Đô đã về!

Ông Đô Nồi không đợi voi cong vòi lên đỡ, đã nhảy thẳng trên lưng voi xuống. Những voi đi sau, đám quân quan theo ông Đô từ Kẻ Chủ về, lơ nhõ người thông thả xuống voi. Ông Đô Nồi nói to:

- Về gặp cái ăn tốt tươi thế này là điềm lành trời cho rồi.

Ông Đô Nồi đến chấp tay vái chào các cụ đương ngắt ngưỡng với chiếc sừng trâu ao nước cầm trịch giữa mười chiếc ống trúc cắm trên chĩnh rượu cần. Hai bên thi tài ngồi xếp bằng, năm trai năm gái. *Mới nghe rằng Chẳng mấy khi mấy thuở Mấy bữa mấy ngày Chim bay lạc ngô Gió bay lạc ngàn Có mái chim trĩ hoa đào tràn chân đến nhởi.* Một cụ già nhất đám cung kính hai tay bưng đến trước mặt ông Đô Nồi một sừng rượu. Đồng và Vực đã bỏ

bãi đầu, bước vào vái chào bố. Ông Đô Nồi nói:

- Có đi ra mới biết thiên hạ còn lắm thế roi nòi. Mỗi nơi lại có những miếng lạ. Roi người kẻ Ninh Hải khác roi trong Cửu Chân. ở Dương Tuyền lại khác nữa. Không phải chỉ nhất roi Chiêm Trạch sông Lú đâu.

Mọi người xúm lại, nghe ông Đô Nồi chuyện, cứ trầm trồ:

- Ồ là vậy! Ồ là vậy!

Ông Đô Nồi hào hứng:

- Lại nhiều tay nỏ giỏi lắm.

Rồi kể:

- Ông Đô Lỗ vừa mới nghĩ ra được tên mũi đồng có móc câu. Mỗi lòng máng nỏ lắp một dây mười tên. Dây nỏ bện da trâu, không khoẻ không giương nổi. Một cánh bắn ra cả mười mũi.

- Ghê thật! Ghê thật!

- Các lò vật người ta cũng nổi lắm. Miếng mới, miếng sườn khác lò ta. Lại còn móc chảo, via lộn cối, miếng thần miếng biến không biết đẳng nào trở tay.

Ông Đô Nồi bảo Đồng và Vực:

- Ở lò nhà, học được miếng các cụ truyền lại, tưởng đã là tận cùng lò võ. Kịp ngày cố Ông Trọng dạy cho miếng roi, miếng vật nòi, lại tưởng thế là hết các lò rồi. Bây giờ mới biết không phải vậy. Các cối nước ta ở đâu có người, đấy có người tài, không biết thế nào là hết. Các con phải học như thế mới được.

Ông Đô Nồi lại nói:

- Rồi mai kia lên Kẻ Chủ, nơi sáu quân tụ hội, ta phải ra sức.

Cụ lão nhất đám hỏi:

- Ông Đô cho hai chú lên ở hẳn Kẻ Chủ?

Ông Đô Nồi nói to:

- Tất cả làng hai bên sông đều lên Kẻ Chủ. Tôi về đây là vì việc ấy.

Mọi người nhao nhao:

- Thế nào? Thế nào?

Ông Đô Nồi ngửa mặt, tu cạn sừng rượu, rồi chẹp chẹp miệng:

- Cái nếp này chưa ngấu, còn hơi sượng. Nấu rượu không vội được, mà việc gì cũng không vội được. Làng nước đã có tin về quân Triệu đương lắm le bờ cõi ta chưa?

Một người nói:

- Dẫu biết rồi, cũng không lật đật, ông vừa bảo thế mà. Mai hẵng lập phường săn vào rừng lấy thịt nai vui với Nồi hầu về chơi làng đã.

Nhiều người cười ồ:

- Phải đấy, phải đấy.

Ông lão giơ tay, kêu:

- Ngày trước quân Tần phạm vào ta đã phải khốn đến thế, bọn Triệu giương mắt ra mà không biết gương tày liếp sao!

Ít hôm sau, người dọc sông Lú với người các nơi lũ lượt kéo về Kẻ Chủ. Cả voi, ngựa, trâu kéo xe quệt.

Mấy ngày liền, xe trâu đưa lên từng bờ tên nỏ, giáo mác, đinh ba. Người đâu đổ ra lắm thế, cơ man người. Không phải chỉ có người một vùng. Mà nghe tin quân Triệu dòm ngó, các nơi rầm rập về giữ Kẻ Chủ. Tường thành đá ong vàng rực uốn vòng tròn lớp trong lớp ngoài, xoáy cao lên. Người đi khuất rồi, lại gặp lại bóng trên bậc đá quanh co. Cứ cách sải tay, đến một bệ đá. Những cánh nỏ hun đã lên nước bờ hóng, một loạt nghiêng lỗ chỗ một khoảng trời. Lại thêm nỏ mới của ông Cao Lỗ, lòng máng năm mười mũi tên sáng chói. Những toán quân đeo nỏ rầm rập lên. Đi lẫn vào quân quan, lũ lượt những người trong thành ngoài thành. Người quảy gông cỏ, người

vác nước, người xách giỏ. Người tất tả theo con ngựa chở trên lưng ống vầu đựng nước sóng sánh với bước vó cất. Người theo những thớt voi, những đàn ngựa thồ nỏ, áo giáp da trâu, những rổ gạo nếp... Voi ngựa từ các nơi xa về. Người lần lượt đóng cọc dựng lều, chăng dây chỗ tàu ngựa, bãi voi rồi chia lên các ngả trên mặt thành. Người người chen chân mọi công việc rộn rịp. Những cây gạo vừa trổ hoa, khắp cảnh xù xì bỗng rực rỡ đỏ. Ngã năm đường vào chợ, người lấy nước sớm xúm quanh các khuôn đá bờ giếng khơi, đương thì thảo ghé tai. Một người vac nước dựng cây vầu đứng nghỉ, tựa vào cổng thành. Người quay gông cỏ dừng lại bên khuôn đá miệng giếng.

- Nghe nói quân Triệu đã vào đến Núi Trâu rồi, có phải vậy?
- A là vậy. Cũng nghe thế.
- Có gì quan ngại không?
- Giặc đến thì vua chủ cho ta đánh giặc. Chẳng có gì quan ngại cả.

Rồi người quay cỏ thông thả trèo lên mặt thành, mở hai cánh gông thả cỏ xuống cho ngựa ăn. Người vac nước xuống bậc đá, đi khuất vào trong phường. Phía phường người ở, có chợ. Người đội, người quay, người vac, người đánh trâu, người đuổi voi tất tả về phía ấy. Vẫn như mọi ngày ở phường ra chợ. Chỉ khác cái, ngoài các cửa thành lũ lượt vào những đoàn người, những thớt voi, những toán ngựa, những xe quệt trâu kéo nặng kiu kịt. Quân quan các cõi đã về giữ thành, chập tối còn tấp nập.

Người ra lấy nước ngoài giếng lại hỏi nhau:

- Có đáng quan ngại không?
- Nó cũng bằng nước lũ thôi. Quân Tần đấy, ta biết rồi.
- Là thế nào?
- Là dữ đến mấy thì rồi lũ cũng ra bể cả...

Quân Triệu đương kéo đi đông đặc bên kia sông. Chẳng phải chỉ có quân thám thính về báo mà cứ trông những đàn quạ, đàn cò vỡ tổ bay tán loạn từ

phía trên về, cũng biết đương có đông người lằm xô đẩy xuống. Mặt nước và các bờ tre, bờ rừng đã xao xác cả. Trên mặt thành, vua Thục oai nghiêm đứng xấn một bên ống tay áo. Tay kia rút dải khăn chàm trên đầu quần xuống làm thắt lưng. Tóc xỏa liền với hàm râu quai nón. Vua Thục chống tay vào bậc đá nhìn ra. Ngày đêm, quân quan đã sắp đặt quanh thành. Vua chủ hội các tướng lại, chia bọn. Mỗi cánh trấn mỗi phía. Ba anh em Phạm Chung, cửa tây. Bố con Nôi hầu đi với tướng quân Cao Tứ. Các ông Đinh Toán, Đinh Công Tuấn sang mặt bắc, cùng với những tay nỏ người Đồng, người Dao, người Cật trên ngược về. Những ống lệnh dựa vào tường thành. Đây là những cây bương ngô đã phơi nỏ, kín hai đầu vấu. Đốt bương tức hơi vỡ mắt, cái ống nỏ rền như sấm lệnh, làm lệnh. Cao Lỗ bước ra, tay xách chiếc chiêng đại. Các tay nỏ đã lên chi chít như một dải chông cắm mặt thành. Mỗi quãng, một quan lạc tướng đứng nghiêm chăm chăm chờ chiêng lệnh.

Trên thành cấm. Xung quanh thêm đá, khói trầm đen sẫm bốc nghi ngút. Giữa bệ, cổ nỏ thần uy nghi như con voi to nhất đàn phủ phục châu ra. Lòng máng nỏ dài mười sải, vành tròn một ôm bằng cả khuôn mặt cái trống đại. Một hàng tên cột đồng to như những cây gỗ mỡ, sáng loáng, nhô đầu trên cánh nỏ. Mỗi bên hai mươi quân nỏ cao lớn, cỡi trần, quì một gối. Bốn mươi lực sĩ hai vế, dang tay kéo nỏ. Mỗi cánh nỏ dài bằng cây luồng ngô, ghép mảng nửa ống một buộc ken thừng da trâu như chiếc cột vút đầu, nặng mà dẻo lạ lùng. Hai đầu cánh từ từ vút xuống. Đến lúc dây nỏ khớp được vào máng, cả tám mươi cánh tay lực sĩ kiệt sức, ngã cả ra. Một lúc sau, mới đứng dậy được. Mấy chục đô khác đã lại vào túc trực thay tay sẵn bên bệ đá. Vua Thục hỏi Cao Lỗ:

- Ông xem ta cho chiêng lệnh hạ nỏ đã vừa chưa?

Cao Lỗ nhìn ra rồi nói:

- Đợi lúc quân Triệu bắt đầu lộ, hăng ra tay.

Tiếng quân Triệu hò hét. Nghe âm âm chuyển động như cơn dông đến bên kia sông. Cao Lỗ cung kính chấp tay:

- Vua chủ cho lệnh.

Vua Thục phất tay áo. Cao Lỗ quay ra, lên đứng trên mỏm đá đầu tường thành, giơ cánh tay đánh một dùi vào núm chiêng. Bốn góc thành nổi lên những tiếng chiêng lệnh nối theo. Vua Thục bước lên bậc đá, đặt tay vào lũy nỏ. Những mũi tên xé gió bay ra, tiếng oàng lên như sét đánh liên tiếp. Nỏ bắn hết sức sầm nhiệt, náo động cả bốn phía mặt thành. Trên thành cấm, mỗi toán lực sĩ kéo cánh nỏ kiệt sức ngã lăn ra, lập tức, các lực sĩ khác xô vào. Tiếng chiêng lệnh trong tay Cao Lỗ phát dồn dập, nhịp bắn liên tiếp hoa mắt như chớp giạt. Lại những toán lực sĩ kéo cánh nỏ rảo hết gân tay, bấp chân bị chuột rút co quắp lại. Toán ấy chưa dậy được, toán khác đã vào vực ra. Lại toán khác vội vã quì nghiêng một gối, vươn tay với cánh nỏ, bấp vế nổi cuộn cuộn. Chiêng thúc càng liên tiếp, dào dạt. Dây nỏ vừa khớp được vào lòng máng, những lực sĩ đã căng sức, chờ mắt, mặt tái mét, ngã ra. Chiêng lại thúc dồn. Không kịp lùi những người ngã nữa. Những toán khác nhảy ngay vào quì chen giữa những người vừa ngã ra, vươn tay kéo nỏ. Người vót cánh nỏ tới tấp, xung quanh ngổn ngang những người nằm thõ. Máy chục lực sĩ khác đã nhô vào... Người chồng đồng lên nhau vào kéo cánh nỏ. Cũng lúc ấy, khắp các mặt thành, từng làn tên theo nhịp trống thúc, vun vút. Những lần nỏ nối tiếp bắn ra, mờ mịt thành từng làn sương phủ khắp mặt sông. Bên kia sông, tiếng quân Triệu đương náo động như những trận mưa rào xô xuống đàng ấy. Bỗng nhiên, lặng không - như đám mây lặng lẽ tan. Suốt tận chân trời đục mờ, chỉ còn thấy những cánh bãi xơ xác cỏ lau. Đôi chỗ, nhô ra những cây gạo hoa đỏ giờ cành lỏa lợi như máu. Hai con ngựa lạc lõng giữa sương mù. Hai con ngựa cất vó loạng quạng. Cả hai người cưỡi ngựa phóng chạy chết. Không trông thấy nhau. Không nhận ra nhau. Đến một quãng trống trước mặt, giật mình ngỡ tới bờ sông. Hai người nhảy xuống ngựa, quờ tay ra lần tìm đường.

- Trời cao đất dày ời! Trời cao đất dày ời!

- Ai đấy?

- Im im. Có tiếng ngựa đương đuổi theo?

- Đây đã qua Vũ Ninh rồi.

- Nhưng cũng chưa phải chỗ đứng lại được.

Hai người như hai chiếc bóng nửa mờ nửa tỏ trong khoảng không. Ngo ngác. Nghe. Chờn vờn. Rờ rẫm. Một lúc thật lâu. Bốn phía rùng rợn lặng im.

- Có nhớ các quan ở Phiên Ngung ta còn bao nhiêu quân. Kho binh lương trữ được thế nào? Thục Phán! Thục Phán! Nửa năm nữa, nửa năm nữa thôi, tao quyết lại hỏi tội mày. Đàn ngựa lại chạy. Vùng chân trời xám thẫm dần dần ập lại. Các làng bên này sông đã nhìn ra đấy không phải cơn mưa dần lên mà là đám ngựa đen kịt. Những con ngựa sống sót đã chồn rục gối mà chưa qua cơn sợ. Không biết đường cất nước chạy hay chân đã khập khiễng. Cứ xóc lên rồi lại chúi xuống. Đàn ngựa cuồng chân, chùn chân, người cũng không thúc lên được, cứ luống cuống quanh quẩn. Bụi đất đỏ càng lăm lên. Mãi đến lúc đàn ngựa chui ra khỏi đám bụi mù mịt người ta mới trông thật rõ thấy những con ngựa tan đàn ở đâu, chạy lạc tới. Rồi đàn ngựa ấy cuốn cả vào vòm trời tối đen. Không một đốm lửa, không thể nhận ra được đâu là bãi ngô, nương dâu, dòng sông. Ngôi sao hôm lóng lánh trên bóng đêm âm u phẳng lặng. Chỉ có ở dưới sông trông lên mới thấy nhấp nhô bóng ngựa loạng choạng tới.

- Dừng lại đây, dừng lại.

- Không còn đường nào đi được. Sông chặn mất lối rồi.

- Thôi, thôi.

- Cấm lửa.

- Đưa nào đốt lửa, chém ngay. Giữa lúc ấy, trong vùng trời mù mịt, bốc xanh lè suốt một dải cả nghìn vạn đuốc đóm đăng kia chập chờn, vùn vụt đến. Gì thế kia? Người đuổi! Người đuổi! Quân Thục đuổi ta kia!

Từng đám người ngựa rú lên, ngã vật. Những đốm sáng xanh miên man ào đến, xanh lạnh rợn qua trên mặt, trên đầu.

- Đom đóm! Đom đóm!

Vô vàn con đom đóm đang bay qua, như đuổi người. Tiếng hoàn hồn kêu lên:

- Đom đóm, đom đóm!

Nhưng có người vẫn nhắm mắt, la thất thanh.

- Trời ơi! Chết mất! Chết mất!

Lát sau, cả trận đom đóm sáng xanh lại lặn vào bóng tối.

Rồi, chỉ một lúc, đám người ngựa lữ lả trên bờ sông đã lặng như không. Vừa còn nghe tiếng móng ngựa gãi muối cột cột, bỗng chốc đã im hẳn. Mùi hôi người hôi ngựa bốc lên nặng nề. Như cả đàn voi, đàn trâu quây lại ngủ giữa rừng. Trên mặt sông, chợt nghe tiếng nước rả rích lạ tai. Không phải tiếng vỗ bờ. Mà nước mạn thuyền óc ách, cứ soàn soạt một dải dài. Nhiều thuyền đương từ phía bờ bên trở ra. Từng toán người rời thuyền, từ mép nước đi lên. Lần lần về phía mùi nồng nặc mồ hôi. Tiếng ngáy rền rền. Lúc rỗng. Lúc nức nở. Những tiếng quát như giựt bóng tối lên. Những phát tên mũi đồng vút đi, sáng loè, như cả trăm ngôi sao đổi ngôi xiên ra một lúc. Trước mặt, vỡ tan tiếng ngựa hí, người rỗng. Tiếng òng ọc máu phun. Tiếng gào khóc. Tiếng hét. Tiếng vó ngựa đập, ngựa vừa chạy vừa hộc ra những tiếng rùng rợn trong trời tối thui. Không biết cứ thế chạy đi đâu suốt đêm, hay đến chỗ nào. Người ngựa quân Triệu rụi xuống từng đám.

V

Lại bắt đầu vào mùa nắng. Cuối những bãi lúa chiêm mơn mớn kia không thấy một bóng mây mà tiếng sấm cứ ùng ục rền đi. Nhưng không phải tiếng sấm mưa rào. Đây là những cơn sấm mới, sấm khan. Sấm dậy cho những măng trúc măng luồng, măng nứa nghe tiếng, tễ đất mọc lên. Trong các xóm, những cây bưởi, cây chanh, như mọi năm, hoa trắng, hoa tím ngấn ngời chúm chím cạnh những cây na, hoa và lá cùng xanh rờn lẫn vào nhau. Từng đàn bạc má, chim chích bay vào trong cây, cánh hoa rơi như bướm bay. Đêm đến, hươu về đầu nhà ăn quả trám non rụng. Sáng ngày ra, từ quanh làng đến cửa rừng, những tay tre, tay trúc xanh ngắt trở lửa tủa đan lên trời. Lại đến mùa các phường săn. Tiếng tù và gióng giả ngoài bến. Nhưng không phải tù và phường săn gọi người. Đây là tù và báo hiệu mảng chở đồng đã về tới. Mùa cày cấy xong, đâu cũng tập nập vào rừng ngả gỗ làm máng nỏ, lấy hóp về vót tên -đã chặt hóp ngâm bùn từ mùa rét năm trước. Hầu như thành nghề, các vùng trên ngược thạo đi rừng đèo máng nỏ, cánh nỏ, vắn thừng da trâu dây nỏ. Các làng ở Vũ Ninh, Mi Linh cho vào đến Hàm Hoan đều đào lò đúc mũi tên đồng, rèn giáo, đinh ba. Các ông Đô Lỗ, Đô Nôi, các ông họ Phạm, họ Đinh, các quan lạc lại cấp tốc đi các nơi truyền bảo mọi cung cách, kích thước làm nỏ, đúc đồng. Tiếng đồn năm ấy vua chủ đi rút lò đồng các làng dọc sông Thiếp ra sông Lú. Mặt nước chỗ nào cũng ve vé thuyền mảng.

Những chiếc bè ghép cây vầu ngô dày tới mười lớp chở đồng quặng từ các cỗi ở vùng Tụ trên thượng nguồn sông con về. Mảng nặng mấp mé chỉ còn nửa ống. Người đẩy sào, chân chạy ngập lầy xấp trên nước. Các cụ xúng xính áo nâu da bò dày kệp, chít khăn chàm tai chó. Mảng vừa ghé bến, tiếng tù và liên hồi rúc. Đàn voi trong làng ra, quì chân, nằm đợi bên mép nước. Từng thoi xù xì xanh xám dựng vào thùng vào sọt đầy có ngọn rồi

xếp từng lượt lên lưng voi. Voi đưa đồng vào đổ xuống trước cửa, xong lại thùng thỉnh trở ra. Các bến sông rộn rịch suốt ngày. Nhưng mà phường săn trong làng vẫn nhớ mùa. Tiếng cồng, tiếng tù và, tiếng chó sủa nhện nhạo trong rừng. Chiều đến, đồng đã được lấy lên, các mảng dềnh cao lênh đênh ngoài bến, cũng là lúc bọn phường săn trở về. Cả làng càng bận bịu. Cũng khác mọi khi, trẻ bỏ chơi cầm càn móc điều bầy cuốc. Đám trẻ trong rừng ra, khiêng con nai to như đàn kiến tha cái mồi kềnh càn. Các xóm vui suốt đêm. Từ chập tối, lửa thui nai đã rừng rực. Khi trăng lên, nghe râm ran tiếng hò hát chèo thuyền trên cạn dưới nước, tiếng ngọn roi đấu nhau giữ miếng chan chát, tiếng chân giậm, người ngã huych giữa gióng vật như cây chuối đổ và những trận cười rộ lên. Các cô già gạo lóng đôi hát đối đã bỏ cối bước ra cất tiếng hát chuyển giọng chèo thuyền bắt lời với các chàng trai mới đến.

Bái hồ là huây

Huây dô huây dô

Trong vườn hoa mận hoa mơ

Cùng hoa chiêng chiêng ở hơ tốt lành

Trong vườn hoa bưởi hoa chanh

Cùng hoa thiên lý quấn quanh cổ nàng ở hơ...

Ở đâu, người già cũng chăm chú mọi việc tỉ mỉ. Thui con nai cho khéo, da vừa chín giòn mà không nứt lại phải đến các cụ. Đào lò rồi đắp nền, cũng không qua được tay các cụ. Những đồng đất thó trắng đã được nhào lại, thấu lại thành tảng mịn như mỡ gấu, lấy ra từng cục như nắm tay, miết thật thực, thật đan. Từ trong hố đất dần dần đắp lên thành vành lò tròn như miệng giếng thơi, cao một đầu một với. Lò đúc chiêng, đúc trống còn cao hơn, phải đẽo tre làm thang mới leo được lên nóc. Rồi suốt cả tháng, mọi người mãi đắp vỉ khuôn mũi tên, ấn những đường đổ đồng chi chít như vết mỏ khoét, vết chân chim. Đôi khuôn ập một, phơi hàng loạt ngoài bãi, cùng ống rót, quả dọi, gạo mức cốt -tất cả đều đất luyện. Đồng hun đến được

nước, chỉ có đất thó mới chịu được lửa. Mà cũng chỉ cái đất cửa sông Thiếp ra sông Cái mới thật chịu đựng nổi sức lửa nung nấu dài ngày như thế. Trời bấy giờ còn mát. Buổi chiều chợt thoáng cơn mưa rào nhẹ.

Những trận mưa mới, như mưa thử, mưa qua, mưa có chân đi. Tiếng rào rào ngoài bến vào trên nóc nhà sang búi cây trám, bụi tre rồi xuống rừng, lên đến núi bên kia thì tạnh. Cũng có hôm còn hơi lạnh trở lại. Cả ngày, đám người quanh lò cứ cời trần trùng trục. Từ sáng sớm, tiếng *chiêng chòm* đã lên hiệu nhóm lò. Mọi lò trong làng được châm một lượt theo hiệu tù và. Những cụ cao tuổi, cời trần, thắt lưng chàm bỏ giọt, vung đuốc như múa, chạy từ ngoài bến vào châm lửa. Những đám cỏ tế làm bụi nhùi bén gỗ đã bắt lửa. Các nóc bốc khói mù mịt rồi xanh thẫm. Lửa lên đẹp. Thế là cả ngày, phường săn lại vào rừng. Rồi cuộc chè chén la đà quanh các lò đến khuya. Những lò đúc đượm lửa suốt ngày đêm. Ba hôm, khói dút lên mái, từ đây tới hôm được nước, toàn đun một giống gỗ nghiêng mọc khe đá cho chắc lửa - từng đàn voi vào các chân núi kéo về nguyên cả cây nghiêng đã được ngả từ năm trước. Cứ trông màu khói phân vân trên nóc lò mỗi hôm thay đổi, biết lửa tốt, lửa kém mà ngày ngày mổ nai, chộc tiết gấu, đánh công, vui hát. Lửa lên đỏ sẫm. Rồi đỏ tím. Đến hôm ngọn khói trắng nhạt, đồng đã chảy, còn sót lại bao nhiêu cuội đá dính quặng đương chìm, chỉ có nước đồng nổi vầng trên mặt. Lại chất thêm củi, đẩy cả cây gỗ thúc vào. Nước đồng đã già. Phải giữ độ lửa cho nước đồng lúc nào cũng sánh nhũn ra như lụa vò. Khói chuyển da cam. Nước đồng đã được luyện đẹp. Suốt ngày, ném trầm cháy sức nức quanh lò. Rồi màu đỏ vàng khé sang vàng nhạt. Rồi mặt lò ngùn ngụt khói trắng bông. Mặt lò trắng bông! Đồng đã được nước. Lò đã đượm lửa một tuần trắng đều đều. Mặt lò khói trắng bông rồi. Trong làng im phăng phắc. Theo cái hèm vẫn kiêng xưa nay, các phường săn không mó đến lưới. Trẻ con không ra cửa rừng bấy cuộc. Không đâu đụng đũa, chơi nhớn. Đâu cũng đợi đến lúc hệ trọng thiêng liêng rót đồng. Vua Thục trên Kê Chủ về. Trước tiên ra lò đúc đặt giữa nhà Nồi hầu ngoài Chiêm Trạch. Đoàn thuyền vua chủ tới bến đầu làng sớm tinh mơ.

Tiếng cồng hai bên sông nổi nhịp từ lúc thuyền còn đương ngoài dòng. Cho đến khi trời sáng, trông ra dọc sông thấy chỉ chút đoàn thuyền ngự đã vào quá ngoài bến mà vẫn chưa trông thấy chiếc sau cùng. Những chiếc độc mộc năm mươi tay chèo, những chiếc thuyền hoa kiệu nhất, siêu nhất ngổn ngang rục rở mặt nước. Rồi tiếng phách nhịp cho thuyền đậu, tiếng mõ canh lướt lên lướt xuống. Người đổ ra xem thuyền vua nghìn nghịt hai bên sông.

Bạn chèo giống giả

Chèo chơi bạn nàng

Huầy dô huầy dô

Bái hồ là huây

Là hồi lên dô

Bái hồ là huây

Là huầy dô huây

Chèo chơi một mái cò bay

Hồi bạn nàng hồi dang tay cho đều

Tưởng như suốt quãng sông Lú ra đến sông Cái, nơi nào cũng nổi tiếng reo, tiếng "dô huây" hòa trong tiếng cồng nhịp nhịp. Vua Thục cỡi dải hai vạt áo chồi đỏ, hàm râu quai nón quét tua tủa trước ngực trần. Các lão ông ra đón vua tận ngoài bến. Nồi hẩu đã đi việc quân, về xem các lò đúc dưới Ninh Hải. Bà Đô cùng các lão bà ra đứng đón vua chủ. Đống và Vực cao lớn giữa đám trai làng. Mỗi chú mặc tấm áo giáp da trâu nhuộm cày, đỏ tía màu mận. Về làng, các chú cũng như trai làng. Trên mặt lò, khói nhẹ nhẹ trắng, vân vân. Vua chủ nhìn lò đồng hồi lâu, rồi hỏi:

- Mẹ này thế nào?

- Đội ơn vua chủ, từ lúc vào lò, mưa thuận gió hòa.

Vua Thục cười:

- Làm sao giữ được tiếng tên đồng Chiêm Trạch như các lò mọi năm.

Một lão ông nói:

- Trong nghề đồng, khó nhất cái đổ khuôn tang, khuôn chân và vào nước cuối rồi mà lúc làm nguội, soi lên vẫn bóng như gương, chục chiếc như một. Nghề đồng đất chúng tôi xưa nay vẫn vững, sánh tày tay nghề phường đúc Hàm Hoan. Xin vua chủ yên tâm.

Vua Thục cười ha hả:

- Bởi thế mà tôi về lò đúc nhà Nồi hầu rót mẻ đồng này để cầu cho tám cõi được như Chiêm Trạch.

Vua Thục cầm chiếc gáo đất, múc vào lò. Nước đồng sóng sánh vàng rực đổ ra ống sáo các khuôn đã đặt sắp hàng ngay ngắn trên giàn sạp đất trước mặt.

Rồi ném áo xuống phản, cũng để trần lưng như các cụ, vua Thục đổ khuôn với các cụ. Suốt buổi sáng, rót hai mươi ống, được trên trăm khuôn. Ngày đổ khuôn đầu tiên, cả vùng mới linh đình thành đám hội. Các lão bà phóm phém nhai trầu đứng thành đám ngoài đầu ngõ, hát nhịp cho các cô gái múa bài bông. Đến tận nửa đêm, mấy chục thuyền vua ngược dòng ra sông Thiếp rồi bến từ lâu mà hai bên bờ, những đình liệu, đuốc *đóm vẫn rực trời. Tiếng reo vang mãi lên ngược*. Các lò rót đồng xong. Mấy hôm sau, ngâm nước phá khuôn. Lại bắt đầu việc làm nguội. Từng đồng mũi đồng cao như gò. Người già vẫn đóng vai phường cả, đốc đám trai gái làng ngồi chọn nhật, cầm đá mài chuốt từng chiếc. Những mũi tên nổi bóng nhọn hoắt. Đám trẻ con lấy mảnh tre cật khía vào lòng mũi sạch hết đất giắt. Rồi lá chuối khô lau nhẵn trong ngoài lưu ly lên như nước. Sau cùng, các lão bà đếm, bó lại từng chục, mỗi chục chầu hai chiếc thành mười hai. Bó tên buộc dây mây chắc như đinh đóng cối. Tãi lên kho Kẻ Chủ, quăng quả thể nào cũng không xê xích được. Từng đàn voi thồ mũi đồng lên Kẻ Chủ. Trên bành voi, quân tượng ngồi trang nghiêm giữa những thúng mủng chông chất các bó mũi. Ra đến ngoài đường, gặp khắp nơi đương như vào hội đem tên mũi, tên dừa hóp đá, cánh nỏ, thân nỏ về các kho. Đoàn thuyền, đàn voi ngựa, xe quệt trâu kéo. Đâu cũng nô nức. Mà trời đất khéo thu xếp. Mọi nơi

vừa dẹp các lò đúc, mùa nắng oi nồng thật sự mới đến. Những cơn mưa nặng nề tới trước. Những trận mưa rào liên miên sầm sập, trắng xóa phương trời. Nghe phía nào cũng miên man tiếng mưa. Cả ngày đến chập tối, hết hôm sang mai, vòm trời rưng rưng đổ cơn nước mịt mù. Dòng sông dềnh lên, ngập vào các bãi, các chân tre, những bụi chuối. Những chân lúa chiêm muộn đã ngập cả. Nước còn ngập ròng rã. Lại đến tao phải mò các vực, các chuôm ở cửa rừng bứt lúa ma về ăn. Một đàn voi lướt thướt chui trong mưa vào xóm. Ông Đô Nồi và ông Đô Lỗ cùng về Chiêm Trạch. Có đến cả chục thốt voi lừng lững vào. Những toán quân quan chạy trước chạy sau rầm rập giữa làn mưa mù mịt. Mưa to thế, mà cả làng đã biết quan quân ta về. Người khắp xóm đội mưa kéo đến. Mấy cụ già bước ra, túm lại hỏi:

- Các đức ông vẫn còn đi giục các côi đem đồ đúc, đồ mộc về kho à?

- Không phải. Các nơi xong tất rồi. Năm nay, côi nào cũng xong sớm, vào kho cả, đâu vào đấy.

- Thế hai ông đi đâu mà lặn lội nhường vậy?

Cao Lỗ nói:

- Lên ngược nghe binh tình.

- Binh tình thế nào?

- Ý chừng quân Triệu lại nhắm nhe đấy.

- A hay!

Mọi người lặng yên. Người già không bao giờ quên họa quân Tần ngày trước. Và cả đứa trẻ ẵm ngửa cũng phải trải gian nan quân Triệu năm trước rồi. Những toán người tay cầm giáo, vai đeo cung kéo bộ qua, đi mãi vẫn thấy giáo mác, cánh cung kéo bần bật. Suốt ngày, đâu cũng nghe rùng rợn tiếng đâm chém, tiếng hét hỏi:

- Tổng được bao nhiêu lương?

- Người trốn hết rồi, không lấy được học nào.

- Đứng lại.

- Chém đầu thẳng kia làm răn.

- Đứa nào đi tống lương mà chưa đem về nộp quan đủ gạo, thịt, rượu, phải chết như thế. Khói đốt nhà bốc ngất trời. Tiếng người gào khóc trong lửa. Các nhà chài lưới dưới sông, các làng, các bãi, lại dạt díu nhau chạy vào núi. Những đàn trâu bồng lặn với người đội người vác. Trốn vào rừng mà vẫn rừng mình nghe tiếng quát, tiếng rú đình tai. Ai cũng đương nhớ lại. Nhưng ai cũng lại bưng bưng nhớ cảnh quân Triệu năm mới rồi, quân Triệu đã tan tác, chạy chết.

Một cụ già vuốt râu, nói pha trò trống không:

- Ừ mà cũng phải, ta tích trữ binh lương đầy các kho, nhiều quá thì cũng nên đem chia cho bọn Úy Đà với.

Rồi cười ha hả. Mọi người đương đăm chiêu, bỗng cùng cười ran trong tiếng mưa ngoài trời đổ rào rào. Đám trẻ ríu rít đeo thời, đeo giỏ chạy đi nhặt cá rạch lên bãi. Thoáng mắt, cả lũ đã khuất sau làn nước trời xối xả. Ít hôm, chỉ còn gặt được khoảng chiêm ven bãi khỏi úng. Những nơi ngập nước, hạt thóc mọc mầm, rụng xuống, thành những chân rộc lúa ma. Lại vào giữa những ngày nắng to. Cả dãy tường thành vòng xoáy ốc hiển hiện lên trên bóng nước. Những cánh hoa súng nở trắng. Những chiếc lá trang tròn xanh lát mặt nước. Con cá quẫy đuôi đớp bóng lá. Chiếc hoa súng lung lay. Trên cao, con bói cá ngờ động môi, thả cánh là xuống. Sát mặt nước mới nhận được ra đấy chỉ là chiếc hoa súng. Bói cá lại bay hất lên. Đàn rùa bơi thong thả. Bàn chân móng rùa toẽ ra như chiếc bê chèo đung đưa trong dải nước vàng trời chiều. Bói cá lại tưởng con môi lên ăn nổi, lao xuống. Lướt ngang mặt nước, bói cá choáng mắt vì bóng hoa gạo đỏ rực rỡ. Suýt con bói cá chúi vào miệng rùa đương hóng môi. Trên bốn mặt thành, ở mỗi bậc đá có những cánh nỏ chĩa vào khoảng không. Những toán quân túc trực, mắt đăm đăm nhìn ra. Chốc, một ông lạc tướng bước nhanh vào đưa tin mới từ đường ngược về. Quanh thành cấm, lại từng toán hàng trăm lực sĩ lục tục nô lên. Mọi người đóng khố điều, lưng để trần, đứng nghiêm hai bên, đợi

lướt vào vít cánh nỏ. Những toán khác đương lặng lẽ kéo vào. Đống trầm cao như cây rơm bốc khói thơm ngào ngạt. Vua Thục và Cao Lỗ đương đứng nhìn bàn cờ. Bàn cờ đặt trên tảng đá, bậc dưới cùng, ngay chân bệ nỏ thần. Chiếc chiêng đại dựa bên Cao Lỗ, như một vành khiên úp. Những nét mặt trầm ngâm. Những con mắt chăm chú nhìn quân cờ. Nhưng không phải thế. Dường như bàn cờ trước mặt chỉ để làm cái cớ gọi cho quân tướng những ý nghĩ đương bay vút sang phía trước mặt, bên kia sông. Cao Lỗ đứng dậy, xách chiêng lên. Cao Lỗ ngắm nghía lên vòm trời, rồi kính cẩn nói:

- Quân Triệu đã đến gần rồi.

- Chưa có người về báo mà ông biết được sao?

Cao Lỗ chỉ tay lên những đàn quạ đương lả tả bay xuống:

- Vì quân Triệu trảy đông quá, lại động rừng trên ngàn, chim mới vỡ tổ về nhiều thế kia.

Trời vẫn vù mây. Từng đàn cò trắng thấp thoáng ngang trên mặt thành. Cao Lỗ lại nói:

- Cò bay ra nhiều đến thế, quân Triệu đương men các bờ tre ven sông xuống quanh đây rồi. Vua Thục nói:

- Ông định trốn tôi ván cờ này à?

Cao Lỗ nói:

- Được nước cờ cao cũng lợi cho óc nghĩ về việc quân. Nhưng xin vua chủ cho đánh giặc xong đã.

Vua Thục nói:

- Ta đã hẹn ông Đô Nôi đem các tướng Đống, tướng Vực đi xem xét binh tình quân Triệu. Có tin ấy về mới là khẩn cấp. Các tướng trên ngược chưa về, bàn cờ kia cũng vẫn giúp cho ta minh mẫn nước nghĩ trận này mà.

Cao Lỗ nói:

- Đứng đây cũng nhìn rõ bên kia sông rồi. Chẳng nên cố đợi tin Nồi hàu. ở trận mạc, xảy bất trắc là lẽ thường. Bụi đường đã mờ mịt khắp chân trời kia. Xin vua chủ cho tôi lên mặt thành.

Vua Thục hỏi Cao Lỗ:

- Liệu lần này uy Đà có được bao nhiêu quân?
- Nó dốc hết người ra, quyết sống mái với ta một phen nữa.

Vua Thục ôm hai tay lên hàm râu:

- Thế thì nỏ thần ta chỉ phải mất công khó nhọc có lần này nữa thôi. Đã có hai ông lạc tướng trên ụ canh, ông chưa phải đem lệnh lên, cứ thông thả.

Hai hàng quan lạc tướng cầm chiêng, khoác khiên, chống giáo đứng im hai bên. Mặt thành phẳng lặng. Trên ụ canh, sừng bóng quan lạc tướng, mặt đăm đăm nhìn chân trời. Phút chốc, bên kia sông đã đen kịt. Như cơn bão nước ập tới. Cả một vùng sông và hào nước quanh thành, quân Triệu đương tíu tít thả thuyền, thả mảng luồng xuống nước. Bóng tỏa sẫm cả dòng sông. Cao Lỗ quay phắt ra:

- Giặc đến trước mặt ta rồi kìa.

Vua Thục đặt một chân lên bệ đá, nhìn xuống.

- Ừ , bây giờ thì vừa hay.

Rồi bảo Cao Lỗ:

- Ông lệnh cho các cánh nỏ.

Cao Lỗ bước ra mặt thành, vươn thẳng tay như treo chiêng lên, nện một dùi. Tiếng chiêng bốn phía đổ hồi theo. Vua Thục phất tay áo. Hai vế bốn mươi lực sĩ nhảy vào. Tám mươi cánh tay vươn lên. Cánh nỏ từ từ cong xuống. Suốt mặt thành, từng đợt tên nỏ bắn ra cườn lên, loang loáng, chẳng chịt những làn sóng xám, sóng xanh, sóng vàng, chói lói ngang sông. Vua Thục đến cạnh bệ đá, phất tay liên tiếp. Những mũi tên thần bay. Cánh nỏ vút xuống phăm phấp. Người kiệt sức ngã lãn. Những cánh tay, những đầu

gối căng thẳng đến rảo gân ra, không co duỗi được nữa. Người lảo lác như những chiếc trống. Toán lực sĩ khác nhảy vào. Hiệu bắn càng gấp. Cánh nổ chúc xuống, nhanh như chày giã gạo. Buông tay ra, lại không người nào dậy được. Toán lực sĩ khác lại ùa vào, giẫm lên nhau, gò dây nổ vào máng. Tới tấp, hỗn độn người chạy, người ngã, người hô hét, người liệt gân lảo xuống. Chiến trận đằng đẵng sát phạt ngay giữa mặt thành. Từng làn nổ khắp mặt thành bắn ra cùng với nổ thần liên một dải kín như mây đùn từ mặt nước lên. Tiếng nổ xé gió như sét đánh liên hồi. Một lúc. Tan khói. Những bãi cát ven sông lại lặng lẽ như mọi ngày. Cả một vệt dày đặc quân Triệu lúc này đã biến đâu mất. Chỉ thấy những hoa gạo rụng tới tấp, đỏ đỏ như những vết máu chảy xuống ròng ròng. Vua Thục chỉ tay:

- Các ông trông kìa.

Bên kia bờ nước, nhìn kỹ thấy mờ mờ ngồn ngang xác người, những cánh cung, những xe ngựa chông đồng. Nhưng cứ im như gò đồng bãi tha ma. Từng đàn chim công lượn tròn trên dòng nước rồi lúng liếng, đồng đánh theo đuôi nhau đổ xuống bờ thành. Cả trăm, cả nghìn con công đậu. Đuôi công mở ra, lung linh múa. Tròn xoe, rực rỡ biếc xanh, trắng bạch, vàng rực, đỏ hồng. Đuôi công xôn xao chum lại, xoè ra, quay tròn, lộng lẫy ánh xuống mặt nước. Bên tường thành công múa hóa ra một cánh đồng hoa trà đỏ, hoa mơ trắng, hoa cà tím, vô vàn các thứ hoa kỳ lạ đương rực rỡ nở. Vua Thục cười ngất:

- Các ông trông! Trời sai đàn công về múa mừng ta thắng trận. Bốn mặt thành, tiếng quân reo âm vang.

Vua Thục vỗ vai Cao Lỗ, lại nói:

- Nổ thần ta mất công lần này nữa thôi. Quả như lời tôi mà.

Cao Lỗ đứng lặng, nhìn sang sông, rồi nói:

- Phải cho người đi thám xem Úy Đà sống hay chết.

Vua Thục đồng dặc:

- Ta sẽ cho người đi ngay. Bây giờ ông hãy lấy ngựa ra các cỡi báo tin thẳng trận. Nội nhật trong ba ngày, kéo về đủ trăm con trâu béo, gạo nếp, rượu.

Cao Lỗ nói:

- Đương còn giữa độ cày!

Vua Thục hỏi lại:

- Ông bảo thế nào?

Cao Lỗ đáp:

- Trâu các cỡi hiện đương làm mùa ngoài bãi, chưa đến lệ lấy trâu thịt.

- Nhưng ta phải mở hội khao quân tức thì.

Cao Lỗ cúi đầu giây lâu rồi nói:

- Hằng năm, vua chủ có lệ lấy trâu thịt nhưng cũng chưa khi nào hạn bắt trâu đương làm giữa bãi. Và chẳng, mấy lâu nay, bốn cỡi thật vất vả. Nhờ phúc to vua chủ được thần Rùa cho lấy nỏ, mới đuổi được giặc, thiết nghĩ chẳng nên bắt trâu lúc này...

Vua Thục quắc mắt:

- Ông không biết vui được như ta đương vui rồi. Trông trước mắt kia, từ đây suốt đến Phiên Ngung chưa chắc đã còn thấy đủ bóng nửa con ngựa bố con ụy Đà. Thế thì phải hội quân tiệc to đến nhường nào mới bỏ công khó nhọc trận này.

Cao Lỗ lặng lẽ như đứng một mình. Tự dưng nhớ lại ngày ở Vũ Ninh về, bỏ cày dưới bãi theo vua. Trải ngoài mười năm giặc Tần phạm khắp cỡi. Long đong không lúc nào biết đâu nơi ăn chốn ở. Vua tôi cùng gỏi đất, có khi phải vật cỏ ăn, dầu dãi, khó nhọc, chẳng lời nào nói cho thấu hết nỗi. Lúc bấy giờ chỉ mong sao thiên hạ được có ngày vỗ yên, tát cá, cày bãi, dệt vải, đủ cái ăn cái mặc. Vua tôi cũng như mọi nhà, sớm tối được miếng ăn miếng uống. Nghĩ thế đã là nên hội vui rồi. Cao Lỗ nói:

- Vua chủ có nhớ những ngày giặc Tần...

- Việc khi mở nước ấy bao giờ quên được!

- Còn nhớ tôi với chú Đống đem hai con trâu bắt được đi làm kế giết Đồ Thư. Mưu diệt tướng giặc to nhất mà phải mất hai con trâu, vua tôi nghĩ cùng xót ruột. Đến khi giết được Đồ Thư mà còn dắt về được một trâu, ai nấy đều hớn hở.

Vua Thục cười:

- Ta vẫn nhớ chuyện ấy như mới hôm qua. Nhưng mà bây giờ khác xa ngày ấy.

Cao Lỗ vẫn khẳng khẳng:

- Không, không...

Vua Thục nghiêm mặt, quát:

- Lộng hành lắm, lộng hành lắm rồi. Đi đi cho khuất mắt ta.

Cao Lỗ nhột mặt, chấp tay, lùi ra. Vua Thục nhắc chiêng, cầm chiếc sừng trâu đóng rượu gõ ba tiếng. Một lũ các quan lạc tướng, tay xách giáo, lưng đeo nỏ, lục tục bước tới. Vua Thục nói:

- Lệnh cho các cỡi nội nhật ba hôm đem về trâu một trăm con...

Quan lạc tướng lạnh lùng khích một câu:

- Vua chủ mở hội khao quân, ai dám gàn quải!

Vua Thục vẫn chưa qua cơn giận, hét:

- Ông nói ai gàn quải?

Quan lạc tướng sợ quá, bỗng run rẩy:

- Vua chủ khao quân...

Vua Thục gầm lên:

- Trăm con trâu... trăm con trâu...

- Dạ... dạ...

Quan lạc tướng nói:

- Xin cho các cỗi cùng được mở hội.

Vua Thục lại cười khà khà:

- Phải, phải, các cỗi cùng mở hội khao quân.

Các quan đã lui xuống. Quan tướng đưa voi vào đọi rước vua chủ dưới chân thành. Vua Thục còn dừng lại trước bậc đá. Như nói một mình:

- Nỏ thần! Nỏ thần! Nhờ nỏ thần, ta đã bắn tan Úy Đà, từ nay vững được tám cỗi. Của báu nỏ thần trên thế gian chỉ có một mình trong tay ta, chỉ một mình ta có. Cửa thành cấm này không ai được dòm ngó đến. Từ nay cấm ngặt. Cả Cao Lỗ cũng không được đặt chân tới.

VI

... Cho khuất mắt ta, đi đi... Cao Lỗ bước xuống bờ tường. Tự thấy mình là người có tội, mà lòng tràn uất ức, không biết nói sao. Phải đi. Làm thế nào bây giờ? Đã chập tối. Các phường trong thành, đâu cũng rực rỡ ánh đuốc. Tiếng trống, tiếng cồng âm vang dồn dập. Ngày hội thắng trận nô nức đã bắt đầu từ Kẻ Chủ ra các cõi. Cao Lỗ nhìn vào trong thành. Những ô cửa đã lên đèn, soi tỏ cả nghìn vùng trắng trắng bạch cùng một lúc mọc đều. Từng bừng từ thành nội...

Nhưng mà trong nơi cung cấm ấy có những người suốt đời chỉ được nhìn cái vui thiên hạ rồi chết già ở đấy. Đây là đời những nàng hầu, như đời Tàm. Đời Tàm, bao nhiêu gian truân éo le! Năm ấy, Tàm chỉ mới trạc năm, sáu tuổi. Mở mắt ra lúc nào cũng thấy mặt nước sông Lú đầu bè. Nhà Tàm ở trên mặt nước, xung quanh mái phen, lũng lảng lắt lư những chân lưới hòn cuội va vào cục đất nung. Nhà bè áp bờ ghép gỗ kê trên mặt ống bương, rồi giát mai. Xa trông như một khoảng bãi đất kéo dài ra mặt nước. Có lẽ vì cả tám đứa con với bố mẹ quanh năm sống nhờ sông nước, nên phải ở bè cho tiện, Tàm cũng không hiểu. Tàm bé nhất nhà. Suốt ngày, mọi người mò lặn dưới nước. Bố với mấy anh nhớn vác chũm đi úp ven bờ. Có ngày câu chạch, kéo tôm, có ngày đi bắt ốc. Những hôm rỗi rãi, mẹ lại dắt con lên bãi hái dâu. Dọc bãi trồng dâu nuôi tằm, trồng chuối và dứa dại lấy sợi dệt.

Đêm hôm ấy, trăng đầu tháng như chiếc lá lúa phơ phất góc trời. Ngôi sao le lói cũng lặn rồi. Sáng sớm, mặt đất mặt nước còn mù mịt, lẩn lộn. Nghe một tiếng rền cuồn cuộn như cơn sấm chuyển động từ chân núi ra. Tiếng người tiếng ngựa hay cả bao nhiêu voi đàn loạn rừng lồng xuống bãi. Hay mưa ống bão ống ập tới. Bố mẹ và các con ngồi dựng dậy, ngơ ngác. Không trông thấy gì, nhưng lập tức biết đấy là quân Tần tràn về. Thôi thế là

không kịp trốn vào núi được. Cái bè chơ vơ trên mặt nước sương mù. Một đám người lơ nhố nhảy xuống đầu sà. Bọn quân quan đi nã lương.

- Trâu đâu? Trâu!

- Không có trâu dưới nước.

- Không...

Lập tức, những mũi giáo xĩa xuống. Cả nhà, bố mẹ con cái chết rụi giữa đồng tay nải và gánh ống cơm lam dựng bên vách. Quân Tần đốc lương lại sùng sục đi nơi khác. Tiếng người hấp hối, có lúc rống lên, có lúc rên rỉ. Tiếng máu chảy ghê rợn, óc ách mạn bè. Bỗng bé Tầm chui ra từ trong đồng xác người. Tầm nhìn xuống không biết bố mẹ, các anh các chị đâu. Chỉ thấy một gò máu. Tầm trèo lên bờ, chạy vào trong sương. Hai tay ôm mặt. Cứ mở mắt, Tầm lại thấy đồng máu và những mũi giáo xoàn xoạt xĩa xuống. Tiếng người thét, người khóc. Tầm gào lên. Không biết đã mấy ngày mấy đêm, bao nhiêu ngày đêm. Tầm cứ chạy, chạy mãi. Một ngày kia, Tầm mở mắt. Tầm thấy mình nằm bên một tảng đá, cỏ cao kín mít. Trông lên, bối rối cỏ xanh ngập quanh mặt. Nhưng nhìn kỹ, lại thấy trên ngọn cỏ thấp thoáng những con mắt đen láy. Những con mắt đen lay láy, nhiều quá, lung lay trên các ngọn cỏ. Tầm chống tay, ngồi dậy. Những con mắt hốt hoảng chạy giã. Tầm thấy đấy là một đàn vượn lông đen mượt. Những con vượn mẹ bước lưng gù gù. Đàn con lóc nhóc theo. Vượn mẹ ngồi quay mặt lại. Vượn con xúm quanh mẹ.

Vượn mẹ cứ ngồi ngắm Tầm. Tầm nhìn vượn mẹ với đàn con riu rít loanh quanh. Vượn con trèo thoắt lên vai mẹ. Hai con mắt ngấp nghé. Tầm bỗng nhớ mẹ. Tầm ứa nước mắt. Những con vượn mẹ thấy nước mắt giàn giụa trên mặt Tầm, nhìn trân trân. Vượn mẹ có biết đấy là những giọt nước mắt. Rồi hoàng hôn xuống lặng im. ánh nắng còn hắt lên vàng rực một góc rừng. Những con vượn kiếm ăn rải rác các rừng tụ lại, kéo nhau lên ngủ trên hang đá cao. Vượn gọi nhau, chốc lại đứng hai chân trước, hú một hơi dài. Ngộ còn con nào mãi kiếm ăn cũng phải biết nghe hiệu mà về theo đàn. Còn con vượn nào vẫn vơ dưới rừng. Không biết. Chỉ thấy một mình Tầm

ngồi đấy.

Những vượn mẹ đã đứng dậy, bước đi. Vượn con vớ đuôi mẹ leo tót lên cổ. Vượn mẹ không để ý. Bước thùng thỉnh, thùng thả. Cả mấy vượn con lúc liu đánh đu trên vai trên lưng. Xung quanh lặng ngắt. Tầm đứng dậy. Tầm chạy theo đàn vượn. Những vượn con, đã quen mắt nhìn Tầm từ bao giờ, không để ý có người đi cùng với. Vượn mẹ vẫn thùng thỉnh, thùng thả bước. Đêm ấy, Tầm ngủ trên hang đá. Đàn vượn chúi vào năm khe nào, Tầm không trông thấy. Trong bóng tối, có lúc nghe tiếng gừ gừ. Không biết vượn mẹ mắng con hay vượn con ngủ mê. Rồi Tầm cũng ngủ thiếp. Có một lúc, tiếng rít réo đình tai. Tầm giật mình thức dậy. Xung quanh vẫn tối mịt. Nhìn mãi mới nhận ra khoảng cửa hang mờ mờ. Thói quen, vượn thường ngủ từ chập tối, dậy sớm. ở trong hang mà dường như đánh hơi được mặt trời sắp mọc phía nào, có hơi ấm má bên trái hay bên phải. Thế là gọi nhau xuống rừng. Tiếng hú, tiếng rít vang động các vách đá từ lúc còn tối đất, chưa trông thấy mặt trời đâu. Tầm cũng theo đàn xuống rừng. Chẳng mấy lâu, có Tầm trong đàn, vượn thường đến kiếm ăn cánh rừng ấy. Chốc chốc Tầm lại khóc. Đấy là những khi Tầm nhìn đàn vượn con tít tít trèo leo lên vai lên cổ vượn mẹ. Nước mắt Tầm chảy vệt hai bên má. Những lúc ấy, vượn mẹ, vượn con không hiểu thế nào, chạy lùi ra xa. Con mắt lơ lảo nhìn, lạ lùng. Cứ đứng đấy, đến lúc thấy má Tầm đã khô nước mắt, mới lại cùng nhau đi hái quả ăn. Đương mùa ngỗa. Quả ngỗa chín đỏ thắm. Lá ngỗa tròn che thành tàn tán một vùng mênh mông xanh liên cây nọ cây kia. Quả ngỗa to bằng nắm tay, bằng quả bưởi, chi chít từ gốc cây lên đến cành la, trĩu từng chùm. Cánh rừng thơm nức mùi ngỗa. Các loài ăn quả ăn cỏ lượn lờ đi lại rí rít như người đi hội làng. Từng đàn hươu nai kéo đến. Con hươu sao rướn cổ nhìn quanh, rồi hục vào gốc ngỗa, rút cả chùm ra nhai tóp tép. Chốc chốc, ngửa khoeo, lại đập hai guốc chân sau. Cái đá hậu đụng vào con nai khác vừa đi tới. Nai giật mình nhảy dựng đứng hai chân trước. Thế là bao nhiêu hươu nai trong rừng ngỗa chồm lên, đá trước đá hậu loạn xạ rồi cất cẳng giỡn đuổi nhau đi tận đâu xa. Hôm sau mới thấy quay lại. Nhưng không biết có phải vẫn đàn hươu đàn nai ấy không. Những con gấu lăm li

nằm như lợn, hai chân trước quơ một ôm quả ngõa, cả quả xanh quả chín, nhá rau ráu. Hết ngõa ở gốc này, gấu lần sang gốc khác. Đêm nằm nhai tới khuya. Rồi ngủ luôn đấy. Có lẽ cho tới khi gốc cây chỉ còn lại vết nhựa ngõa sần sùi, những con gấu mới chui ra khỏi rừng ngõa. Đến khi một đàn voi ập tới, cả cánh rừng rung lên như gặp cơn bão cạn xoáy trong khe núi ra.

Vòi voi quật tan hoang, trống hốc. Cả quả, cả chùm, cả từng tàu lá, cành lá cuốn tuột vào miệng. Những đàn khi, đàn vượn vào rừng ngõa, như những con chim chích lảng lạng và tưởng như chẳng thấy đâu rung chuyển. Cánh tay dài khéo léo, vượn nhẹ nhàng bứt một quả rồi treo lên ngọn cây, hai bàn tay bưng, cắn ăn. Có khi tìm được tảng đá thoáng, cả đàn đem bày đồng ngõa ra. Tay bê một quả, đưa lên miệng. Hàm nhai thật nhanh, thật nhanh. Cây ngõa cổ thụ, gốc to như con trâu đầm giữa vũng bùn. Những cành lá trĩu ngay trên đầu. Tầm với tay lên, đâu cũng được. Tầm chọn quả ngõa to bằng cái đầu, chín đỏ lịm, thơm nức. Tầm đem ngõa ra ngồi trên tảng đá. Cùi ngõa đỏ lừ. Cục mật giữa ruột trong như mật ong

- N gọt mát hơn mật ong.

Tầm nhai thông thả. Thỉnh thoảng, Tầm bẻ miếng cùi, đưa cho vượn con. Lại cho vượn mẹ cục mật ngõa ngọt lự. Chẳng bao lâu, Tầm đã thân thiết với đàn vượn. Có lúc vào rừng ngõa rồi, mà cả đàn cứ đi theo Tầm. Tầm biết vượn muốn ăn quả ngõa chín. Quả Tầm hái ngọt hơn quả vượn hái lấy. Tầm chọn quả ngõa chín, chìa cho cả đám. No rồi, nằm ềnh ra cỏ. Lơ mơ him mắt phơi nắng ấm. Có khi đàn vượn quăng mỡ, vui chạy giỡn lên. Tầm bỗng cười khanh khách. Tiếng cười giòn như tiếng nước reo trên đá. Thế nhưng đàn vượn không ngờ ngác chạy lùi ra như lúc trông thấy nước mắt Tầm chảy trên má. Vượn vẫn múa hai tay dài nghêu lên đầu Tầm và tiếng cười của Tầm vòng quanh. Hết mùa ngõa đến mùa dưa đất. Rồi mùa trám, mùa mơ... Tầm đi kiếm ăn theo đàn. Cứ thế, không để ý biết đâu được ngày tháng khác nhau thế nào. Đôi khi chợt trời mưa, trời nắng mới nhận ra trời đất đã đổi mùa khác nhau. Đêm ở hang giá buốt. Nhưng Tầm đã biết

tìm đá đánh lấy lửa. ở nhà, mỗi người đi đâu đều có hòn đá đánh lửa giặt cạp khố. Tàm đã biết được cách đánh đá. Tàm dọi đá cuội vào nhau thành lửa, sưởi. Những con vượn lông dày đen mướt, không biết rét, ở khe nào cứ đứng nguyên chỗ ấy. Những con gấu yếu chịu lạnh đã lù lù vào nằm một góc. Con rắn, con trăn lạng lẽ quần mình quanh vấu đá gần lửa, im lìm ngủ vùi. Có hơi lửa, hang đá ấm hẳn hơn. Rồi lại tới những ngày ẩm ướt. Các loài chim ở đâu về kêu râm ran trên vòm lá xanh tươi. Đầy kia, hoa ban trắng mờ hơi sương. Ngoài rừng, bướm bay đàn rập rờn. Ngõ ban rụng từng cánh, ban vàng, ban tím khác nhau. Mới lại sức nhớ trời đã ấm, chim non sắp ra ràng. Rét buốt hay mưa ẩm ướt lầy lội, đàn vượn cũng cứ đứng lẹ, trời còn tờ mờ chưa dựng sáng đã hú gọi nhau xuống rừng tìm cái ăn. Tàm cũng quen thế. Tàm theo đàn vượn xuống rừng từ tỉnh mơ.

Váy áo vướng đá vướng gai đã vướng đâu từng mảnh rách tươm hết. Ngày ở nhà, Tàm còn bé, thường theo mẹ lên bờ xe rọi đánh sợi tơ dứa, tơ chuối. Tàm lấy lá dứa ngâm xuống suối, phơi nở. Bã lá dứa tươi thành đệp trắng nõn. Tàm kết lại, quần lên lưng, lên vai. Trời lạnh, ẩm chẳng khác mặc váy áo. Xa trông, Tàm hết con vượn trắng đầu tóc đen, như con vượn bạch đốm lông đen hai má. Tàm đi giữa vượn mẹ, cao bằng vượn mẹ. Nhưng khác màu hẳn, vượn mẹ đen tuyền, hai má đốm trắng. Thế là Tàm lại thuộc nếp sinh sống mới, đi đâu cũng có đàn. Chỉ phải cái vào mùa lạnh, rừng hiếm quả ăn được. Đàn vượn vẫn vợ đi tìm quả trám, có khi phải ăn nắm lá thờn mát, lá ngót mấy ngày. Tàm không kiếm được gì để ăn. Làm thế nào bây giờ? Tàm chưa biết đan lưới săn. Tàm không dẻo được nỏ. Không có gạo làm cơm, làm bánh dày, bánh lẳng. Không có mật mía làm bánh mật. Không có thóc rang làm bỏng. Ngồi nhớ lại, Tàm cũng chưa nhớ ra được mọi cách, chưa biết tên hết các bánh mẹ đã làm. Mẹ ơi! Ngày trước, chỉ mới được trông mẹ nặn bánh, nấu bánh. Biết làm thế nào. Phen này chết đói mất. Tàm nhớ ra cái bánh ngói còn dễ làm. Mọi lần, Tàm vẫn xem mẹ làm. Những khi chơi nhởi trong bãi, các chị cũng hay tìm đất hun làm bánh ngói ăn. Tàm dần dần nhớ... -ờ, bánh ngói, bánh ngói...

Bánh ngói chỉ bằng đất thì chắc làm được. Chỗ rừng ẩm ấy có thể đào

được đất làm bánh ngói. Tầm tìm đá nhọn, lấy cây hóp mài đốt cho sắc một đầu, rồi đào. Suốt ngày, được một hố ngang bụng. Tầm lại đào. Tầm đã khoét lên được một mảng đất thó dẻo. Người hết mùi đất bánh ngói rồi. Mảnh đất xám tro, mặt vân lên vệt gân nâu non đỏ như son. Thật mịn, mềm, nhấm không thấy sạn. Nhưng vẫn còn hơi ửng mùi bùn lá chết. Tầm xắn được một đồng đất thó lên rồi nặn ra từng thỏi bằng ngón tay. Nhớ có lần mẹ đã vè vè thế. Những khi bắt đầu mùa lạnh, lại có mưa dầm rả rích, hôm nào không đi kiếm cái ăn dưới nước được, mẹ làm bánh ngói cả nhà ngồi nhấm nháp. Tầm phơi một lượt miếng đất trên mặt đá. Tầm đem những vỉ nứa, đặt ghếch cho đất mau khô cả hai mặt. Đất đã bay hơi, ngả màu xám trắng. Ném bụi bụi đầu lưỡi. Dễ thường Tầm đương thềm mà nghĩ thế hay sao. Vượn mẹ xán lại, ghé nghiêng, nhòm vỉ đất thó. Tầm đưa mẫu đất. Vượn giơ hai tay cầm, cũng đưa lên mũi, như Tầm vừa làm. Nhưng vượn mẹ không thè lưỡi nhấm miếng đất mà vượn mẹ cứ cầm khư khư, không dám bỏ xuống. Những con vượn con ngồi đông đầy quanh Tầm. Tầm đoán vượn con muốn được bắt chước làm như vượn mẹ. Tầm đưa miếng đất thó. Những con vượn tranh nhau cầm rồi lại ôm miếng đất xuống ngực. Quanh quần chơi nặn đất với vượn thế, Tầm cũng khuây khỏa. Tầm tìm các búi cỏ, lấy về một ôm cỏ tế và cành sim đã khô. Những thỏi đất được xếp bằng xuống mặt hố, lót cỏ tế, trên phủ cành sim. Tầm đánh bụi nhùi lửa châm vào đồng rấm. Khói bốc quần trong hố hun những thỏi đất, rồi khói nhạt đi. Tầm cầm từng miếng lên. Miếng đất bánh ngói nóng thoảng ngậy mùi oi khói. Tầm đưa lên miệng, cắn một mẫu. Ngói bụi bụi, khô khô. Tầm bỗng dừng lại ứa nước mắt. Mọi khi, mẹ vẫn làm thế này cho các con ăn. Tầm bọc một ôm, đem về hang. Mỗi tối lấy ra nhấm nháp hai ba miếng.

Ăn đất chóng đầy bụng, chỉ đỡ nhạt miệng. Nhưng lại bần thần nhớ. Tai Tầm văng vẳng nghe những tiếng ồn ào ngoài cửa rừng. Quân Tần trảy hay là núi đổ. Tầm ôm tay lên mặt. Giữa đêm trong hang, Tầm khóc gào một lúc, rồi ngủ thiếp đi. Ở rừng thế này đã lâu lắm thì phải. Không làm sao tính ra bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm. Chỉ thấy những lứa vượn con đã lớn rồi đi theo đàn khác. Vượn mẹ, hai bụ má nhăn nheo chảy xuống, vai gầy nhô

đầu xương. Phía chân sau, ngòi nhiều, lông rụng trơ từng mảng. Mấy lứa vượn con đã lớn, mấy lứa vượn con đi theo đàn khác, Tàm cũng không nhớ. Tàm lân la ra cửa rừng. Cũng không biết cửa rừng xa hay ở phía nào. Bấy lâu ở với đàn vượn, Tàm quen nhờn như rừng sâu như vượn. Ở rừng ngủ núi như nhà mình rồi. Nhiều lần trông thấy con hổ đứng gườm gườm đằng kia. Tàm cũng không biết sợ. Mà có nhẽ hổ cũng tưởng Tàm là con vượn. Hổ hay vượn, rồi mỗi con lại đi kiếm ăn về một phía. Vượn đi phía nào cũng kéo một lũ. Có Tàm bước lênh khênh giữa bọn. Những vượn con lứa này đã lại cao vóng ngang vai mẹ rồi. Sắp lớn, lại sắp đi đàn khác. Tàm đứng tha thẩn nhìn đầm lầy. Những ngọn cỏ nở hoa xòe trên mặt nước. Tàm nhấc một bông lên. Hoa vàng nhạt, cuống dài như cỏ xước. Tàm nhận ra đây không phải hoa cỏ. Đây là bông lúa ma. Tàm nhớ có lần mẹ vào cửa rừng, cả mấy chị em theo. Mẹ con đi bứt lúa ma mọc trên mặt bãi bùn. Không ai hái lúa ấy, mỗi mùa lúa chín rụng, lúa cứ ken dày mãi, hạt lúa mọc sùi ra như hoa cau, hoa dừa đến độ chín vàng. Tàm luống cuống hẳn lên. Gặp được cơm ăn rồi. Tàm ngắt từng bông lúa. Những con vượn đứng lơ nhố trên bờ. Không dám lội bùn, nhưng cứ xúm xít đấy. Tàm ném lên một bông lúa. Vượn tranh nhau cướp, nhả nhả từng hạt. Ăn xong lại ngẩng mặt, hí hửng tìm nữa. Lúa ma lấy về phơi, giã. Hôm ấy, đã đủ gạo. Tàm làm được ống cơm trong hang đá. Cơm chín tới, khói thơm tỏa trên đầu ống nửa tươi. Những con vượn hếch mũi, giơ tay băng quơ, muốn khều lấy mùi thơm. Tàm hút một mảy cơm bỏ xuống mặt đá. Tay vượn hấp tấp chụp lấy. Nhưng lại rút ngay. Hạt cơm nóng rát. Chốc, cơm đã đi hơi. Vượn rút rề nhạt một hạt. Vượn đưa lên miệng từng hạt. Những con vượn khác đã đánh hơi biết thức ấy ăn được, chen đến kiếm chỗ mặt đá còn mùi cơm nóng. Tàm và đàn vượn ăn sạch ống cơm lam dài bằng bắp chân. Ăn hết, lũ vượn chạy đi chạy lại hú, kêu rối rít. Vui quá. ý chừng muốn ăn nữa. Nhưng nước mắt Tàm lại ứa ra. Ăn cơm, nhớ mẹ. Thấy thế, đàn vượn nháy lù, mắt hấp háy nhìn Tàm. Đến khi Tàm quệt khô hết nước mắt trên má, đàn vượn mới lại mon men tới gần. Một ngày kia ấm trời. Suốt các cánh rừng, đã đến mùa hoa nở rộ rồi. Không biết những hoa gì, nhiều thứ quá.

Chỉ thấy lao xao những hồng, những bạch, những tím, bạt ngàn. Lại không biết đằng xa đương tới, từng đàn bướm giập giờn hay những mảng hoa gió đưa qua lẫn lộn, lung linh lay động khắp các bụi cây, các bãi cỏ. Gió nồm ẩm thổi vào rừng, mọi vật đều cảm thấy phơn phơ, phồng phao, ngứa ngáy, nhấp nhồm. Con gấu núp trong hốc đã bước ra nhặt trám. Đàn hươu sao và những con nai kéo lũ đến nhảy giờn trên đám cỏ non xanh mơn. Những con gà rừng con vồng làn đuôi đỏ biếc mướt mà lên. Những con voi, những đàn lợn động cốn, chạy rào rào qua. Các cánh rừng bỗng đứng nghiêng ngả như có cơn bão càn từ các khe núi luồn ra giữa ngày lấp lánh nắng. Tầm và đàn vượn đã ra cửa rừng từ sáng sớm. Tầm giã sẵn gạo, bỏ vào ống, xuống ngồi lam cơm ngay trên bờ đầm lầy. Vượn thích ăn cơm, lại ăn tham, nhai phồng căng cả bùi cầm. Tầm đóng cọc, dựng một dãy ba ống nửa to. Một mình Tầm, ăn cố cũng chỉ hết một ống. Hai ống cơm kia để chia cho đàn vượn. Khói đốt ống lam đã thơm lừng. Đàn vượn vui, chạy quăng chân như múa trên bãi cỏ. Vượn biết sắp được ăn, đua nhau hú đình tai.

Đến lúc ăn xong, người và vượn cùng nằm him mắt, sưởi nắng. Những con vượn ăn no, ườn ra phơi nắng, gối lên nhau. Vượn con nằm nghếch lên đầu gối, lên bụng Tầm. Tầm nhìn lên khoảng trời xanh ló ra giữa cánh rừng. Lâu quá, quen rồi. Những sọt thóc để trữ ăn mùa chưa có lúa. Bây giờ thì ở mãi đây được. Tầm không nghĩ khi nào Tầm đi đâu. Đi đâu. Đã mờ mờ dần, đi đâu? Tầm ở với đàn vượn cũng giống ngày trước ở với cả nhà dưới bè trên mặt sông. Đàn vượn như anh em chị em nằm sưởi nắng chen nhau quanh Tầm. Tầm áp má xuống cỏ, ngủ say. Không biết bao nhiêu lâu. Một lúc, Tầm nghe tiếng rít, tiếng hú. Tầm đã quen tai nghe vượn gọi nhau như thế. Tầm từ từ mở mắt. Tầm trông thấy đàn vượn nhảy chơi chơi giơ chân trước, há miệng gào quanh Tầm. Chưa trông thấy đàn vượn đùa lạ thế bao giờ. Tầm lặng lẽ nhìn vượn mẹ, vượn con. Những tiếng rít, tiếng rống lộng óc. Những hàm răng vượn nghiêng kèn kẹt. Tầm không hiểu thế nào. Rồi thình lình cả đàn chạy biến mất vào rừng. Tầm lẩm bầm:

- À mẹ con nhà vượn rủ mình đi kiếm quả ăn.

Nhưng giữa lúc ấy, Tầm chợt cảm thấy là lạ. Tầm quay mặt ra phía rừng hôm trước có đàn phượng hoàng đất bay ra. Tầm trông thấy một đám người lỗ nhổ vào. Tầm thoáng nhớ, Tầm nhớ ra đàn vượn đã đánh hơi biết khác, đã rủ Tầm chạy. Mà Tầm không biết. Tầm đứng phắt dậy. Tầm chạy. Những tiếng kêu đuổi theo.

- Có phải người đấy không? Phải người đấy không?

- Đừng chạy! Đừng chạy!

Một bọn đã chắn ngang phía rừng trước mặt. Đã lâu không nghe tiếng người. Tiếng vỡ oang oang, không biết ai hét, ai nói. Tầm lú chân lại, không bước được. Tầm đứng sững ra đấy. Người các phía kéo đến. Tầm dần dần nhớ ra nhận ra hình như những người đấy là bọn phường săn. Phường săn lưới, cả săn nỏ. Những cánh nỏ, những ống tên dài vút. Tầm là con nai, con hươu, lưới và nỏ quây quanh. Tầm chợt nhón nhác, co chân, lại toan chạy. Một ông lão tóc bạc phơ, quần khăn chàm, bước ra, nói:

- Đừng sợ! Đừng sợ!

Những ngày nắng ấm, vua chủ thường về đi săn với các phường làng ở những cánh rừng ven sông. Toàn quân phường săn với người làng kéo vào rừng hôm ấy, từ đằng xa, đã trông thấy đàn vượn, trong đàn có con vượn trắng. Vượn trắng thật hiếm. Chẳng ai đã được thấy vượn trắng. Chỉ nghe nói người đời trước có lẽ nộp vua Tần phải đi lòng rừng tìm vượn trắng. Năm nào, vua Tần cũng đòi cống vượn trắng. Thế là các lưới quây lại con vượn trắng của hiếm. Vào gần đến nơi, mới nhìn ra không phải vượn trắng. Mà đấy là người. Trong phường săn có nhiều người ở bờ sông Lú, nhưng không ai còn có thể nhận ra, cũng không ai ngờ được đấy là con bé cái Tầm ngày trước sống sót đã chạy được vào rừng. Phường săn các ngả mỗi lúc kéo tới một đông. Họ đứng quây quanh. Bây giờ, thật là đứng trước một người, ngang lưng quần những dép tơ dứa, tơ duối trắng bạch lộ xô như mớ rạ. Người con gái đẹp lồ lộ. Tay lấm bùn đến khuỷu mà cánh tay nuôn nuốt trắng ngần. Người con gái lấp bắp, run rẩy, ú ớ:

- Quân... Tần... Phường... sẵn...

Những người xung quanh nghe không rõ. Lâu lắm, Tàm không nói tiếng người, tiếng nhớ tiếng quên mất rồi. Mà những người trẻ cũng không còn mấy ai nghe nói đến quân Tần, cũng chưa nghe ra thật. Chỉ có ông già phường cả đã nghe rõ, chợt hiểu, bèn nói to:

- Không, không phải quân Tần...

- Quân Tần...

Ông già lại nói:

- Không, không. Ta là phường sẵn.

Tàm lắc đầu.

- Cháu chạy vào rừng từ năm giặc Tần à?

Tàm gật đầu. Ông lão thở dài.

- Đã ngoài mười năm rồi. Các chú này không nhớ mấy đâu. Đến ngày được bình yên, tưởng người các làng ở rừng đã ra hết cả rồi. Cháu là con cái nhà ai?

Tàm đã bạo hơn lúc nãy và nghe lại tiếng người cũng đã quen, nhớ dần.

- Cái Tàm...

Ông lão vỗ trán, rồi hỏi to:

- Nhà Tàm ở bè à? Nhà cháu chết cả rồi mà...

Tàm không biết trả lời thế nào. Chỉ nói buông giống một:

- Không.

Một toán quân nữa kéo đến. Cả nhiều người làng. Nhưng cũng chỉ còn có mấy ông già mang máng biết tung tích đứa trẻ ngày trước mà thôi. Mọi người cứ trở mắt, lạ lùng thấy một cô gái như tiên sa đứng giữa rừng. Lại băn khoăn không thể hiểu được đây là người hay là ma, hay đây thật là cô tiên trên trời sa xuống. Dần dần, nhiều người run sợ, không biết thế nào.

Mấy người vác đến một sọt trầm, đổ xuống bên tảng đá còn lỏng chỏng mấy ống nửa lam cơm. Khói trầm dâng lên, thơm ngào ngạt. Mọi người cùng sụp ngồi, rạp đầu xuống vái cô tiên. Những người khác vào rừng chặt tre, buộc được cái kiệu, có đòn bốn người khiêng. Ông lão nói:

- Thuyền vua chủ ta đậu ngoài bờ sông.

Đám người dắt Tàm ngồi lên kiệu rồi chạy thoăn thoắt ra cửa rừng. Tàm hốt hải quay đầu lại. Không trông thấy đàn vượn đâu. Tàm bưng mặt khóc. Những người khiêng kiệu vẫn phóng đi như ngựa. Tàm không thò chân nhảy xuống được. Đóng trầm trong cửa rừng còn lui hui khói. Đi đâu thế này. Tàm ơi, người ta mang mày đi đâu. Tàm hốt hoảng ôm mặt khóc rưng rức. Chẳng biết đàn vượn kia vẫn đương bấu nhau, ngấp nghé trong rừng nhìn ra. Hay còn hải người săn quá, đã ẩn lên tận vách đá nào.

* * *

Đêm trăng xuống mờ mờ. Cạnh bức tường đất thành ốc lượn tròn, có một bóng người cúi cúi bước lên. Đến một chỗ trống, trông rõ đấy là Cao Lỗ. Vai Cao Lỗ đeo chiếc tay nải. Như người đường xa lỡ chân khuya mới về, còn len lỏi tìm xuống phường bên kia hỏi nhà chứa trọ. Cao Lỗ lần theo vòng thành xoáy dần lên cao. Đến một đầu tường, chỗ có ụ canh bỏ không. Cao Lỗ đứng lại. Phía trước mặt, bên rặng bờ rào xương rồng mọc chẳng chịt, nổi lên bóng một bức tường đầu nhà. Cao Lỗ rút ở tay nải đeo vai ra một ống sáo. Tiếng sáo thanh thanh, véo von giữa trời nước mịt mù bát ngát. Tiếng sáo làm cho ánh trăng bỗng nổi nà. Dường như làm cho người nghe thấy lại dưới trăng trời đất rộn ràng năm nao, những đám trai gái trong thành ngoài cỏi đương tập nập kéo đá ong, đội đất đắp thành. Tiếng sáo làm gợn dần lên trên bức tường đen sẫm một khoảng tròn trắng mờ như có một vầng trăng nữa ai mới cời lên treo cao cao ở đấy. Cao Lỗ bước tới chỗ chân tường dưới song cửa tròn, có vòng sáng ánh đèn trong cửa vừa rạng. Tiếng hát đâu đây, rập rờn như sóng nước. *Ai đi nhớ Về thương Ai nhớ ai thương ai.* Im lặng một lúc. Tiếng người cách tường, phảng phất. Bóng Tàm ló ra trên cửa, nhìn xuống.

- Mình khăn gói đi đâu kia?
- Tôi phải đi đi cho khuất mắt vua chủ.
- Đi đâu?
- Tôi phải đi.
- Mình nói sao?

Tầm khóc. Tiếng Cao Lỗ như giục giã:

- Chúng mình cùng đi.
- Em từ thuở bé, ở rừng lớn lên, rồi vào cung cấm, coi như đời người đã bỏ đi rồi.

Tiếng gà gáy eo óc. Trăng đã xế xuống dải bãi ngô bên kia sông. Bóng nước lẫn vào lá ngô óng ánh, lẫn lộn.

- Mình đi, thì ai người can ngăn vua chủ bây giờ? Không, mình đừng nên đi.

Im lặng.

- Mình ơi, mình đừng đi.

Cao Lỗ đứng im, ngược mắt. Nhưng không trông thấy vòng cửa sáng tròn trên đầu. Một lúc lâu. Cao Lỗ tần ngần rồi nhấc tay nải, khoác lên vai, bước lấp bóng xuống những bậc thành lúc này vừa lên.

VII

Triệu Đà biết khó đánh được Thục, bèn dùng kế hiểm, sai sứ sang cầu hòa. Rồi cho con trai đi làm con tin. Lại xin cưới công chúa My Châu cho con được ở rể. Tướng quân Cao Lỗ nói với vua Thục:

“Quân Triệu lúc nào cũng nhòm ngó ta, nay nó mượn cớ cầu hòa, cầu hôn là có rắp tâm hiểm độc”. Nhưng vua Thục không nghe.

(Truyện thuyết Hùng Vương-Hội Văn nghệ tỉnh Vĩnh Phú 1981)

* * *

Đầu năm, mùa ẩm áp đã trở về. Đất Kẻ Chủ lại vào hội lệ. Mặt nước sông Cái phẳng lặng như tờ. Những đàn rùa bơi quanh cụm lá súng xanh, tròn xoe. Chiếc hoa súng cánh trắng mới nở, nghiêng cao, nghiêng theo gió thổi. Những lũy tre ken dày bọc quanh tường thành. Tre non trổ lá vân vân vờn lên như khói. Bóng tre giỡn gió ngả dài theo bờ tường. Bốn phía, cánh bãi, đầu làng, đầu cũng những bờ tre bao bọc. Những con đường thôn dài, xa xanh, thăm thẳm. Ở một xóm nào vắng lại tiếng giã gạo chày đôi. Chày khua kêeng kêeng vào thành cối. Vui chẳng khác tiếng gõ vào tang trống đồng. Từng đoàn người đi dưới những vòm tre trên các đường làng. Lão ông khăn điều đầu rìu, râu bạc phơ, tay cầm quạt trượng, mở ra, nghiêng lên, che hờ làn mưa bụi. Trai gái ríu rít từng đám. Chiếc xe trâu kiu kịt qua. Trên xe, ngồi xếp bằng tròn những người lực lưỡng cỡi trần, khổ bao. Tiếng trống cơm bập bùng, lắc lư theo bánh xe. Khắp các nơi kéo về hội Kẻ Chủ. Lễ xoan mở đầu năm mới. Làng làng nặn trâu đất lấy khước, khiêng trâu đất ra đồng "đánh tan giá lạnh, mở việc đồng áng". Những cây tre để nguyên cả ngọn cao vút dựng trước cửa mỗi nhà. Trên ngọn tre treo từng chùm khánh đất nung, gió lùa, reo loong coong. Những bãi trồng cà bát, lá xanh trổ phơi phơi, hoa tím thắm một dải bờ sông. Làng nào cũng vào hội,

nhưng hội Kê Chủ bao giờ cũng nô nức nhất thiên hạ. Bởi hằng năm, vua chủ lại nhân hội đầu xuân mà kén tướng võ. Vui nhất mở ra hội vật, rồi đến hôm thi bắn nỏ là đóng hội. Bốn phương về đua tài. Lại có các quan lạc tướng ra đấu vật thử sức.

Cả vua chủ cũng lên gióng đấu làm phép cho nghiêm việc quân hằng năm. Từ mấy năm nay, hội xuân càng vui hơn. Đúng vào dịp này, thiên hạ thấy hội còn được xem đám rước lễ cúng đầu năm của vua Triệu vừa kịp dâng đến Kê Chủ. Từ gà gáy, những cây đình liệu tre khô đã sáng trưng các ngã năm ngã sáu đường vào thành. Trời rạng dần. Nhiều người đã tụ đông quanh gióng vật. Những chiếc xe trâu đưa tay đô các cỡi tiến vào đứng một lượt bên kia. Các lạc hầu, lạc tướng cưỡi ngựa tới, ném dây cương cho quân dắt ngựa vào buộc dưới rừng bàng. Bước lên lầu, các quan, mình cởi trần, choàng vuông áo khoác. Các quan võ ngồi ngoài cùng. Trong hàng, đủ mặt ba tướng anh em họ Phạm, hai ông họ Đinh, ông Cao Tứ, ông Nồi hầu với tướng Đống, tướng Vực đương sức trai mười tám đôi mươi. Cao Lỗ ngồi cạnh Trọng Thủy. Trọng Thủy cũng khoác tấm vải phủ lưng như các lạc tướng. Khác cái, bên trong mặc thêm chiếc áo thâm. Hồi trống đồng nổi hai bên gióng vừa dứt. Các tay đô vật đã nhảy vờn tay múa quần dây, múa chào khách tám cỡi về hội. Trên thềm cao, vua Thục nhìn ra đám người về mỗi lúc càng đông. Mà ngoài kia vẫn còn rộn rịch khắp các ngã đường. Hai tay đô đã vào gióng. Những bắp tay cuồn cuộn nổi chầu. Những khoeo chân dựng đứng như gốc tre đực. Bàn tay bắt xuống, đảo thế vật, người ngoài trông cũng đã hoa mắt. Nhưng hai tay đô ấy mới múa vờn thử dò sức nhau, rồi lại lùi ra, dang tay rảo bước vun vút quanh gióng, như đương đi tìm miếng vật hiểm ở đâu đây. Các cô váy chồi yếm vải, thắt lưng hoa hiên lửa tỏa bay tung, quần lên tận búi tóc. Các cô tổ nữ dàn quanh gióng vật, chấp tay, thả xuống từng đám trầm hương bụi đỏ như phấn. Trầm bén lửa, bùng lên. Tiếng hát râm ran thánh thót một vùng.

Trúc nở lá trúc

Vông ra hoa vông

Vây bên vợ cây bên chồng

Ngay ngày đội gạo

Nước sông cơm đùm

Sang đòai lên bắc

Mừng ai thả sức đua tài.

Tiếng trống đồng vẫn điểm từng giọt. Tiếng nhịp nhàn cầm nhịp cho đất nước vào hội mừng xuân. Ngoài bến, những chiếc thuyền thúng chi chít như lá tre thả ngang sông. Người vẫn còn dập dìu về nữa. Trên thuyền, đầy con trai, con gái và tiếng hát. Trọng Thủy nhìn quanh, rồi nói:

- Thật là hay, thật là hay. Tôi mới được xem đấu vật lần này là một. Cao Lỗ nói:

- Ở cõi chúng tôi, đấu vật là hàng đầu các phép võ; đến đứa trẻ cũng phải biết. Hội chơi đấu võ đấu vật cũng là hội kén tài.

Trọng Thủy chấp tay:

- Phong tục đất ta thật là quý hóa.

Cao Lỗ say sưa kể:

- Hằng năm, vua chủ tôi chọn người vật giỏi, võ giỏi ra làm quan. Các quan hằng năm cũng ra độ sức nhau. Ai đuối tài thì trở về làm dân các cõi. Ha ha... Vậy ở Phiên Ngung thế nào...

Trọng Thủy lúng túng:

- Chúng tôi...

Cao Lỗ cả cười:

- Mời ông chốc nữa lên thử một tay. Trên gióng, một đô vật ngã. Tiếng reo dậy bốn phía. Hai đô khác bước ra.

Vua Thục đứng lên, giơ tay thúc ba dùi xuống mặt trống. Cao Lỗ nói:

- Bây giờ đến tuần các quan vào giống vật. Trọng Thủy có vẻ bồn khoăn, lo lo:

- Đức ông... Cao Lỗ không để ý, vẫn nói:

- Ừ , ai ra đấu với ai cũng được! Ai cứng cỏi nhất thì được vào thử tay độ với vua chủ.

Trọng Thủy kêu lên:

- Phép tắc đất ta nghiêm ngặt đến thế kia ư?

Cao Lỗ thông thả nói:

- Nghiêm mà không ngặt. Cối chúng tôi, vua tôi cùng nhau cày bãi, cấy dâu, đi chân đất, tắm chung một quãng sông, lúc hoạn nạn cũng như khi yên vui, thế là thói thường.

Vua Thục thông thả thúc từng dùi trống. Cao Lỗ bảo Trọng Thủy:

- Nào ông cởi áo khoác, lên giống thử một lèo với ta.

Trọng Thủy khúm núm:

- Lạy đức ông, tôi không được hiểu.

Cao Lỗ nói:

- Việc võ thì thiên hạ đâu chẳng như nhau.

Trọng Thủy như năn nỉ:

- Lần đầu, mới được vua chủ cho theo hầu các đức ông ra xem hội.

Lại nói:

- Vả chẳng, tôi đương đợi lệnh vua chủ cho lên ngược đón đồ cống.

Cao Lỗ cười:

- Khéo chống chế thế. Thôi ông đừng lo, tôi không ép. Ông cứ đợi đây rồi đi đón đồ cống.

Nhưng Trọng Thủy vẫn đứng yên, chăm chú nhìn Cao Lỗ vừa ném

xuống ghế mảnh áo lông chim trĩ rồi ung dung bước ra gióng, không ngoảnh lại. Hai vai trần lực lưỡng của ông tướng vỗ che nửa khung cửa. Trọng Thủy trông theo Cao Lỗ, mắt đắm đắm. Cao Lỗ đã ra giữa gióng vật. Hai tay chống nạnh. Hai đầu gối hạ xuống, bành ra. Một ông quan vồ bước lên. Vuông áo trên lưng còn rườm rà kéo ra mép gióng, tận trước mặt Cao Lỗ. Cao Lỗ cười nhếch mép, giơ tay vớt hộ tấm áo khoác lụa điều của ông quan vắt lên thành gióng. Ông quan trịnh trọng giơ tay làm hiệu đôi bên múa vờn. Rồi ông quan vồ quờ hai tay ra, bắt miếng. Cao Lỗ lắc một cái. Ông quan đã loạng quạng, chơi vơi. Cao Lỗ hát theo. Ông quan ngã lăn giữa tiếng hò reo lẫn lộn tiếng xì xào. Một ông quan khác bước ra. Ông này cao lớn, mặt đỏ phừng. Nhưng Cao Lỗ mới chỉ nghiêng vai lắc, ông quan đã lao đầu xuống. Máu mũi đổ rùng rùng trên mặt cát. Ông chống khuỷu tay mấy lần mà không ngồi lên được. Một ông quan vồ nữa ra. Ông quan vồ thông thả cởi áo. Cao Lỗ hỏi:

- Sao mùi rượu lừng lên thế?

Ông quan vồ cười gằn:

- Có rượu mới hăng được.

- Nào, xem rượu hăng thế nào nào?

Hai người múa vờn quanh gióng mấy vòng rồi vào cuộc. Ông này cũng chẳng khác mấy ông trước, vừa trở tay đã ngã bổ chửng. Cao Lỗ vẫn đứng nguyên giữa gióng. Cao Lỗ ngẩng mặt, nói to:

- Ai không say hăng ra gióng, nào ai...

Rồi Cao Lỗ ngửa cổ lên cười to một tiếng. Nghe ra không phải tiếng cười người được trận, mà tiếng cười gay gắt.

Đôi lông mày Cao Lỗ dựng lên. Sức lực các quan lạc tướng đến đĩnh đoảng thế, rõ ra việc quân có bề chênh mảng. Ngày trước, lệnh vua chủ ban ra từ trên xuống dưới, ai cũng biết phân biệt rành mạch phép tắc khi rượu vui, với phép vua khác nhau trời vực. Khắp các gióng vật khác đóng quanh bãi cũng đương rộn rã đua tài. Các trai tráng tay đô mới thắng cuộc, được tuyển

hớn hở bước vào nhà quán. Các tướng, Cao Tứ, Đô Nồi, các ông họ Phạm, họ Đinh đều lăm liết ra gióng. Tướng Đồng, tướng Vực đã vật đổ suốt mặt các đô trẻ vừa tới. Rậm rịch náo nức lạ thường. Vua Thục đã bước ra. Vua Thục ngoảnh lại các hàng quan, nói:

- Không còn ai địch với ông Đô Lỗ, với bố con ông Đô Nồi được à?

Đô Lỗ nói:

- Người tài các cõi không thiếu, các tay đô mới được tuyển vào ngồi đầy nhà quán.

Chỉ có các quan bấy lâu được ơn vua chủ cho về Kẻ Chủ ngồi trong thành uống rượu, nhiều người đã đuối rồi. Vua Thục cười:

- Ông oai phong như thót voi trận thế kia, có đến đô nòi đương sức cũng chưa chắc đã dám ra so với ông.

Cao Lỗ nói:

- Tôi vẫn như mọi năm, vẫn ra giữa gióng thế này. Các nhà võ ra làm quan càng nhiều, chẳng nhẽ người giỏi lại chịu lép vế tay tôi mãi hay sao. Không phải, không phải. Cánh tay bấp chân nhiều người đã chảy ra rượu cả, mỗi hội lại phải đuổi các quan về đánh cá bắt ếch ngoài cõi nhiều quá. Thì quả là điều đáng nghĩ.

Vua Thục cười to:

- Ông nói đúng, thế nhưng chưa phải. Tết nhất, hội hè, trong thành ngoài cõi vui chơi, coi như đương nhiên mà quan nào đuổi tài thì rồi về câu ếch, có gì đáng nghĩ nào. Không còn ai đáng mặt ra gióng đọ với ông, tôi với ông, ta vào giải vật mừng.

Vua Thục hất áo xuống đất, uốn mình múa vờn. Hai tay đô lão luyện vào miếng khóa, nhưng không lỏng. Rồi lại vươn người hoa tay liên tiếp bắt nhau chan chát. Nghe tưởng người ngã oanh oách. Nhưng đấy chỉ là những bàn tay bắt vào vế, vào vai, vào khoeo bị bật ra. Vua chủ đã tuổi tác, mà đường vật còn khí thế lắm. Hai người lại đứng yên, giữ miếng. Khấp bãi nổi

sóng reo như sấm dậy. Rồi vua chủ và Cao Lỗ cùng buông tay, ra đứng giữa gió. Vua Thục vỗ vai Cao Lỗ xong lại giơ đọ với cánh tay Cao Lỗ.

- Ông đã biết sức ta.

- Sức hổ! Sức hổ! Thật phúc cho đất nước!

- Một tiếng ta thét còn như sấm động đến tận núi Ngũ Lĩnh. Ông nghe đấy không?

Rồi vua chủ lại ngửa mặt cười. Cao Lỗ cau mày nhìn Trọng Thủy đang bước lùi ra. Các trận đấu vật tuyển ở thành vua trên Kẻ Chủ thật náo nhiệt. Nhưng mới chỉ là mở cuộc giáo đầu cho các côi. Say đấy cả tháng, khắp nơi mới vào hội thi các phép võ. Rộn rịch cả một mùa hát xoan, ngày ngày sôi sục bãi đấu, bãi tập. Suốt từ các sông con ra sông cái ngược lên, vào đến tận Cửu Chân. Những cuộc luyện thủy trận, tượng trận, mã trận, bộ trận, mỗi vùng một công phu. Voi ngựa, giáo mác ngổn ngang, rầm rộ như chông, như rừng. Năm năm, vua chủ cho mở hội chọn người khỏe vào các cơ ngũ trong thành ngoài côi đầy đủ. Ông Đô Lỗ, ông Đô Nôi, tất cả các tướng đồ đi mọi nơi cầm trịch tuyển người. Hội xoan ấy, có Trọng Thủy trong hàng các quan lạc đi tuyển. Từ khi Trọng Thủy tới, vua Thục đổi hẳn nhất mực đại độ. Trọng Thủy được lĩnh chức quan lạc, ngồi vào hàng các quan đầu triều. Trọng Thủy vái Cao Lỗ và các hàng quan:

- Tôi được theo các đức ông ra xem việc ngoài côi. Xin dạy bảo cho.

Cao Lỗ cười ngất:

- Nước tôi chỉ có ông được vào hàng quan mà không phải theo phép võ thôi đấy.

Cũng nhiều tai tiếng đồn đại từ ngày Trọng Thủy được vào thành vua. Nhưng kể ra, hai lần giặc đã tan tác như mây khói, bây giờ trông thấy kẻ phương xa phải đến làm chân tay, đi đứng khép nép, nhón nhác, kể cả trong dân gian cũng có nhiều người hả hê. Mấy năm nay đâu đấy được yên vui, được mùa. Những việc vua quan xa xôi trên đầu, rồi cũng nhãng dần. Các quan bận bịu trong quán trước các giống vật, các bãi đấu. Những trận vật,

trận roi các nơi đã xong. Các tay đô giật giải ngoài cỡi lại tề tựu về cuộc kén quan trong thành vua ở Kẻ Chủ. Cả trăm lực sĩ lên ngựa, chạy thúc ra giữa bãi, tung giáo. Đường giáo hoa bay vun vút như mây mù. Từng chiếc ngựa vượt qua trước nhà lễ. Các quan trên đài nhíp nhàng điểm trống, điểm mõ. Một ngựa từ đằng cuối bãi phóng tới, dừng phắt. Hai chân trước dựng đứng. Nhưng chiếc giáo trên tay vẫn hoa đều, không thấy ngọn, không thấy cán. Chiếc giáo múa trắng như cái tàn lụa bạch che kín đầu người đầu ngựa. Một hồi trống điểm dồn. Lực sĩ dừng tay giáo, ruỗi ngựa thong dong ra đứng đợi vào đấu. Lực sĩ khác thúc ngựa tiếp vào. Con ngựa ấy bị kìm mạnh quay một vòng đầu bắt đuôi. Đường múa chột chùng, nhô lộ cả mũi đồng, cả cán giáo. Ba tiếng mõ giật thót lưng, đuôi người thua tài chạy buông thông hai tay. Chiếc ngựa lùi ra, ngập lẩn trong vòng người đương chen lẩn vào. Hôm sau mới đến cuộc đấu giáo. Từng cặp lực sĩ cưỡi ngựa. Tay cặp dựng giáo, vai che mộc. Hai ngựa sóng đôi vào trước đài, bỗng vụt quay ngang, lao vào quần thảo. Tiếng giáo chặn nhau xoang xoảng. Một đỡ mũi giáo bật vang khô như tiếng mõ. Ai lỡ tay đâm vào ngựa địch thủ, bị một hồi mõ đuổi ra ngay, vì lỗi đánh trộm. Còn gãy giáo, vỡ mộc, trúng thương, đều phải loại. Hai lực sĩ quần nhau giữa nhíp dùi trống đồng buông đều đều. Vừa đủ hai chục tiếng, thế là một hồi cồng nổi tiếp lên. Hai lực sĩ ấy đã được lựa, nét mặt hớn hở, thong thả giọng ngựa về trước nhà quán. Cùng xuống ngựa, vắt thừng cương lên đầu cọc, dựng giáo, xếp lá mộc dưới thềm, khoan thai bước vào. Múa giáo, đỡ mộc, đánh khiên đã tươm tất cả. Nhưng bản nỏ mới là cuộc thi hệ trọng nhất trong nghề võ. Từ các vua đời trước, tới bây giờ, thời nào cũng trọng người tài nỏ hơn cả. Người về xem thi nỏ càng đông gấp bội. Hàng trăm, hàng trăm cây tre được khiêng đến, bắc giàn tầng tầng lên cho cả nghìn cả vạn người được nhìn thấy các tay nỏ tài trong thiên hạ. Một cột gỗ nổi dựng giữa bãi cao gấp đôi mái nhà công quán. Lực sĩ ruỗi ngựa tới, hạ nỏ tì ngang ngực.

Cách cột đích một bờ cỏ mấy trăm bước, buông một phát. Tên cắm vào cột. Rồi ngựa phi vòng quanh bãi, giữa tiếng reo sôi nổi. Mỗi lần con ngựa quay lại, người lại giương nỏ. Mũi tên sau cắm trúng đuôi tên nỏ trước.

Mười lần bắn ra, mười lần tên cắm đuôi nhau thẳng tắp bằng chiếc thân giáo dài cả mấy sải tay. Cồng thẳng rộn rã nổi lên. Một tay nỏ khác vào. Một phát véo ra khoảng không. Con ngựa của người thua nỏ cũng hoảng hốt, khấp khểnh chạy về cuối bãi trong bụi mù mịt. Cười ngựa bắn nỏ xong, đến cuối cùng, cuộc thi đi bộ bắn nỏ. Người đứng cách xa cây đích gấp đôi tầm nỏ ngựa. Năm tiếng trống rền lên. Giữa năm tiếng đồng âm ầm ầm, lực sĩ giương nỏ, rút tên đẩy vào máng, bật lấy. Dứt năm tiếng trống, người cũng vừa buông xong mười phát nỏ. Đuôi tên trước còn rung, tên sau đã cắm tới, chồng lên thành một chuỗi ngay chằm chằm. Người lực sĩ hiên ngang bước vào quán khách. Tiếng đồng trầm rền lên báo kết thúc cả ba tao vào trận. Mai kia mới đến mùa quân thủy luyện nỏ trên thuyền. Đến tập nỏ thủy trận không phải vào cuộc tuyển nữa. Mỗi hôm, Trọng Thủy đứng dậy giữa các quan võ vừa cầm trịch thi đấu xong, ai nấy mặt đỏ rực, hể hả. Một ngày náo động, ganh đua kén tài. Cả một hàng chiếu liền các lực sĩ được chọn vào hàng quan mới đương ngồi hơn hờ ăn uống ngay giữa bãi. Trọng Thủy lại dăm dăm nhìn Cao Lỗ khoan thai gác chiếc dùi trống đồng dài như cái chày giã gạo lên giá trống, bước xuống ngồi vào mâm với ông Đô Nồi, các tướng Đống, tướng Vực và giữa các tướng trẻ mới được cuộc tuyển. Trọng Thủy đã chăm chú nhìn ngắm Cao Lỗ như thế từ hôm mở đầu hội vật, lúc Cao Lỗ lẫm liệt ra giữa gióng, căng sức như tay đô đương độ tuổi. Đến bây giờ, Trọng Thủy mới mang máng hiểu ra cái nhìn từ hôm ấy của mình. Một hàng các quan đương bước tới. Các ông Đinh, các ông Phạm oai phong khác thường. Tướng Đống, tướng Vực trẻ măng, tấm áo chồi sẫm đỏ. ại, thân phận ta đã hai lần chạy chết ở ngay bên sông trước mặt thành kia. Vì nỏ thần ghê gớm, bí hiểm, mà cũng vì trùng điệp hàng hàng quân tướng hùng hực phương cương mãnh liệt nhường này nữa đây. Trọng Thủy chưa dám tự tiện ngồi xuống chiếu rượu với các quan.

Trọng Thủy bước quanh quẩn. Mãi sau mới dám khép nép vào, mặt bơ thờ nhợt trắng. Tiếng cười nói vang bốn bề. Nắng nhạt đã xế xuống sau dãy núi Ba Vì sẫm xanh. Bỗng tiếng chiêng trong thành ngoài nội rền lên cùng một lúc. Hội mừng tuyển võ năm nay đã xong thật chu đáo ở cả các gióng

vua chủ ngự. Vua chủ vừa lệnh ra khắp các phường săn đến ngoài cõi. Bắt đầu những đám hội linh đình của các đám đông cả làng, cả chòm xóm quây quần đi đón các lực sĩ thi tài đã về đến đầu cõi. Vang động từ trên núi xuống các vạn chài. Liên mấy đêm hội hát mừng, bắt đầu từ đêm nay.

VIII

Từ cổng thành vào, đông nghịt người đi xem vật phẩm lễ cống bên Phiên Ngung đã sang tới. Nhịp bước người đi như múa, hòa tiếng reo mừng trong tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng trống. Vua Thục đã phái quân quan lên đón đồ cống cách thành một ngày đường, như mọi năm. Một toán quân hoa cờ, dàn ngang, đi trước. Các cô tố nữ múa bài bông, múa quạt, đánh cồng dẹp đường. Rồi đến những người hề, mặt bôi sáp trắng, không biết đàn bà hay đàn ông mặc giả đàn bà, váy loe quét đất, áo ngắn hở nửa lưng, vạt thắt quả găng. Mỗi cặp bưng đôi chiếc trống cơm dài như quả mướp, dây da trâu đeo lên cổ. Hai tay đu đưa bập bồng vỗ mặt trống, tang trống. Trẻ nhỏ đuổi theo đám giả trai giả gái vỗ trống cơm đông nhất. Tiếng sáo réo rắt. Đoàn quân Phiên Ngung nghiêm nghị áo xám, ống tay rộng, chân đi giày cỏ, mũ lá. Các quan áp tải lễ cống đội mũ da bò nhọn chỏm, cười ngửa, mắt nhìn thẳng. Những con la bước lênh khênh cao hơn hẳn một đầu người. Hàng trăm con la, đầu cài ngù đỏ toé xuống nửa bờm, khẩu đuôi tẹt lựa bông hoa hiên. Trên lưng, mỗi con la đội hai chiếc rương lớn sơn then, phủ lụa thiên thanh. Con la đi đầu đã qua cổng thành được một lúc lâu, mà đoàn la đi sau vẫn lũ lượt vào. Người hai bên đường đứng lại, chỉ trỏ, trầm trồ.

- Năm nay vua Triệu tiến cống vua chủ ta hậu hĩ quá.

- Trầm! Trầm hương! Hòm rương đóng kỹ thế kia mà mùi trầm vẫn sức nước. Nam Hải mà có thứ trầm thơm thế à?

- Nghe nói có cả lễ ăn hỏi nên mới đưa nhiều của cải đến thế chứ.

- Thế nào? Thế nào? Ai bảo sao? Có người nhảy lên, reo nói, đếm vanh vách như chính tay mình đã được xếp các thứ phẩm vật quý báu lên trên lưng la.

- Kia là lụa, lụa bạch Hợp Phố đấy. Lại nhung tơ Thương Ngô. Còn bình bạc, gương bạc, quạt bạc, đồ chạm quý đất Uất Lâm. Các rường kia đựng hương liệu. Ngoài đảo xa ở Chu Nhai hay tận Đàm Nhĩ mới có giống hương tuyến hun áo. Người mặc vào, váy áo thơm nức cả tháng.

Không ai biết thế nào. Chỉ biết mừng giồn lên. Bao nhiêu đồ cống quý giá qua trước mặt. Có người gặng lại:

- Ai nói thế nào?

- Con vua Triệu sắp được làm rể vua chủ ta, còn thế nào nữa!

- Cớ sao chứ ông biết?

- Người ở phường, ở chợ đồn đã lâu rồi. Anh ả này rõ nợ đời, chẳng biết gì.

- Tớ cứ ro ró xó bãi, chẳng biết gì thật. Thế thì thế nào?

- Lại còn thế nào! Vua Triệu cho con trai sang hầu vua chủ đã mấy năm nay rồi, bác biết không?

- Chuyện đầu lười cả, chứ bụng dạ nó ai biết được sâu nông thế nào.

- Việc đời cũng hay. Đương là thẳng giặc, bỗng thành ông quan lạc.

- L ạ, lão Úy Đà ấy mà trúng nỏ quân ta năm trước thì chết đồng tử rồi. Thế mà bây giờ lại sắp được ngồi uống rượu đôi bên dậu gia với vua chủ?

- Cơ ngơi vẫn xoay đến vậy mới tài!

- Đếm được ngoài trăm con la tải đồ cống. Sang trọng quá. Khác mọi năm quá. Đích thị là chạm ngõ, ăn hỏi gì đây nên mới to tát nhường này.

- Thế cưới xin ai?

- Ông này tai điếc lòi. Từ này, đầu gối nghe hay tai nghe? Con trai Úy Đà lấy con gái vua chủ.

- Đấy, đấy, cái ông quan cưới ngựa đi sau cùng đốc đoàn la cống là rể vua chủ đấy.

- Ờ ờ, ông quan ấy... Ông quan ấy à... Người này mình đã trông thấy rồi... vẫn trông thấy... Cứ ngỡ quan bên ta. Cũng áo mũ quan ta, hóa ra là nó.

- Chán thật.

- Đường vui lại chán thế nào!

- Quân Triệu cũng được đi đường cái vào phường, vào thành như mình. Lại hơn mình. Vào cả nhà vua chủ. Chư ông đã mấy đời nhà ở phường ở chợ. Hỏi ai từ khi xây thành đã được bước chân vào xem cung vua lần nào?

- Thôi, việc vua quan thiên hạ sự, biết thế nào mà bàn. Trên thành cao, vua Thục và các quan ra đứng ngắm đồ cống quân Triệu đang nườm nượp vào. Vua Thục đứng im không nói. Nhưng nét nhìn chăm chú. Dưới thành, bên giếng nước chỗ khác, vẫn còn những đám dai dẳng cãi nhau nhăm nhắng.

- Không phải.

- Nó thua vua chủ thì phải dâng đồ cống. Bao giờ quân thua chẳng phải chịu đốn thế.

- Nhưng mà con nó lại vào ở rể.

- Vua chủ ta nhân nghĩa.

- Ngoài thành lại có người nói khác chư ông.

- Còn nói thế nào?

- Đừng ai tha lời đi chỗ khác, tôi mới dám nói.

- Tao là quan lạc hầu xử án đây, cho mày nói.

- Người ngoài cõi nói rằng giặc thua trận rồi giặc lại vào được thành, là điểm gở.

- Vua chủ ta lượng rộng như bể, chư ông ạ.

- Nhưng mà phải tùy mặt chứ. Đẳng này cho trộm cướp vào nhà.

- Thôi, thôi...

Trong cửa cao trên thành, vua Thục vẫn đứng yên nhìn theo đoàn la lững thững vào qua các phường. Xung quanh, quân tướng cũng đứng nghiêm, lặng lẽ. Rồi vua Thục trở tay:

- Ông Cao Lỗ, ông nghĩ xem đã thấy ra việc ta tính một được mười, biến hóa đến thế đã là hay chưa. Ta không cất quân đến Phiên Ngung mà quân kia phải nộp của nộp người làm tin, khác nào ta nắm gáy nó. Ông đã thấy thế là phải chưa?

Cao Lỗ nói:

- Tôi thật vẫn nghi ngại.

- Ông lúc nào cũng là người cả lo. Ông còn ngại thế nào?

Cao Lỗ nói thống thiết:

- Bây giờ hai họ một nhà, thiên hạ mừng được yên vui. Nhưng thật tâm tôi vẫn áy náy. Hòa hiếu thì quân quan người ra vào nhà ta như nhà người, hang hốc nào cũng thông tỏ. Ngộ như mai kia cơn gió gì xảy đến, chẳng hóa ra bấy lâu ta nuôi chó ngao trong nhà mà ta không hay. Lòng người lá phải lá trái lường sao hết được.

Lúc ấy, đủ mặt các tướng theo vua chủ từ ngày trước, đứng quanh. Ông Đô Nôi, tướng Cao, tướng Đống, tướng Vực. Các ông Đình, ông Phạm. Mọi người dăm dăm, nghiêm mặt. Nhưng không ai dám nói tiếp lời Cao Lỗ. Cao Lỗ dứt tiếng, giọng sang sảng vào khoảng không. Vua chủ hăm hăm đứng dậy, quắc mắt:

- Ông nói thế, là thế nào?

Cao Lỗ vẫn dong dạc:

- Tôi nghĩ, ta đã có thiên hạ trong tay, ta lại phải biết cái lo ngoài nghìn dặm. Mười tám đường Hùng trước kia đã phải lấy cái lo toan ấy làm giường mỗi, không đời nào được sao nhãng nghỉ ngơi sự đối phó.

Vua Thục nhíu đôi mày rậm, trong khi Cao Lỗ nói mỗi lúc một thiết tha:

- Không đời nào sao nhãng việc đối phó. Cả đứa trẻ lên ba cũng phải lớn phổng, biết đứng dậy đánh giặc. Xưa kia

... Kíp đến lúc quân nhà Ân tới chân Núi Trâu bộ Vũ Ninh. Đứa con trai ba tuổi đuổi chân đứng dậy, cao hơn mười trượng, ngựa mũi hắt hơi liên mấy tiếng, cầm chiếc gậy sắt, giơ lên thét lớn:

“Ta là tướng nhà trời đây”. Rồi đội nón sắt, cưỡi ngựa sắt. Ngựa chồm lên, hí dài một tiếng mà phi như bay. Nháy mắt đã tới trước vua Hùng. Cứ thế, giơ gậy sắt đi trước, quân quan theo sau. Giặc bỏ chạy, còn lại tên nào đầu cúi xuống hàng phục. Vua Ân chết tại trận. Mọi người xung quanh vẫn im. Vua Thục như lơ đãng nhìn ra ngoài vùng bờ tre rậm rạp trước mặt. Ai cũng run sợ, không biết vua chủ đương nghĩ thế nào. Cao Lỗ mắt môi, rồi ngược mắt:

- Hào kiệt sáu cõi nước ta nghìn năm vẫn đình ninh một tiếng đánh. Xin vua chủ nghĩ lại.

Vua Thục thét to:

- Kẻ kia như con cua trong thời. Ta đã nói thế.

- Dẫn cho...

Đô Nồi chen vào câu nửa chừng của Cao Lỗ:

- Xin vua chủ...

Vua Thục trầm lại, nói thông thả. Nhưng dần từng tiếng:

- Ta đã quyết thế. Con ếch Úy Đà đã nằm trong giỏ của ta, ta thò tay bắt lúc nào cũng được. Các người quá lo cũng hóa ra cua cáy cả rồi. Cấm không ai được bàn tán nữa mà hèn người đi!

Im lặng rùng rợn. Cao Lỗ đứng yên, rồi quay lại, sụp xuống năm tà áo vua Thục.

- Bình sinh, tôi bụng nghĩ thế nào, nói thế.

- Ông nghĩ quân rồi.

- Từ thuở tôi bỏ cày dưới bãi ở Vũ Ninh về theo vua chủ, lòng dạ tôi thế nào, hà tất...

Vua Thục ngắt lời:

- Lúc này ông nói lòng người lá phải lá trái...

- Vâng, lòng người lá phải lá trái khôn lường. Ngày trước, Úy Đà đã nhân cơ hội nhà Tần sắp tiêu vong mà lấy Quế Lâm, Tượng Quận, việc nham hiểm này bốn phương đều tường, vẫn còn rành rành ra đấy.

Vua Thục cười nhạt:

- Không, không, sự thế cũng rõ như ban ngày mà sao bụng dạ ông cứ như vương tóc. Đồ sính lễ của nó cũng là đồ tiến cống ta. Úy Đà được ở nhà thì con phải sang đây thế mạng. Không động binh mà thu tất cả thiên hạ của nó. Bờ cõi ta đương như trái chiếu, mở cờ, ông lại chỉ bàn cuốn cờ gấp chiếu là làm sao!

Bỗng vua Thục cười khà khà, tiếng to mà lạnh ngắt:

- Ừ, có khi ông nói tôi cũng cho là phải. Thì cứ nghĩ như Úy Đà là quân phản trắc. Nhưng cái cánh cung gỗ dâu Phiên Ngung hỏi đối với sức thần ta thế nào. Ông hiểu rồi đấy chứ? Ha ha...

- Tôi thật lo. Khéo không đại sự có cơ...

Vua Thục giận lắm:

- Lời nói xàm báng chẳng khác phạm tội đại nghịch. Ta thế tình mà tha cho lần này nữa. Thôi!

Cao Lỗ cúi đầu, lẳng lặng lùi ra. Bên cửa tây, bọn các nàng hầu đương xô nhau ra đứng nhìn xa xa phía đường cái ngày hội, người ta túm tụm xem đồ cống ngổ ngang. My Châu ngồi hiên trong. Nhưng nghe rõ mồn một các cô nàng hầu đương rĩ tai với nhau. Từng lúc lại chau mày, cúi mặt, thở dài. My Châu thần thờ.

- Nước Triệu đem dâng của nhiều thế kia, cũng là khoe giàu có đấy.

- Mà còn nhớ năm trước quân Triệu chạy chết, vua chủ mở cửa thành cho cả các phường ra đuổi giặc. Chúng mình cũng đòi đi. Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh, nhớ không. Vậy mà, bây giờ nghênh ngang thế vậy. Nghĩ cũng nực cười.

- Không nực cười bằng chúng mày lại ra xem!

- Chẳng thèm!

Bọn các cô nàng hầu buồng rèm, quay vào, đứng quanh Mỵ Châu vẫn đương ngồi ủ rũ. Mỵ Châu gượng cười:

- Tàm ơi! Kể chuyện vui nào, kể đi.

Tàm nói:

- Người ta bảo đời trước có nhiều chuyện vui hơn bây giờ.

- Thuở bé, mày chỉ ở với vợ, nghe ai nói thế mà biết.

Tàm kể chuyện. Đời vua Hùng Duệ có nàng công chúa Tiên Dong. Tiên Dong chẳng ưa ngồi góc lầu ro rổ nhìn ra như cô cháu mình đâu. Quanh năm, Tiên Dong chơi thuyền ngoài sông, thường mải vui nơi sông hồ, quên về. ở Chu Diên, trên sông Cái, có nhà họ Chử nghèo khó, bố con phải chung một khổ. Bố chết, Chử thương bố, đành liệm khổ chôn bố, mình chịu ở trường. Suốt ngày vùi thân dưới cát, đêm mới dám mò ra kéo cá kiếm ăn. Gần sáng lại về ngủ cạnh bụi lau trong cát. Một ngày kia, mới sớm, đã nghe tiếng sáo thổi, tiếng cồng dẹp đường, rồi thấy những cánh màn the quây quanh bụi lau. Tiên Dong bước vào màn, cởi xiêm áo, gội nước tắm. Cát trôi, chàng Chử tô hô ra trong cát. Tiên Dong giật mình, rồi trấn tĩnh lại, ngửa mặt lên trời, nói:

“Ta vốn ước suốt đời thanh thoi không biết ràng buộc. Nay gặp người cùng trong hố cát. Có phải trời xui khiến vậy không”. Chàng Chử nói:

“Xin Tiên Dong xá tội cho”.

Tiên Dong nói:

“Đây là duyên trời xe chàng cùng ta”.

Những người theo hầu về nói sự tình với vua Duệ. Vua Duệ giận quá. Sai quân quan đi bắt về. Nhưng quân gia ra đến nơi chỉ thấy bãi sông bụi lau vắng tanh. Thuyền đã giông đi chốn trời nước nào không biết. Về sau, nghe nói vợ chồng Chử mở chợ lập phường ở một bến đông vui lắm trên sông Cái.

My Châu thở dài:

- Nghe nói chuyện ấy từ thuở Hùng xa lắm chứ không phải vua Duệ đời trước đâu.

- Thế mà người ta vẫn kể cửa miệng như mới hôm qua.

- Biết vợ chồng Tiên Dong có còn không?

- Muốn đi tìm bến sông có phường chợ đông vui ấy à?

My Châu lại thở dài:

- Phận mình hẩm hiu, đâu được phóng đảng thế mà mong. Hai cánh song đã đóng từ lâu. Trong bóng tối âm thầm, những nét mặt rầu rầu. Giọt nước mắt bỗng long lanh ứa ra.

* * *

Giữa bóng tối nửa đêm, một vòng lửa vung tròn, rồi tắt. ánh lửa làm hiệu gọi đồ sang sông khuya. Rồi vòng lửa lại hồng rực xuống mặt nước, chập chờn soi bóng người quay mồi làm hiệu. Chỉ một thoáng sáng cũng trông thấy lượn lờ một con rùa bên đám lá trang. ánh lửa lại xòe tròn lên. Giờ đã trông rõ Cao Lỗ ngồi trên chiếc thuyền thúng đương bơi qua sông. Cứ mỗi lúc, lại một tay vung mồi lửa, một tay thoăn thoắt chém nước đẩy thuyền đi. Chiếc thuyền vút vào hào thành rồi ghé bờ. Cao Lỗ nhảy thoát lên. Khi chiều còn trông thấy mặt thành sừng sững. Dưới cổng thành, người ra kín nước gọi nhau ới ới. Những con trâu ngoài bãi về muộn, tiếng y uôm, ghé ngo vào bóng tối. Giờ đây, cả một vùng lồng lộng trời nước, chi chít từng

chòm, từng vầng sao, lẫn lộn không nhận ra đâu bóng sao trên trời, đâu ánh sao mặt nước. Cao Lỗ khoác trên vai chiếc tay nải. Cao Lỗ bước lên mặt thành. Đến chỗ đầu tường, Cao Lỗ đứng lại. Cao Lỗ ngược nhìn trước mặt. Dưới bến cũng như trên thành, trời vẫn tối đen. Cao Lỗ đứng tựa lưng vào tường. Im một lúc, nhìn ra khoảng không càng mù mịt. Cao Lỗ rút ống sáo cài trên tay nải. Tiếng sáo nhẹ nhàng thanh thoi từ bóng tối thoảng ra. Tiếng sáo ấy thật kỳ, tiếng sáo khiến được vùng tối trước mặt sáng dần. Rồi giữa nền tường đá ong bờ rào xương rồng đen kịt, một khung cửa tròn sang sáng lên. ánh đèn trong lâu đã rõ hẳn. Giữa vùng sáng đèn bắc lung lay. Thoáng có bóng người. Cao Lỗ đến đứng bờ tường dưới khung cửa hắt sáng. Tiếng sáo vẫn nỉ non. Rồi một lúc lâu lặng im.

- Mình đi đâu mà lặn lội đêm hôm thế?

- Tôi phải đi.

- Đi đâu?

- Tôi chỉ còn được tha tội chết lần này nữa thôi.

- Trời ơi!

- Tôi còn nhớ, ngoài hai mươi năm trước những đêm chạy giặc Tần, trời cũng đầy sao như đêm nay. Vua tôi chia nhau mảnh lá nằm lót lưng giữa trời. Chỉ mong chóng đến ngày thiên hạ yên hàn, không biết mùi phú quý ở đâu.

- Xin đừng nói thêm những điều xót xa ấy nữa. Mình không còn ở lại được a?

- Không được nữa. Trước sau tôi cũng chỉ nói thế. Vua chủ không nghe. Thế thì tôi chỉ còn cái chết chờ đợi.

- Mình...

- Mình nghĩ thế nào?

Tiếng tù và ở một ụ canh đầu đấy nổi lên. Ánh sáng trong song cửa tắt ngấm. Vòm trời và mặt nước vẫn bát ngát ánh sao nguyên như lúc nãy.

Bóng Cao Lỗ lặng lẽ trở xuống bến. Chiếc thúng vẫn đậu chỗ cũ. Cao Lỗ tần ngần vào đầu thuyền. Tiếng sáo lại mơ hồ đâu xa đâu gần. Cao Lỗ buông sáo đứng lên nhìn ra phía tường thành. Tường thành mờ mờ lẫn vào nền trời đen sẫm. Cao Lỗ ngồi xuống. Lát sau hai bàn tay Cao Lỗ uể oải thả xuống mặt nước, đẩy thuyền từ từ ra. Bến nước sau lưng đã trở lại mịt mờ. Bỗng thấy một bóng người. Bóng ai thướt tha, thanh mảnh. Tiếng hát mơ màng lại. *Khăn vương ai đội Khăn điều ai vắt vai ai.*

Cao Lỗ gọi:

- Mình, phải mình đấy không? Cao Lỗ tắt tả chèo vào lại bến. Bụi nhùi đã vung lên một vòng lửa. ánh sáng chập chờn ra khắp mép nước. Nhưng không thấy ai.

IX

Nhiều đám người lơ nhố đi tới. Lũ lượt từng đàn trâu chen nhau. Người cầm roi chạy tất tả dồn trâu vào bãi cỏ xanh mơn trước mặt. Mái hiên lợp lá gồi nhà công quán dựng cuối bãi, bên bờ sông Cái. Hôm ấy, ngày hội chọi trâu để chọn trâu thịt, nhà vua sắm sửa rước lễ rửa nỏ trên mặt thành. Các quan ra hội chọn trâu, áo chàm ống tay rộng, thắt lưng điều bỏ giọt, vai khoác nỏ, tóc búi chít ngược theo một dải khăn nâu sẫm. Trọng Thủy vái Đô Nồi:

- Tôi lại được lĩnh việc theo đức ông. Xin chỉ giáo cho.

Ông Đô Nồi nói:

- Việc các nơi đem nộp trâu thịt mừng hội rửa nỏ hằng năm vẫn theo lệ, không có gì khó. Người và trâu các cõi về ùn ùn vào bãi.

Trọng Thủy nói:

- Làng chạ đem trâu đến nhiều rồi kìa.

- Đây là trâu đến chọi, chưa phải trâu nộp.

- Đức ông cho chọi trâu sao?

- Tục hội trâu chọi đã có lâu nay. Trâu cõi nào thua, cõi ấy phải gánh cả lệ nộp. Trâu khỏe để làm, trâu yếu mới thịt...

- À ...

- Phong tục con người, mỗi nơi khác nhau mọi nhẽ. Nước ông thi ngựa, bắn cung. Chúng tôi chọi trâu, đánh vật, đấu roi, bắn nỏ. áo chúng tôi buộc dải, khác áo khuy tết của các ông.

Những nhẽ ấy cũng chỉ thói thường trong thiên hạ. Lại một đám các

quan xúm xít đi tới. Những chiếc quạt lá cọ cắt khéo che lên lẫn giữa những chiếc quạt lông đuôi công sắc sỡ với quạt lông trĩ trắng. Chỉ trông thấy chân ngựa, chân voi bước thong thả. Người trong thành đổ ra, xúm xít quanh xe, quanh kiệu, lũ lượt về xem chọi trâu. Đô Nồi nói:

- Ông ra đánh công cho các côi biết lệnh mà đưa trâu vào bãi.

Trọng Thủy rút rè:

- Tôi cũng chưa được học thứ bậc nổi công thế nào.

Đô Nồi đứng dậy, nhấc chiếc dù đầu buộc núp da hổ. Một tay giơ cao chiếc công. Đô Nồi giơ thẳng cánh một hồi ba tiếng rồi lại trở vào ngôi chỗ cũ.

- Quả là tiếng công đức ông vang như tiếng trống trận.

Đô Nồi nói:

- Đây cũng là trống trận. Vào trận, cả voi cả trâu cứ nghe hiệu công hiệu chiêng mà tiến.

- Đức ông tài thật.

- Người trong thiên hạ đều tài năng trọn vẹn mà lại khác nhau. Các ông cưỡi ngựa chiến, đeo cung lớn, tên dài một sải.

Trọng Thủy cười nửa miệng:

- Vâng, cung một sải...

- Bắn như mưa rào.

Trọng Thủy lắc đầu:

- Nhưng không ví được với nỏ phương nam.

Đô Nồi lại nói:

- Năm trước, hai nước ta còn mắc họa binh lửa, tôi đã được biết cung tên các ông lợi hại thế nào.

Trọng Thủy nói khẽ:

- Chẳng thể đo được với nỏ thần... nỏ thần... vâng, nỏ thần...

Đô Nồi bỗng lặng yên, chăm chăm nhìn Trọng Thủy:

- Nhưng mà... Ông là quan triều...

- Bấy nay, tôi đã được vào hàng thủ túc hầu vua chủ.

Đô Nồi nghiêm mặt:

- Đã biết vậy thì ông không được nói như thế. Hai tiếng nỏ thần là cấm kỵ. Ông phải biết giữ miệng. Mất đầu như bốn đây.

- Dạ, thật quả tôi không biết, tôi không biết.

Rồi Trọng Thủy ngơ ngác quay đi. Từng đàn trâu các phía đương lũ lượt ngổn ngang tới nữa. Giữa bãi đã dần dần đông nghịt những vòng người, lỗ nhỏ, nhấp nhô. Tiếng trống đồng rộn ràng, thúc giục. Rồi tiếng cồng nổi chen tiếng trống. Trong ồn ào sôi lên, hai con trâu ra giữa bãi, có hai người trai trẻ cỡi trần, đóng khố điều, khăn chàm đầu rìu vắt vẻo ra theo. Một hiệu cồng vang rền. Hai con trâu giương cặp mắt ngầu đỏ, xô rập vào nhau. Tiếng reo dậy đất vang quanh bãi. Những chiếc sừng trâu bóng loáng, cong vắt, khóa nhau, cọ nghiêng răng rắc. Những con mắt trợn lồi, đỏ như máu. Vế chân choãi doãng ra, như cột đá. Cả mình con trâu xô lên, rõ từng sợi lông dựng ngược mồ hôi vã như tắm. Thế mà cái đuôi trâu ngắn tun hùn vẫn thản nhiên, vắt vẻo, phe phẩy như thường. Hai con trâu ngang sức đã quỳ cả hai chân trước xuống. Bốn mồm sừng vẫn gài như buộc vào nhau. Mồm mũi đen sì tuôn rớt dải phều ra, nhả xuống bãi, trắng như bột bẻ. Mọi người nhìn hau háu, hồi hộp. Bỗng chốc, một trâu không chịu nổi sức đẩy khủng khiếp chùng cả bốn khoeo, nghiêng đầu rút sừng, cong đuôi bôn ra ngoài. Vó cất khắp khênh, bước đứng bước quỳ, lão đảo. Bốn bên lại như sấm rền. Từng tiếng cồng thông thả. Tiếng cồng sau cùng ngân vừa dứt, tất cả các vòng người im chờ xem trâu cỡi nào sắp vào bãi. Kìa hai con trâu đã hùng hục bước tới. Đi theo trâu, hai bộ lão râu bạc như cước, áo nâu già, quần xắn móng lợn. Trâu Mi Linh trên đất đòi chọi với trâu kẻ bể Ninh Hải.

Hai con trâu mới hung hăng, huỳnh huých xông vào nhau. Ông Đô Nồi oai nghiêm đứng trên thềm nhìn trâu chọi, tay điểm từng dùi trống. Tiếng đồng âm u rền giữa những tiếng reo cồn dậy bốn phía.

Những chiếc sừng cà vào nhau, đâm nhau, cài lại rằm rạp. Hai con trâu móp bụng thở, rớt rãi trắng nhễ nhại trên cỏ. Trâu các cỡi vẫn đương đối địch nhau ngoài bãi. Trâu kén lấy thịt cứ từng đàn lũ lượt đi qua. Đô Nồi hát tay, bảo Trọng Thủy:

- Ông đếm, ông ra đếm. Cứ được đủ một bọn mười con thì cho dồn vào cổng thành.

Đàn trâu không không bôn qua. Đô Nồi hỏi:

- Quá trăm con chưa?

- Dạ, được.

- Lệ thế đủ rồi. Ông cho trâu cỡi nào thắng được trở lại.

Các cỡi trâu chọi rầm rầm đánh trâu về. Lại từng bùng hội hát dọc đường. Quân quan đã lui hết, chỉ còn ngựa Đô Nồi thả bước một mình vào thành. Nhưng bụng Nồi hầu đương bôn chồn, không thành thói như bước chân ngựa. Chỉ vì câu hỏi lúc nãy của Trọng Thủy về nỏ thần vẫn làm ông vương vấn. Mấy năm nay, bốn phương bình yên, thế mà mỗi khi trông thấy Trọng Thủy, ông lại áy náy. Tự nhiên, nhiều người cũng như ông. Thành thử, đương vui mà cứ đâm ra phấp phỏng. Ông Đô Nồi tự hỏi: ta quá lo hay là ta nghĩ không đúng. Không biết bàn bạc với ai. Cũng không biết lựa lời nói với vua chủ thế nào. Vua chủ vốn không ưa câu nói trái ý. Cũng vì thế mà các hàng quan triều cứ dần dà một vắng vẻ. Kể ra, nói nhẽ khác, cũng là phải. Lúc bình thời, quân quan về cỡi, lo đồng bãi, lo tập tành, hằng năm lại vào các hội thi tài. Thói tục phép quân và việc làng xưa nay vẫn thế. Nhưng mà, khốn thay, không phải ai ra ở cỡi cũng là do an bài theo nề nếp. Nhiều người phải đi, bởi không muốn gai mắt ở lại. Bởi sợ vua chủ không muốn nghe ai nói khác. Ba anh em Phạm Chung, Phạm Túc, Phạm Hòa đã lui về mở đất ngoài ngã ba sông Cái. Các ông Đinh Toán, Đinh Công Tuấn cũng

lấy cớ văn việc quân, xin ngược về quê trên ngọn nước. Anh em Cao Lỗ, Cao Tứ thành linh bỏ đi đâu không biết. Trong hàng quan ngày nay, những người theo vua chủ từ thuở gối đất, còn trơ trọi ba bố con ông Đô Nồi. Mỗi năm hội võ, lực sĩ các nơi về đông đảo, lại kén được vào hàng quan nhiều người trẻ, nhưng đám quan triều cũ thì cứ ngày một lơ thơ đi, chẳng còn mấy. Mà có những hầu, những tướng ở quan đã lâu, cũng có người bức bối, có người chán nản, đâm ra ham mê rong chơi, chè chén. Mấy năm rồi mà vẫn lại chỉ bố con ông Đô Nồi giơ tay cũng đẩy ngã các hàng quan thân cận. Mỗi lần các quan vào hội thử sức, chẳng còn hào hứng đâu. Những lo lắng ngổn ngang ấy dẫn ông Đô Nồi ruỗi ngựa vào dinh vua chủ. Đô Nồi đã kể lại với vua chủ những điều mình nghĩ. Không thể dè dặt, phải nói hết. Vua Thục nghe, im, rồi nói:

- Thời thiên hạ rối loạn, lấy chiếc nỏ mũi tên làm trọng. Thời thái bình lấy hạt thóc ống cơm là giường mối. Các ông ra mở cõi, ta thật bụng nghĩ thế. Cốt đừng ai làm trái ta, dối ta. Bốn phương đã phẳng lặng, việc quân đã ngơi, quan quân về cày cuốc, lo tuần phòng, có chơi nhởi, say sưa cũng là điềm đất ta đã hết xao xuyến, khổn khổ. Còn như vua Triệu với ta thuở nay đã nên đôi bên thông hiếu.

Trọng Thủy được ở rể đây. Xá gì câu nói tò mò của đồ trẻ nhỏ cũng như mọi lời sàm báng sau lưng. Còn như ông đe nẹt Trọng Thủy thế là phải. Biết, chỉ có ta biết nỏ thần mà thôi. Đâu đấy tuân thủ nghiêm ngặt bao năm nay vẫn thế. Ông yên tâm về nghĩ. Đô Nồi không nói thế nào hơn được nữa. Con ngựa lại thông thả nhấc bước. Nhưng lòng người càng ngổn ngang nặng trĩu. Rồi chẳng bao lâu đã đến ngày hội rửa nỏ. Thuyền mảng người đi xem chen nhau ghé các bến quanh hào, cạnh dải bờ tre bao bọc tường thành. ở đôi chỗ trống, trông ra thấy dòng sông vươn mình đỏ ngầu. Trên mặt nước, những chiếc thuyền thúng tròn trành, người ngồi thả hai bàn tay, nhẹ nhàng chém nước. Những chiếc độc mộc đuôi cong mũi nhọn, mỗi bên mạn có tới năm mươi tay khoan thai chèo. Giữa thuyền, một ông già đứng, râu trắng bạc phơ bay bay. Trên tấm khố lục, khoác chiếc áo năm thân không dải, tay cầm hai thành xênh trúc. Tiếng xênh rộn rã nhịp cho các tay

thoai thoải chèo. Trọng Thủy tựa cửa, đắm đắm nhìn ra mặt nước nhộn nhịp thuyền đổ người vào các bến cổng thành. Dòng sông cũng dường miên man đưa Trọng Thủy nghĩ lại về ngày ra đi. Tính đốt ngón tay, chốc đã bao năm rồi. Trọng Thủy nhớ lời cha dặn. Cái nhớ ấy vẫn nhớ. Nhưng quả thật có đậm có nhạt nổi chìm mỗi lúc. Có khi bồi hồi. Có khi lặng lẽ. Nhưng mà nhớ vẫn nhớ.

- Con ơi! Đến chết cũng không nhắm được mắt.

- Vài năm nữa, dân tình nguôi nguôi cái sợ, ta lại mộ quân, luyện binh.

- Sức người chọi với thần thì bằng đem trứng chọi đá. Không được.

- ...

- Bao nhiêu đêm nay, cứ nửa đêm ta ra nhìn trời, bỗng thấy phải hăng khoan việc binh.

- ...

- Không còn việc cánh cung, mà là việc đầu lưỡi. Chước này phải biết lụy.

- Nhưng vua Thục đã rõ ta cạn quân rồi.

- Chim sẻ chim ri làm sao biết được chí chim hộc, chim hồng. Cái khó này chỉ mỗi một mình con gỡ được.

- Xin lĩnh mệnh cha.

Trọng Thủy vẫn dường bồi hồi nhớ lại. Nét mặt đau đớn sa sầm, có lúc tái ngắt. Có lúc tự dưng Trọng Thủy giơ tay sờ lên lần khăn trên đầu rồi cúi nhìn tấm áo nhuộm vỏ đà rộng thùng thình. áo đất Kẻ Chủ mặc đã bao năm. Cũng bằng người ở đây rồi. Bất giác, Trọng Thủy thở dài, nặng nề não nuột cúi mặt xuống. My Châu nhắc mình bước ra. Trọng Thủy dường như không biết. Trọng Thủy vẫn mãi nhìn ra dòng sông. Lại nghĩ đến những năm tháng đôi vợ chồng trẻ... Nghĩ đến lẫn lộn, hoảng hốt. Trọng Thủy giật mình, nhìn My Châu. My Châu không để ý, bước tới.

- Mình chưa đi hầu à?

Trọng Thủy bình tĩnh lại, lơ đãng:

- Chưa nghe tiếng chiêng mở cổng thành mà.

My Châu cười:

- Chiêng nổi mấy hồi rồi kia.

Trọng Thủy giảng giải:

- Đây là chiêng giục nhấc rào cho thuyền các vạn ngoài sông vào. Sau mới đến lượt chiêng mở cổng thành cho các côi xem hội.

My Châu nói:

- Mình nhớ lệ quá.

Trọng Thủy đếm ngón tay:

- Tám năm, ờ, tám năm rồi.

My Châu ngơ ngác:

- Mình sốt ruột a? Phải đếm từng năm a?

Trọng Thủy không nhìn My Châu, nói:

- Vợ chồng chỉ có một đời, làm gì có từng năm mà đếm được, tôi không... Giữa lúc ấy, dưới chân lầu, ngân ngư nổi một hồi trống.

Tiếng đồng âm vang dài xa mãi tận đằng kia. My Châu nói:

- Trống rước vua cha lên thành đây. Mình ra theo hầu người đi.

Trọng Thủy bước xuống thềm, men theo một dãy tường phủ những dây móng rồng lá xanh dày. Cánh hoa móng rồng vàng muốt, cong cong như ngón tay búp măng. Những con sáo mỏ ngà đậu trên cành trúc trước mặt. Cả khoảng vườn đan thành chiếc lồng lớn, khiến cho sáo trong lồng ngỡ nhờn nhờ trong cây. Thấy bóng người, hai con chim sáo bay đến bụi trúc, cất tiếng nói:

- Nhà có khách! Nhà có khách! Khách! Khách!

Cả đàn chim sáo trong cây ríu rít nói theo: Nhà có khách! Nhà có khách! Trọng Thủy xăm xăm tới, mắt môi, kiễng chân, với tay lên đập mạnh một cái. Cả mấy con sáo rơi xuống đất. ở trong nhà chạy ra, My Châu kêu lên:

- Sao bỗng dưng giết chim thế?

Trọng Thủy hăm hăm nói:

- Ta là chủ, ta là chủ...

My Châu ngậm ngùi nhìn xác chim:

- Tội con chim học nói thôi. Hội rửa nỏ ngoài kia đã đương nhận nhíp khắp đất Kẻ Chủ.

Chỉ còn có một mình My Châu ngẩn ngơ đứng đấy thương con chim chết. Người các nơi vào thành, mỗi lúc một đông. Mỗi nhà các làng ven nội đến các trường, nhà nào cũng làm cỗ cúng. Những thúng xôi trắng, xôi gấc, những vò rượu, mâm oản, rồi cả tảng thịt trâu thui, cả con lợn thui. Lại từng mẹt trầu không, cau tươi, một cây vò ăn trầu đỏ lịm dựng giữa ngã ba đường. Người đi qua nhặt ăn một khẩu trầu cho ấm miệng. Những bó hương đen nhả khói ngào ngạt. Đường cái rộn những người. Giữa ban ngày mà chốc lại thấy một bọn vác ngang cây liễu trên vai. Đuốc cháy, lửa phừng phụt, khói tuôn nghi ngút. Bọn ấy đã đi suốt sáng từ nơi xa về. Từng đám tụ lại các ngã ba ngã tư, nhường đường cho những toán quân rầm rộ trải từ bốn phía chân thành vào. Những con ngựa chiến cao lớn bước nối nhau. Bộ cương bằng thừng nhuộm điều quấn quanh cổ, vòng xuống tận khẩu đuôi. Những hàng quân đeo nỏ ngồi ngay chăm chăm trên lưng ngựa. Người nào cũng mình trần lưng ngực nổi vết xăm chàm văn vèo. Hai cánh nỏ như hai tán quạt, thân nỏ dài đến mười đốt trúc. Một vai khoác ống tên che dưới lá khiên ken mây. Ngựa thông thả bước một, cứ nghe hồi cồng lại cất vó chồm lên. Rồi những thót voi trận thủng thỉnh tới. Con voi gồ ghề như tảng đá. Trên đầu voi, người quân tượng ngồi vắt vẻo, cỡi trần trùng trục, cũng khoác nỏ như quân cưỡi ngựa. Một tay quân tượng cầm chiếc vồ gỗ một hồi

chiêng xong rồi thả cánh bồ xuống đầu voi. Những con voi đương thủng thỉnh bồng cất vôi, bồng vào làn bụi mù mịt. Ngoài cổng thành, thuyền mảng đậu chi chít như trái chiếu trên mặt nước liền vào tận chân cầu. Người chen nhau lên bến. Các cụ lão ông mặt đỏ như gấc, áo cời phanh toả, nghênh ngang như vừa ở đám cỗ bước ra theo con cháu đi hội. Các lão bà, chân đất, váy chàm. Các cô váy điều, váy hoa hiên tươi màu mở ra từng nếp. Trên khăn vuông, dải yếm, thắt lưng buộc theo những chiếc lông đuôi công tím biếc, lông trĩ trắng, lông chim trả hồng. Các cô nàng đi như có hoa rắc theo, như có đàn bướm giỡn lả tủa quanh. Bọn người đương đi trên các ngã đường bị các đàn voi, đàn ngựa đẩy dồn lại, đứng bối rối, luống cuống chưa biết đi lên thế nào, lại thấy mỗi lúc mỗi đông những ông quan võ oai vệ áo giáp da trâu nhuộm lục che ngực, đai lưng thắt khóa đồng, tay cầm rìu đồng bước oai nghiêm. Người sẵn đến xem lại phải giật lùi, giạt sang hai bên. Vừa có tiếng cồng rước vua chủ trong thành đi tới. Hai hàng đôi bên xách cồng là những cô gái vấn khăn chàm ngược, váy xắn cao.

Đội cồng dẹp đường cho vua chủ ra. Vua Thục mặc tấm áo vóc đỏ, buộc dải lụa. Voi đi giữa hai hàng quạt vãi lông trĩ sặc sỡ che xuống hai bên bành voi. Quản tượng ngồi trước, giơ chiếc vồ gỗ tròn thu lu. Đằng sau, đến đám ngựa các quan rồi lại tiếp một lũ voi thờ. Trên lưng mỗi voi đặt cả chục cảnh rượu rửa nỏ. Người quản tượng quay lại cầm mảnh vải điều phủ xuống miệng những chiếc cảnh cao. Một con voi khiêng mâm chõng xôi trắng đơm đầy ngọn. Trên bày nguyên một con lợn thui. Quản tượng voi ấy đứng trên lưng voi cạnh chõng xôi ngự. Rồi đến một hàng ngựa quân hầu. Có người ôm trên tay một con gà chọi, đuôi dài lê thê. Lại một đoàn long đình tiến ra. Những chiếc kiệu che vải điều, tám người khiêng. Những chiếc xe trâu kéo bọc da gấu đen tuyền, da báo loang lổ. Phân rõ ngôi thứ vợ vua, con vua. Lại những người khiêng chiếc kiệu gỗ che vải chàm, trên xếp cảnh rượu, mâm xôi, mâm thịt lợn thui, lợn luộc có cô nàng hầu ngồi ghé cầm quạt lá cọ che. Một ông quan lạc cưỡi ngựa đi đóng đám. Ông quan nhấc tù và khoác bên vai, nhìn lại quãng đường vừa đi qua, cất tiếng ốc gióng giả một hồi dài. Người hai bên đường ồ ra, ùn ùn chạy theo. Tiếng reo lẫn trong

tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng trống đồng. Khói cây đình liệu cả giữa ban ngày vẫn lên ngùn ngụt. Từ mặt nước vào chân thành, vào các phường cứ đông ghề người lên. Những túp lều, những quán tre, không biết nhà ai, chòm nào phường nào mới dựng, chỉ sơ sài có mấy chiếc cọc trống mà cũng bọn người ngồi ăn trâu và từng bọn đứng hát xúm quanh. Bên kia, gió thổi ngả nghiêng bờ tre. Đông người quá. Những đàn bò trong bụi tre sợ đến vỗ tổ, bay hồi hả qua mặt nước. Trên thành, suốt bốn mặt, dây thềm đá đặt nỏ chạy dài sang tận góc đằng kia. Có đến hàng nghìn tay nỏ đã túc trực. Sau bệ, những đồng trầm hương, đồng quế được chất lên như gò củi. Khói nghi ngút thơm lừng. Mỗi quăng có một lực sĩ, tay cầm dùi cây đuốc. Lửa lên ngọn rừng rực giữa ban ngày. Ken quanh từng quăng đuốc, những cô gái đội cồng nghiêng người khoan thai giơ tay cầm dùi nghiêm trang gõ cồng. Những chiếc lông trĩ ngũ sắc óng ánh được gài vào đuôi mũ tên đã đặt lên mỗi máng nỏ. Bao nhiêu tay nỏ khố chàm cởi áo buộc xuống thắt lưng, lưng người nào cũng to một ôm như tượng đá. Mỗi tay quỳ một gối bên cánh nỏ. Hai mắt chăm chăm, đợi lệnh. Trước gối mỗi người đặt một cái kỷ. Trên mặt kỷ, lót tàu lá chuối, lù lù một đấu xôi nếp tím thẫm. Trên mỗi đấu xôi úp ngược bày một con gà luộc. Những mâm xôi trắng đầy có ngọn, cả con lợn thui vàng sẫm đặt trên mặt xôi. Vua Thục đứng giữa thềm đá trên mặt thành. Vua Thục cầm một sừng trâu rượu giơ lên. Tiếng cồng rền theo tay rượu. Các tay nỏ bốn mặt thành vùng phất dậy, rút chiếc sừng trâu giắt bên lưng, nhắc quai cánh rượu đặt cạnh bệ, đổ đầy một sừng, rồi quỳ xuống. Trong tiếng cồng đánh đố hồi, mỗi người dốc ngược sừng rượu vào giữa thân nỏ. Những chiếc vạc đồng đun rượu bắc trên những tảng đá. Lửa củi đỏ rực. Rượu hâm lại đã sôi sùng sục. Các cô đội cồng đến vục chiếc liên sành da lươn vào múc rượu nóng, đem ra đổ vào từng sừng rượu cho các tay đô làm lễ rửa nỏ. Tiếng cồng nổi vang. Suốt chân thành, rung chuyển tiếng ngựa hí, tiếng voi gầm. Trọng Thủy chạy đến trước mặt vua Thục, quỳ phủ phục. Vua Thục ngược nhìn ra. Vua Thục xắn áo, với tay cầm một chiếc lao trúc, bước lại đầu tường thành. Ngọn lao buộc một túm lông chim trĩ màu rực rỡ phóng bay lên rồi rơi xuống mặt nước dưới kia. Như quả còn đuôi lua tua các màu cầu vồng. Lệnh cho nỏ bắn đã ban ra. Các mặt thành

đã nhìn thấy mũi tên lông trĩ vua chủ ném xuống. Quân reo rầm rầm trong tiếng dây nổ bật. Tên bay chúi chít, mặt sông bóng mờ như sương phủ. Những đàn ống bương lệnh nổ như sấm. Một ông lạc tướng, tay cầm dùi, tay giơ chiếc chiêng đại. Quang cảnh càng uy nghi, dồn dập. Tiếng chiêng rền vang. Lại một ông quan võ cầm chiêng lên. Tiếng chiêng nổi tiếp, làm lệnh cho các làn nổ bắn ra. Từng khoảng trên tường thành, mỗi khi nổi tiếng chiêng lệnh, nét mặt, ánh mắt quân quan lại kiêu hãnh nhìn nhau. Trọng Thủy quỳ rạp trước vua Thục:

- Xin vua chủ cho lệnh.

Lúc ấy, có những con mắt trợn ngược dưới làn trán cúi nhìn sang Trọng Thủy rồi lại quay ngoắt đi. Chiêng vẫn rền vang. Những tay nổ thoăn thoắt rút tên trong ống, tì thân nổ trên tấm ngực trần, thả chiếc tên vào máng, làn cây bật liên tiếp theo nhịp chiêng thúc. Những mũi tên lửa tủa nổi nhau đến lóa mắt, xám trắng như bụi, như khói, lan mờ trên mặt nước. Tiếng người reo, tiếng ngựa hí. Hội rửa nổ rầm rộ nhất khi đến những quãng chiêng thúc nổ bắn dồn dập này. Vua Thục oai phong đứng giữa bao nhiêu rộn rã, tiếng quan sôi nổi bốn bề. Nhớ lại, những cái lo, cái ngại, cái nghi của anh em Đồ Lỗ, lúc này cứ làm lửa giận bùng bùng. Cả nghìn voi ngựa vào trận, cả vạn tay nổ một lúc bật cánh, đến mặt trăng cũng phải thủng. Uy dũng nhường kia mà chúng họ vẫn ngơ ngác thảng thốt như ngày còn bơ vơ trốn lủi ngoài nghìn dặm, phải nhổ nước bọt đánh dấu đi nhanh đi chậm. Thủ túc ta bạc nhược quá rồi. Phải đâu ta sao nhãng việc quân. Không, quanh năm ta đi tuần thú cõi ngoài, lặn lội đến những nơi thật hiểm, bây giờ vẫn như ngày trước. Việc quân, việc đồng bãi. Kho tàng, binh lương lúc nào cũng ăm ắp. Mũi giáo, mũi lao, lưỡi rìu, tên ba cạnh múi khế, áo giáp da trâu đủ dùng mười cõi. Đâu đấy nghiêm ngặt ngày đêm sẵn sàng. Ai chệnh mảng, khác mắt, bất kể người ngồi chiếu nào, đều phải chịu tội phạt trượng rồi điệu xuống làm quân vào rừng bắt voi, bắt ngựa. Chẳng một lúc ta ngơi tay, ngơi nghĩ đâu. Mới cả tháng vừa rồi, ra ngồi thuyền xem quân thủy luyện nổ suốt cửa sông Cái, rồi về thẳng đây dự hội rửa nổ này. Giận thay, giận thay. Chân tay ta có người đã thảng thốt, mỗi một mất rồi. Nhưng ta thì không. Vua

Thục cứ vừa đâm chiêu lại vừa hào hứng nghĩ thế. Quân trên các mặt thành trảy xuống các đường vòng thành gập ghềnh, cuồn cuộn. Tan lễ rửa nỏ ở đây, hội bắt đầu về các phường ra tới ven nội. Suốt đêm ba mươi, cơ chừng trời đất Kê Nhôi, Kê Vang, Kê Chủ này thành sáng trắng đến sáng. Đô Nôi bước tới trước mặt vua chủ. Vua chủ hỏi:

- Ông chưa về hội vui trong thành, còn ở đây làm gì?

Đô Nôi nhìn vua chủ vẫn đương ngoảnh mặt ra ngắm những đoàn quân rầm rộ xuống bậc thành quanh co, rào rào như nước lũ réo. Tiếng chiêng hội đã nổi rền lan khắp các phường xa xa. Đô Nôi bỗng xằng giọng, hăm hăm nói:

- Hết người rồi sao, cả lớp quan lạc vừa tuyển hội võ năm nay không được người nào sao mà vua chủ lại để đưa con tin vào dâng lời xin mở lễ rửa nỏ!

Vua Thục quay lại nhìn Đô Nôi, như ngạc nhiên về câu nói bộc trực. Tiếng vua Thục bỗng vang như chiêng gióng:

- Chỉ quanh quần những tiểu tiết vật vãnh ấy, thế thì làm tướng lo đại sự thế nào! Ông đã biết rồi, đến đêm nay mới là chính lễ rửa nỏ thần. Một mình ta sắp lên thành cấm, chỉ có một mình ta với trời đất trên thành cấm. Đây mới là việc trọng nhất cõi. Mà ông không được nói xàm.

Trọng Thủy nay là người trong nhà... Rồi vua Thục nghiêm mặt:

- Ra ngay! Đô Nôi cúi mặt, bước lùi. Đêm ấy, gọi hai tướng Đông, tướng Vực đến.

Ông Đô Nôi khóc mà nói:

- Vua chủ ta lẫn lộn mất rồi. Trong thành Kê Chủ vẫn đương hội vui.

Hôm sau, vợ chồng con cái ông Đô Nôi trở về Chiêm Trạch.

X

Những đám vui hội rửa nỏ vẫn rộn khắp các phường, các làng, trên các bến và từng nhà. Trong nhà Trọng Thủy đầy vẻ tết nhất. Các nàng hầu đốt những thỏi hương bột Yên Tử trộn nhụy hoa móng rồng, hoa lan, hoa quế. Cây hương to bằng chiếc đũa, gài khắp trên lầu, dưới nhà, trước cửa. Các vách thơm ngát suốt ngày đêm. Trời vừa tối. Hai cây đèn liệu toàn vầu cao ngang ngọn đa dựng trước sân, sáng ra tận ngoài vườn rậm rạp những tầng cây lá ken chồng lên nhau. Những con vẹt nuôi làm cảnh, thấy sáng rực, chột thức giấc. Cả đàn lần cành trúc ra đứng vắt vẻo, ghé nghiêng nhìn xuống ánh lửa. Từ ngoài vườn vào, không còn trông thấy quãng tường đất mọi khi. Chiếu trắng, chiếu liễn, chiếu đôi, chiếu hoa nối nhau từ cổng tới giữa nhà. Khách đã ngồi kín hiên trong, đám quan hầu còn chầu chực hiên ngoài, đợi trái thêm những đôi chiếu mới. Mỗi đôi chiếu khách vừa trái ngay ngăn lại có những cô nàng hầu óng ả, khúm núm đến đứng đợi sai bảo. Trọng Thủy cùng My Châu ngồi trên hai chiếc chiếu miến giữa hiên trong. Bọn nàng hầu xúm xít quanh. Sau lưng My Châu, Tầm cầm chiếc quạt lông trĩ trắng. Thỉnh thoảng, phẩy lấy lệ một cái. Ngoài sân, càng rộn rã hơn. Chẳng phải chỉ ở đây, đêm vui náo nức tất cả các nhà. Tiếng trống, tiếng hát, dập dìu những đám người trong phường ra múa hát vừa đi qua ngoài đường, không biết vui chân sắp bước vào nhà ai. Những nùm chiêng rung lên cả giàn. Các ngã ba, ngã năm hội lại từng bọn trai gái, cổ tay cổ chân buộc nhạc đồng đụng nhau reo lắc rắc. Phách trúc gõ nhịp giòn tan cho bước múa càng thoăn thoắt mà êm ru. Tiếng sáo ống xương trâu nỉ non. Tiếng sáo xương voi rền rền thăm thẳm. Một đám -thối kèn bè, đi vung vẩy. Những ống khèn phập phồng như tiếng mưa rào đầu mùa đặng xa đương chạy lại. Nhưng phải kể đám chiêng ở chiếu rượu cần ngoài dinh nhà vợ chồng Trọng Thủy vui nhất hội. Bộ công mười hai chiếc dàn ra quanh vườn

rồi xấp dần lại theo nhịp dưới ánh những cây đình liệu củi gỗ thông thơm ngan ngát. Các cô tổ nữ vào chiêng, váy nghiêng hàm ếch, mắt phượng long lanh. Mỗi chiêng lên một giọng. *Chiêng dăm* bước ra cầm nhịp. Một cô óng ả nhất được cụ lão ông cao tuổi trong đám mời lên mở hàng chiêng. Cô gái đẹp buông hồ chiếc dùi bọc tơ vào núm. *Chiêng dăm* nổi cho *chiêng đúm*, *chiêng boòng* khởi đầu đánh vào đôi. Bốn tiếng qua lại tíu tít. Chốc chốc, một hồi *chiêng khờ* nhịp nhàng lại đưa giọng *chiêng chót* lạnh lạnh chen vào. Tiếng đồng rộn rục, náo nức vây quanh các chiếu rượu cần trái xít liền mép. My Châu bước ra chiếu đầu, giơ sừng lên. Mười cong rượu, mười cụ lão ông tóc bạc đứng cầm trịch ao nước lã vào cong. Chiếu bên đã có mười cô gái nhấc sẵn cảnh rượu đổ vào bày ra cuộc uống mới. Bên trai bên gái vít cái cần trúc xương gà loạn loạt. Một lúc, ngót trăm con người uống cầu vòng cần trúc vừa hút rượu, vừa đưa mắt nhìn đôi bên giữa tiếng sừng trâu rót nước vào làm ngửi. Chiêng mỗi lúc đổ hồi càng riu tiếng, giục giã. Chiêng dứt. Những người mới hớn hờ ngồi vào chiếu thay người uống thua. Lại vờn lên tiếng hát mời. Ngoài kia, đám chơi la liệt quanh những chiếu cổ. Những mâm bánh dày, cơm lam, những tảng thịt dê, thịt ba ba nướng, những hũ bỗng gừng chiết ra từng bát đàn bày trên mảnh phen lót lá chuối, rõ mồn một dưới ánh đuốc. Một phường xoan ở đâu tạt chân vào. Vừa nhấc mắt nhìn xống áo đã biết họ xoan này gốc bên kia sông Cái. Cổ trống buộc dây da dê đeo lên cổ. Ông trùm chít khăn điều, bước nghiêng ngả. Không biết ông bước say hay bước điệu cho nhịp xuống dùi giáo trống, giáo pháp. Trong thành ngoài nội Kẻ Chủ thức hội suốt sáng. Những nàng hầu đội lên từng thúng xôi đã dờ ra chiếc mâm chõng, mâm đồng, trên đặt hàng xếp bát đàn. Các quan hầu cặp rổ đưa lên từng tảng thịt trâu. Đằng kia, dưới gốc cây xoan đào, lửa thui trâu vẫn đương bùng bùng thổi thốc ngược những tàu cau, tàu chuối quanh đấy. Bãi cỏ ngoài, hàng gông than đã được đỡ xuống. Những đồng than hồng lên lò đỏ hơn hồng. Từng xâu cá anh vũ như những thỏi bạc kẹp vào cả dây xiên trúc. Mùi cá nướng thơm phức một vùng. Trọng Thủy nhìn My Châu:

- Trông mình vẻ không được vui? Phải vậy không? Kia phường xoan

Chu Diên đã lên rồi.

My Châu như cười gượng, không nói, nhìn ra phường xoan. Trai gái đã vào đứng kín đầu vườn. Một người trai bước lên mấy bước, cầm phách múa. Bốn cô nàng hát:

- Ờ vậy!

- Sêu!

- Tôi bước chân vào giáo trống Tầm đến thượng chúc cho mình Năm trống cơm thiên hạ thái bình Năm trống cơm mọi nhà no đủ Ngày thành thoi già trẻ nhớn nhỏ Đêm thanh vắng gái trai tơ tưởng Kính lạy chiềng làng

Phường hát các nơi càng đến đông. Cả những phường ở đám khác tới. Cuộc hát mới lại nhộn nhịp giông qua các nhà hội đám, réo rắt từng làn giáo trống, giáo phách. Rồi các điệu quả cách nhộn nhịp. Cho tới khuya, phường mới ganh đua mời lục đến những điệu múa, giọng hát khó nhất, công phu nhất. Nào bỏ bộ, nào điệu xin hoa cài hoa, nào giã cá bắt cá, mỗi chạ một điệu về... Trọng Thủy lại hỏi, như có ý làm vui cho My Châu:

- Ban trưa, có nghe tiếng chiềng tôi đánh trên thành?

My Châu mუმ mუმ, gật đầu:

- Tiếng chiềng tôi có lắm liệt bằng tiếng chiềng lệnh ngày trước của Cao Lỗ không?

My Châu lắc đầu:

- Không nhớ!

Trọng Thủy ra ý không bằng lòng:

- Nghe tiếng chiềng tôi vang bằng tiếng chiềng các quan triều không?

My Châu nói:

- Mình đã là quan triều, tiếng chiềng phải bằng như chiềng các quan rồi. Lại một đám trai gái đánh sênh trúc ở đầu tiến ra. Hát rằng: *Cỏ non gặm*

*ngựa đá Núi gác xuống mặt trời Con trẻ nghe nức cười Người già buồn
ngắm nổi Sao hôm đuổi sao mai Bao giờ đuổi được sao mai.*

Hát xong, đám phường ấy lại thoát ra ngay. Trọng Thủy cau mặt, nghe câu hát. Rồi lại nhác mắt nhìn thoáng My Châu, bắn khoăn.

- Đường như mình vẫn không vui. Có điều gì thế?

My Châu nói:

- Tôi nghe các nàng hầu về kể trông thấy giữa hàng quân nghiêm ngặt rửa nỏ, mà lại nhiều người quây bên cạnh đám chọi gà. Xưa nay không có chênh mảng thế bao giờ.

- Ha ha, vì vậy mà không vui! Chọi gà là phải thôi.

- Bảo phải là thế nào. Đem trò trẻ nhỏ bầy cuộc vào giữa việc quân được sao?

- Tám côi ta bình yên đã lâu, được thuở việc quân nhàn rồi, vua chủ mới cho phép thiên hạ được thanh thoi. Cũng là làm vui tuổi già của người mà.

My Châu lơ đãng, lặng im. Trọng Thủy lại nói:

- Quân ta dũng mãnh như hổ, nỏ các côi bắn ra ghê gớm đến thế, còn có gì mà quá lo.

My Châu khẽ lắc đầu:

- Chưa phải thế là mạnh nhất đâu.

- Mình nói sao?

- Thôi chẳng trở về chuyện ngày trước nữa.

- Vợ chồng bấy lâu mà còn có điều chưa hết lòng à?

- Bánh xe quân Tần đi qua đã khô vết máu rồi. Không muốn nhớ những oán hờn thuở nào. Kìa lại phường hát Mi Linh đến.

Một đám cô nàng bước ra. Tiếng nhạc rung nhẹ quanh cườm tay. Trọng Thủy cúi đầu, thần thờ, buồn rĩ. My Châu khẽ nói:

- Việc gì mà nghĩ ngợi!
- Có điều phải nghĩ, bởi vẫn không tin nhau.
- Ai?
- Mình không tin tôi.
- Đã gửi thân cho nhau, còn điều gì tin hơn nữa!
- Thế mà có câu vẫn chưa nói.

Trọng Thủy nhìn vào mắt My Châu:

- Tôi đánh chiêm lệnh cho nó bắn như mưa rào mà mình bảo còn chưa đủ mạnh, không hiểu thế là thế nào.

My Châu cười hồn nhiên:

- Thật đấy. Nỏ thần của vua cha mới là mạnh nhất thiên hạ. Đêm nay, vua cha lên thành cấm làm lễ rửa nỏ thần. Chỉ một mình vua cha...

Có trông thấy ánh đuốc rực từ trong cung ra ngoài chợ lên thành cấm đấy. Trọng Thủy vẫn nhớ câu Đô Nôi mắng hôm trước. Trọng Thủy thoáng đưa mắt nhìn xung quanh, "à" một tiếng khẽ rồi im lặng. Tầm đương ngồi hầu quạt, bỗng dừng để rơi chiếc quạt vả lông trĩ xuống lưng My Châu. My Châu quay lại, chau mày. Chợt gặp đôi mắt Tầm nhìn. Đôi mắt Tầm đăm đăm, lạ lùng, ngỡ ngác. My Châu lặng lẽ vuốt mép tà áo khép nép, e ngại. Phường hát Chu Diên lúc này lại trở lại. ... *Cỏ non gặm ngựa đá Con trẻ nghe nức cười Sao hôm đuổi sao mai... Bao giờ đuổi được sao mai...* Trọng Thủy chau mày, hất tay:

- Lại cái phường hát nhảm. Cho lui ngay!

Phường hát bật im, lùi ra. Nửa đêm, khách khứa đã thừa thốt ra về. Trọng Thủy và My Châu nhìn ra ngoài song, trăng sáng lồng lộng mặt nước. Chỉ còn có hai vợ chồng ngồi đấy. Trọng Thủy nói:

- Ngày trước, đã nghe nói vua cha có nỏ thần, thiêng lắm. Từ khi được làm con cái trong nhà, hằng năm đi hội rửa nỏ, thấy quân gia ta bắn giỏi thế,

cứ ngỡ đấy là những tay nỏ thần rồi.

My Châu nói:

- Không, nỏ thần trên thành cấm không ai được biết. Không ai được nói đến. Mình phải nhớ mà kiêng thế.

- À .. Đây chỉ có vợ chồng ta.

My Châu ngần ngơ hỏi:

- Có phải mình nghĩ điều tôi còn giấu mình là điều ấy?

Trọng Thủy cười, nói sang chuyện khác.

- Không, chỉ nghĩ tám côi đã yên, nỏ thần cũng được nghỉ ngơi rồi.

Cho nên mới có đám chơi gà. My Châu tủm tỉm gượng cười. Rồi hai người nhìn nhau, cùng tươi nét mặt. Ai biết được mỗi vẻ một niềm vui có chiều khác nhau. My Châu trở tay ra ngoài trời trăng sáng lồng lộng.

- Đố mình ngọn núi xanh xanh trong bóng trăng kia...

- Núi Ba Vì, tôi biết rồi.

- Không phải, núi Ba Vì bên kia sông, núi đây bên này sông. Sự tích núi Ba Vì cũng hay lắm. Nhưng phải gọi cái Tầm ra kể mới hay.

Trọng Thủy dăm dăm nhìn ngọn núi xanh đen, bóng cắt lên nền trời. Trọng Thủy mãi ngắm dáng núi đẹp. Lát sau, Trọng Thủy nói:

- Tôi cũng biết sự tích núi này rồi. Bao nhiêu năm nước dâng núi đổ cũng không ai còn nhớ, người đời chỉ kể lại chuyện người trai ở núi được My Nương thôi.

My Châu cười vui.

Rồi một hôm, My Châu đưa Trọng Thủy lên chơi thành cấm. Bọn gia nhân sửa soạn ngựa. Hai người đứng đợi ngoài hiên, nhìn mặt sông từ bến ra xa. Quanh nhà, dây hoa lý lá xanh hoa vàng hây, chỗ nào cũng thơm thơm phảng phất. Trong bụi trúc, đàn chim bạc má riu rít. Trên một cảnh

trúc gác ngang giữa rặng hoa, có đến mười mấy con vẹt mỏ đỏ tía. Vẹt đương đùa nghịch lộn lên lộn xuống, vẹt khoặt mỏ nghiêng khoanh trúc cột kẹt. Từ độ Trọng Thủy đánh chết hai con sáo, người hầu đã thả hết sáo, không dám nuôi sáo nữa. Chỉ còn lại vẹt. Mấy con vẹt thấy có người vào vườn, đẩy nhau chuyền ra đầu cãnh

- N hư tưởng người vẫn đưa chuối vào cho ăn.

Trọng Thủy ngẩng mặt ngắm nghía con vẹt lưng mỡ màng xanh biếc, mỏ đỏ thắm, mỏ tía. Bỗng cả đàn vẹt cùng kêu:

- Vẹt! Vẹt!

- Khách! Khách!

- Khách! Khách!

- Khách! Khách!

Trọng Thủy rùng mình. Trọng Thủy lia ngọn roi ngựa lên. Mấy con vẹt lặn xuống đất, giẫy đành đạch. My Châu ôm hai tay lên mặt. Trọng Thủy hét to:

- Đứa nào dạy những con vẹt nói nhảm thế?

Không có tiếng đáp. Chỉ thấy một người lính giữ ngựa lẳng lẳng bước ra. Như không trông thấy những con vẹt chết, người lính lúi lúi dắt hai con ngựa ra cổng. Lát sau, Trọng Thủy và My Châu thông dong sóng đôi ngựa. Mỗi lúc, trông thấy thành cấm sừng sừng ngang trên mắt. Trọng Thủy vẫn im từ nãy, mặt trắng nhệch

N hư hãi sợ, như giận dữ. My Châu cũng im lìm e ngại. Lát sau, My Châu chợt nhìn sang, thấy Trọng Thủy đã hớn hở trở tay ra trước mặt:

- Trông trên sông vui quá kìa.

Không biết Trọng Thủy đổi vui từ lúc nào. Nhưng thấy Trọng Thủy không ủ rũ nữa, My Châu cũng dịu dịu nổi bản khoăn. Nặng đã hoe trên ngọn tre. Ngoài sông, chiếc thuyền thúng xúc cá đang lơ lững quanh xoáy

nước. Mặt nước im sóng phẳng lì. Lác đác chiếc lá trang, lá súng tròn xoe, xanh rợn. Hoa súng cánh trắng, đài tím nở toé trên làn nước. Một con rùa nổi lên, bơi quanh chiếc hoa súng. Rồi con rùa đặt hai chân trước lên mặt chiếc lá trang, ngھn đầu nhìn về phía chân thành. Có hai bóng ngựa đường đi tới. Trọng Thủy xuống ngựa rồi quay lại đỡ My Châu xuống. Trọng Thủy vắt thừng cương vào chân tre, chiếc ngựa đứng lại đấy. My Châu đeo trên vai chiếc tay nải từ nhà mang đi. Hai người bước những bậc đá lên mặt thành. Bậc vòng quanh, mỗi lúc một gập ghềnh. Đường thành phía này đã bao năm mất lối đi. Cỏ tranh trở cao ngang đầu.

Mỗi bước, Trọng Thủy phải gạt cỏ rồi dắt My Châu lên. Có những chỗ rậm lòa xòa. Cả những bụi mây gai chẳng chặt. Đến một khuỷu đường nhô lên tảng đá to. Hai người ngồi nghỉ, nhìn ra ngoài kia. Trên sông, chiếc thuyền thúng xúc cá vẫn xoay quanh xoáy nước. Người ngồi thúng thả xuống những chiếc lờ buộc đá. Một chiếc lờ khác được nhắc lên. Trong lờ, con cá anh vũ hay cá chép không biết, trắng loáng quẫy thò đuôi ra ngoài. Người thả lờ quơ lấy, ném cá vào khoang rồi lại buông xuống chiếc lờ khác. Giữa đám lá trang phẳng lặng, con rùa ngھn đầu nhìn xa xa. Những cảnh đẹp mắt từ trên cao nhìn xuống đã làm hai người quên hẳn chuyện buồn vẫn vơ về những con vẹt bị đập chết lúc nãy. Một lát, My Châu níu tay áo Trọng Thủy:

- Này, cái gì ngoài sông.
- Có bọn chài đường thả lờ.
- Không, cái gì kia?
- Mình trông thấy thế nào?
- Có con rùa đường nhìn về phía ta, cái đầu nó lắc lư.

Trọng Thủy ngơ ngác:

- Không thấy gì cả.

My Châu nói thông thả:

- Có con rùa...

Trọng Thủy không trông ra sông nữa. Trọng Thủy quay mặt vào tường thành, buông một câu:

- Chẳng thấy gì đâu!

Hai người đã lại đứng dậy leo lên đến chỗ bậc đá. Bậc bậc càng cheo leo khúc khuỷu. Một bên mặt sông ánh lên trong bóng nắng. Một bên khoảng không. My Châu vẫn nhón nhác ngoái đầu lại. My Châu hỏi:

- Mình không trông thấy gì ngoài sông Cái à?

- Không.

- Con rùa vẫn nhìn chúng mình.

Trọng Thủy gắt:

- Không!

Giữa dòng nước, con rùa đặt cả hai chân trước lên mảnh lá trang. My Châu đứng im, nhìn ngẩn ngơ. Trọng Thủy kéo tay áo My Châu. Hai người lại cặm cúi bước lên bậc. Đã tới cổng thành. Cỏ tranh, cỏ gà rậm rì leo kín ngang lưng cánh cổng. My Châu đến đứng trước tảng đá to. Trong chân cỏ nhô lên một chiếc cọc đá. My Châu cúi, lạy mấy lạy, rồi lay cọc. Cạnh cọc đá nhích ra, trông thấy một cửa hang có bậc xuống. My Châu bước vào. Trọng Thủy nắm tay My Châu, nhảy theo. Hai người đến trước bậc thềm. Trên cao vượt ngang đầu, nỏ thần sừng sững án ngữ. Cổ nỏ thần bệ vệ giữa bệ đá, hùng vĩ lẫm liệt như một lực sĩ đương nhìn bao quát ra ngoài vạn dặm phương trời. Dòng sông cuộn cuộn qua dưới chân lực sĩ nỏ thần hiên ngang. Hai con vệt xanh biếc bay vào đậu đầu cánh nỏ. Trọng Thủy giật mình sửng sốt. Thấy người, vệt quay đầu lại, lơ lảo nhìn, rồi cất cánh bay lên. Trọng Thủy cúi xuống kêu khe khẽ:

- Trời ơi! Nỏ thần, nỏ thần...

My Châu đặt chiếc nải trên vai xuống thềm đá. Hai tay bốc ra từng ôm trầm hương. Khói xanh nghi ngút tỏa lên. My Châu ngồi xếp bằng cúi rạp

đầu, thành kính lặng yên trước thềm đá. Trọng Thủy trèo lên, áp mặt vào thân nỏ, tay vỗ vỗ, vui sướng đến mê đi, miệng vẫn lẩm nhẩm: Nỏ thần! Nỏ thần!

* * *

Vào quãng nửa đêm. Trăng thượng tuần ánh xuống sông. Con nước đương cử lên xoáy tròn một vùng lấp lánh xôn xao. Trọng Thủy bước thoăn thoắt. Bóng ngả dài, nhấp nhô trên mặt thành. Đã tới quãng bờ tường nhô ra. Nhìn xa, người đi như đương chênh vênh, lơ lửng ra ngoài trời. Những tảng mây lớn gối ngang trên mênh mông thăm thẳm. Mặt sông, tường thành, những cánh rừng bãi đêm khuya loang lổ ánh trăng, chỗ sáng rợn, chỗ tối mịt mù. Trọng Thủy rón rén bước lại phía cổ nỏ vẫn sừng sững vươn cao trên đầu người. Đến lúc trèo lên thềm đá bệ chân nỏ nhìn xuống, thoáng nghe dưới sông tiếng sóng ì oàm vỗ vào làn nước chợt đắm ánh trăng, thấy lạnh rợn lưng. Bỗng một người từ trong bệ đá nhảy ra. Bóng người giơ mũi giáo sáng loáng. Trọng Thủy thất kinh quỵ vội xuống, gục đầu kêu khe khẽ:

- Thần nỏ! Thần nỏ! Xin tha cho tội chết, xin...

Bóng đen quát:

- Quân bội nghĩa!

Trọng Thủy vùng lên:

- A, cái Tàm!

Rồi chồm tới. Chiếc giáo ở tay Tàm phóng tới đâm chệch vào bóng tối. Trọng Thủy hất Tàm ngã bâng ra ngoài khoảng không. Tiếng sóng và ánh trăng vẫn dào dạt dưới kia.

XI

Buổi trưa vàng nắng, lá trầu không chín vàng trên giàn, ấm áp lồng vào nhau. Những cánh bãi lúa đương gặt bên bờ sông. Tường thành cao lừng lừng đến cuối chân tre đầu bến. Trong khoang, chiếc thuyền nan chất đống những lượm lúa nếp đã được bó thành từng cụm xếp chồng lên nhau. Giữa khoảng lúa chín vàng rực, từng bọn người thông thả gặt. Những bàn tay cầm trong kẽ ngón mảnh liềm đồng xinh xẻo. Bông lúa được vít lại, lưỡi liềm khe tay nhô ra cắt nhanh. Bông lúa ngã lên ống tay áo. Làng làng từ khắp các cỗi về đến Kẻ Chủ đương vào mùa gặt. Những đống lúa đã cao thành cây vàng bạc giữa bãi. My Châu cùng các nàng hầu bơi thúng qua sông sang bãi gặt từ sáng sớm. Các thuyền thúng của công chúa và nàng hầu chen giữa những chiếc thúng chiếc nan các phường chở lúa tấp nập ra vào bến. Tiếng hát đối đáp rập rờn trong gió. Không phải ngày tết mà đầu bãi lúa nào cũng dựng lên một cây tre vòng còn. Những quả còn đuôi hoa dài điều, dài lụa vi vút bay. Bên kia có những cây đu chà, đu xe, đu tiên, chỗ nào cũng từng đám trai gái vừa buông tay gặt, tay dựng lều ở lại, đã ra đánh đu. Những ngày gặt hái no ấm cũng vui như ngày hội. Đến mùa được gặt, ngoài bãi còn nhộn nhịp hơn trong làng.

Mọi nhà ra bãi, làm lều ở ngay cạnh đống lúa. Khói thổi cơm gạo mới bốc thơm mù mịt, lẫn vào làn sương trắng mờ trải là là mặt cỏ. Tiếng chó sủa trắng những nhặng lắc rắc đến tận gà gáy. Bởi những đám hát suốt đêm. Sớm vừa ráo sương, người đã lúi húi giữa búi lúa. Trẻ con kéo lũ đi be bờ bắt cá trong những ao chuôm nước cạn. ở lều, các cụ ngồi chẻ tre đan bồ đựng thóc. Lại róc ra từng mớ lạt dang, sắp sẵn thập bánh chưng. Gặt xong, dọn dẹp trở về làng thì năm mới cũng vừa đến. Từ xa, đám bụi cuồn cuộn sau lưng con ngựa nhấp nhô. Một người phi ngựa từ hào thành qua cầu tre sang bãi. Trọng Thủy xuống ngựa. Con ngựa đương sức xoải chân, bị kèm

phắt lại, bỗng cong đuôi, hất đầu, hí một tiếng rồi sục mõm nhá rào rào đám lúa dưới móng. My Châu, ngẩng lên, hỏi:

- Mình ở nhà ra?

Trọng Thủy đáp:

- Không, đi hầu vua cha rồi sang ngay đây.

- Thế thì ta ở lại rồi cùng về. Bếp đã nhóm lửa. Ăn xong cũng xế trưa rồi.

Trọng Thủy thờ dãi:

- Không biết thế nào bây giờ!

My Châu ngơ ngác:

- Trông mình sao đáng mệt mỏi, buồn bã quá thế?

Trọng Thủy nói:

- Có người bên nhà vừa sang.

My Châu lo lắng:

- Mọi sự được bình yên thế nào...

Trọng Thủy nói:

- Tôi đã cứ máy mắt nóng ruột từ hôm phường Chu Diên hay phường Mi Linh đến hát sái, thế mà quả nhiên. Quân Hán đương tràn xuống phía nam, tình thế Phiên Ngung thật hiểm nghèo.

Rồi Trọng Thủy ngồi thừ không nói được nữa.

Chợt ngỡ ngàng nghe câu nói dối vừa thốt, tưởng đương ngồi nghe đứa nào nói. Tại thế nào lại nói thế. Ai nói... Trọng Thủy bồi hồi... Nhưng Trọng Thủy cũng không nói được câu nào khác nữa. Trọng Thủy chỉ ngồi yên, nhìn My Châu đã buông hẳn tay hái xuống, mắt rưng rưng. Trọng Thủy bước vào đám lúa, cầm tay My Châu. Bàn tay My Châu thơm ấm ngái mùi thóc nếp mới. Tay Trọng Thủy lạnh ngắt. My Châu nhắc dải yếm lau nước

mắt. Trọng Thủy nói:

- Tôi ở Kẻ Chủ thẩm thoát đã được mấy cái tết. Năm nào, đến mùa này tôi cũng cùng quân gia theo mình sang bãi gặt lúa. Trời sai khiến vậy, duyên nợ vợ chồng đưa đến hay làm sao mà đến.

Trời ơi! Trọng Thủy nhắm nghiền mắt lại.

- Biết làm thế nào, làm thế nào. Làm thế nào bây giờ?

My Châu xua tay:

- Mình đừng nói những câu gở miệng thế nữa. Ta phải tính chuyện về Phiên Ngung thăm nhà.

- Bảo tôi làm thế nào?

My Châu nói:

- Tôi cùng mình phải về.

Trọng Thủy bối rối:

- Không, không...

My Châu nước mắt lã chã. Trọng Thủy hốt nhiên không thấy My Châu đâu, không phải My Châu đương ngồi trước mặt. Không, không... Những tiếng vừa gặt, vừa hốt hoảng ấy đã đuổi My Châu trở lại, My Châu phải ở đây... Không, không... Cánh bãi gặt hái đương rộn ràng mà như trong lặng im. Chiếc thuyền thúng đầy lúa, một cánh chèo đẩy thuyền sang chân thành. Đàng gò cỏ, trong những hố đào vào bờ đất làm bếp, nòm rơm đã được thối lên, đặt chỗ ninh xôi, khói tuôn mù mịt một góc đồng. Các nơi ra gặt lúa thối nấu cạnh lều. Tiếng sáo vi vu đâu đấy. Tiếng cười rúc rích trong lúa. Những đàn chim gáy lượn tròn rồi sà xuống. Xa xa, một con chim gi cất tiếng gù gọi mái, rồi im. Trên bóng nước bỗng nổi lên những đốm chuyển vằn sáng lấp lánh một vùng tròn xoe. Có lúc đổi sắc như cầu vồng. Có lúc rực rỡ chói lọi như cả trăm chiếc chiêng được giơ cùng lúc. Đây là đàn chim công đương múa. Có đến hàng nghìn công múa. Đuôi công xòe tròn nong nia, cái nghiêng, cái đứng, cái ngả dài, tỏa biếc, tỏa tía, tỏa hồng...

Cánh đồng mênh mông vàng rượi từng làn lúa chín thơm sức nức. Nhưng lòng người thì đang nung nấu thảm thiết mọi nhẽ. Trọng Thủy nghĩ thế nào? Thế nào thì Trọng Thủy cũng đã làm trọn mọi điều cha đã căn dặn từ ngày ra đi. Nhưng mỗi khi, như giờ đây dường tưởng lại mấy năm trong thành ở Kẻ Chủ, bỗng dừng lại hoảng hốt. Trọng Thủy bó gối, gục mặt trong vạt áo. Làm thế nào bây giờ? Ờ nhỉ, mình sang gặt bãi này đã mấy mùa lúa rồi. Nhớ cái ngày ta vỡ bãi, lúc ấy ở đây còn lỗ chỗ toàn lúa ma. Cái năm mới cấy lần đầu, nước sông lên to, cấy xong lúa ngập một đầu một vói. Có năm, làm lều ngủ đêm trên bãi. Trời rét nhưng mà trăng sáng lắm. Bãi lúa này... ừ mà sao lại không nghỉ lại đây đêm nay, cho bọn quân hầu ở lại nhân thế! Đi hát với các lều của làng chạ cánh bãi cả đêm như mọi khi, như mọi năm. Không được, không được... Hay là về ngay bây giờ, về bây giờ... My Châu hỏi:

- Về ngay bây giờ à?

Trọng Thủy lẩn lộn nói sáng, nói tỉnh:

- Về Phiên Ngung.

- Cho em về với.

- Về đâu?

- Về Phiên Ngung mà. Trọng Thủy cười, mắt nổi vằn đỏ, lại đột ngột lên cơn thảng thốt. Trọng Thủy cuống cuống xốc My Châu lên vai, chạy ra chỗ con ngựa đang gặm lúa. Trọng Thủy đặt My Châu lên lưng ngựa rồi nhảy lên theo. Con ngựa lồng đi. My Châu, hai tay bưng mặt, khóc rưng rức. Thế rồi mấy hôm liền, Trọng Thủy lên cơn sốt mê man. Trọng Thủy nằm thiêm thiếp. Trận sốt đến suốt đêm, vẫn chưa lui. My Châu rón rén bưng bát cháo thuốc đến đầu giường. Trọng Thủy mở đôi mắt lơ lơ. My Châu ái ngại:

- Xin đừng quá nghĩ mà sinh bệnh.

Trọng Thủy hỏi:

- Mình vừa đi hầu vua cha về?

My Châu gật đầu. Trọng Thủy chống tay ngồi dậy, chăm chú:

- Vua cha dạy thế nào?

My Châu nói:

- Cha bảo nên về sớm. Có thế nào thì cho tin sang ngay.

Trọng Thủy hốt hoảng:

- Tôi không được về à? Tôi, tôi...

- Mình làm sao? Lại nói sáng rồi.

Trọng Thủy lăm bắm một mình:

- Chúng ta cùng về à?

My Châu lắc đầu:

- Không, cha bảo em ở lại.

Trọng Thủy thông thả thở dài, buồn thắm mà lại hồ như nhẹ nhàng:

- Một mình tôi về...

My Châu lã chã nước mắt:

- Mình ơi, mình phải về.

Trọng Thủy ngồi rũ đầu xuống gối một lúc. Rồi thẫn thờ:

- Tôi về. Lúc này còn ở với nhau, biết mai kia có còn gặp nhau.

Nói thế rồi Trọng Thủy lại hốt hoảng lên. Trọng Thủy lại ngỡ như ai vừa nói câu ấy, tiếng vang lại tai mình. Nhưng rồi ta sẽ gặp nhau, ta lại gặp nhau. My Châu rầu rĩ:

- Chỉ nói đại.

- Ta có còn gặp nhau. Ta lại gặp nhau.

- Không được nói đại.

- Tôi lo lắm.

- Mình hãy nghĩ ngơi cho thật lại người. Đường đất từ đây về còn bao

khó nhọc đồ giang.

Trọng Thủy thở dài:

- Không biết bây giờ ra thế nào.

My Châu không nghe ra Trọng Thủy nói gì. My Châu ngược mắt, nâng tay cầm bát thuốc:

- Mình cạn bát thuốc này.

Hai con vẹt xanh biếc bay vào, đầu ngất ngưỡng ngoài song cửa, kêu vẹt vẹt. Trọng Thủy nhắm nghiền mắt. Rồi Trọng Thủy uống một hơi hết bát thuốc, kéo vôi chiếc chăn ủ trên gối, trùm lên đầu. Giọng Trọng Thủy rên rĩ từ trong chăn ra:

- Đuổi con vẹt đi! Đuổi con vẹt đi!

Những tiếng "khách khách" tai ác, trêu chọc hôm trước của những con vẹt bỗng rợn trở lại. Tiếng con chim như tiếng ma, như nhát chổi hất Trọng Thủy ngã xuống. Nhưng hai con chim vẹt đã bay đi. Trọng Thủy bình tĩnh lại, lại nghĩ ngày mai trở về Phiên Ngung, rồi mơ màng đến khi gặp lại, làm thế nào gặp lại. Trọng Thủy nói:

- Mai sau ngộ thế nào thì làm sao tìm được nhau?

- Đã bảo đừng nói gở, nói giọng ma thế. Đừng hỏi nữa. Mình nằm nghỉ đi.

Trọng Thủy lại nói:

- Dầu chẳng bao giờ mong thế, nhưng lo.

My Châu bật cười:

- Lo làm gì cho đại người.

Trọng Thủy chép miệng:

- Có nhẽ cũng là đùa cợt nhả. Ta lo như chuyện lo xa của Sơn Tinh trên núi. Có lần Thủy Tinh đánh lên, vợ chồng Sơn Tinh gặp bước khốn cùng,

chạy lạc cả nhau. Nhưng nhờ có dặn dò trước nên tìm gặp lại nhau được. Chắc thế. Cứ lo xa thế cũng nên.

My Châu cười:

- Nhưng sau, chàng Thủy Tinh biết My Nương chẳng bao giờ có lòng về kẻ bề, từ ngày ấy không cất công dâng nước lên nữa. Không lo đâu.

Trọng Thủy cũng cười:

- Biết thế nào.

My Châu nhìn Trọng Thủy. My Châu đặt ngay ngăn lại tấm chăn lên gối Trọng Thủy. Trọng Thủy nhìn chằm, nói:

- Tấm chăn này vợ chồng ta vẫn đắp.

My Châu lặng im, vuốt những chiếc lông ngỗng trắng xòe quanh mép chăn.

- Rồi tôi trở về tìm mình...

My Châu giơ một góc chăn lộ xô lông ngỗng, nói như đùa như thực.

- Ừ, có cơn cứ làm sao, cứ tìm chăn thì thấy người.

Trọng Thủy cười:

- Biết chăn ở đâu mà tìm?

- Đi đâu em cũng mang theo.

- Làm thế nào tìm thấy đi đâu?

- Lông ngỗng này rắc xuống lối đi. Bao nhiêu chiếc lông ngỗng chỉ đường, tìm người ngoài nghìn dặm còn thấy.

Trọng Thủy kêu lên:

- Trời ơi, tấm chăn này...

My Châu râm rì như khấn khứa:

- Tấm chăn này... Mong khi gặp lại nhau, chăn không rơi một sợi lông

ngỗng, chẵn vẫn nguyên vẹn như lòng người thương nhớ. Mình nói thế đi.

Trọng Thủy cúi mặt, đứng lên. My Châu thở dài:

- Mình nói đi.

Trọng Thủy đứng trơ ra, không thốt nổi một câu. Trọng Thủy lão đảo, muốn ngã.

XII

Ba bố con Đô Nồi can vua Thục dừng cho Triệu Đà cầu hôn cho con không được, liền về Chiêm Trạch làm ruộng. Các ông Đinh Toán, Đinh Công Tuấn, anh em ông Phạm Chung, Phạm Túc, Phạm Hòa cũng bỏ đi cả. Họ Đinh ngược lên ngọn nước. Họ Phạm về Mi Linh. Đến khi Triệu Đà phát quân xâm lược, ba bố con Đô Nồi cùng người Chiêm Trạch lại lên thành Loa chống giặc. Đô Nồi cùng hai con là Đống và Vực đều chết trận. Gò đất to cạnh sông Đuống đầu làng Chiêm Trạch, đời sau gọi là gò Thánh Hóa. ... Cao Tứ, em Cao Lỗ, nghe tin quân Triệu tới, vội trở lại thành Loa, xông pha trận tiền, cản đường giặc cho vua Thục chạy. Cuối cùng, thế yếu, Cao Tứ gieo mình xuống sông Tô Lịch

(Truyện thuyết Hùng Vương-Hội Văn nghệ tỉnh Vĩnh Phú, 1981)

* * *

Những đàn ngựa, những cánh quân Triệu kéo đi bạt ngàn. Những ngọn giáo dựng sáng loáng trên đầu. Những cánh cung lủng liểng bên vai. Bao nhiêu bụi tre, bao nhiêu làng xóm bốc cháy. Người công con, người dắt trâu chạy. Một mũi tên bắn đuổi theo con trâu bần. Đám quân Triệu xô tới, xĩa giáo xiên ngã con trâu. Hoa gạo đỏ gắt rụng lổ chỗ, hoa tan tác đỏ, lẫn những vết máu suốt dọc đường. Quân trảy rối loạn cả với những đám người chạy trong lửa chạy trong lửa cháy làng ra.

- Đây đã đến đâu?
- Vào qua Vũ Ninh rồi.
- Gần Kẻ Chủ lắm, phải không?
- Đi tắt chỉ còn trong ngoài trống canh.

Tiếng quân reo vang. Quân Triệu miên man đi trong ánh lửa cháy các làng xóm. Cả đến những mảnh bè vó trên sông cũng bốc cháy cuồn cuộn. ở đầu làng kia, người chạy loạn đến đứng tụ ngoài bờ giếng. Chưa biết chạy đâu.

- Nghe nói nó còn tận xa.

- Đến nơi rồi đây này.

- Đau lòng chưa! Chỉ bởi chừng cả tin quá.

- Sao bảo con vua Triệu vào làm rể vua chủ thì thiên hạ thái bình!

- Vừa mới năm trước đi xem bao nhiêu lừa ngựa dẫn đồ cống của vua Triệu hàng năm tiến vua chủ. Năm trước đây thôi.

- Thế mới thâm.

- Chỉ có ông Cao Lỗ nói chẳng sai. Úy Đà nuốt xong Quế Lâm, Tượng Quận rồi nó nuốt đến ta. Thế mà quả nhiên.

- Giặc sang nhanh vậy, quân các cỗi có kịp biết mà về sớm không?

- Ố i trời ơi!

- Quạ vỗ tổ bay ngang sông nhiều quá. Đồng rừng to thế kia, cơ chừng giặc đến sau lưng mất rồi.

Vua Thục dừng ngựa trong đám quân tuần thành nhìn xuống. Từ ngoài các bến nước trước cổng thành, chen nhau người chạy vào. Từng đàn trâu bồng giữa đám người bối rối. Lại hàng đàn trâu đương bơi loạn giữa dòng. Đã mấy hôm xao xác như thế, từ khi có tin quân Triệu tràn tới. Thật lạ, thật ngỡ ngàng, mới nghe có tin báo. Vua Thục điềm nhiên hỏi lại:

- Giặc nào?

Ông lạc tướng vừa chạy tin về, run rẩy thưa:

- Ú y Đà đã phát quân phạm vào cỗi ta.

Vua Thục trở mắt nhìn ông lạc tướng:

- Quan quân nó áp tải đồ cống năm nay vừa mới về mà.

Ông lạc tướng càng run bắn người. Ngỡ như vua Thục nghe lạc tai. Không tin, vua chủ sắp hô lệnh đem chém ông. Nhưng vua Thục đã đứng phắt dậy, hai tay vụt ôm lên, như giằng hàm râu ra. Vua Thục thét to:

- Quân chó ngao phản trắc! Quân phản trắc! Nó quên mấy phen trốn chết năm xưa rồi.

Suốt đêm ấy, vua Thục trằn trọc. Những nông nổi ngoài mười năm qua cứ hiển hiện, đuổi mất giấc ngủ vua chủ. ánh trăng vắng vặc trong khuya. Mùi hoa mộc, hoa cau ngoài hiên đưa vào, thơm nhẹ. Mà sao không như mọi khi, chỉ thấy gây gây. Đêm nay mùi hoa cau khó chịu như hoa ngái. Thân phận Úy Đà chưa đáng đi bằng đầu gối đến lạy trước mặt ta, ta đã đối xử độ lượng, có lòng đến nhường ấy mà vẫn chưa mở mắt được cho nó. Thế là làm sao? Nghĩ vậy, bất giác vua Thục nhớ lời ruột gan của anh em Cao Lỗ, của bố con Nồi hàu, những người thân tín ngày trước. Vua Thục nhìn chăm chăm vào khoảng không. Quả là những người ấy, con mắt có tầm, cái biết cao hơn ta. Nhưng mà được, được. Ta đã tha chết cho mày. Ta đã lấy cái gương yên vui của thiên hạ làm điều răn dạy mày, lại xem mày như tình trong nhà, thế mà mày cam tâm đến cạn tàu ráo máng thế. Được, mày lại phải phen nữa máu chảy đến trôi cả khiên, mày lại được thế. Vua Thục nghẹn ngào uất lên, ngồi xuống. Phải gọi các tướng của ta về ngay. Bên cạnh ta với nỏ thần lúc này phải đông đủ những người đã từng cùng ta nằm gai nếm mật. Ta sẽ đãi mỗi ông một sừng rượu. Ta nói: các ông đã trông thấy trước có ngày Úy Đà lại đến chịu chết bên sông kia. Các ông đã nhìn xa hơn cả vạn dặm ngoài cửa bể. Xin các ông hãy cùng tôi cạn sừng này rồi ta lên lệnh chiêng. Ngay giữa khuya, vua Thục gọi quân thủ túc vào.

- Mời các ông họ Đinh về.

Ngựa tức khắc lên ngược. Thuyền lệnh xuôi sông Thiếp sang sông Lú ra cửa sông Cái, chèo như tên bắn đi tìm anh em các tướng họ Phạm.

- Ai biết tướng quân Cao Lỗ đâu?

Mọi người lắc đầu.

- Về Chiêm Trạch báo tin bố con Nồi hàu. Nhân thể hỏi anh em Cao Lỗ, ông Đô Nồi có thể biết.

Quân quan chia nhau đi ngay trong đêm.

Tiếng ngựa đã vắng xa, vua Thục mới chớp mắt. Những việc vừa thu xếp xong đã đưa được giấc ngủ chập chờn lại. Nhưng chỉ chốc lát, mồ canh lẫn trống trên thành đã nổi gấp gấp. Tiếng trống đồng rộn rã, tiếng trống sắp vào trận lại dựng vua Thục ngồi dậy. Ngay hôm ấy, vua chủ lên mặt thành sửa soạn, xem xét. Chưa bao giờ vua Thục cảm thấy nghiêm trọng với những đám chiêu, những quả quyết như lần này. Vua Thục vẫn đinh ninh một niềm tin mãnh liệt. Nhưng hễ chợt nghĩ đến lòng người "lá mặt lá trái khôn lường" nhường ấy, phút chốc vua Thục lại bàng hoàng, lại sửng sờ. Càng cảm giận đến rợn tóc gáy, vua Thục càng mải mê đôn đốc mọi mặt, từ các phường ra ven hào, ven sông. Vua Thục lên thành. Đoàn người ngựa đã từ thành nội tấp nập lên trấn cửa thành các phía. Một ông quan võ cười ngựa thối tù và mở đường, Từng hàng các cô nàng múa tay gõ công dẹp đám. Các ngã đường trong đám thành đã vắng tanh. Cây gạo rụng hoa trên bãi cỏ, mỗi chỗ đỏ sẫm như vũng máu khô. Các phường như các lều chợ, nhà nào cũng đóng cửa im ỉm. Mới mấy hôm trước còn những người ra đứng quanh khuôn giếng lấy nước xúm xít bàn tán với người quảy gông cỏ cho tàu ngựa, người chạy vỡ chợ về. Bây giờ đã mất bóng dàu. Chỉ độc thấy những đoàn quân rờn rã kéo lên thành. Những chiếc xe quệt trâu tải tên nỏ, những thốt voi lầm lì khênh thập xôi, tảng thịt trâu... Sau một dãy ngựa, đàn đi trước đàn đi sau vua chủ, có hai thốt voi, trên lưng xếp bề bộn mọi thứ" trầm hương, cảnh rượu, những gióng buộc một dây lợn sống. Lại cả chẵn, chiếu, đệm. Vua chủ đi đốc chiến ngày đêm ở luôn trên thành. Trên thềm bàn cờ quân đá cuội gọt đã được bày sẵn từ bao giờ. Có lẽ bàn cờ quân cờ ấy vẫn nguyên thế ở chỗ ấy, từ ngoài mười năm trước, những hôm vua Thục và Cao Lỗ ung dung đánh cờ nghĩ mưu đợi đánh giặc Triệu. Một ông quan hầu bước lại bàn cờ -có lẽ ông lạc tướng đương mơ lại những ngày đánh

giặc dữ dội mà thông dong năm xưa. Ông lạc tướng đánh bạo nói với vua Thục:

- Vua chủ cho mời đức ông Cao Lỗ về hầu cờ.

Vua Thục mỉm cười, ái ngại, ôm râu vuốt, gật đầu, toan nói: “Chưa có người hậu cờ là tại ta đây”. Nhưng vua Thục chỉ nói:

- Đã đi hỏi tin rồi.

Vua Thục ra lệnh:

- Nối chiêng hiệu lên xem các còi về đủ chưa.

Chiêng rền từng tiếng. Các mặt thành, gióng giả liên hồi chiêng. Quan lạc tướng lắng nghe rồi nói:

- Tiếng đáp lệnh chỗ đồn đập, chỗ còn thưa.

- Chốc lại nối chiêng nữa soát lại.

Ba hôm sau. Giữa trưa, một quan lạc tướng bỏ ngựa dưới tường thành hấp tấp chạy lên.

- Quân Triệu vít chặt bên kia sông rồi. Đông hơn ngày trước nhiều lắm.

Vua Thục nói:

- Chưa thấy quân ta báo về.

- Giặc Triệu chẳng theo đường cái xuống. Mà bỗng chốc òa ra khắp các ngã, chặn hết lối các còi.

- Tất phải có chim mồi dắt dất, giặc mới thuộc đường sá đến thế.

Vua Thục chợt cảm thấy đau nhói như gai đâm vào óc. Một điều cay đắng vụt tới. Vua Thục đã nghĩ ra. ừ, phải có đĩa trong tay dắt dất... Nhưng vua Thục lại trấn tĩnh ngay.

- Nỏ các phía lên chưa?

- Nỏ lên hết rồi, đông ngập mặt thành rồi. Hai ông quan nhớn nhác, thì

thào:

- Quái, nó ở đâu đến nhanh như chui dưới đất lên.
- Đã bảo có đũa dắt đất mà. Ông chui trong tay áo bao năm nay.
- Tôi lo lắm.

Vua Thục quát:

- Im ngay!

Hai ông quan xanh mắt, lúi xuống. Vua Thục gạt ngang cánh tay, ngược lên bệ nỏ thần rồi nói với tất cả hàng quan đã sẵn sàng quanh đây:

- Các ông đứng cạnh núi cao cất giấu khí thiêng trời đất mà không có mắt a?

Rồi vua Thục sụp lạy dưới bệ đá. Các quan quì xuống sau lưng vua chủ, trang nghiêm, uy nghi. Từng đám quân đội thúng đến đổ trầm, quế xuống đồng thơm đương khói nghi ngút tỏa qua mặt đám quân quan kính cẩn quì quanh bệ đá. Lớp này lui ra, lớp khác vào. Suốt mặt thành, mấy trăm lực sĩ đợi lượt lên kéo cánh nỏ đã tề tựu ăn ngũ ngay tại chỗ từ mấy hôm rồi. Người nào cũng vừa cởi phăng áo, chỉ đóng chiếc khố điều. Những cánh tay, những bắp vế để không mà cũng quăn quại như con trăn quăng mình. Trên ụ canh, các quan lên xuống, tin đưa liên tiếp, vang nổi lên tứ phía. Thuyền mảng trở sang tua tủa như gỗ trôi. Thành linh, từng bọn quân Triệu lộ ra kín mặt hào nước. Vua Thục vịn tay lên bậc bệ đá trên.

- Đốt trầm lên.

Tiếng cồng âm u trong khói trầm. Mọi người trên mặt thành lại phủ phục xuống. Một ông quan võ khiêng cảnh rượu, trèo lên đặt xuống trước thềm đá bệ nỏ thần rồi lại nhắc cảnh, khoan thai bước lên từng bậc. Hai tay nâng cao, ông nghiêng miệng cảnh. Rượu đổ ồng ộc, bắn tung tóe xuống lòng máng nỏ. Ông quan lạc tướng ngồi trên ụ canh trước mặt đứng dậy, bước lên một bậc thềm, xắn hai ống tay áo, đánh một hồi chiêng. Đôi hàng lực sĩ đã cúi khom khom như bò lên bậc đá. Rồi thoát chia hai cánh, đứng núp

dưới bóng bên cánh nỏ chĩa ra dài như hai cột đình cầu vút ngả xuống. Mỗi lực sĩ quì một bên gối. Ngót trăm tay từ từ giơ lên. Hai cánh nỏ uốn cong đưa lần từng dây nỏ vào mỏ lầy. Cánh nỏ xuống từ từ, mồ hôi nổi cục trên lưng, trên vai. Những con mắt đỏ dọc từng từng đến nổi như sắp lòi ra. Lần từng da trâu vừa lọt vào khe lầy, cả hai hàng người buông tay, ngã vật. Mà cánh tay vẫn cứ thẳng đơ, gân cứng như đũa, không co lại được. Toán lực sĩ khác chạy vào, rẽ hai bên chực sẵn. Những ống bương cháy nổ lệnh ran các thành. Vua Thục giơ ngược tay, phất ống tay áo. Tiếng cồng càng liên hồi, mãnh liệt. Vua Thục từ từ đặt tay vào giữa lầy nỏ. Hai đầu cánh nỏ bật vút. Tiếng từng da trâu căng ra réo như nước xối. Nhìn xuống lòng máng, những ống tên đồng vàng rực vẫn nằm yên dưới làn gió từng nỏ bật qua. Vua Thục rung mình lạnh suốt sống lưng. Nhìn lại lần nữa bộ nỏ thần nằm trên bệ. Hai cánh xoắn dài như con đại bàng đương bay qua bể.

Không có gì khác. Không thể như thế, không thể như thế. Năm năm, phường nỏ trên ngược vẫn về xem lại cánh nỏ, soi lại lòng máng. Phường đúc Hàm Hoan vẫn trảy ra gõ rìu soát từng ống tên đứng trong kho. Chỉ có một mình vua Thục ở cùng phường nỏ, phường đúc xem xét từng ly từng tí cho đến khi xong. Những việc tuyệt mật, trong thành ngoài nội không ai biết. Cửa thành cấm bao năm vẫn đóng im ỉm. Không ai tỏ tường mọi công việc vua chủ lo chăm chút cỗ nỏ thần. Cả mấy bờ tre, luồng mới kén ngâm được nửa cật. Hàng chục mảng ghép đem quần da trâu tách kẽ mà khít chặt. Hàng trăm trai tráng khoẻ mạnh đã phải mang tật suốt đời vì cật sức thử cánh nỏ. Thân, máng, lầy, như thế. Tuyệt nhiên, không suy suyễn. Tháng tháng, đầu tuần trăng, một mình ta vẫn tự đeo tay nải hương trầm lên dây. Chỉ có mỗi mình ta. Không, vẫn nguyên từ ngày đặt nỏ thần lên bệ, như thế này. Tiếng chiêng lại thúc. Một đợt chiêng vang, quân reo nổi cồn các phía. Hai hàng lực sĩ vươn tay lên kéo. Cánh nỏ bật ra réo đình tai giữa đám người vừa buông ra, kiệt sức, lả tả ngã xuống. Loạt tên đồng vẫn nằm tro trong lòng máng! Vua Triệu, mồ hôi đầm đìa mặt, hàm râu ướt đầm. Một quan lặc chạy lên:

- Ba ông họ Phạm đã về tới. Vua Thục ngược nhìn ra. Anh em Phạm

Chung, Phạm Túc, Phạm Hòa đã lừng lững đứng trước mặt. Khí thế uy nghi hệt như ngày trước. Các ông mặc áo nái điều, ngực quần giáp da trâu thuộc, tay cầm thanh đinh ba nhọn hoắt. Ba người cúi xuống:

- Chúng tôi đợi lệnh vua chủ.

Vua Thục kêu:

- Trời giúp ta rồi! Trời giúp ta rồi!

Tướng Phạm Hòa nói:

- Xin cho quân chúng tôi lên thành.

Vua Thục nói:

- Lên ngay, lên ngay. Cho người vào thay tay kéo nỏ đây.

Ba ông Phạm cùng bước ra. Mỗi người nâng tù và buộc nơi thắt lưng, ngửa mặt thổi từng hơi dài. Tiếng tù và uôm lên, vang vào vòm không. Đây là tiếng hiệu cho các toán quan vừa từ Mi Linh, Chi Diên kéo tới. Trên các đường thành vòng cung, cửa cuốn, nhấp nhô, cuồn cuộn bóng người, mũi đinh ba, mũi giáo, đầu cánh nỏ, ống nỏ. Các khe bắn nỏ đầu tường thành được lắp san sát, không còn một lỗ trống hốc. Một toán quân lên thành giữa. Các tướng em Phạm Túc, Phạm Hòa hăm hở xuống bậc đá, theo quân nhảy thoăn thoắt sang các mặt thành. Tướng cả Phạm Chung bước lại trước mặt vua chủ, giữa đám quan hầu vừa khiêng lại mấy cảnh rượu. Phạm Chung xắn tay áo, xách tai cảnh treo lên chót vót bệ đá cao nhất, đổ rượu vào giữa máng nỏ thần trên đỉnh, làm lễ rửa nỏ lần nữa. Lòng nỏ đồ sộ uốn cong như vòm cổng. Cảnh rượu đổ xuống, cả dãy tên đồng nằm chăm chăm, như một hàng cột ngả ngang, bỗng sáng lên, soi gương được. Xung quanh im phắc. Tất cả ngược nhìn tướng Phạm Chung khởi lễ rửa nỏ. Khói trầm bốc từng đám xanh thẫm. Hai hàng lực sĩ rạp xuống lạy lên cỗ nỏ, rồi vươn tay. Những thớ thịt cánh tay, các đường gân trên má, trên trán, quanh cổ nổi lên. Dây nỏ từ từ trữu xuống, vừa khớp được vào mép lẫy thì người buông tay lặn ra. Tiếng chiêng rền rền. Vua Thục vẫn đứng trên thềm đá, như lúc nãy. Vua Thục từ từ đặt tay vào máng lẫy. Gân tay vua chủ nổi cuồn

cuộn, mồ hôi hột hai bên thái dương rỏ giọt xuống, lã chã trên mặt đá. Cả khuôn mặt và cánh tay vua Thục đỏ thẫm, rồi trắng bạch... Cánh nỏ bật. Một luồng gió giật qua. Mọi người ngồi sụp xuống, rồi lại rùng rùng nhìn ngay lên. Cả dãy tên đồng vẫn nằm trơ trong lòng máng! Vua Thục gầm lên:

- Bắn nữa! Bắn! Chiêng lên! Chiêng lên!

Những lực sĩ kiệt sức lúc này còn lảo đảo quanh bệ đá. Hàng lực sĩ khác đã xô lên, tiến vào. Lại toán nữa liền theo, trèo qua những người nằm ngổn ngang. Tất cả đứng sẵn dưới cánh nỏ. Tiếng vua Thục ra từng lệnh vẫn rền như sấm:

- Đốt trầm! Đốt trầm! Khiêng cảnh rượu nữa! Chiêng lên! Chiêng!

Nỏ quân quan quanh thành bắn ra như mưa cũng không cản được đám quân Triệu nhốn nháo xô lên. Các chiến sĩ xông ra chặn, ngã trước mũi tên ngay chỗ ấy. Những người khác xĩa đinh ba tới tấp. Quân Triệu núp dưới vai đeo mộc lẫn vào. Những phát nỏ bắn ra, cắm trên mộc quân Triệu lửa tủa như lông nhím mọc. Cả người cầm mộc, người giữ thành, chết đổ xô lấp đường lên thành. Những toán quân Triệu ấy ngã, lại toán khác nhảy vào. Đột nhiên, một cánh quân áo chàm khăn chàm cùng tướng Đinh toán đổ xô tới. Những chiến sĩ ấy từ vùng rừng núi đầu nguồn đã rông rã ngày đêm về tới. Trông lên, quân Triệu đã vây thành chẳng chịt vòng trong vòng ngoài đen kịt như vãi đỗ. Trong đêm tối, đóm đuốc sao sa như con trăn lấp lánh vẩy sáng núc tròn quanh thành. Không còn lấp ló một ụ canh nào nữa. Đinh Toán hỏi Đinh Công Tuấn:

- Làm thế nào bây giờ?

Tuấn nói:

- Ta chỉ như hạt cát. Nhưng gió cuốn hạt cát lên sẽ thành núi cát.

Quân reo à à. Hai tướng họ Đinh đốc quân đánh thẳng vào quân Triệu. Đoàn quân như bơi giữa vòng sông máu, quân Triệu ngã ra. Tảng sáng, phá vây được tới đây, trông lại chỉ còn vài chục ngọn giáo và những cánh nỏ xơ xác. Đinh Công Tuấn đã nghim xuống chết chìm ở quãng xô xát nào. Vua

Thục ứa nước mắt, gọi to:

- Đinh Toán! Đinh Toán!

Quân Triệu đã đội lên được bao nhiêu quăng thành. Trận đánh giáo mác đâm ngập mắt, suốt lưng. Người chết chồng đống ngay cạnh các bờ tường. Những người bị văng ra ngoài sông. Có người cầm giáo xĩa trước mặt rồi ngã xuống đấy. Có người một tay giơ khiên che mình, một tay quơ cảnh rượt, đập như nện búa. Không lấp tên vào máng nỏ được nữa, cứ giơ thân nỏ mà quật. Có người quăng cả chiếc chiêng đồng vào quân Triệu.

* * *

Vua Thục lão đảo đứng dậy. Trong bóng tối, tên nỏ, gươm giáo xoang xoảng mù mịt trước mặt. Bỗng nghe một tiếng gọi to:

- Vua chủ! Vua chủ!

Vua Thục bừng mắt.

Quang cảnh bỗng lặng tờ. ở đâu, ta ở đâu, chứ không phải đương trong cuộc xô xát máu đỏ cuồn cuộn khắp các bậc thành. Sông Cái đỏ lừ mênh mang phẳng lặng. Những đóa hoa súng, đài tím, nở cánh trắng. Những chiếc lá trang xanh tròn xoe lát trên mặt nước. Con rùa khoan thai bơi quanh các khóm lá. Cao cao trên kia, chiếc chim bói cá đứng, ngấm xuống một xoáy nước. Vua Thục thanh thoi ngồi trên thuyền. Như năm nào đoàn thuyền ngự của vua chủ ra sông Thiếp, sông Lú. Đi rót nước đồng ở lò Chiêm Trạch. Đi theo phường săn... Vua Thục lại trông thấy hàng dài những đoàn người kéo đất, đội đất, bóng người cắt bóng lên mặt thành.

- Vua chủ cứ quá khen làm cho tôi nghĩ mà thẹn thay. Nhờ được người tám côi cùng một bụng. Không phân biệt ngôi thứ giường chiếu, các quan lạc cũng như người dắt ngựa. Thế thì việc khó đến thế nào chả xong.

- Có thành vững rồi, từ nay được ngủ yên.

- Tôi nghĩ chưa hết lo đâu.

- Ông bảo còn phải làm gì?

- Tôi nghe những người qua lại đất Triệu về nói bọn Úy Đà nuốt được Quế Lâm, Tượng Quận rồi. Bờ cõi ta vuông vắn nghìn dặm, thế nào chúng cũng đỏ mắt nhòm ngó.

Ngồi giữa thuyền, vua Thục thét to:

- Ông là ai? Ông có phải tướng quân Cao Lỗ không?

Người chèo thuyền không nói. Vua Thục bối rối:

- Có phải ông về cứu tôi sang sông?

Vua Thục kêu to:

- Cao Lỗ! Cao Lỗ!

Xung quanh mù mịt. Trời xám lẫn nước. Vua Thục nhắm nghiền mắt. Nghe mũi thuyền chạm vào mớ cát. Người chèo thuyền dắt tay vua Thục, bước lên bờ.

XIII

Nhất chiêu giang bắc động chinh bề Nam chữ đồ cùng thất mã tề Thiết bảo thủ tâm phi ngô phụ Truy mao hà diện cánh câu thê Song châu dị hóa làm lưu bạng Bách kiếm nam thù nhập hải tề Loa cáp thê lương hà xứ mịch Tà dương tước vũ Mộ sơn tề (Quá Mỹ Nương miếu, Cao Bá Quát 1809-1853) Một sớm bên bắc sông nổi trống trận Bãi bể nam nơi đường cùng ngựa thét lên Khi lấy trộm móng rùa lòng thực không có ý hại cha Đuổi theo vết lông ngỗng còn mặt nào đi tìm vợ Máu và nước dễ hóa làm đôi hạt châu trong bụng con trai Sừng vên tề đã xuống biển dù trăm nhất kiếm khó đền bù Đến nay sò ốc thê lương biết tìm nơi nào Chiều tà chỉ thấy công múa phía tây núi Mộ Dạ.

(Qua miếu Mỹ Nương. Bùi Hạnh Cẩn dịch nghĩa)

* * *

Tiếng ốc sôi sùng sục. Người ngựa quân Triệu vẫn chen nhau vượt lên, đầu giáo dựng ngược. Bỗng tiếng reo vang vang. Những tiếng chân rầm rập chuyển đất, lung lay lên cả ngàn tre. Ngựa quân Triệu dừng đứng chân. Một cỗ hơn mười thớt voi đương xông tới. Voi đầu, tướng Vực giơ búa, thúc thẳng vào. Voi sau, tướng Đống chém xả xuống hai bên mở đường máu. Quân Triệu giạt ra như sóng đánh. Nồi hầu phóng voi đến trước ngựa vua Thục.

- BỐ con tôi chịu tội với vua chủ, không sớm đến được. Bây giờ xin cho đánh giặc trước đã.

Nói xong, Nồi hầu quay phắt lại, thúc voi vào đám quân Triệu vừa tới. Tướng Đống, tướng Vực cùng các quân quan người Chiêm Trạch đã đương tung hoành vào giữa đám. Vua Thục cặp kiếm trong nách áo, hai tay vái về

phía ông Đô Nồi. Trận quần thảo với quân Triệu quây lại ngay trên bãi ngô bờ sông Lú. Đám ngựa quân Triệu đã đuổi sát đến sau lưng vua Thục, bị cánh quân Nồi hầu đến kịp hất lại. Những con voi chiến chồm đứng hai chân trước, xéo vào giữa đám người ngựa đương lồng chống giạt ra. Những chân voi cứ buông như chày giã gạo. Những vòi voi quơ ra, túm ra xa được cả những đứa mau chân chạy nhất. Vòi voi tung lên trời từng bọng, như những bó lúa. Những nhát búa quai sang hai bên sườn voi, gặt gẫy hàng loạt giáo. Quân Triệu bắn vào những chiếc khiên mây, cầm phàm phập, rung đuôi. Ông Đô Nồi giục voi thẳng vào giữa đám. Búa ông xả ngã tất cả những đứa cả gan ra cản.

Ông lại đập vỗ giục voi tiến xuống. Ông Đô Nồi chủ tâm đi tìm bắt Triệu Đà. Ông đã bàn như thế với hai con từ lúc cất quân. Hai tao trước, quân Triệu tan hết rồi lại vẫn còn ngóc đầu được, chỉ bởi Triệu Đà thoát chết nên mới gây hậu họa. Sáu quân hô một tiếng, hùng hổ trảy về Kê Chủ. Nhưng đến nơi thì thành đã vỡ. Trông vào chỉ thấy ngọn lửa cao ngang trời. Trên các dòng sông quanh thành, xác người, xe trâu xe la kéo, cung nỏ khiên giáo trôi bề bọng. Tưởng như có thể bước truyền qua sông được. Quân ông Đô Nồi lại lặn lội mò ra đường. Nhưng chỉ gặp quân Triệu đương đuổi theo vua Thục chạy về phía kẻ bể. Voi ông Đô Nồi tắt lên trước. Thế mà đến lúc nhô ra, lại phải quay vào. Vẫn quân Triệu rợp đường. Ông Đô Nồi bứt rút:

- Giặc đông thế này, vua chủ ta làm sao đi thoát được.

Tướng Vực nói:

- Nhưng chỉ có ta biết đường tắt qua vùng đồng trũng xuống kẻ bể. Phải vượt lên chặn đầu, may ra mới gặp được vua chủ ta.

Ông Đô Nồi ngược mặt lên. Trời khuya đen thẫm. Vòm sao nửa đêm sáng rộng. Ông Đô Nồi kêu to:

- Vua chủ ta! Vua chủ ta!

Tiếng thảm thiết, tiếng ai oán, lại như tiếng khóc rống. Ông Đô Nồi cứ kêu liên tiếp thế. Ông Đô Nồi đương đau đớn lắm. Một lúc sau, tướng Đống

mới dám thưa với bố:

- Thế nào ta cũng chặn được chúng nó.

Câu nói của người trẻ tuổi đã khiến được ông tỉnh lại. Đoàn quân lại trở đi. Rồi những con voi trận vượt lên trước, đã tới được quãng đường trở ra, toả lên trên ngã ba. Ngựa vua Thục đương chạy tới. Ba bố con ông Đô Nồi đánh ngược trở lại, ngăn làn sóng quân Triệu. Ngựa vua Thục chạy vượt lên. Bố con ông Đô Nồi càng thúc xuống. Quân Triệu chết chồng đồng, vẫn ùn ùn tới. Đến trưa hừng, máu đỏ chảy tràn một vùng đồi bãi. Quân Triệu càng tới đông đặc, đen nghịt. Đến lúc trông vào, không trông thấy voi tướng Đống, tướng Vực. Không thấy một bóng quân quan trai tráng Chiêm Trạch đâu nữa. Ông Đô Nồi thúc voi xả vào giữa đám quân Triệu. Con voi trận đã bị một loạt giáo xuyên vào tai. Voi chồm lên, quăng vòi, túm được cả bọn lính Triệu đương ngấp nghé giò giáo. Nhưng một loạt giáo khác đã đâm tới sau lưng. Con voi tung vòi, đập hậu hai chân, rồi quỵ xuống. Ông Đô Nồi giờ tay búa kêu to:

- Vua chủ! Vua chủ!

Rồi ngụp xuống. Lũ lượt bóng đen, bóng máu quân Triệu trèo qua.

* * *

Một vùng mênh mông suốt ra tận bể. Những dãy núi lồm nhồm sừng sững. Tiếng sóng ì oàm dội quanh tường không bao giờ dứt. Trần gian thăm thẳm, chỉ còn nghe có tiếng sóng. Vua Thục một ngựa phóng rạp xuống. Những cồn cát trắng liên tiếp nhấp nhô. Xa xa rồi gần lại, mồm núi Mộ Dạ đen sẫm lưng trời, chắn ngang ra tận mép bể. Vẫn một ngựa vua Thục băng chạy. Sau lưng, chiếc đu màu chàm buộc chặt vào yên. Mỵ Châu vắt tằm chắn lông ngỗng lên vai. Bốn phía trời đất xám ngấn ngắt. Chiếc ngựa bố con vua Thục tạt về phía tay mặt. Tiếng ốc lệnh của quân Triệu sôi lên, như đẩy giạt người ngựa trở lại. Sau lưng, tiếng reo hò lại càng sôi sục. Con ngựa lùi, dừng đứng hai chân trước, hí một hơi dài rồi ruổi đường phẳng phẳng theo. Một bên, miên man ào ào sóng vỗ cao ngất. Một bên rực trời

lửa cháy. Lô xô những bóng ngựa, những ngọn giáo dựng đứng. Quân Triệu rầm rầm lướt qua.

* * *

Trọng Thủy dừng ngựa. Đồng bãi hoang vu im lặng. Lác đác, những chiếc lông ngỗng trắng như hoa cỏ may bay. Chiếc đậu trên cát, chiếc bảng lảng rơi. Trọng Thủy hấp tấp giơ tay vớt. Những chiếc lông ngỗng như bóng mây lướt qua. Không nắm được. Trọng Thủy lại hăm hở thúc ngựa. Bốn phía sùng sục ốc lệnh quân Triệu.

* * *

Ngựa bố con vua Thục vẫn ngật ngưỡng chạy theo mép bể. Con sóng tung bọt trắng xóa lên tận lưng ngựa. Trong kia, những bờ tre cháy tuôn khói cuộn cuộn. Những bóng người rối loạn. Đoàn ngựa và bóng quân Triệu đen sì, giáo dựng tua tủa nhọn hoắt. Tiếng ốc inh ỏi, rùng rợn. Trước mặt, núi Mộ Dạ mỗi lúc một gần đến sầm mắt lại. Rồi núi đột ngột chắn ngang chân ngựa. Sóng bể trào lên lưng đá. Không một lối vượt qua được. Tiếng sóng. Tiếng hò hét. Tiếng ốc rúc. Vua Thục nháy xuống mặt cát. Vua Thục chống mũi kiếm, chấp tay nhìn ra. Mặt bể càng gào dữ dội. Trong cơn nguy, mặt vua chủ đỏ rực, vẫn trầm mặc, oai nghi. Vua Thục chấp tay, nói to:

- Thần Rùa! Thần Rùa! Giặc đuổi tôi đến bước đường cùng rồi. Thần Rùa cứu bố con tôi.

Mặt bể bỗng phẳng lặng. Một con rùa bơi lướt ra. Có phải vẫn con rùa ấy thường bơi nhón trên sông dưới chân thành với chim bói cá, với lá trang, lá súng. Những ngày xây thành rộn rã. Những năm hội rửa nỏ. Con rùa ngoảnh mặt trông cái hôm Mỵ Châu, Trọng Thủy lên thành cấm. Những mùa gặt hái đông vui đồng bãi ven sông. Rùa tha thần lượn quanh đóa hoa súng trắng muốt. Rùa ghéch đầu lên đám lá trang nhìn lên. Vua Thục chấp tay vái thần Rùa đương bơi tới. Tiếng vang trong nước:

- Giặc sau lưng nhà vua chứ đâu.

Vua Thục thoát quay đầu lại. Vua Thục vung gươm chém quanh một

vùng. Bốn bề chỉ nghe tiếng gươm bay vù vù trong tiếng sóng dào dạt. Vua Thục không thấy gì.

- Giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy kia.

Vua Thục rùng mình. Sắc mặt đương đỏ rực bỗng đen xám như chân sóng. Vua Thục quắc mắt nhìn My Châu. My Châu rụng rời hai tay, buông tằm chần lông ngỗng rơi xuống. Những cơn sóng thần kéo ngọn nước lên cao như đỉnh lũ. Vua Thục, My Châu. Lưỡi kiếm. Cái chần lông ngỗng. Và chiếc ngựa. Tất cả cuốn vào lòng bể.

* * *

Trọng Thủy vẫn mãi miết đuổi men theo bãi cát. Chiếc lông ngỗng trôi bập bênh trên mép nước. Những chiếc lông ngỗng bay lơ lửng trước mặt. Trọng Thủy lại giơ tay. Nhưng không thể bắt được những đốm trắng hững hờ như bông mây thấp thoáng. Trọng Thủy thúc ngựa lồng lên. Xa xa, ánh lửa sáng rực. Tiếng quân Triệu hò reo tới đâu, lửa lại dần dần viền suốt chân trời. Những ngọn giáo. Những bóng ngựa nhấp nhô. Trọng Thủy dường như không mảy may chạy dưới những chiếc lông ngỗng bay rải rác, lúc thấy trước mắt, lúc lại đâu đâu. Đến bãi cát chỗ ấy. Những vách đá chân núi dựng đứng. Từng đợt sóng từ ngoài bể cuốn cuộn xô vào. Sau lưng, lửa đốt làng vẫn ngùn ngụt. Những tiếng ốc lệnh rít róng. Trọng Thủy khiếp sợ. Bóng lửa ghê rợn. Tiếng ốc rít choáng tai. Con ngựa chồm lên. Đến gần nước, lại lùi lại. Trọng Thủy ngựa mặt lên trời:

- My Châu! My Châu ơi!

Rồi trở mắt nhìn ra bao la. Chiếc lông ngỗng rập rờn trên sóng ngoài kia. Nhưng với tay thế nào cũng không được. Những chiếc lông ngỗng lại xa đi, như không. Trọng Thủy rú lên:

- My Châu!

Rồi người ngựa chồm thẳng vào làn sóng vừa quật xuống.

XIV

Hơn hai năm sau. Trên bến Lú. Những cây gạo cổ thụ gốc lên vè sần sùi như gốc đa. Giữa tháng hai, hoa gạo đỏ cháy. Có phải sông Lú đến bây giờ mới đáng là sông lúa, sông thóc sông gạo, như người xưa khi đặt tên cho con sông mong ước. Những thúng, những thuyền ve vé bơi ra. Suốt dọc bãi, ruộng ngô, đồng khoai lang, khoai sọ, những bãi vùng, bãi lạt xanh mơn. Quanh nhà, cả trên mái các vạn chài neo sát bờ, những dây bí, dây bầu, dây gấc leo lên, bông quả xanh, quả đỏ lủng lẳng. Con chim tu hú bay qua. Tiếng chim báo hiệu quả vải chín và nắng mới đã về, lại mùa mưa rào sắp tới. Làng mạc hai bên sông san sát. Ngày trước với bây giờ, mỗi thì mỗi khác, nhưng vẫn làng ấy, phường ấy, đồng bãi ấy. Người ta dệt vải, đan lát, đan dó, đánh chảo, đánh lưới... Mọi nghề, mọi cách lo toan sinh nhai, mỗi ngày một đông đàn hơn trước kia. Điều ấy thật phải với công sức con người. Nhưng không hợp với cảnh đất nước lại bị gông đóng lần nữa. Hai bên sông Lú, mới hôm nào các làng sửa lễ rước trâu ra đất ra đồng, cây lúa cấy xuống, rồi mở hội. Từ những ngày mưa phùn, mưa dây mưa rợ, cho đến khi nắng mới, hoa xoan tím thơm ngan ngát quanh làng. Một tàu cau vàng chói rưng xuống. Bẹ hoa cau tõe ra, vàng hây, phảng phất hương cau cả vùng. Đâu đâu cũng mở gióng vật, đấu voi, đánh phết, đánh còn, hát xoan, hát mới, cả các lão bà, con gái, người nạ dòng, các chạ các làng đi hội.

Điều lạ lùng, cỗi nào cũng đồn đại phen này đàn bà các cỗi sắp nổi tướng. Chưa biết thế nào, nhưng nghe khắp nơi đã mở hội. Trông vào các bãi quanh làng trước bến Lú, những mái trúc, mái cọ, phen nửa, những chõng tre cật, những tấm phản, từng chiếc chiếu của các lão ông lão bà đương tất bật cất lên. Chỉ làm ngoãm mái bếp mà kỹ lưỡng như nhà mới. Rồi khuân ra nhan nhản nồi niêu bếp núc. Đầu gò cỏ, giữa cánh đồng cao,

các chân bãi đã được san phẳng phiu thành những giống vật, rào giậu cẩn thận. Ai ở đâu về hội cũng sà vào ngồi ăn uống, chỗ nào cũng tự nhiên như nhà mình. Những chõng mâm cỗ, bát đàn, bát uống nước chè tươi, sừng trâu và chén tướng uống rượu. Trên vách cài cây đèn, đĩa đèn... Cạnh những ông đầu rau, nhấp nhô một dãy vại, thạp, chum đựng gạo, đỗ. Lại dao, thớt, rá, rổ, nồi, vò, bình, xếp ra hàng khiên, hàng xấp. Chập tối, gió se se còn hơi lạnh. Những đồng củi sưởi um khói lên, lẫn với sương chiều buông thấp, giăng kín một vùng. Có làng dắt đến từng đàn bò, đàn dê. Lại còn vịt, còn ngỗng. Và cả phường săn ngày nào cũng khiêng hươu, nai, cả lợn rừng, gấu trong rừng về. Các vạ chài đội lên bờ những mẻ lưới cá trôi, cá trắm, cá anh vũ. Không biết nhà ai, mà nhà ai cũng ganh đua làm thế - người ta đặt ra các ngã ba ngã tư đường, những chiếc nông đại đựng cau tươi đã bổ sẵn, những xếp trầu không, bình vôi, cây vỏ đỏ sẫm. Có chỗ trầu đã tẽ ra miếng, cẩn thận đặt trong tàu lá chuối lót. Có chỗ để nguyên, người ăn cúi xuống nhặt, tẽ lấy.

Mùi trầu cau đầm ấm quyện khói hương đèn tỏa nồng nàn. Các làng hai bên bờ sông Lú đương rộn ràng vào hội. Tiếng sáo, tiếng kèn lá, cả đến cái kèn cọng rơm con trẻ cũng tíu tít chộn rộn như đàn chim ri vừa bay vừa kêu. Đông vui còn hơn cả làng xóm vào mùa gặt hái chuyển ra ở đồng bãi cho gần hạt thóc. Người ta đem khung dệt, cối giã nâu phơi vải. ống nước dựng hàng dãy. Những bếp cơm lam đã đỏ rực. Ăn vôi, còn đi xem ngay đây. Các giống vật đã dùng dùng nổi chiêng. Mấy đám trẻ đương xúm xít mãi chơi cờ chân chó dưới bãi cũng bỏ chạy lên. Ai cũng biết, nhưng ai cũng kín miệng. Hội này hội luyện quân to. Làng xóm nào cũng ra cả đám hội đấy. Độc có quân quan người Hán không biết. Quan Hán thủ thành các quận huyện chỉ biết tục lệ hằng năm làng nào cũng vào hội. Nhưng không chút nghi ngờ khác. Điều ấy cũng đúng sự thật. Hội các tướng ả, các tướng ông ngoài bãi đầu bến quần tụ cơ man là người. Toàn những tay đô, những cô gái son rỗi, tóc quăn ngược đỉnh đầu, vừa đi vừa chạy sầm sập như voi, như ngựa. Nhiều nơi từ xa tới. ả Xoan xưng tướng trên động Đại Man kéo hàng trăm người ở núi về hội hát. Từ khi người anh của ả Xoan, ông đầu họ

ở Đại Man, bị quan thái thú lừa gọi về Luy Lâu rồi giết đi, người Đại Man đã có ý khác. Mỗi thù của ả Bát Nàn ở Phương Lâu với quân Hán, cả đến người ngoài côi cũng đã rõ. Bởi đâu Bát Nàn tụ tập có đến hàng nghìn người về Phương Lâu võ bãi, làm quân. Cô Nàn xưa kia đẹp nước tiếng một vùng. Tiếng đồn đại đến Luy Lâu.

Quan thái thú Tô Định gọi bố Nàn về nói muốn đem con gái ông lão vào làm nàng hầu. Ông lão lắc đầu: con gái tôi có chồng rồi. Thái thú hỏi: chồng nó là ai? Rồi giết lão, giết cả Phạm Danh, chồng cô Nàn. Cô Nàn trốn xuống đất kẻ bể Tiên La. Rồi mộ người kéo về Phương Lâu. Hai chị em Ngọc Trinh đều bị quan thứ sử thành Mi Linh bắt làm thiếp. Chỉ có Ngọc Trinh thoát được về Lũng Ngòi. Bo nhiêu các ả khác. Nguyệt Diệu ở Lũ. Chị em Hà Liễu, Hà Tơ ở Thản. Phạt nguyệt, ả Lam trên ngọn sông Cái. ả Quế, ả Lã, ả Chúa Bầu...

Mấy năm nay, suốt các dọc sông, ngược đến các man động, đâu đâu cũng có các tướng ả ngấm ngầm nổi quân. Người các côi thấy hội, chẳng thể phân biệt chỗ quân tướng các ả kéo về. Thế nào bọn chim mồi quân Hán cũng có nghe ngóng. Nhưng không sao rõ được. Người đi hội cũng một bụng như quân thấy. Người đi hội cũng là quân ta. Ngay ở ngã ba sông Cái, có ả Đề với em là chàng Hác, lại các ả Lự, ả Nường, ả Nang, đưa cả nghìn người đến ở Mạc, ở Náng - ở những nơi khuất nẻo quanh năm đêm ngày tha hồ tập luyện. Trên bến, một gióng vật đương đông nghịt người xem. Khéo sao mà các tay đô hôm rày đều là các ả ở lò Thản, ở Lũ, ở Tiên La vùng bể. Ai cũng trầm trồ khen các đô nữ kẻ bể, bước ấn gót như chân tượng, nặng trình trịch tướng lún cả đất. Các đô nam bên Chu Diên, các lò ở Mi Linh mới vào gióng đã thua ngay. Cả bọn lui về lều nằm thẳng căng từ sáng. Đến phiên các ả đô ở Tiên La, ở Lũ, ở những lò toàn các ả đô, từ hôm vào gióng chưa thua keo nào. Người xem lại càng nô nức. Các ả đô kẻ bể Tiên La thật quả được như tiếng đồn. Chắp tay bước vào gióng, ngẩng mặt lên chừng chạc trình làng chạ. Cô nào cũng lưng cánh phản, ngực yếm cổ xẻ đầy như mâm xôi, cổ tay đeo đĩa vắt vẻo, tròn mà chắc như cuộn chảo quăng ra chỉ rình giựt ngã người ta. Lại đóng khố ba khố bảy, như đàn ông. Hai đầu

gối xuống tấn ngang như thạch bàn trên hai bắp chân thon thon. Lạ thay, suốt mấy lò nam, đến các tay sừng sỏ cũng chỉ cố vào đến "miếng tay tư", đã không chịu nổi cái lẳng giựt ngã chổng gọng.

Có đô lò đuổi đến nỗi mới vờn chạm tay các ả mà đã bỏ nhào. ở đám nào, các ả cũng tranh được hết các chức đô, chức xứ, chức dù, chức lực. Bao nhiêu giải vật, các ả lĩnh cả. Tiếng công vào vật âm vang xuống mặt nước. Người hai bên sông đổ lên bến, tíu tít, hối hả. Các nan, các thúng lao như thoi rúc tua tủa vào bờ. Đến các hội nỏ càng nghịt người. Nghề nỏ vốn được chuộng nhất trong phép võ. Từ thời trước vẫn thế. Các tay nỏ giỏi cả bắn bộ, bắn ngựa, bắn trúng đích tên cắm lên nhau một chuỗi dài như cây roi. Người xem càng mê mãi. Càng tấm tắc, vì các ả tay nỏ về đông vô kể. Có bãi toàn nỏ nữ. Một ả tay nỏ thoăn thoắt bước ra. Người mảnh khảnh như thanh trúc. Váy ngắn ngang gối. Tóc quấn tròn kín vành tai bằng chút khăn vuông. Nhắc cánh nỏ trên vai xuống, một tay nỏ trai cũng bước tới. Tay nam tay nữ cách nhau vài sải, nửa bàn chân trước cùng đặt chắm giữa bờ cỏ. Trai, nỏ ngang ngực. Gái nhắc lên cao, đỡ đuôi nỏ tựa má bên phải. Cánh nỏ, dây da trâu, nặng nhẹ đã được so bằng như nhau. Nhưng giơ nỏ khác nhau, trai tì ngực, gái kê lên má. Xa nghìn bước chân, những mũi tên vút ra liên tiếp theo cánh nỏ bật. Mũi trên người nọ cắm trúng lên đuôi tên người kia. Một làn tên rúc vào một chỗ, chốc lát, chắp thành chiếc giáo dài đâm giữa cây gỗ đích.

Mỗi khi mũi tên trúng đuôi tên, tiếng reo lại sôi lên từng đợt. Cả dưới sông, các vạn chài cũng vang động như cồn sóng. Bốn phía ầm ầm tiếng chiêng, tiếng trống các đám vật, đám đấu roi, đám thi nỏ. Lều lá gồi cột ngoãm cắm chi chít từ quanh bãi ra khắp đồi đất xung quanh. Phường thui trâu, thui lợn đã nhóm, khói um lên cao bằng ngọn tre. ở đầu bến, khuất giữa một lùm tre kín đáo, các tướng ả đương có cuộc hội quan trọng. Đàn voi nằm như gò nhấp nhô ra tận cửa rừng. Quản tượng vẫn ngồi trên bành, tay cầm ngang chiếc vò. Những con voi canh gác, lúc nào quản tượng cũng phấp phồng. Nhỡ có việc khẩn, cộp một vò hiệu xuống trán voi, cả trăm con voi trận cùng đứng lên. Nhắc trông chỉ thấy những lều lá lều rơm dựng tạm

lúp xúp trong chân tre. Như nơi trú chân của các chòm xóm xa về hội. Nhưng bên trong, quân tướng đã khuôn phép đâu ra đấy. Các ả Bát Nàn, Ngọc Trinh, Nguyệt Diệu, Hà Tơ, Hà Liễu, Quế Lan, Chúa Bầu đã về kịp. ả Lê Chân dưới đường bể. ả Thanh Thiên tận cửa Hợp Phố trên Nam Hải cũng tới. Ai nấy gọn con cón, thắt lưng bó que, váy quai cồng ngang đầu gối, bước xăm xăm, như vừa từ gióng vật ra. Mọi người nghiêm nghị, dăm dăm nhìn Trưng Trắc. Giữa bãi cỏ, Trưng Nhị bị trói, hai cánh khủy trần tay ghì vào một gốc tre đã phạt ngọn. Trưng Nhị cúi mặt, nước mắt ròng ròng. Trưng Trắc đứng dậy, đương cơn giận dữ, cầm cây giáo ngấp cả mũi xuống đất. Trưng Trắc nhìn các ả tướng đứng đôi bên:

- Việc quân chẳng phải trò đùa của trẻ trâu, ai cũng biết thế rồi.

Hai bên im phắc. Bàng hoàng, thảng thốt, Trưng Nhị ngẩng mặt lên, ghen ngào:

- Lay chị, tội em đáng chết. Em chỉ xin chị cho em được nói, rồi em chết mới nhắm mắt được.

Trưng Trắc lạnh lùng như không. Trưng Nhị vẫn giàn giụa nước mắt, đồng dục nói to:

- Nhưng mà cả năm mươi tên quan Hán chết hết rồi. Còn tên nào, voi đã tung xác tan xương ngay đấy. Tay em giết Ngụy Húc, chính tay em hạ nó. Mà chậm thì cũng chỉ nội đêm nay, hổ báo trong rừng kéo ra, tha hết xương thịt chúng nó đi. Bọn quân quan Hán ở Mi Linh còn biết dấu vết đâu.

Lời Trưng Nhị quả quyết, cứng cỏi. Xung quanh cứ lặng ngắt. Đạo ấy, các quận huyện khắp cõi, quân quan Hán đi đốc thúc nộp cống. Đã đến kỳ bộ Giao Chỉ phải đưa đồ triều cống về Tràng An. Năm nay gánh vác thật nặng nhọc. Năm voi trắng. Trăm con công đực múa. Với hàng nghìn trai tráng khỏe nhất đem đi làm lính. Lại thêm nghìn cân, nghìn nén hồ tiêu, hương đen hương trắng... Lại thợ khéo đúc trống, bắt cả phường đi. Từ Luy Lâu đến các thành, quân quan Hán tỏa khắp. Quan trấn thủ thành Mi Linh sai tướng Ngụy Húc xuống đốc thúc các làng hai bên sông Lú. Đâu đâu

cũng đã được tin dữ ấy. Không thể yên, không thể chịu được nữa. Chỉ còn đợi lệnh tướng bà Trưng Trắc thế nào. Voi trắng, chim công chưa nã đâu ra đủ, đã lại ra lệnh mới. Đồ tiến cống đi Tràng An hay nộp cho các quan thái thú, thứ sử ở đây. Không ai biết được. Nào lợn đen tuyền phải biện đủ cả trăm. Người lên rừng bóc quế. Người xuống bể làm muối. Nơi nào không đủ lệ thì xử giảo, xử chém. Có chỗ bêu đầu. Có chỗ họp người lại bắt đứng xem voi giăng xác. Mỗi năm một cơ khổ hơn. Người các nơi đi tha hương, trốn vào rừng ở. Đương giữa hội Trưng Trắc đã kịp sai Trưng Nhị lên dò la đường Ngụy Húc xuống. Trưng Nhị cho mấy người đưa thuyền ngược, giả làm phường chài, làm bọn người đi đón lúa. Quân Hán chặn thuyền lại, lấy thuyền sang sông. Sang được bờ bên này rồi, quân Hán giơ dao bắt những người chở thuyền phải bỏ thuyền lên đưa đường. Thế là đàn voi Trưng Nhị trong cửa rừng xông ra. Cả năm mươi tên quan quân Hán tan tành. Trưng Nhị vung búa đánh ngã tướng Ngụy Húc, rồi thúc voi xéo lên. Voi quật, voi xéo, cày xác người lẫn với cây đổ. Lá cây cũng lấp lánh dính mưa máu. Trưng Nhị ngước mắt, nhìn chị:

- Chị ơi!

Trưng Trắc nói:

- Bọn thủ thành Mi Linh đã biết Ngụy Húc đương xuống đây. Đẳng nào chúng nó cũng đi tìm. Thế là nhờ cả. Đã bảo việc quân không trò chơi trẻ trâu. Nay chỉ có một lệnh. Các ả đã biết.

Trưng Nhị kêu to:

- Cho em được chuộc tội. Chị ơi! Cho em...

Lúc ấy, tiếng chân ngựa bỗng rầm rập trước bãi. Mọi người cùng hốt hoảng nhìn ra mấy người đương hấp tấp xuống ngựa. Đặng Thi Bằng. Em lạc tướng Thi Sách, c hạy vào đầu tiên. Mọi người sửng sốt. Bởi cả đám người ngựa ấy, đến những cánh nỏ đeo lưng cũng đều xám đen. Không biết tại ám khói hay đây là máu khô. Đến tận nơi mới biết người nào cũng bê bết máu khắp mình. Vừa trông thấy Trưng Trắc, Thi Bằng sụp xuống. Một lúc

vẫn không ngẩng lên. Mấy người phải đến vực Thi Bằng dậy. Thi Bằng kêu to:

- Tô Định giết quan lạc tướng rồi.

Ở Vũ Ninh, ở Chu Diên cũng đương hội đám như ở Mi Linh đây. Bọn chim mồi đánh hơi được những điều khác mắt đã báo cáo việc tụ quân của Thi Sách với bọn quân quan Hán ở Luy Lâu - vốn chúng đã nghi quan lạc tướng từ lâu. Giữa đám chọi trâu ngoài thành Chu Diên, thành lính, quân Hán ập đến đâm chết Thi Sách đương đứng đánh trống thúc quân đấu. Tất cả người về hội, một vùng làng mạc đều bị giết chết hết. Chỉ còn Thi Bằng với mấy người thân tín chạy thoát được về đây. Bấy lâu, vợ chồng Trương Trắc cũng như bao người tâm huyết các cõi, đâu cũng ngày đêm lo công cuộc chống quân quan Hán. Thi Sách và Thi Bằng - hai anh em họ Đặng ở Chu Diên. Các quan người Hán thủ thành vẫn coi họ Đặng ấy như những quan làng làm mọi việc sai dịch. Nào đốc người đi đào mỏ đồng, bóc quế, nào săn bắn chim công, nào bẫy voi cho quận huyện lấy của nộp cống. Thi Sách ở bên Chu Diên. Chị em Trương Trắc vẫn ở lại quê Mi Linh. Tảng như mê mài đồng bãi, nông trang, quanh năm cặm cùi chẳng khác mọi người. Nhưng cứ đến tháng hai, các nơi lại thấy hội, tụ quân... Câu nói của Thi Sách với quân gia, các cõi nghe biết đều ngấm mà đau.

- Tần ở Hàm Dương. Hùng ở Phong Châu. Thục ở thành Loa lấy lưng đất kẻ chủ. So với Tần Hán, các vua chủ ta trước nay chẳng đời nào kém cạnh. Kịp khi phải Triệu Đà kiêm tính, vận nước nghiêng ngửa, nhà Hán mới nhân cơ hội xâm chiếm, bắt chia quận huyện, ta phải mang vạ mất nước từ đấy. Ai là người phải nhớ, trước bảo lại sau: nước ta không phải quận huyện nhà Hán. Nước ta có chủ, có vận hội, có kỷ cương ta. Người dòng dõi lạc tướng mưu lược ấy bây giờ bị quân Hán sát hại rồi.

Trong quân đương im, bỗng nhốn nháo lên. Ngọn giáo ở tay Trương Trắc rơi xuống lúc nào không biết. Các ả Chúa Bàu, Hà Tơ, Hà Liễu, Nguyệt Diệu bối rối rảo bước về chỗ quân đóng. Trương Trắc nói to:

- Các ả, các ả nghe lệnh tôi. Đêm nay về chiếm Mi Linh.

Trưng Nhị vẫn bị trói quì chơ vơ giữa nhốn nháo. Trưng Nhị hét to:

- Cởi trói cho tôi! Cởi trói cho tôi!

ả Bát Nàn bước tới, rút dao lưng cắt thừng trói Trưng Nhị. Trưng Nhị lật đật đến trước mặt Trưng Trắc, sụp xuống:

- Xin cho em được theo chị về làm cỏ giặc Hán ở Mi Linh.

Các đám hội bông hóa thành đoàn quân trẩy rầm rộ. Những voi ngựa, đoàn người cưỡi trâu, những xe trâu của các đám côm thi đã thành đội thối côm cho quân và những gông cỏ quấy theo cho ngựa cho voi. Giữa trưa mà dọc sông Lú bụi lậm lên như sương chiều bốc. Tang tảng sáng, đến chân thành. Các trạm canh trên thành tuyệt nhiên không hay biết. Đầu cầu qua hào đã bắc từ gà gáy. Như mọi sớm, người trong ngoài thành ra vào lấy nước, cắt cỏ, kiếm củi, trông thấy quân ta, thế là nhập bọn luôn. Quân Hán trong thành không kịp mở mắt. Các trại quân bốc cháy trong lúc chúng còn ngái ngủ.

Nỏ bắn xuyên lửa, người chết cắm trên giường. Trời dửng sáng. Làn sương mỏng phủ chân núi Ba Vì bên kia sông Cái loăng ra, cất cao lên. Khói nghi ngút trên khắp các vùng thành. Những con voi vẫn đương lồng lộn quăng quả, vớ những chiếc cột gỗ, cột đá, tung lên. Trưng Nhị thúc voi đến trước voi Trưng Trắc. Hai con voi chiến khắp mình vấy máu đen sẫm. Trưng Nhị cắp búa, chấp tay:

- Chúng em đã làm cỏ sạch bọn Hán trong thành này.

Trưng Nhị giàn giụa hai hàng nước mắt. Rồi suốt ngày đến tận đêm, trong ngoài thành Mi Linh đuốc đóm như sao sa. Các ngã ba ngã năm lửa củi rừng rực lẫn sáng trắng, đêm tỏ như ban ngày. Con cáo chạy qua lạch nước cũng trông rõ mồn một. Từng đám, mỗi người một bó đuốc, đi xoi mói các khe vách, gốc cây, bụi cây, hố cỏ. Xem có còn đứa nào trốn quanh quẩn. Người các làng ven nội cũng kéo vào. Tù và rúc ánh ỏi bốn phía. Tiếng hò hét suốt đêm. Có người chạy qua kể lại đằng kia tìm được một quân Hán núp trong hốc cây thị. Lôi ra, đã chết cứng. ánh đuốc, tiếng tù và,

người reo đã làm nó đứt hơi từ bao giờ. Vừa sáng, lại nghe các phía xung quanh dậy lên ầm ầm. Đây là người dọc các vùng ngoài sông nghe tin các tướng bà hợp quân về đánh Mi Linh. Cứ thế, các làng ủa theo những đoàn quân trẩy về phía ánh lửa cháy. Suốt đêm chạy bộ, ngựa voi bồn rầm rập. Tiếng reo không ngớt. Những toán quân nghĩa đã về tới. Quân ông Mệnh Đạo, quân ông út ở Ngọc Lũ. Anh em Nguyễn Trĩ, Nguyễn Lĩnh ở Hợp Lý. Ông Cả Công dưới Thanh Oai lên. Ông Lê Tuấn trên ngọn sông Cái đưa về mấy trăm con trâu, vừa trâu tải lương, vừa trâu trện. ánh lửa thiêng thành Mi Linh đã gọi về được cuộc hội quân to nhất. Các côi trông thấy nhau cả mừng, mới biết bây giờ cũng có người nổi lên. Trưng Trắc nói:

- Trăm côi nước ta đã bao lâu sa vào kế hiểm giặc Triệu rồi lại sang tay giặc Hán, trải mấy đời khổ nhục. Nhưng lòng người không ai quên việc quân, vẫn lấy cánh nổ mũi tên làm trọng. Chư ông đã biết quan lạc tướng ta phải thái thú Tô Định sát hại, cả vùng Châu diên bị đốt trụi. Thế là giặc biết được chí căm thù của ta rồi. Tôi thiết nghĩ nhân lúc này, cần tức khắc đánh Luy Lô, trừ sạch hậu họa mới được.

Mọi người đều reo lên:

- Cơ trời chính là lúc này đây.

Từ Mi Linh lên Vũ Ninh không phải đường sá chốc lát. Những cánh rừng tre trúc bạt ngàn, những ngọn sông ngọn suối trong núi đổ ra. Quảng đồng bãi người ở đều có thành lũy quân Hán. Phải diệt nhanh, không để một đứa nào thoát được về Luy Lô. Có phải cơ trời chính là đây. Đã bao năm, các quan Hán thủ thành quận huyện đều sợ tai nhớ câu nói của thái thú Tô Định:

“Ở đất nào có tên thổ hào ngỗ ngược thì quan thứ sử hăng bóp cổ nó. Có đám thổ hào càn rỡ thì ta đánh. Thổ hào cả bộ Giao Chỉ này bạo hành thì quân triều ta sang dẹp. Đây trông, thế ta như núi Thái Sơn, làm sao chúng nó dám ngóc cổ". Câu nói ngông cuồng đã làm cho các quan Hán ngược mặt lên cười hê hê như đười ươi giữ ống. Mọi việc phòng giữ quả có phần trễ tràng từ lâu. Các đạo quân từ Mi Linh đã tới bãi Trường Sa ngoài cửa

sông hát. Người, ngựa, voi, xe tải lương, giáo, đinh ba, tên nỏ đóng lại giữa vùng cát đỏ rực. Trưng Trắc hỏi:

- Quân ta phải tiến gấp lên. Quyết làm cỏ Luy Lâu, không để chúng nó kịp trở tay. Được không?

Mọi người cùng nói được. Trưng Trắc ra lệnh:

- Các tướng ông đưa quân đánh vào thành lũy quân Hán theo dọc chân núi. Không để một mống sống sót chạy về Luy Lâu báo trước. Các ả cùng tôi truy quân thẳng Luy Lâu.

Ông Mệnh Đạo rút dao lưng, giơ lên, cười to:

- Hay lắm! Hay lắm! Ta nhổ quân đi thôi.

Lễ tế cờ xuất quân giữa bãi cát. Một cây bương đã chặt ngọn cắm trên gò. Dưới chân cột, một con bồ nhìn mình vắn rơm, mặt gỗ bằng mảnh gỗ mộc. Mỗi đạo quân cả hai mươi một tướng cử đến một đội mười người. Mỗi chiến sĩ giơ nỏ thét:

- Tô Định! Mày phải chết!

Phát nỏ cắm giữa mặt bồ nhìn. Mười mũi tên quân cắm chắm chắm xung quanh chân tên nỏ tướng. Mặt Tô Định chi chít như lông nhím mọc dựng ngược. Trưng Trắc giương nỏ sau cùng:

- Tô Định! Mày phải chết!

Hai hàng nước mắt đổ ròng ròng. Tất cả các tướng nhổ quân cùng một lúc. Quân các tướng ông tiến ngược, tỏa như tên bắn vào vùng dọc chân núi. Các thành lũy quân Hán phòng giữ thế xa cho Luy Lâu đều đóng phía ấy. Vừa bắt đầu mùa nắng. Buổi sáng nắng chang chang. Giữa trưa ập đến cơn mưa rào kéo suốt đêm. Những cánh bãi ngập nước, lầy lội. Thấp thoáng, cái thuyền thúng, chiếc độc mộc qua lại như lá tre rụng có gió đưa quanh các đảo nhỏ nhấp nhô chơ vơ giữa đồng nước trắng. Quân các tướng ông thành linh ập vào lũy quân Hán trong đầm nước. Người làng kín đáo đã đưa thuyền ra chở quân. Voi, ngựa, trâu lội theo từng đàn. Quân Hán trên

thành bước xuống, giơ dùi đánh mõ tan canh. Bỗng dưng thấy một con voi đứng cao vòi vọi giữa sân. Tên quân canh vừa há miệng, một phát nỏ đã xuyên suốt sang gáy. Tiếng tù và đốc trận nổi lên. Cả đến các làng quanh vùng cũng vang động như vỡ con nước. Chốc lát, bao nhiêu quân Hán trong thành đã vùi giữa đồng lửa nhà sập. Dây thành cuối cùng quân Hán trên địa đầu Vũ Ninh trơ trọi giữa cánh đồng chiêm trũng. Liên miên, sầm sập những trận mưa rào suốt sáng. Nước còn lên nữa. Trời đất lẫn lộn trong màu trắng mờ. Những đàn voi chiến lầm lũi tiến trong mưa. Cả vùng dinh lũy bốc cháy. Trời vừa ngớt mưa, đã lại thấy lửa ngất trời. Đến nay, mấy chục thành cháy trụi, mà không bắt được một tên chim mồi nào. Tịnh chẳng thấy một tên. Ai cũng biết chắc có bọn chim mồi ở cùng với quân Hán. Thành nào cũng lúc nhúc những đứa đã giàu có. Chúng họ tích trữ làm của đem bán cho quân quan Hán tải về Tràng An. Hàng trăm trâu bò, cả chục con voi mới đổi được một tang trống. Của cải chúng nó nhiều lắm. Ở các thành lũy, xác giặc chất thành gò. Thế mà không nhận diện ra một đứa chim mồi. Các tướng đã lệnh bắt được phải xử bọn hình người dạ thú ấy mười mũi nỏ, mười mũi đinh ba, chết từng xéo...

Nhưng chẳng bắt được đứa nào. Dễ có khi chúng nó đã mặc áo lừng nhuộm cây, để răng trắng, mang giày cỏ bông. Chúng nó lộn kiếp thành người Hán rồi. Bói đâu cũng không thấy, thảo nào. Người các nơi kéo về theo quân, mỗi lúc một đông hơn. Trong các thành lũy vừa phá được, các làng, các phường, người gầy gò xương chui ra từ những túp lều lợp cỏ lau. Những liễn dưa muối với vừng, vại cà. Không thấy đâu một hạt gạo. Chỉ rất nồn cau bắp chuối thái ăn trừ bữa. Nhưng quân Hán chết rồi, người già, các mẹ bỗng bế cả trẻ con đi theo trai làng, theo quân kéo về đánh Luy Lâu. Trong khi ấy, ở Luy Lâu, cả vùng Vũ Ninh đương nhón nhác chạy giạt lung tung. Chưa ai biết đâu có những đạo quân tướng ả đương tiến đến. Người ta chạy giặc Hán. Khắp nơi, Vũ Ninh cũng như Mi Linh, quân Hán đương đi lùng các phường bầy công, săn voi. Lại bắt trai tráng cho quan thái thú lựa người cống về Tràng An. Con công, con bạch tượng phải nộp đủ. Phường săn trốn vào núi. Người trẻ chạy chớn mắt. Thế là cả vùng hoảng hốt. Trên

bãi cỏ rộng giữa thành, suốt ngày, thái thú Tô Định ngồi cầm trịch giữa hội đông người. Những bậc đá vây quanh một vùng đất hùm xuống, to bằng mấy cái giếng đất. Những giống gỗ nghiêng bắc thừa, chỉ vừa một người kéo lách nghiêng mới lọt. Dưới hầm đất nhốt một con hổ đen to gấp đôi con trâu mộng. Người lính Hán đưa một người trai tuyển ra giữa bãi. Tiếng trống khau nổi lên. Người lính Hán đẩy người trai kia chúi xuống khe gỗ. Con hổ đen đã đợi sẵn mồi, xông lên. Người bị hổ quật chết tươi lập tức. Ba tiếng trống khau nổi lên. Một người khác phải nhét xuống. Con hổ đen vồ đến. Người ấy nhanh chân nhảy thoát sang góc đằng sau. Con hổ đen quật đuôi, húc tới. Người ấy đã lừa lợi máu trong vuốt hổ. Ba tiếng trống khau lại nổi lên. Một người trai tuyển khác lại phải đẩy xuống hầm. Người này nhanh, hai lần hổ vồ đều trượt mồi. Con hổ đen quật đuôi, gầm lên, vọt tới. Người ấy nhảy như bay qua đầu hổ. Năm tiếng trống khau hồn dập. Người trai ba lần bị hổ vồ hụt bằng mình qua khe gỗ nấp hầm vọt lên mặt đất. Thoát được ba tiếng trống khau, ba lần hổ vồ trượt, thế là người nhanh nhẹn gan dạ ấy được đóng vào quân để đợi ngày đưa về Tràng An. Quá trưa, xác người chết ứ nơi lưng hầm. Mùi máu tanh làm đất bốc ngùn ngụt như khói.

Bọn quân Hán thả móc câu xuống hầm, kéo xác người lên. Xung quanh bãi đông người không một bóng ngấp nghé. Chỉ phía đằng xa có một đám người nhà những ai bị bắt đến đẩy xuống hầm, bấy giờ người ta mới lúi húi chạy lại, bốt đồng xác. ánh nắng gay gắt trên mặt tường thành oi bức, ngọt ngọt. Lại mưa rào. Những tiếng trống khau vẫn nhỏ giọt rợn người. Tiếng hổ gầm rung đất dưới gót chân. Một người quan hầu đến trước mặt thái thú Tô Định.

- Phía tây thành có đám khói lạ.

Tô Định đứng dậy, buông dùi. Không để ý chiếc trống khau mới giống có một tiếng. Dưới hầm đất, tiếng người rú trong tiếng hổ gầm xé mồi. Mặt trời đã gác xuống lưng núi Ba Vì. Khoảng không vàng rực các triền núi càng lơ xô xanh thẫm. Xa xa, một làn mây đục lờ, lan dài.

- Có người thành nào về báo không?

- Không.
- Mây hay khói đăng ấy?
- Sắp mưa đến nơi rồi.

Tô Định hạ lệnh đóng cổng thành. Chạng vạng, những đám lính phòng thành trông ra thấy như những đám mây đen nham nhở lừng lững đến ngoài bãi. Những trận mưa rào đầu mùa thường kéo cơn thấp như thế. Nhưng không thấy lạnh ngắt như lúc sắp mưa. Làn mây xám ngắt lặn đến cuộn cuộn. Bốn góc thành, tiếng ốc nổi đồn dập. Nhìn ra, quân Hán nhón nhác, run cầm cập. Đám mây đen từ chân trời cuốn lại, ấy là đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, những quân quan của các tướng ông, tướng ả với làn sóng người các làng bãi dọc đường ào theo. Thành Luy Lâu bị trói chặt lại. Quân tuần thành vừa thò lên, tên nỏ đã xuyên thủng đầu chết nằm ngựa. Không dám ló lên nữa. Mỗi lúc các đoàn quân bao vây lại bắn một loạt nỏ. Chập tối nhá nhem, quân Hán thập thò ra. Cả hàng trăm đứa chết lặn. Đã ngoài nửa tháng, thành Luy Lâu bị hãm. Không một bóng ra sông lấy được ống nước. Phía trại ngựa, ngày nào cũng thấy bốc khói. Phải thịt ăn cả ngựa. Nao núng lắm rồi. Đêm đến, quân Hán nhảy từ mặt thành xuống hào. Chạy chết hay nhảy tự vẫn, không biết. Một hôm, một đám quân dẫn vào mấy người đóng khố, trần trùng trực. Người vác đòn ống, người ôm cái nẹp gông cỏ. Người nào cũng lấm như vùi. Run rẩy bước không vững. Hai con mắt thao láo.

- Đám người này đương bơi qua hào ra. Sắp chết ngạt dưới bùn mới gặp được chúng tôi lôi lên.

Một người lù lù như cục bùn lập cập quì xuống.

- Chúng tôi ở ngoài thành, phải đi cắt cỏ ngựa cho quân Hán. Từ hôm ta vây thành, không về làng được.

Tướng ông Mệnh Đạo nhìn lũ người lấm lên tận tóc, nói:

- Bọn Hán quý quyết lắm.

Trưng Trắc hỏi lại:

- Ông bảo thế nào?

Ông Mệnh Đạo nói:

- Muốn biết bọn này là ta hay là Hán a? Lột truồng chúng nó ra, bắt xuống sông gột hết bùn. Người làng ta đều chân lấm tay bùn, còn đứa nào chân trắng, lưng trắng thì cứ việc đem chặt đầu. Có khó gì đâu.

Một ả tướng nói:

- Răng nó đen kia thôi.

Một tướng ông nói:

- Từ hôm ta vây thành, nó đã nhuộm xong hàm răng đen rồi. Làm như ông Mệnh Đạo nói ấy mà phải.

Bọn người gồng gánh ngấn ngò, dúm dó lại, ngồi đấy. Đợi đi. Đợi chết. Mặt cúi gằm. Trương Trắc nói:

- Mấy hôm nay, ta đã cho người làng mắc nạn trong thành được về. Thôi lũ này ta cũng sinh phúc cho. Cả nghìn giặc trên thành vẫn đợi chết kia. Ta cốt phan thây cho được giặc già Tô Định trong bọn ấy.

Đám người với cái gông cở, tất tưởi bước ra. Hôm sau. Tất cả các đạo quân đánh vào thành một lúc. Chỉ giáp bã trầu, những nhát rìu bổ xuống, rồi trâu húc, bốn cửa thành vỡ toang. Những tay nỏ lia khắp loạt như mưa. Những voi hoa lên như múa. Cả xác giặc, cả những cột nhà đương cháy, văng tứ tung. Trương Nhị cười voi đến. Đàn voi tung voi đồn đẩy bọn giặc Hán đương bước lui thoi một đám.

- Trình chi, quân tướng Tô Định ta bắt được tất cả đây.

Mấy chục quan Hán quỳ gục. Trương Trắc hỏi:

- Đứa nào là Tô Định?

Không ai ngược đầu. Tướng Mệnh Đạo quát:

- Cho chúng bay ngẩng mặt!

Các tướng Mệnh Đạo, anh em ông Nguyễn Trĩ, nhiều người đã tường mặt thái thú Tô Định. Mặt nó phị trắng, ba chòm râu ria dài ngang rốn. Nhưng không thấy ai dung nhan như thế. Mệnh Đạo quát:

- Giặc già Tô Định đâu?

Một quan Hán sụp xuống chân ông Mệnh Đạo:

- Thái thú Tô Định giả làm người cắt cỏ ngoài nội, bỏ trốn hôm qua rồi.

Trưng Trắc quay nhìn tướng Mệnh Đạo:

- Ông là người đã trông thấy bụng dạ bọn quý quyết. Chỉ vì tôi thấp cơ thua trí mà nó buột đi mất rồi.

Trưng Trắc, chấp tay, ngửa mặt lên, nước mắt giàn giụa:

- Thù chồng tôi chưa trả được.

Rồi ngã xuống, nức nở. Trưng Nhị chạy đến, nâng chị. Mệnh Đạo nói:

- Cho tôi đi đuổi bắt. Còn có thể kịp.

Trưng Nhị và Thi Bằng cùng xin đi. ả Thánh Thiên, ông Thuông Nhu nói:

- Chúng tôi là người ở Hợp Phố. Thế nào Tô Định cũng phải chạy về qua đấy. Chúng tôi thuộc đường, xin cho về đón đường nó.

Quân đuổi theo Tô Định ngay lúc ấy. Nhưng Tô Định không qua Hợp Phố mà chạy về Nam Hải. Các đạo quân ta đánh ngược lên. Chiếm hơn sáu mươi thành lũy cho tới cửa bể Hợp Phố. Mà không tìm thấy Tô Định. Một tháng sau. Mi Linh vào hội lớn. Chưa bao giờ đất Mi Linh được hội to đến như thế. Quanh thành, những dãy cây xoan, cây đề đương mùa rậm lá. Từng tầng lá xanh thẫm, người về hội tránh nắng tụ lại dưới bóng mát tán cây, trông như mở chợ. Quân tướng các nơi, các cỡi lặn lội tới. Vùng kẻ bể lên, các xách động trên nguồn sông xuống. Các núi, các ngọn nước ở Hoàng Nham, Khuất Liêu, Mai Sơn thường khi ra Lâm Tây đổi trâu bò, ngựa, gà voi, sừng tê, trầm hương, sáp ong lấy bát đĩa, thạp sành, cày đồng cày sắt,

muối... bây giờ cũng rửa nhau nô nức xuống hội Mi Linh. Suốt một dải từ bên kia núi Ngũ Lĩnh ra đến phía cửa bể Hợp Phố lũ lượt người kéo tới. Đất nước không còn bóng một tên quân Hán. Hàng trăm năm các cỗi mới lại được một khi vận hội thế này. Bao nhiêu tin về nỗi vui nỗi lo dồn dập đến một lúc. Có tin vua Hán đã bỏ ngục thái thú Tô Định, rồi đem đầy ra bãi hoang ngoài Trường thành. Lại có tin vua Hán quyết rửa cái thẹn quan thái thú phải cỡi giáp cắt râu đắp bùn lên người, chạy trốn. Vua Hán đã gọi quân các cỗi Quế Lâm, Linh Lăng, Thương Ngô, giao cho Phục Ba tướng quân Mã Viện lo liệu. Hàng vạn quân, hàng nghìn xe thuyền, bạt ngàn dân phu thủy bộ đã đợi sẵn. Mọi việc tiến quân, tướng Mã Viện đương gấp gấp sửa soạn. Một quân bộ kèm một dân phu. Quân thủy có cả vạn dân chài phải theo phục dịch. Phương nam xa xôi hiểm trở, việc quân phải kỹ lưỡng. Khinh xuất mảy may không được. Từ đời Ân, đời Tần, đã có gương tày liếp. Vua Ân chết tại trận.

Tướng Đồ Thư mất mạng. Lại đến thái thú Tô Định để nhục phải đến nhuộm răng, cắt râu mới thoát thân. Mã Viện đêm ngày suy tính, sắm sửa mọi mặt. Các quận huyện từ Quế Lâm lên Trường Sa, nộp thóc, đậu, cỏ khô, cả dê, lợn, rượu và đệm cỏ, giày cỏ, nón lá tích lại. Bao nhiêu dân phu bắt ra lập doanh trại, ngồi tụ đấy. Có lệnh thì khuôn vác trĩu theo. Tháng tư, trăng vắng vặc suốt đêm, trời Mi Linh. Khắp các bến dò ngang, dò dọc, người chen chân đổ về. Trên thành, ngoài bãi, khói thui trâu thui lợn, khói thổi cơm thi nghi ngút từng đám. Trai gái hát xoan, múa mồi, lên chiêng dâm đuống vui nhời canh trâu. Những đám đấu vật, đấu roi, ném còn, kéo co, đấu giáo, bắn nỏ. Hội đua tài cũng lại là hội quân trẩy. Trai gái đến hội khắp khởi mừng mong được vào quân ngũ. Những cây đu tung người tay đôi tay ba riu rít thướt tha hoa cà hoa cải. Khắp các dòng sông Cái, sông Lú, sông Thiếp nghìn nghịt thuyền mảng.

*Huỳnh dô Huỳnh dô Bái hồ là huỳnh Là hơi lên dô Bái hồ là huỳnh ở hơ ở hơ
Hầu chạ một mái Cắt dây kéo thuyền Huỳnh dô huỳnh dô Huỳnh dô huỳnh dô Là
huỳnh dô huỳnh...*

Mấy ngày đã qua, thì nỏ ngựa, nỏ bộ. Đêm nay, đến cuộc thi đấu roi ra quân. Những đồng lửa, những cây đình liệu khắp từ trong thành ra đã rừng rực cháy từ chập tối. Phía đồi đất quanh cánh đồng trũng đã được san một vùng viền phẳng. Người về xem đấu roi ngồi khắp từ chân ruộng lên đỉnh đồi. Tướng bà Trưng Trắc đứng giữa gióng, nói:

- Bờ cõi ta xưa rày vốn dài rộng ra đến ngoài Ngũ Lĩnh. Dưới chân Ngũ Lĩnh, hàng trăm năm trước, người xưa đã dựng lên vách đá thành Tần thành Việt, chỉ một người một ngựa đi lọt, rành rành như thế. Giặc Hán ngông cuồng đã phải bỏ chạy, phen này quyết không để giặc trở lại được. Tám cõi đã về đây ra quân ngày mai. Đêm nay vào hội đấu roi cho thiên hạ cả nước được nức lòng.

Những đội công khắp nơi đều lên tiếng một lượt. Tiếng công âm u như sấm động rền dài xa mãi. Rồi từng đợt trống đồng giọt xuống, tiếng đánh mà trầm, sôi nổi, dạt dào. Chốc chốc, một đoàn quân trẩy tới, hai bên đường rừng rực những cây đuốc giơ cao, trong tiếng người reo, tiếng hát, náo nức cực kỳ đến tận quanh bãi đấu. Các tướng đều vào tay roi. Tướng ả yếm cổ xẻ trần lưng, váy xắn, bước thoăn thoắt. Tướng ông, tay dài như tay vượn, quơ một lèo dựng ngang cây roi. Những ngọn roi va nhau chan chát. Ngọn roi chặn xuống, im phắc, rồi lại đột ngột vùng lên, như chớp giật. Cánh tay tướng ông nổi chảo. Cánh tay tướng bà trắng ngó cần, thoăn thoắt như cá lượn. Các đình đồi reo à à hơn sấm rền. Người khiêng cả những cây gỗ chất vào đồng lửa giữa bãi. Hàng chục tay đấu đứng một dãy hai hàng. Trưng Trắc đọ roi với ả Bát Nàn, ả Xoan với Mệnh Đạo. Ông Thi Bằng với ả Lan, ả Ngọc Trinh so với ông út ở Lũ. Anh em Nguyễn Trĩ, Nguyễn Lĩnh với chị em Hà Tơ, Hà Liễu, ả Phật Nguyệt ở Thản, ả Chúa Bầu với ông Cả Công ở Thanh Oai. Đô Dương ở Cửu Chân, ả Lê Chân ở Ninh Hải. Các tướng ông Thuông Nhu, tướng ả Thánh Thiên ở Hợp Phố. Tít đằng xa, các ông Trần Tuấn, ông Cao Minh, ả Nguyệt Doanh, ông Hùng Báo, ông Cả Lợi, ông Hai Lạ, ả Lự, ả Nường, ả Nang... Bao nhiêu cây roi rập rờn lên trong ánh lửa. Ngọn roi, thân roi gãy đôi, giập nát. Nhưng những bọc nhọ nôi đầu roi vẫn nguyên. Chưa ai đụng được vào ai. Các tay đấu lại hăm hở thay roi. Cho

đến nửa đêm, trống roi đã vơi quá nửa. Đám người xem, người đấu càng mãi mê. Đến sáng bạch, không còn một cây roi lành. Suốt bãi, các tướng ông, tướng ả mờ mờ lấp lánh trong ánh lửa đã nhạt vào buổi sáng mà vẫn phóng roi, vẫn ngang tầm nhau, ngang tài. Các hội chiêng khắp nơi vẫn vang tiếng mười hai chiêng. Suốt đêm đến sáng, đều một nhịp, không một lúc chùng tay.

Chiêng đồm, chiêng boong beng đánh đôi bốn tiếng vuông đều như bàn cờ. *Chiêng chót* nhảy vào như chim hót, *Chiêng khở* giòn hơn phách trúc. Cho đến trời sáng bạch, hội chiêng vẫn vững tiếng như lúc *chiêng đàm* đông đặc lên chiêng đầu tiên cầm nhịp. Ngay sáng hôm ấy, quân trẩy rầm rộ qua các cửa thành. Quân ta nhổ đi giữa các côi. Người tiễn quân như hội chợ. Từng xe cơm nén mo cau đưa đến cho người đi ăn đường. Mỗi người, tay lại cầm khẩu trầu mời. Đồng nhất, các đạo quân lên đường đi trấn côi xa. ả Lên Chân xuống miền bể Ninh Hải. Ông Đô Lương trở về Cửu Chân. Cửa Hợp Phố ngoài Ngũ Lĩnh, có quân ông Thuông Nhu, ả Thánh Thiên trở về. Lại có quân tướng Hác, người sông Cái, quân ông Cả Công miền Thanh Oai theo lên. Các làng đem dưa ra mời quân uống đi đường xa đỡ khát nước. Những quả dưa hấu lòng đỏ xạn cát mát ngọt như đường. Người Lý, người Đồng, người Dao ở hồ Động Đình, người Cật, người Linh, người Miêu ở Tam Miêu cũng xuống hội quân với các tướng ông, tướng ả đi giữa cửa bể Hợp Phố. Người đi, người tiễn. Những đạo quân trẩy giữa cả ngàn người từ bóng các dây cây xoan, cây đề lá xanh đậm xanh nhạt trong cổng thành ra. Người đi nửa ngày chưa qua hết. Tiếng hò hát, tiếng cồng, tiếng trống đồng vang khắp đồng bãi ra suốt mặt sông.

* * *

Trên khoảng đồi trông ra sông Cái. Những tàu lá cọ xòe như chiếc tán. Lá cọ đứng nắng, bóng mát xanh đọng thành vũng. Dưới kia, mặt nước cuộn cuộn phù sa đỏ rực. Hai bên quang cảnh mênh mang làng mạc trù phú. Đồi chè, đồi sơn như những bát úp xanh mượt.

Rừng cọ liên rừng mía suốt một dải. Những cánh nương đương vào đồng

trái màu xanh thâm lẫn với chân ruộng lúa nước khuất trong rộc. Bãi ngô, bãi khoai lang quanh từng nếp nhà sàn lừng, làng xóm quây quần chi chít. Trẻ con chơi nhởi, một đám đương bầy chim cuốc đem thui dưới rặng vải, rặng nhãn tròn tán như những cái nấm lùn. Mùi hoa cau thơm ngào ngạt. Cả rừng cau lửa tủa, thân thẳng vút lên như đan phen. Người trẩy hội tiền quân ở Mi Linh đương tản về các ngả. Một ông lão, nhác trông vẻ đã quá già, cánh tay trần nhăn nheo xù xì như vỏ gốc gạo. Nhưng không thể đoán được tuổi thọ của cố. Ông lão vẫn mạnh mẽ, vững chãi. Ông lão đi một mình. Không phải con cháu người theo người dắt, như mọi cố tuổi cao nhường ấy đã đuối sức. Ông lão đầu trọc, quần xắn móng lợn, chân đất. Tắm áo năm thân buộc dải, rộng ống -vải nâu vỏ dả lẫn màu đỏ son đường đôi. Ông lão chống gậy thông thả bước. Đến một tảng đá. Ông lão dựng chiếc gậy lên, ngồi nghỉ. Bờ tre gió dạt dào, ngả nghiêng. Dưới bến, mấy chiếc nan sang ngang trôi ve vế như những chiếc lá tre đuối nhau. Tiếng hát vời vợi sang sông theo con đò.

Khăn vương ai đội Khăn điều ai vắt vai Ai đi nhớ Về thương Ai thương ai nhớ Ai về ai nhớ ai thương

Lối bến vào qua dưới những vòm tre hun hút mát rượi. Bóng tre lẫn tăn xanh. Trai gái Mi Linh dưới đèn còn đương riu rít những chuyện đêm hội roi lúc gà gáy quân trẩy. Tiếng hát vương theo người vào mãi những con đường đất đỏ trong đôi khuất xa. Một người to lớn, lực lưỡng, đội chiếc nón bứa, quần buông lá tọa, đầu quấn vênh lẫn khăn chàm tai chó, bước chen trong đám. Người ấy quảy một gánh củi. Đầu bó củi đằng trước giắt chiếc riêu to. Đám người dưới bến vẫn rập riêu lên. Lại rộn ràng đám khác đi tới rồi đi qua. Người quảy củi đứng lại. Có lúc nhìn đăm đăm. Như trông thấy được tiếng hát cô Tầm ngày xưa đương theo đám trai gái cùng về. Người quảy củi khe khẽ thở dài -như buông cái mệt nhọc lên dốc ra, rồi đặt gánh củi cạnh tảng đá ông lão vừa ngồi. Người quảy củi vái chào rồi sôi nổi kể với ông lão:

- Suốt đêm xem đấu roi! Tuyệt trần! Tuyệt trần. Nghĩ người ta cũng nực

cười. Lúc chưa đi đâu thì chỉ biết có mình giỏi. Kịp khi học được mấy miếng võ hiểm của cố Ông Trọng, mới võ ra ngoài lò có người hơn mình. Đến lúc ra thiên hạ, thấy trong thiên hạ người tài không đếm xuể được. Xem các tướng ông, tướng ả đấu roi, cứ vừa xem vừa nhớ lại, lại cười thầm mình như thế.

Ông lão gật đầu ra vẻ chịu chuyện. Bỗng người quảy củi hỏi một câu dường như chẳng ăn nhập gì vào những chuyện đương nói:

- Vua chủ có còn nhớ cái khi vua tôi bàn mưu giết Đồ Thư ở Núi Trâu. Tồn thêm một con trâu mà phải tính lại mãi. Cũng mê mãi suốt đêm đấy.

Ông lão chậm rãi nói:

- Đến cái tuổi lão, mà lão cũng quên rồi. Còn nhớ gì nữa đâu!

Rồi ông lão im lặng. Một lúc, như chợt nghĩ thấy, lại nói:

- Miếng roi các tướng ra quân đêm qua, chứ ông nói phải, giỏi quá. Các tay nỏ bắn đôi cũng tài hơn ngày trước nhiều.

Người quảy củi chưa thấy ông lão bắt lời câu mình hỏi lúc nãy, lại sẽ sàng nói:

- Còn nhớ đã cùng cố Ông Trọng xem đất Kẻ Nhồi, Kẻ Vang.

- Lão không nhớ thế nào!

Người quảy củi nói:

- Trên đồi đá ong, cố Ông Trọng dặn ta việc xây thành, giữ thành...

Ông lão lắc đầu:

- Lão không phải Thục Phán đâu.

Người quảy củi nhìn ông lão:

- Vua chủ có còn nhớ Cao Lỗ không?

Ông lão tần ngần rồi gật đầu:

- Cũng may, lão vẫn còn nhớ chuyện ông Cao Lỗ xây thành. Nhưng mà cứ gì lão, đâu trong thiên hạ, ai chẳng thuộc chuyện Cao Lỗ xây thành Loa.

- Vua chủ còn nhớ tôi không?

- Vậy ông là ai?

- Tôi là Cao Lỗ đây.

Ông lão im lặng. Rồi nhìn mênh mông ra vùng đồi đất đỏ trước mặt.

- Cao Lỗ! Cao Lỗ! Ông là Cao Lỗ ư? Có nhẽ lão chưa được biết bao giờ. Hay là lão đã gặp ông mà lão không biết. ừ, ngày trước vua chủ đã qua lại bao lần đất Kẻ Nhồi, Kẻ Vang, thế mà phải đến khi cố Ông Trọng bảo cho mới nhìn ra được nơi thế hiểm. Thôi thôi, để có khi đã gặp nhau mà không biết cũng nên.

Rồi lặng im. Người quày cùi nhấc gánh, cúi chào ông lão, rồi cười ha hả, lại rong ruổi đi.

1982

www.doitynan.com